

KHUẤT NGUYÊN



SỞ TÙ



VĂN HỌC

KHUẤT NGUYÊN

SÓ' TÙ'

Người dịch và chủ thích

ĐÀO DUY ANH và NGUYỄN SĨ LÂM

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
HÀ NỘI — 1974

Dịch từ nguyên bản chữ Hán

KHUẤT NGUYÊN VÀ TÁC PHẨM CỦA ÔNG

Cũng như Kinh Thi, « Sở từ » với giá trị hiền nhiên của nó, từ lâu vẫn được công nhận là đỉnh cao của thơ ca cổ đại Trung-quốc. Nhưng so với Kinh Thi, Sở từ đạt tới bước phát triển rất lớn về mặt chủ đề cũng như về mặt nghệ thuật thể hiện, nhất là về sử dụng từ ngữ cũng hết sức đẹp đẽ và phong phú. Chính vì vậy với tư cách là một thể loại văn học mới, Sở từ xuất hiện vào thế kỷ thứ 4 trước công nguyên ở nước Sở (nam Trung-quốc) ngay tức khắc rời sáng thi đàn thời ấy và họ tên của Khuất Nguyên – người sáng tạo thể loại đã được coi là nhà thơ vĩ đại đầu tiên trên lịch sử Văn học Trung-quốc.

Thời đại Khuất Nguyên sống (390-278 trước công nguyên) được mệnh danh là « Chiên Quốc »

khi 12 nước lớn thời Xuân Thu đã hợp thành 7 nước lớn giành giật quyền binh từ tay nhau, nhằm thống nhất Trung-quốc. Lúc bấy giờ nước Sở - tờ quốc của Khuất Nguyên từng là xứ sở hùng mạnh đang bước vào thời kỳ suy vong. Khuất Nguyên - nhà tư tưởng và chính trị lớn đương thời tuy được Sở Hoài vương trọng dụng phong làm tá đắc (một chức quan gần gũi nhà vua) nhưng các chủ trương cải cách chính trị của ông ngày một mâu thuẫn với quyền lợi của các đại thần trong triều. Bọn chung gồm thương quan đại phu Càn Thương, lệnh doãn Từ Lan, tư mã Tử Tiêu, nam hậu của Hoài Vương Trịnh Tu... lập mưu gièm pha Khuất Nguyên một cách hiềm độc. Hoài vương nghe mâu và bắt lực dồn dần xa lánh Khuất Nguyên, thậm chí còn bắt ông đem đi đày. Trải hơn 20 năm phiêu bạt, Khuất Nguyên một mực trung thành với lý tưởng của mình, không hề khoan nhượng, thỏa hiệp với tập đoàn thống trị hù bại. Ông cũng không bao giờ xa rời tờ quốc nước Sở, ngược lại ông ngày một quan tâm đến cuộc sống, nội khứ và nguyện vọng của nhân dân xứ sở. Và lời nói qua thơ ca của ông cũng ngày một vang lên mạnh mẽ:

Chỉ thở dài mà gạt lệ a
Thương nhân dân còn khóc nhiều
(Ly tao)

Muốn vùng dậy mà chạy vung a
Thấy khóc dân mà phải lặng
(Trùu tư)

Hoàng thiên mệnh chẳng chắc a
Đè trăm họ phải điêu tàn
Dân ly tán mà lạc nhau a
Chạy sang Đông tháng trọng xuân
(Ai sinh)

Có thể nói Khuất Nguyên không bao giờ viết như
một người đứng ngoài quan sát lạnh lùng mà như
một ca sĩ giàu lòng yêu nước, ông hát với tình cảm
sâu sắc toát lên từ đáy lòng. Đối với ông nỗi
khóc đau của đất nước và nhân dân cũng chính
là nỗi bất hạnh của mình. Và sự phồn vinh của
đất nước, hạnh phúc của nhân dân cũng chính
là hạnh phúc của riêng ông. Cho đến khi chết
ông vẫn trung thành với lòng tin yêu ấy. Chính
ông đã mở ra con đường của chủ nghĩa yêu
nước trong sáng tác nghệ thuật của các nhà thơ

Trung-quốc từ bao nhiêu thế kỷ nay, khiến ông trở thành nhà thơ vĩ đại đầu tiên được cả nhân dân Trung-quốc suốt 2.000 năm qua luôn luôn thương nhớ. Hàng năm cứ dến ngày 5 tháng 5 thường truyền là ngày nhà thơ yêu nước Khuất Nguyên tự vẫn trên dòng Mich la, thuộc tỉnh Hồ-nam bây giờ, nhân dân khắp nơi lại bơi thuyền rồng trên sông, ăn bánh gói lá rồi ném bánh xuống sông, mong giao long ăn bánh mà chờ có ria xác Khuất Nguyên.

Về các sáng tác của Khuất Nguyên, theo sử liệu của Tú mā Thiên cũng như của các nhà nghiên cứu Sở từ sớm nhất vào thời Hán là Lưu Huống, Vương Đạt và các nhà nghiên cứu hiện đại như Quách mặt Nhược, Mã mâu Nguyên..., tuy có nhiều dự đoán khác nhau về thời gian, song nói chung đều thiên về ý kiến cho rằng những tác phẩm chính của Khuất Nguyên phần lớn được viết sau khi Khuất Nguyên bị vương triều ruồng bỏ. Như « Ly tao », « Cửu chương », « Cửu ca », « Thiên văn »... Riêng trong « Cửu chương » tuy có một số bài thuộc các tác phẩm sáng tác ở thời gian đầu, nhưng phần lớn vẫn là những bài viết vào lúc cuối đời của nhà thơ yêu nước. Về khối lượng tác phẩm, cũng theo tư liệu trong « Hán thư, Nghệ Văn chí » « Sở từ chương

cử » của Vương Đạt, « Sở từ tập chú » của Chu Hi, « Sử ký, liệt truyện Khuất Nguyên »... có thể khẳng định: Khuất Nguyên đã viết tới 23 trước tác nói tiếng bao quát một phạm vi nội dung phong phú. Đó là thiên « Quất tụng » xinh xắn, giản dị, « Cửu ca » tươi tắn và linh hoạt, « Thiên văn » hùng tráng và kỳ lạ, « Ly tao » cùng phần lớn của « Cửu ca » sôi sục như mưa giông, chớp giật, vừa huy hoàng rực rỡ lại vừa cộp động sâu lắng. Tất cả những sáng tác ấy đều được viết trong mối quan hệ hữu cơ với sự phát triển của xã hội, phản ánh sâu sắc mối xung đột to lớn của lịch sử xã hội, tinh thần chính nghĩa bị chèn ép, số phận đau thương của đất nước và tinh thần cao thượng ôm áp lý tưởng nhưng bị dày vò không có lối thoát đến trở thành d่าน vặt, đau khổ. Có thể nói ngòi bút của ông là ngòi bút của nhà tư tưởng chân chính đã vạch ra ý đồ của xã hội đương thời bằng nhiệt tình mạnh mẽ, đồng thời với nhạy cảm của nhà nghệ thuật vĩ đại, ông phơi bày không thương tiếc những mâu thuẫn trong đời sống xã hội.

Như mọi người đều biết, đặc điểm của thời đại Khuất Nguyên là cuộc đấu tranh giữa « thát hùng » nhằm giành quyền thống trị ngày càng trở nên gay

gắt, diễn biến thành những cuộc chiến tranh khốc liệt, kéo dài. Chủ đề đó đã được đề cập trong tác phẩm của Khuất Nguyên - « Quốc thương ». Ở đây bằng nhiệt tình sôi nổi, nồng bồng, ông ca ngợi khí phách hiên ngang, tinh thần dũng cảm của các anh hùng, chiến sĩ yêu nước hy sinh trên chiến trận. Đặc biệt là tác phẩm tiêu biểu « Ly tao » xuất hiện với chiều dài 373 câu, 2473 chữ là thiên « trường ca » đầu tiên lớn nhất trên lịch sử văn học Trung-quốc. Mẫu Nguyên gọi đây là « ngọn hải đăng rực rỡ, rọi sáng con đường phát triển của thơ ca Trung-quốc từ 2.000 năm nay.

Thật vậy, « Ly tao » với tinh thần dân sâu sắc của nó thể hiện một cách chân thực số phận, thái độ chính trị, lòng căm giận, tinh thần kiên quyết không chịu thỏa hiệp và lòng yêu nước nồng nàn của tác giả, qua đó nói lên thái độ, yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân nước Sở sống dưới ách thống trị, bóc lột nặng nề của vương triều nước Sở đang ngày một suy đần. Hơn nữa tinh thần dân của tác phẩm này còn được biểu lộ ở chỗ nhà thơ đã tố cáo một cách sắc bén cuộc sống xa hoa, bon chen, già dỗi, bệnh hoạn của các triều thần, chỉ ra nền chính trị hủ bại của vương triều nước Sở đi ngược lợi ích của nhân dân.

Để so sánh, nhà thơ giàu tài năng này đã tìm về những trang đẹp nhất trên lịch sử Trung-quốc, miêu tả sinh động các thời đại của của vua Nghiêu, vua Thuấn trong truyền thuyết thần thoại. Đó đó trong sáng tác của mình nhà thơ đã làm hòa hợp thành một khôi việc lý tưởng hóa lịch sử trước kia với những cảnh tượng suy tưởng và thần thoại khiến tác phẩm « có tầm bao quát rộng lớn này phản ánh một cách huy hoàng tình cảm của nhân loại. Một khác tác phẩm « Ly tao » còn nói lên những thè nghiệm sâu sắc trong đời sống của nhà thơ, đạt tới mẫu mực của tác phẩm thơ tự truyện, trữ tình tuyệt mỹ, diễn tả toàn bộ thân thể sự nghiệp, tình cảm và hoài bão chính trị & tri quốc, tu thân » của bản thân nhà thơ.

Những người nghiên cứu « Sở từ » đời sau thường nói: « Ở cương vị nhà chính trị Khuất Nguyên là một nhà thơ nhiệt thành nhưng trên cương vị nhà thơ Khuất Nguyên lại bộc lộ rõ khuynh hướng chính trị của mình ». Theo ông « tri quốc » và « tu thân » chỉ là một. Đọc « Ly tao », người xem có thè dễ dàng nhận thấy hầu như trong toàn bài, tác giả đều nói đến « khoác hoa thơm, mang cỏ lạ »... Chính là tượng trưng cho việc tự sửa mình. Và cũng xuất phát từ

yêu cầu này, ông nêu lên niềm mong ước của mình
về cải cách chính trị. Ông nêu lên những thi dụ về
các thành quan, hiền tướng và cũng kè ra hàng loạt
những thi dụ về các x hòn quan » làm hỏng việc nước:

Nghiêu, Thuấn sáng lớn a
Theo đường chính mà đặc đạo.
Kiệt Trụ luông tuồng a
Đi đường tà mà khuynh đảo.

Từ đó Khuất Nguyên nêu lên yêu cầu lớn của xã
hội, đòi hỏi vương triều cải cách chính trị và chính
bản thân nhà thơ đã kiên trì, giữ vững lý tưởng và
yêu cầu đó của mình cho đến phút cuối cùng. Chính
vì vậy những nội dung cụ thể của những diễn hành
do Khuất Nguyên xây dựng trên đây không những
chỉ phản ánh màu thuần của hiện thực mà còn phản
nhận sâu sắc những màu thuần và đau khổ trong
nội tâm của tác giả, khiến « Ly tao » không những
mang hơi thở của thời đại, đồng thời còn mang dấu
ấn cá tính đậm nét trong sáng tác của nhà thơ
thiên tài.

Hoặc như « Cửu ca » vốn là một thi ca khúc cổ
đại được Khuất Nguyên tiếp thu một cách sáng tạo

đã viết nên 11 bài thơ cũng với đầu đề « Cửu ca », nhưng mang phong cách rất độc đáo. Tất cả 11 bài thơ này bao phủ trong màu sắc thần thoại và tưởng tượng diệu kỳ mà hình thức lại hết sức tươi tắn, nội dung sinh động và súc tích... Hầu hết các nhân vật « thần », kè cả thần trong giới tự nhiên như thần nước, thần núi, thần sao, thần mặt trời, thần mây... đều được tác giả nhân cách hóa, thể hiện tinh thần cường tráng theo đuổi lý tưởng, tình cảm mãnh liệt, tâm hồn khoáng đạt của bản thân người viết. Bên cạnh đó vẫn thấy toát lên những màu thuần gay gắt của hiện thực và nội tâm tác giả. Chẳng khác nào các vị thần, trong yêu đương mà vẫn thấy buồn phiền, dần vặt. Và người đọc dễ dàng nhận thấy đằng sau những miêu tả phức tạp ấy chính là sự tö bày, thô lỗ tinh cảm chính trị vô cùng đau khổ của ông.

« Thiên văn », tác phẩm kỳ lạ này của Khuất Nguyên viết dưới dạng những câu hỏi. Với trên 170 câu mang kiến thức uyên bác, tác giả nêu lên hàng loạt vấn đề về cấu tạo của thiên thể, về truyền thống lịch sử cổ đại, về tín ngưỡng tôn giáo, về truyền thuyết thần thoại, về quan niệm nhân sinh. Riêng đối với câu tạo của thiên thể, nhà thơ hỏi: Thiên thể do ai sáng tạo? Tại sao lại chia thành 12 phần đều nhau?

Mặt trời, mặt trăng, các vì sao tại sao không rời
xuống? Mặt trời ngày đi bao dặm đường, đêm tròn
đi đâu? Mặt trăng sao khu tròn, khi khuyết? v.v...
Qua những câu hỏi đó chứng tỏ: đối với các hiện
tượng trong giới tự nhiên, Khuất Nguyên không chỉ
đơn thuần là nhà thơ giàu tri tuồng tượng mà còn là
nhà khoa học đi tìm hiểu chân lý. Điều ấy cũng thật dễ
hiểu, vì trên lịch sử Trung Quốc, thời đại Khuất Nguyên
chính là thời đại hoàng kim của nền văn hóa đang
đà phát triển rực rỡ, này sinh hàng loạt nhà tư tuồng
chính trị, thiên văn, số học... xuất sắc. Khuất Nguyên
với tài năng, vị trí của ông thời đó không thể không
chiếm ánh hường của các học thuyết của các nhà khoa
học đương thời, khiến trí tuệ của ông đạt tới mức
phát triển toàn diện. Trên vị trí của nhà thơ giàu tri
tuồng tượng bay bổng, Khuất Nguyên đồng thời có
đối mắt sắc sảo của chim đại bàng luôn luôn phát
hiện những mâu thuẫn trong xã hội, những chân lý
trong cuộc sống, tạo nên tinh tú tuồng sâu sắc
trong các tác phẩm trữ tình, đọc đáo. Người đời
sau noi tiếp qua bao thế hệ vẫn tìm thấy ở « Thiên
vân » nguồn tài liệu quan trọng nghiên cứu tư
tuồng, học văn của Khuất Nguyên cũng như tư
tuồng, lịch sử xã hội Trung-quốc cổ đại.

*Chin bài trong « Cửu chương » là do người đời
Hán sưu tầm sáng tác của Khuất Nguyên tập hợp
lại thành sách, nên các bài ở đây không phải là tác
phẩm thuộc cùng một thời kỳ của người viết. Trong
đó những tác phẩm viết về sau mang nặng tình cảm
ai oán, phẫn uất như « Ai sinh », « Hoài sa »... Thời
kỳ này vương triều nước Sở liên tiếp bị nước
Tần lừa gạt, đến nỗi Hoài vương cũng bị Tần dụ
đi, rồi bị bắt làm tù binh, chết ở nhà tù nước
Tần. Con trai Hoài Vương là Khoảnh vương vương
kế vị lại còn ngu muội hơn cha... Đến năm 21 Khoảnh
vương vương (278 trước công nguyên) đại binh
phe Tần công phá Sinh đỗ — kinh thành nước Sở,
thiêu hủy các lăng mộ của các triều đại nước Sở,
dày cờ đỗ nước Sở đến chỗ xập đỗ. Lúc này Khuất
Nguyên 62 tuổi, đứng trước quang cảnh đất nước
diêu linh, ông trút niềm uất hận vào bài « Ai sinh »
và trước khi chết lại viết « Hoài sa ».*

*Qua các tác phẩm chủ yếu trên đây của Khuất
Nguyên có thể thấy ông là nhà thơ yêu nước có tư
tưởng chính trị cao đẹp, đồng thời cũng là nhà thơ
luôn quan tâm đến cuộc sống của nhân dân. Lý
tưởng của ông vào lúc đó là phù hợp với nguyên*

vọng của nhân dân nhưng không được vương triều nước Sở chấp nhận và cuối cùng ông đã đem cả sinh mệnh của mình hiến dâng cho lý tưởng, cho quê hương nước Sở. Kết thúc bi thảm đó của cuộc đời nhà thơ thiên tài khơi lên mối đong cảm, đong tình sâu sắc và lòng kính yêu của đồng bào nhân dân Trung quốc đối với ông qua các thời đại.

Kể từ thời Chiến quốc tới cuối Tây Hán trải trên 400 năm trong Sở từ chương cứ do Vương Đạt biên soạn, những cuốn đầu là tập hợp các tác phẩm của Khuất Nguyên. Sau đó qua thời đồng Hán tới Đường, Tống... ảnh hưởng của Khuất Nguyên trong thơ ca Trung-quốc vẫn cứ tiếp diễn cho mãi tới cuối đời Thanh vẫn không hề giảm sút. Có thể nói thế loại «Sở từ» trong văn học Trung-quốc đã được phát triển là nhờ có Khuất Nguyên sáng tạo nên. Các tác gia lớn như Tống Ngọc, Cảnh Sai cũng người nước Sở, Giả Nghị Hoài nam tiêu sơn, Đông Phương Sóc, Nghiêm Kỳ, Vương Bảo, Lưu Hương, Vương Đạt... người thời Hán sáng tác phủ đều chịu ảnh hưởng sâu sắc của Khuất Nguyên, khiến thế «Tao» (tức Sở từ) cùng với Kinh Thi trở thành hai thế loại tiêu biểu cho hai giai đoạn của lịch sử thơ ca cổ điển Trung-quốc.

Nhưng nếu đặt bên nhau, người đọc sẽ dễ dàng nhận thấy một số tác phẩm của Kinh Thi tuy có mang dấu ấn, cá tính của tác giả nhưng nhìn chung vẫn là những sáng tác có tinh chất quần chúng. Chỉ ở tác phẩm của Khuất Nguyên mới thực sự mang dấu ấn cá tính rõ nét, thể hiện lý tưởng, số phận, nỗi khổ đau, nhiệt tình và toàn bộ cuộc đời của tác giả. Do vậy tác phẩm của Khuất Nguyên thực sự là sáng tác của nhà thơ có tài năng. So với Kinh Thi, sáng tác của Khuất nguyên về cù pháp, khuôn khổ cũng như về phương pháp thể hiện đều đạt tới bước phát triển, đổi mới về căn bản, phù hợp với việc thể hiện những nội dung tương đối phức tạp. Do đó đứng về mặt lịch sử văn học mà xét, tác phẩm của Khuất Nguyên kết thúc một thời đại, đồng thời mở ra một thời đại mới trong sáng tác thơ ca và bản thân Khuất Nguyên cũng trở thành người cách mạng thơ ca vĩ đại trong lịch sử văn học Trung-quốc. Ông mở rộng văn học dân gian trở thành thể loại văn học mới, phù hợp với đời sống, đưa thơ ca của quần chúng nhân dân lên trình độ sáng tạo, nghệ thuật, mở ra con đường sáng tạo cho vô số các nhà thơ nối tiếp sau ông. Một đặc điểm nữa trong sáng tác của Khuất Nguyên là tác giả đã xây dựng được một loạt hệ thống hình

tượng sinh động và phong phú, nhằm phản ánh chân thực màu thuần của hiện thực cũng như màu thuần, xung đột trong nội tâm của mình. Ở « Ly tao » tác giả miêu tả rất nhiều về « cò thơm », « người đẹp » — « cò thơm sánh với hành vi cao đẹp, « Người đẹp » nói lên lý tưởng mà tác giả theo đuổi. Một khía cạnh tác giả còn sử dụng hàng loạt thủ pháp miêu tả có tính thần thoại « Ăn cúc non », « uống sương sa » — « thoát tới núi thần, vút lên thiên đình »; mặt trời, vành trăng, mây mưa, gió bão được tác giả tự do sai khiến... Trong những miêu tả ly kỳ nhiều về ấy có lúc ngọt bùi của tác giả sôi lên như sóng cả gầm thét, có lúc lại trôi đi êm ánh như mưa phún, gió nhẹ, trải ra trước mắt người đọc những hình tượng đẹp đẽ, hoàn chỉnh. Và người đọc lập tức nhận ngay thấy ở đây sau đó là lý tưởng, tình cảm mãnh liệt, tâm hồn rộng lớn cùng hoài bão to lớn của người viết.

Về mặt hình thức, Khuất Nguyên đã vận dụng sáng tạo âm luật tự nhiên của ca dao, phá vỡ rèn thơ 4 chữ, chuyên phong cách thơ tả thực thành phong cách thơ lâng man, đạt tới hiệu quả nghệ thuật rất cao. Thi dụ nổi bật là những câu chót ở đoạn 5 của « Ly tao ». Tác giả viết cảnh bay bồng trên khoảng không: « Họp cả đoàn nghìn xe a, Đầu

chuồng ngọc mà cùng ruồi » cũng là viết về phàm chất cao quý, khi phách hào hùng của chính tác giả. Đoạn miêu tả này đạt tới đỉnh : « Cho tinh thần bay vời vợi ». Rồi đột ngột tác giả chuyền nhạc điệu, thè hiện nỗi sầu muộn cũng tới tận cùng : « Bỗng nhác thấy ngay làng quê, từ sinh bi mà ngựa nhớ chuồng a. Đều ngoại nhìn thôi chẳng đi »... Tác phẩm lớn « Ly tao » đã kết thúc vào đúng lúc nỗi đau khổ trong nội tâm đầy máu thuẫn của tác giả đạt tới diêm nút và kết cấu của tình tiết cũng đạt tới cao trào, đè lại trong người đọc ấn tượng sâu sắc đầy tinh kích. Đây chính là thành công rực rỡ trong nghệ thuật sáng tác của tác giả. Cho đến nay hai nghìn năm đã trôi qua, đọc tác phẩm của Khuất Nguyên, chúng ta luôn luôn tìm thấy hiện thân tinh cách vĩ đại, tình cảm chân thật lúc đạt dào sôi nỗi, lúc thiết tha trầm lắng mà những đợt sóng lớn của ngôn ngữ đã đưa truyền đi tri tường tượng kỳ diệu và những câu từ lớn lao của chính bàn tay người viết.

Và những hình tượng nghệ thuật do nhà thơ lớn Khuất Nguyên sáng tạo trải 20 thế kỷ vẫn giữ nguyên sức sống mạnh mẽ khiến người đọc ngày nay rung động, cảm phục.

NGUYỄN ĐẠI

LỜI NHƯNG NGƯỜI DỊCH

Có mấy điểm cần xin bạn đọc chú ý:

Văn bản *Sở tử* xưa nhất là văn bản của Vương Đạt thời Đông Hán (*trong Sở tử bồ chú*). Nhưng bản này sai và sót nhiều. Chúng tôi tham khảo thêm văn bản của Mè Mậu-nuyên (*Sở tử truyền*) và văn bản của Quách Mật-nhược (*Sở tử kim dịch*) cùng mấy bài dẫn trong *Khuất nguyên liệt truyện* của Tư-mã Thiên (*Sử ký*) mà hiệu đính thành một văn bản chúng tôi cho là tương đối chính xác để dịch. Về tự nghĩa và điều tích chúng tôi cũng tham khảo cả các sách trên mà lựa chọn ý kiến xác đáng nhất.

Như bạn đọc đều rõ *Sở tử* là một thể văn đặc biệt được gọi là « Tao » có cách đây ngót 2.000 năm. Dịch những tác phẩm thuộc thể loại này là một việc rất khó, nhất là về mặt truyền cảm. Về phía người dịch chúng tôi đã cố bám sát ý và từ của nguyên tác, đồng thời chú ý dịch theo đúng thể cách của tác phẩm nhằm cung cấp cho các bạn đọc làm công tác nghiên cứu một bản dịch tương đối trung thành với nguyên tác.

Riêng về chữ *hở*, âm xưa của nó là *a*, đó là tiếng đậm trong câu hát xưa của Trung-quốc, cũng giống như tiếng *é* tiếng *a* là tiếng đậm trong câu hát xưa của ta, chúng tôi dịch là *a*, chứ không theo cách dịch của người trước.

Chắc chắn bản dịch hây còn nhiều thiếu sót, mong các bạn góp ý kiến để bản dịch sau này có thể tốt hơn.

I. CỨU CA

(B. D. Anh dịch)

Phiên âm

BÔNG HOÀNG THÁI NHẤT

- 1 Cát nhạt hè thi lương.
Mục tương du hè Thượng hoàng.
Phù trường kiếm hè ngọc nhĩ,
Cù tương minh hè lâm lang.
Đao tịch hè ngọc trán.
- 2 Hợp tương bá hè quỳnh phuong.
Huệ hào chung hè lan tạ.
Diện quế túu hè tiêu tương.
Dương phu hè phù cõ,
Sơ hoan tiết hè an ca.

11 Trần vu sát hè hạo xướng.
Linh yền kiền hè giảo phục;
Phương phi phi hè mẫn đường.
Ngũ âm hè phiền hối;
Quân han làn hè lạc khang.

DÔNG QUÂN

- 16 Đôn tương xuất hè đông phương.
Chiếu ngô hạm hè phù tang.
Phù dư mã hè an tri.
Dạ hạo hạo hè ký minh,
Giá long châu hè thừa lôi;
- 21 Tái vân kỳ hè ủy dà;
Trường thái túc hè tương thương;
Tâm đê hối hè cổ hoài.
Khương thanh sắc hè ngu nhân;
Quan giả đậm hè vong qui.
- 26 Căng sắt hè giao cờ;
Tiêu chung hè dao cứ;
Minh trì hè xuy vu,
Tư linh bảo hè hiền khóa.
Huyệt phi hè thủy tăng.

- 31 Triền thi hè hội vũ,
 Úng luật hè hợp tiết.
 Linh chi lai hè tế nhật.
 Thanh vân y hè bạch nghe thường.
 Cử trường thi hè xạ Thiên lang;
- 36 Thảo dư hè phản luân giáng;
 Viện Bắc đầu hè chước quế tượng.
 Soạn dư bí hè cao tri tượng;
 Điều minh minh hè dĩ đồng hàng.

VÂN TRUNG QUÂN

- Dục lan thang hè mộc phương.
 41 Hoa thái y hè nhã anh (ang).
 Linh liên quyển hè kỵ lưu.
 Lạn chiêu chiêu hè vị ương.
 Kiền tương đám hè thọ cung.
 Dữ nhạt nguyệt hè đồng quang.
- 46 Long giá hè đế phục,
 Liêu cao du hè chu chương.
 Linh hoàng hoàng hè kỵ giáng.
 Diệm viễn cử hè vân trung.
 Lâm Kỵ châu hè hữu dư;

51 Hoành tú hải hè yên cùng.
Tư phù quân hè thái túc.
Cực lao tâm hè sung sung.

TƯƠNG QUÂN

- Quân bất hành hè di do,
Kiền thùy lưu hè trung châu.
56 Mỹ yếu diều hè nghi tu,
Bái ngô thừa hè quế châu.
Lệnh Nguyên Tương hè vò ba;
Sử Giang thùy hè an lưu.
Vọng phù quân hè vị lai.
61 Xúy sâm sai hè thủy tư.
Giá phi long hè Bắc chinh,
Triền ngô đạo hè Động định.
Bẹ lẹ phá hè huệ trừu;
Tôn nhiều hè lan tinh;
66 Vọng Sâm dương hè cực phô;
Hoành Đại giang hè dương linh.
Dương linh hè vị cực,

- Nữ thuyền viên hè vị dư thái túc.
Hoành lưu thế hè sần viễn;
- 71 Ân tư quân hè phi trắc.
Quế trạo hè lan tiết.
Trắc băng hè tịch tuyệt.
Thái bệ lệ hè thủy trung,
Kiền phù dung hè mộc mạt.
- 76 Tam bất đồng hè môi lao;
Ân bất thậm hè khinh tuyệt.
Thạch lại hè thiền thiền;
Phi long hè phiên phiên.
Giao bất trung hè oán trường;
- 81 Kỳ bất tin hè cáo dư dī bất nhàn.
Triệu sinh vụ hè Giang cao;
Tịch my tiết hè Bắc chữ.
Điều thú hè ốc thượng;
Thủy chu hè đường hạ.
- 86 Quyên dư quyết hè Giang trung;
Dí dư bội hè Lẽ phô.
Thái phương châu hè đỗ nha,
Tương dī di hè hạ nữ.
Thì bất khả hè tái dắc,
- 91 Liêu liêu dao hè dung dù.

TƯƠNG PHU NHÂN

Đế tử giáng hè Bắc chử,
Mục diều diều hè sầu dư.
Niều niều hè thu phong;
Động đinh ba hè mộc diệp hạ.

- 96 Dăng Bạch phiền hè sinh vọng,
Dữ giải kỳ hè tịch trường.
Điều hè tuy hè tàn trung;
Tăng hè vi hè mộc thương.
Nguyên hưu chí hè Lê hưu lan,
- 101 Tư công tử hè vi cầm ngôn.
Hoàng hốt hè viễn vọng,
Quan lưu thủy hè sàn viên.
Mi hè thực hè định trung;
Giao hè vi hè thủy duệ.
- 106 Triều tri dư mã hè Giang cao;
Tịch tế hè tây thê.
Văn giải nhân hè triệu dư.
Tương dâng giá hè giải thê.
Trúc thất hè thủy trung;
- 111 Tiếp chí hè hè cái.
Tôn bích hè tử dàn;

Bá phương tiều hè thành đường.
Quê dũng hè lan liêu;
Tân di my hè thuộc phòng.

- 116 Võng bệ lè hè vi duy;
Tịch huệ miên hè ký trương.
Bạch ngọc hè vi trấn;
Sơ thạch lan hè vi phương;
Chỉ nhung hè hà ốc;
- 121 Liêu chi hè dỗ hành;
Hợp bách thảo hè thực định;
Kiến phương hình hè vu môn.
Cửu nghi bân hè tinh nghịch.
Linh chi lai hè như vân.

- 126 Quyên dư duệ hè Giang trung;
Di dư diệp hè Lẽ phố,
Kiến định châu hè dỗ nhã.
Tương dī di hè viễn già.
Thì bất khả hè sâu đặc,
- 131 Liêu tiều dao hè dung dữ.

DẠI TƯ MỆNH

Quảng khai hè Thiên môn,
Phản ngo thừa hè huyền vân.

Lệnh phiêu phong hè tiên khu,
Sử đồng vũ hè sái tràn.

136 Quân hời tường hè dĩ hạ.
Du Không-tang hè tòng nhữ.
Phản tòng tòng hè cứu châu,
Hà thọ yêu hè tại dư.
Cao phi hè an tường;

141 Thừa thanh khí hè ngự âm dương;
Ngô dữ quân hè tề tốc.
Đạo dế chi hè cứu khang.
Vân y hè bị bị;
Ngọc bội hè lục ly.

146 Nhất âm hè nhất dương.
Chung mạc tri hè dư sở vi.
Chiết sơ ma hè dao hoa,
Tương dĩ di hè ly cư.
Lão nhiêm nhiêm hè kỵ cục.

151 Bất tam cận hè dũ sơ.
Thừa long hè lan lan;
Cao tri hè xung thiên.
Kết quế chi hè diên trũ,
Khương dũ tư hè sâu nhẫn.

156 Sâu nhân hè nại hè.

Nguyễn nhược kim hè vô khuy.

Cố nhân mệnh hè hữu đá.

Thực ly hợp hè hè vi.

THIẾU TƯ MỆNH

Thu lan hè my vu.

161 La sinh hè đường hè.

Lục diệp hè tố chí.

Phương phi phi hè tập du.

Phù nhân hè tự hữu mỹ tú.

Tôn hè dĩ hè sâu khõ.

166 Thu lan hè thanh thanh.

Lục diệp hè tử hành.

Mẫn đường hè mỹ nhân.

Hốt độc dữ dư hè mục thành.

Nhập bất ngôn hè xuất bất từ;

171 Thừa hời phong hè tái văn kỵ.

Bí mạc bí hè sinh biệt ly;

Lạc mạc lạc hè tân lương tri.
Hà y hè huệ dối.
Thúc nhì lai hè hốt nhì thẹ.

- 176 Tịch túc hè dể giao.
Quân thùy tu hè vẫn chi tế.
Dữ nhữ mộc hè Hàm trì;
Hy nhữ phát hè dương chí a.
Vọng mỹ nhân hè vi lai,
- 181 Lãm phong hoàng hè hạo ca.
Không cái hè thủy tinh,
Đăng cửu thiên hè phú tuệ tinh.
Đồng trường kiếm hè ứng ấu ngài.
Tôn tộc nghi hè vi dân chính.

HÀ BÁ

- 186 Dữ nhữ du hè cửu hà,
Xung phong khí hè thủy dương ba.
Thừa thủy xa hè hà cái,
Giá lưỡng long hè tham ly.
Đăng Côn lòn hè tứ vọng.

191 Tâm phi dương hè hạo dãng.

Nhật tương mộ hè truồng vong quy,

Duy cực phổ hè ngụ hoài.

Ngự lân ốc hè long đường,

Tử bối khuyết hè chau cung.

196 Linh hà vi hè thủy trung.

Thừa bạch ngoan hè trực văn ngư.

Dữ nhữ du hè hà chí chữ,

Lưu tư phản hè tương lai hụ.

Tử giao thủ hè Đông hành;

201 Tống mỹ nhân hè Nam phổ.

Ba thao thao hè lai nghinh;

Ngự lân lân hè dừng dự.

SƠN QUĨ

Nhược hữu nhân hè sơn chi a,

Bí bệ lệ hè dời nǚ la.

206 Ký hàm đệ hè hựu nghi tiếu,

Tử mộ dư hè thiện yêu diệu.

Thừa xích báo hè tòng văn ly;

Tan di xa hè kết quẽ kỵ;

Bị thạch lan hè dối dỗ hành;

211 Chiết phuong hình hè di sở ty.

Du xứ u hoàng hè chung bất kiến thiên;

Lộ hiềm nan hè độc hậu lai.

Biều độc lập hè sơn chí thương;

Vạn dung dung hè nhi tại hạ.

216 Diều minh minh hè khương trú hối;

Đông phong phiêu hè thần linh vũ.

Lưu linh tu hè đầm vong quy,

Tuế ký yến hè thực hoa dự.

Thái tam tú hè ư sơn gian;

221 Thạch lõi lõi hè cát man man.

Oán công tử hè trưởng vong quy;

Quân tư ngã hè bất đặc nhẫn.

Sơn trung nhân hè phuong dỗ nhã,

Âm thạch tuyễn hè ấm tùng bá.

226 Quân tư ngã hè nhiên nghi tác.

Loi diền diền hè vũ minh minh;

Viên thu thư hè díu dạ minh.

Phong tấp tấp hè mộc tiêu tiêu;

Tư công tử hè độc ly ưu.

QUỐC THƯƠNG

231 Tháo Ngõ qua hè bị tê giáp,

Xa thác cốc hè đoán bình tiếp.

Tinh tế nhạt hè dịch nhược vân;

Thi giao trụy hè sī tranh tiên.

Lặng dư trận hè liệp dư hàng.

236 Tả tham ē hè hữu nhẫn thương.

Mai lưỡng luân hè trấp tứ mã.

Viện ngọc phù hè kích minh cđ;

Thiên thì trụy hè uy linh nđ,

Nghiêm sát tận hè khi nguyên dã.

241 Xuất bất nhập hè vāng bất phản;

Bình nguyên hốt hè lộ siêu viễn.

Đái trường kiềm hè hiệp Tân cung;

Thú thân ly hè tam bất trùng.

Thành ký dung hè hựu đī vū,

246 Chung cương cường hè bất khả lăng.

Thân ký tử hè thần đī linh;

Hồn phách nghị hè vì qui hùng.

LỄ HỘN

Thành lễ hè hội cờ,
Truyền ba hè đại vũ.

251 Khóa nữ xương hè dung dữ.
Xuân lan hè thu cúc,
Trường vò tuyệt hè chung cờ.

Dịch nghĩa

THẦN ĐÔNG HOÀNG THÁI NHẤT

1 Ngày tốt a thời lành,
Kinh sửa soạn vui a dâng dâng thương hoàng
Cầm gươm dài a mũi đeo ngọc,
Ngọc cù kêu a leng keng.
Chiếu cỏ dao a trán băng ngọc,
Sao chẳng cầm a cành quỳnh thơm.
Thịt chưng bọc huệ a cơm lót lan,
Cùng rượu quê a tương tiêu.

*Dơ dùi a đánh trống,
Nhịp khoan khoan a hát dùu dâng.
11 Bay khèn và đàn sắt a hát to.
Hòn uốn éo a mặc đẹp,
Thơm phưng phức a đầy nhà.
Năm âm rộn a họp điệu,
Ngát hân hoan a vui yên.*

THẦN ĐÔNG QUÂN

*Hưng hừng sấp mọc ra a ở phương Đông,
Chiểu lan can ta a cây phù tang.
Thẳng ngưa ta a toan đi đâu?
Đêm tung tung a đã sáng.
Ngồi xe rồng a cõi sám;
21 Chờ cờ mây a lượn đi,
Thò dài a mà lên xe,
Lòng bồi hồi a ngoài lại nhớ.
Thanh sắc sao a vui người!
Người xem vui lòng a quên về.
Đàn gảy gắp a đánh trống đỗi;
Khua chuông a lay già treo;*

*Rúc sáo lớn a thổi kèn.
Nghị linh a hiền và đẹp.
Thân nhẹ nhõm a như chim thủy bay.*

31 *Xướng thơ a cùng nhau múa.
Đúng âm luật a hợp nhịp.
Linh dẽn a che cả mặt trời,
Áo như mây xanh a xiêm như ráng trăng.
Giờ tên dài a bắn sao Thiên lang,
Cầm cung ta a lại chìm xuống.
Giờ sao Bắc đầu a rót rượu quê.
Năm dây cương ta a ruồi bay cao,
Tôi mù mù a mà đi về phương Đông.*

THẦN VÂN TRUNG QUÂN

*Tâm thang lan a gọi nước thơm;
41 Áo ngũ sắc a hoa đỗ nhã.
Linh uốn lượn a dã ở đáy,
Sáng rực rỡ a vòi cùng,
Sấp yên vị a ở tầm cung.
Cùng nhặt nguyệt a ngang ánh sáng;
Cõi xe rồng a áo ngũ sắc như năm dẽ,
Lại bay du lâm a khắp nơi.*

*Linh huy hoàng a đã giáng,
Lại vụt cắt a trong mây.*

Xem Kỳ châm a và hơn nữa.

51 *Khắp bốn biển a sao cùng?*

Nhớ ngài a thời dài.

Lòng rất nhọc a buồn rầu.

THẦN TƯƠNG QUÂN

Ngài không đi a cứ do dự,

Ai giữ lại a ở trong bài?

Đẹp bao nhiêu a sửa sang!

Ta cõi lượt a thuyền quê,

Bão sông Nguyên-tương a dừng nồi sóng,

Khiến sông Giang a êm dòng.

Trong mong Ngài a chưa lại,

61 *Thời ống tiêu a nhớ ai!*

Cõi thuyền rồng a bay lên Bắc,

Ta thuyền đường a sang Động-dịnh.

Lụa băng bệ lệ a trùm băng hüé;

Chèo lái băng gỗ tòn a tua cờ băng lan.

Trong Sầm-dương a cửa sông xatit.

Qua sông lớn a linh bay,

Linh bay a chưa đến,

Chị em gái a vì ta thở dài.

Lệ chảy ngang a dần dưa,

71 *Ngậm nhò Ngài a bồn chồn.*

Mái cheo băng quẽ a lái băng lan,

Chém băng a chưa tuyết.

Hái hoa bệ lè a trong nước;

Bè hoa phù dung a ngọn cây.

Lòng chàng cùng a luồng nhạc mồi;

Âm chàng sâu a dứt dễ dàng.

Ghenh đá a nước chảy xiết,

Rồng bay a phảng phavenport.

Tình không trung hậu a oán dài.

81 *Hẹn chàng tin chắc a lại bào răng không rỉ*

Sớm ruồi ngựa a vụng sông,

Tối yên nghỉ a bãi Bắc.

Chim đậu a trên nóc,

Nước quanh a dưới nhà.

Vút vồng ngọc của ta a trong sông Giang.

Quăng chuỗi đeo của ta a cùa sông Lã.

Hái đỗ nhã a trên bãi thơm,

Toan gởi cho a phụ nữ hạ giới.

Thời không thè a được trở lại,

91 *Hãy tiêu dao a cho thành thời.*

TƯƠNG PHU NHÂN

Để từ (con vua) xuồng a bái Bắc,

Mặt đậm đậm a sầu vì ta.

Hiu hắt a gió thu,

Đông-định nồi sông a lá cây rung.

Lèn Bach-phiền a trong ngóng.

Với ai hẹn a chiều hôm.

Chim núi đậu a trong bụi tần;

Lưới cá sao bùa a trên ngọn cây?

Sông Nguyên có bạch chỉ a sông Lê có lan.

101 Nhớ công tử a chưa dám nói.

Mù mờ a xa trông;

Nhin nước chảy a ròng ròng.

Hươu nai sao ăn a trong sân?

Thuồng luồng sao a lên bờ nước?

Sóm ruồi ngựa a trên vung sông:

Tối vượt sang a bờ phia tây.

Nghe giải nhân a gọi ta,

Sẽ cõi bay a cùng đi.

Xây nhà a trong nước;

111 Lợp nóc a bằng lá sen.

Vách gỗ tôn a nền tó từ bối.

Rải tiêu thơm a ở trên nhà.

Đòn nóc gỗ quế a cột hiên gỗ lan.

*Mỵ cửa băng tản di a phỏng băng bạch chỉ.
Kết bệ lệ a làm màn;*

Đan hoa huệ a làm trường;

Ngọc trắng a làm trân;

Rải thạch lan a cho thơm;

Bạch chỉ kết a nóc lá sen;

121 *Buộc quấn a băng đỗ hành;*

Hợp trăm giống cò a đầy sân;

Dụng hành lang và cửa a băng cò thơm.

Thần trên núi Cửu-nghi a rộn r超過,

Các thần đèn a như mây.

Vứt áo ngắn ta a trong sông Giang;

Quảng áo dài ta a ở cửa sông Lẽ.

Hải trên bãi a cây đỗ nhã,

Đè gởi biếu a người ở xa.

Thời không thè a được vội vàng.

131 *Hãy tiêu dao a cho thành thời.*

THẦN ĐẠI TƯ MÈNH

Mở rộng a cửa trời,

Ta cõi a mây huyền rộn.

Sai giờ xoay a đi trước,

Khiển mưa to a quét bụi,

*Ngài bay lượn a mà xuõng,
Vuốt núi Không-tang a theo Ngài.
Người đồng đúc a khắp chín châu,
Sao mệnh thơ yêu a đều ở ta!
Cao bay a liêng nhẹ.*

141 *Cõi khí trong a chi phõi âm và dương.*

*Ta với Ngài a cùng mau chóng.
Đem uy trời đì a khắp chín châu.
Áo mây a lượt thuởt,
Chuỗi ngọc a huy hoàng.*

*Một âm a một dương,
Chúng chẳng ai biết a ta làm gì!
Bè cây sơ ma a hoa ngọc dao,
Muôn dè tăng a người ở lìa xa.
Già sòng sọc a tuồi đã hết,*

151 *Chẳng gần gũi a lại xa nhau.*

*Cõi xe rồng a rầm rầm,
Ruồi cao a tận trời
Kết cành quẽ a đứng lặng,
Càng nghỉ ngồi a khiêng người sầu.
Sầu người a làm sao được!
Nguyên như nay a chẳng suy vì.
Võn mệnh người a đã định,
Lia hay hợp a làm sao được!*

THẦN THIẾU TƯ MẠNH

Hoa thu lan a mầm my vu,

161 Mọc lan man a ở dưới nhà.

Lá xanh a cành trắng,

Thơm phơi phơi a say ta.

Mỗi người đều có a người đẹp.

Sao Ngài lại a khò sầu?

Thu lan a muôn mượt.

Lá xanh a cọng tia;

Dãy nhà a người đẹp,

Bỗng riêng với ta a liếc mắt đưa tình.

Vào chặng nói a ra chặng chào;

171 Cởi gió xoáy a chờ cờ mây.

Buồn chặng gì buồn bằng a sông ly biệt;

Vui chặng gì vui bằng a mới biết nhau.

Áo sen a dài huệ,

Thoát mà đến a thoát mà đi.

Tối ngủ a gần trời,

Ngài chờ ai a bên mây?

Cùng Ngài gọi a ở Hàm-trì,

Ngài phơi tóc a góc núi phía nam.

Trông người đẹp a chưa lại,

181 Hứng gió buồn rầu a hát to.

*Long lồng công a cờ lồng châ,
Lên chín tùng trời a vồ sao chòi.
Cầm gươm dài a ôm mầm non,
Ngài riêng được a nắm sinh mệnh của người.*

THẦN HÀ PA

*Cùng Ngài chơi a chín sông,
Tung gió nôi lên a cuộn sóng.
Cõi xe nóc a mùi lá sen;
Thẳng đới rồng a đóng con ly.
Lên Côn-lôn a nhìn bốn phía,*

191 *Lồng phản khói a thấy mènh mang.*

*Ngày gần chiều a khuấy quên về;
Chợt tình nhớ a cửa sông xa tit.
Vảy cá lợp nóc a nhà vẽ rồng;
Cửa son từ bồi a cung giát châu.
Ngài làm gì a ở trong nước?
Cõi ngao trăng a đuôi cá hoa.
Cùng Ngài chơi a trên bãi sông,
Nước tung tóe a rì rót xuồng.
Ngài chắp tay a đi về phía Đông.*

201 *Dưa người dẹp a vè cửa sông miền Nam.*
Sóng cuộn cuộn a lại rước;
Cà hàng hàng a đưa ta.

THẦN NÚI

Giống như có người a ở góc núi,
Áo khoác băng bẽ lẽ a dài băng nứ la.
Đã liếc mắt a lại nhoèn cười,
Người mến ta a khéo yêu điệu.
Cõi báo đò a chồn vẫn vần di theo.
Xe tân di a kêt cờ quế.
Áo khoác thạch lan a dài đồ hành.

211 *Bè cánh hương a gởi tặng người mình nhớ.*
Ta ở rừng sâu a trọn chàng thấy trời;
Đường hiếm khó a mình ta đến sau.
Đứng một mình a ở trên núi,
Mây ùn ùn a ở phía dưới.
Sao mịt mù a ngày tối sầm!
Giờ đông thời a mưa thần ứng theo.
Chờ đợi Ngài a buôn quên vè.
Tuổi đã muộn a ai làm ta trở lại?
Hải tam tú a ở trong núi,

221 *Đá lởm chởm a dây dăng dit.*

Oán công từ a buôn quên về.

Chàng nhớ ta a chàng được rỗi.

Người trong núi a như đỗ nha thơm,

Uống nước suối đá a che bóng tung bã.

Chàng nhớ ta a song còn ngò.

Sấm vang vang a mưa mù mù.

Vượn hú hú a tưởu gọi đêm;

Gió phe phài a cây lung lay:

Nhớ công tử a luồng buôn rầu.

HỘN LIỆT SĨ

231 *Cầm qua nước Ngô a mang giáp da tè.*

Xe vương trực nhau a đánh nhau băng

khi giới ngắn.

Cờ che mặt trời a quân địch nhu mây;

Tên chéo nhau rót a binh sĩ tranh lên trước,

Lướt trận ta a vượt hàng ta.

Ngựa tà chết a ngựa hữu bị thương.

*Ngập hai bánh xe a bốn ngựa như trời.
Mùa dùi ngọc a đánh trống vang;
Trời như sáp a quì thản giận.
Chết trận hết a bỏ đồng nội.*

- 241** *Ra chǎng vào a đi chǎng về.
Đồng bằng mênh mông a đường xa xôi.
Đeo gươm dài a cắp cung Tần.
Đầu mình lia a lòng chǎng sợ.
Gan đã dōng a lai giòi vồ.
Vân cương cương a chǎng thè lán.
Thân đã chết a thản còn thiêng.
Hồn phách mạnh a làm anh hùng quí.*

LỄ HỘN

- Lễ xong a đánh trống dồn;
Giơ hoa a mùa lăn lượt.*
- 251** *Đồng nữ đẹp hát a thong thả,
Dâng lan mùa xuân a cúc mùa thu.
Dài chǎng dùt a muôn đời.*

Dịch thơ

ĐÔNG HOÀNG THÁI NHẤT

- 1 Giờ lành a ngày tốt,
Hồn hở a kính Ngài.
Võ gươm dài a cán deo ngọc;
Ngọc leng keng a ánh sáng ngời;
Chiếu cơ dao a trấn bắng ngọc,
- 6 Sao chằng cầm a cành quỳnh tươi!
Bọc huệ a đồ nấu,
Lót lan a mâm xôi.
Rượu quế a dáng cúng;
Rung trống a múa dùi.
Khoan nhịp a đùu hát,
- 11 Khèn dàn a hòa vui.
Bóng mặc đẹp a múa dẻo,
Hương dày nhà a phơi phơi.
Năm cung bậc a hợp diệu,
Ngài hân hoan a tươi cười.

ĐÔNG QUÂN

- 16 Hứng sắp lên a ở phương Đông,
Soi lợn ta a cây phù tang.

Ta thăng ngựa a di đâu nhỉ ?

Đêm dần dần a đã sáng choang.

Cõi xe rồng a sấm vang,

21 Chờ cờ mây a lượn phơi.

Than thở dài a lên xe,

Lòng bồi hồi a ngoài lại.

Tiếng hay cùng a sắc đẹp,

Người xem vui a mải quên.

26 Gảy đàn a đánh trống,

Lay giá a chuông rèn,

Rúc sáo a thổi kèn,

Nghị Bóng a xinh đẹp,

Nhé nhõm a thủy bay,

31 Hát lên a múa nhịp.

Cung thương a hợp điệu,

Ngài tối a huy hoàng.

Áo mây xanh a xiêm ráng bạc,

Phóng tên dài a bắn Thiên lang.

36 Mang cung ta a lại lặn xuống,

Cầm Bắc đầu a rót rượu nồng.

Dòng dây cương a ta cao ruồi,

Trời mịt mù a trở lại Đông.

VÂN TRUNG QUÂN

Tâm thang lan a gội hương.

41 Mặc tươi sáng a y thường.

Bóng uốn lượn a dã dẽn,

Sáng rực rỡ a vô cương.

Bèn yên vui a nhà tâm,

Cùng nhật nguyệt a đồng quang.

46 Áo ngũ sắc a ngồi long giá,

Bay chu du a khắp bốn phương.

Ngài huy hoàng a dã giáng,

Bồng vựt lên a lung chừng.

Xem Ký châu a chưa đủ,

51 Đạo bốn biển a khôn xong !

Tưởng nhớ Ngài a than thở,

Lòng thồn thức a pháp phđng.

TƯƠNG QUÂN

Ngài do dự a không đi,

Lưu luyến ai a bãi sông ?

56 Yêu diệu xinh a dáng vẻ,

Lướt thuyền quẽ a ròng ròng.

Bảo Nguyên-tương a dìmg sòng,

Khiển Đại-giang a êm dòng.

Trong Ngài hoài a chưa đến,

61 Thủ sáo ngọc a chốc mòng.

Cõi phi long a lên Bắc,

Quay trở về a Động-dịnh.

Lụa bệ lệ a trùu huệ,

Chèo lái tôn a cờ quỳnh.

66 Trong Sầm-dương a bến nọ,

Qua Đại-giang a bay linh.

Linh bay mãi a chưa đến,

Thị nữ thương a thở dài.

Chan nước mắt a dần dusat.

71 Ngầm bồn chồn a nhớ ai.

Mái chèo quế a lái lan,

Chém băng tuyết a sáng ngời.

Bé bệ lệ a trong nước.

Trèo lên cây a hái sen.

76 Tâm không đồng a mối nhọc,

Nghĩa chẳng nặng a dễ quên.

Đá ghềnh a nước xiết,

Phẳng phẳng a bay thuyền.

Tình chẳng bền a dài oán.

- 81** Hẹn không giữ a bạn liền.
 Sớm vụng sòng a duodi sóng,
 Tối dừng đỗ a bãi xanh.
 Trên nóc nhà a chim đậu,
 Dưới thềm nhà a nước quanh.
- 86** Ném vòng tay a xuống nước,
 Quăng-đuỗi đeo a bên duanh.
 Hải dỗ nhã à bãi thơm,
 Đem cho gái a cõi người.
 Thời chẳng lui a vùn vụt,
- 91** Hãy tiêu dao a thánh thời.

TƯƠNG PHU NHÂN

- Để từ xuống a bãi Bắc,
 Mắt dăm dăm a ta sầu.
 Gió thu nhẹ a hiu hắt,
 Động-dịnh sóng a lá vèo.
 Lên Bạch-phiền a ta ngóng,
- 96** Cùng ai hẹn a trời chiều.
 Trong bụi tần a chim núi đậu.

Chài cá bùa a ngọn cây cao.

Chì sông Nguyên a lan sông Lẽ,

101 Nhớ công tử a chặng hé mồi.

Vời chập chờn a trông mãi,

Nhin nước chảy a xuôi xuôi.

Hươu hoang sao a vào sân?

Thuồng luồng sao a ở cạn?

106 Sớm rong ngựa a vụng sông,

Chiều bờ tây a qua bến.

Nghe giải nhân a gọi ta,

Cùng cõi gió a cánh chắp.

Trong nước a dựng nhà,

111 Lá sen a nóc lợp.

Vách tôn a sân bối tía,

Rải tiêu a cả nhà trên.

Dòn đống a băng gỗ quế,

Cột hiên a gỗ mộc lan.

116 Mi tản di a phòng bạch chỉ,

Kết bệ lệ a làm màn che.

Đan trường a băng hoa huệ,

Ngọc trăng a làm trấn đè.

Thạch lan rải a ngào ngạt,

121 Buộc quấn băng a dỗ hành.

Hợp trăm hoa a đầy đ,

Cò thơm dụng a lang quanh.
Cửu-nghi đón a nô nức,
Thần rùn rượt a hoan nghinh.

- 126 Ném áo ngắn a xuống nước,
Quẳng áo dài a bên duênh.
Hái dỗ nhã a trên bãi,
Đè tặng người a xa xôi.
Thời tốt lành a khó được,
131 Hãy tiêu dao a thành thời.

ĐẠI TƯ MỆNH

Cửa trời a mờ toang,
Ta cõi a mây sầm.
Gió quạt a dần đường,
Mưa quét a bụi bặm.

- 136 Ngài quay về a hạ giới,
Vượt Không-tang a xăm xăm.
Khắp chín châu a bốn biển,
Tuổi thọ yêu a ta cầm.
Trong từng cao a ta bay liệng,
141 Cõi khi trong a trị âm dương.

CÙNG VỚI NGÀI A ĐỀU RỒNG RUỒI,
ĐEM UY TRỜI A KHẮP CHIN PHƯƠNG.
ÁO MÂY A PHẨM PHỐI,
CHUỒI NGỌC A HUY HOÀNG.

- 146 MỘT ẨM VỚI A MỘT ĐƯƠNG
Ai biết ta a chủ trương?
Bè hoa gai a trắng nõn,
Đè gởi tặng a người xa.
Tuổi sòng sọc a đã hết,
- 151 CHẮNG GẦN GŨI A LẠI SA.
Cõi rồng a rượt rượt,
Ruồi cao a tận trời.
Xoắn cành quế a đứng lặng.
Cùng nghỉ ngơi a rồi bời.
- 156 RỒI BỜI LÒNG A SAO ĐƯỢC?
Nguyễn như nay a chắng sai.
Mệnh người a đã định.
Hợp tan a tự ai?

THIẾU TỰ MỆNH

- Nở lan man a khắp dưới lầu,
161 Hoa thu lan a đọt my vu.

Lá xanh a cành tơ,
Hương thơm a ngọt ngào.
Ai cũng có a người đẹp,
Sao Ngài độc a túi sầu?

166 Thu lan a mướn mượt,
Cọng tia a lá xanh.
Đầy nhà a người đẹp,
Riêng với ta a đưa tình.

170 Khi đến a chẳng nói,
170 Khi đi a chẳng chào.

171 Gió xoáy cõi a cờ mây phất.
Buồn sao buồn a sống cách nhau.
Vui sao vui a mới biết nhau.
Áo sen a dài huệ,
Thoắt đến a thoắt bay.

176 Tối ngủ a gần trời,
Đợi ai a trên mây?
Cùng Ngài tắm a ao ngọc,
Tóc đón nắng a xỏa phơi.
Trông người đẹp a chừa đến.

181 Hứng gió buồn a hát chời.
Lặng khòng tước a cờ phí thủy,
Lên chín từng a sờ sao chồi.
Cầm gươm dài a ôm mầm non,
Mình Ngài quản a mệnh trẻ con.

HÀ BÁ

- 186 CÙNG NGÀI ĐẠO A CHÍN SÔNG,
 GIÓ NĐÌ TUÔN A SÓNG RÉO.
 NGỒI XE NƯỚC A MUI SEN,
 THÁNG ĐỎI RỒNG A CHO KÉO.
 LÊN CÔN-LÔN A DƯA MẮT,
- 191 PHẦN KHỎI NHÌN A MÊNH MANG.
 KHUẤY QUÊN VỀ A GẦN TỐI,
 NHỚ BẾN XA A BĂNG KHUÂNG.
 VÁY CÁ LỢP NÓC RỒNG VỀ GÁC,
 BỐI TÍA SƠN CỬA CUNG GIÁT CHÂU.
- 196 NGÀI LÀM GÌ A MĀI TRONG NƯỚC?
 DUỒI CÁ HOA A CŌI BẠCH NGAO.
 CÙNG NGÀI GIƠN A BÈN BỜ BẾN,
 BẢN TUNG TÓE A NƯỚC TRẮNG NGẦN.
 NGÀI CHẮP TAY A VỀ ĐÔNG QUÁCH,
- 201 XUỐNG BẾN NAM A DƯA MỸ NHÂN.
 SÓNG CUỘN CUỘN A XÔ LẠI RƯỚC,
 CÁ TIỄN DƯA A LỘI RÂN RÂN,

SƠN QUĨ

NHƯ CÓ NGƯỜI A TRÊN GÓC NÚI,
 KHOÁC BẸ LỆ A DEO NỮ LA.

- 206 Liếc khóc mắt a cười tủm tỉm,
Tình dịu dàng a đáng thướt tha.
Cõi báo dở a dắt chồn vẹn,
Xe tân di a cờ quế chi.
Khoác thạch lan a deo dỗ hành,
- 211 Bè cánh hương a gợi tương tri.
Ta ở rừng a không thấy sáng.
Đường gập ghềnh a chậm tới đây.
Đứng một mình a trên đầu núi,
Dưới ẩn ẩn a thấy nỗi mây.
- 216 Sao mịt mù a ngày xăm tối?
Gió động đập a lại mưa dồn.
Chờ đợi Ngài a quên về mất,
Trè lại sao a tuổi đã chồn?
Hái cỏ chi a trong núi Vu,
- 221 Đá lởm chởm a dây lá man.
Giận công tử a quên trở về.
Chàng nhớ ta a mà chẳng nhẫn.
Người trong núi a thơm đỗ nhã,
Uống nước suối a ngồi bóng tung.
- 226 Chàng nhớ ta a còn nghi hoặc?
Sấm vang vang a mưa mịt mùng.
Vượn hú nhau a tưởu đêm gọi;
Gió phe phẩy a cây lay rung.
Nhớ công tử a luồng khὸ lòng.

QUỐC THƯƠNG

- 231 Cầm qua Ngô a mang giáp tê,
Xe vương trực a đánh giáo mác.
Cờ rợp trời a địch như mây,
Tên chéo vụt a quân giành trước.
Phá tung trận a rồi hàng ngũ,
- 236 Ngựa tà chết a hữu bị thương.
Bánh xe ngập a trôi bốn ngựa,
Múa dùi ngọc a trong khua vang.
Mệnh trời hồng a giận uy linh,
Chết trận hết a bỏ cõn bãi,
- 241 Ra chǎng vào a đi chǎng về.
Bãi meph mang a đường xa ngái.
Deo gươm dài a deo cung khỏe,
Đầu mình rời a khí vân hào.
Gan dã dōng a võ lại giỏi,
- 246 Văn cung rắn a chǎng hề nao.
Thân chết rồi a thắn văn linh,
Hòn rắn rồi a làm quì tinh.

LỄ HỘN

Lễ xong rồi a đồn trong,
Gió hoa múa a thay nhau.

251 Đồng nữ hát a thong thà,
Dâng lan xuân a cúc thu.
Muôn dời mãi a tuyệt mù.

Tham khảo

Bản dịch QUỐC THƯƠNG của Nguyễn Đức Văn

Khiên nǎm vững da tê mặc áo,
Xe tung hoành gươm giáo chạm tay.
Cờ rợp bóng, giặc như mây,
Quân giành lên trước, tên bay rào rào.
Vượt hàng ngũ ào ào xông miết,
Ngựa hai bên một chết một thương,
Nǎm dùi đánh trống ầm vang,
Xe chôn hai bánh, ngựa ràng bốn con.
Trời ảm đạm mây dồn giục,
Rợn rùng ghê qui khóc thèn gào.
Đày đòng xác chết chòng cao,
Giết phăng không sót móng nào được tha.
Bao chiến sĩ có ra không lại,
Chôn xa trường vời vợi xa xôi.
Cáp cung lớn, vác gươm dài,

Đầu dù lìa xác không rời lòng son.
Đã hùng mạnh lại còn oai vệ,
Tinh cương cường ai dễ khinh mà:
Chết rồi thần vẫn không nhòa,
Phách hồn rắn rời làm ma anh hùng.

II. BỐC CỨ

(Đ. D. Anh dịch)

Phiên âm

1 Khuất Nguyên ký phóng,
Tam niên bất đặc phục kiến.
Kiệt tri tận trung,
Nhi tế chướng ư sầm.
Tâm phiền lự loạn.

6 Bất tri sở tòng.
Nãi vãng kiến thái bốc Trịnh Chiêm Doãn viết:
Dư hưu sở nghe,
Nguyễn nhân tiên sinh quyết chí.
Chiêm Doãn nãi doan sách phất qui viết:

11 Quân tướng hà dĩ giáo chi?
Khuất nguyên viết:
Ngô ninh khὸn khὸn khoán khoán phác dĩ trung hὸ?
Tương tống vãng lao lai tư võ cùng hὸ?
Ninh tru sứ thảo mao dĩ lực canh hὸ?

- 16 Tương du đại nhân dī thành danh hò?
Ninh chính ngôn bất húy dī nguy thân hò?
Tương tòng tục phú qui dī du sinh hò?
Ninh siêu nhiên cao cử dī bảo chân hò?
Tương xúc xi lật tư ốc y nhu nhì dī sự phu nhàn
hò?
- 21 Ninh liêm khiết chính trực dī tự thanh hò?
Tương đột thê hoạt kê nhu chi nhu vi dū khiết
doanh hò?
Ninh ngang ngang nhược thiên lý chi câu hò?
Tương phiếm phiếm nhược thùy trung chi phù
dū ba thương hạ du dī toàn ngô khu hò?
Ninh dū kỳ ký kháng ách hò?
- 26 Tương tùy nô mā chí tích hò?
Ninh dū hoàng hộc tỳ dục hò?
Tương dū kê vụ tranh thực hò?
Thú thực cát thực hùng?
Hà khứ hà tòng?
- 31 Thể hồn trọc nhi bất thanh:
Thiền dục vi trọng.
Thiên quân vi khinh;
Hoàng chung úy khi.
Ngõa phū lối minh;
- 36 Sàm nhân cao trương,
Hiền nhân vồ danh.

Hu ta mặc mặc hè!
Thùy trì ngô chi liêm trình?
Chiêm Doãn nãi thích sách nhì tạ viết:
41 Phù xích hữu sở đoàn,
Thốn hữu sở trường;
Vật hữu sở bất túc,
Trí hữu sở bất minh;
Sở hữu sở bất dẹ,
46 Thần hữu sở bất thông.
Dụng quân chi tâm,
Hành quân chi ý,
Qui sách thành bất năng tri thử sự.

Dịch nghĩa:

1 Khuất Nguyên đã bị đuổi ba năm,
Không được thấy vua trở lại.
Hết tri hết trung,
Mà bị gièm pha che lấp;
Lòng phiền lo rồi,
Không biết theo lỗi nào,
Đến gặp quan thái bộc Trịnh Chiêm Doãn nói
Ta có điều ngờ,
Muốn nhờ tiên sinh quyết đoán cho.
Chiêm Doãn bèn sấp thè và lau phủi vỏ rùa,

H Nói: Ngài muốn dạy điều gì đây?

Khuất Nguyên nói:

Ta nên khôn khôn khoán khoán thành thực hết
trung à?

Hay nên vất và tói lui đến vô cùng à?

Nên hết sức cuốc xáo cò tranh mà lực canh à?

Hay nên giao du các bậc quyền quý đe thành
danh à?

Nên nói ngay chăng kiêng mà nguy mình à?

Hay nên theo tục mà giàu sang đe sống tạm à?

Nên siêu thoát cao thượng mà giữ chân lý à?

Hay nên lừa lời chiêu ý hè hè nhu nhu mà thò
đàn bà à?

21 Nên liêm khiết chính trực mà trong mình à?

Hay nên mềm dẻo tròn tru nhu mõ nhu da mà
nịnh chiêu à?

Nên ngang tàng nhu ngựa nghìn dặm à?

Hay nên lèn đènh nhu vịt nước ở trong nước
theo sóng chìm nồi đe tạm trộn mình ta à?

Nên ganh đua với ngựa kỵ à?

Hay nên theo dâu ngựa tồi à?

Nên cùng chim hót vàng đua cánh à?

Hay nên cùng gà vịt tranh ăn à?

Dãy, cái gì tốt cái gì xấu?

Điều gì nên bỏ điều gì nên theo?

- 31 *Dời ngẫu dục mà không trong;
 Cảnh ve là nặng,
 Nghìn cân là nhẹ;
 Chuồng vàng bồ xó,
 Nơi đất kêu oang;
 Người gièm được đè cao,
 Người hiền sĩ thì không tiếng.
 Than ôi! Vắng lặng a,
 Ai biết ta là liêm và trung?
 Chiêm Doãn bèn buông thê mà ta răng:*
- 41 *Phàm thước có chỗ ngắn,
 Tác có chỗ dài;
 Vật có chỗ không đủ,
 Trí có chỗ không sáng;
 Sô có chỗ không xiết,
 Thần có chỗ không suốt.
 Như ngài dụng tâm,
 Như ngài hành ý,
 Rùa thê thực không thê biết việc ấy.*

Dịch thư

- 1 Khuất Nguyên bị đuổi,
 Ba năm không được gặp lại chúa,

Dốc trí hết trung,
Mà bị gièm bô.
Lòng buồn lo rối.

- 6 Chẳng biết làm sao,
Rèn đi tìm Chiêm Đoán xin bồi.
Rằng : Có điều nghi ngại.
Xin tiên sinh đoán cho.
Chiêm Đoán bèn đặt thẻ và lau vỏ rùa :

- 11 Ngài toan dạy gì đây ?
Khuất Nguyên liền đáp ngay :
Ta nên khàn khàn khoản khoản mà giữ trung à ?
Hay nên thù ứng tới lui cho đến cùng à ?
Ta nên cuốc xáo vỡ vạc ra súc cày à ?

- 16 Hay nên giao du quyền quý mà thành danh à ?
Nên nói ngay chặng kỵ mà nguy minh à ?
Hay nên theo đồi giàu sang mà cầu vinh à ?
Nên cất mình cao thượng mà giữ lẽ phái à ?
Hay nên è a nhu nhú mà thờ con gái à ?

- 21 Nên liêm khiết chính trực mà trong veo à ?
Hay nên mềm dẻo tròn tru như mõ như da mà
nịnh chiểu à ?
Nên ngang tàng như ngựa nghìn dặm à ?
Hay nên lènh đènh như vịt nước theo dòng chìm
nồi mà cầu sống tạm à ?
Nên cùng kỵ kỵ đua đòi à ?

- 26 Hay nên theo dấu ngựa tời à ?
Nên cùng hồng học mà thi cánh à ?
Hay cùng gà vịt mà giành mánh à ?
Cái gì tốt cái gì xấu ?
Gi nên theo gì nên bỏ ?
- 31 Dời ngàu đục mà chẳng trong ;
Cánh ve nặng trĩu,
Nghìn cân nhẹ bong ;
Chuồng vàng bỏ xó,
Chinh đất kêu oang.
- 36 Kẻ gièm đặc chi,
Người ngay mũi lồng.
Ôi sao vắng lặng a ?
Ai biết ta liêm trung ?
Chiêm Đoán bèn buông thè mà ta rắng :
- 41 Phàm thước có chỗ ngắn,
Tắc có chỗ dài ;
Vật có chỗ không dù,
Trí có chỗ không người ;
Số có chỗ không xiết,
- 46 Thần có chỗ không soi.
Dụng tâm như ngài,
Hành chí như ngài,
Thè rùa thực không thè biết được.

III NGƯ PHỦ

(Đ. D. Anh dịch)

Phiên âm

1 Khuất Nguyên ký phỏng.

Du ư Giang đàm.

Hành ngâm trạch bạn,

Nhan sắc tiêu tụy,

Hình dung khô khao.

6 Ngư phủ kiến nhì văn chỉ viết:

Tử phi Tam lư đại phu dư?

Hà cổ chí ư tư?

Khuất Nguyên viết:

Cử thế giải trọc ngã đọc thanh,

11 Chúng nhân giải túy ngã đọc tinh,

Thị dī kiến phỏng.

Ngự phủ viết:

Thánh nhân bất ngung trệ u vật,
Nhi năng dũ thể suy di.

16 Thể nhân giải trọc,

Hà bất quật kỳ nê nhi dương kỳ ba?
Chúng nhân giải túy,
Hà bất bô kỳ tao nhì xuyết kỳ ly?
Hà cổ thâm tư cao cử,

21 Tư lệnh phóng vi?

Khuất Nguyên viết:

Ngô văn chi
Tân mộc già tất đàn quan.
Tân dục già tất chẩn y.

26 An năng dĩ thân chi sát sát,

Thụ vật chi vấn vấn giả hờ?
Ninh phó Tương lưu.

Táng u giang ngư chi phúc trung.
An năng dĩ hạo hạo chi bạch.

31 Nhi mong thế tục chi trần ai hờ?

Ngư phủ hoãn nhĩ nhi tiểu,
Cô tiết nhĩ khú.
Nãi ca viết:

Thương lang chi thủy thanh hè,

36 Khả dĩ trạc ngã anh;
 Thương lang chí thủy trạc hồn.
Khả dĩ trạc ngã túc.
Toại khứ,
Bất phục dù ngôn.

Dịch nghĩa:

*Khuất Nguyên đã bị đuổi,
Đi dạo trên đầm sông.
Vừa đi vừa ngâm trên bờ chǎm,
Sắc mặt tiêu tuy,
Dáng người gầy khô.
Ông chài trong thây mà hỏi rằng:
Ngài có phải là Tam lư đại phu không?
Có sao lại đến thế này?
Khuất Nguyên nói:
Khắp đời đều đục mình ta trong;
 Mọi người đều say mình ta tinh;
Vì thế mà bị đuổi.
Ông chài nói:
Thánh nhân không câu nệ ở vật,
Mà có thể cùng với đời đối đồi đời.
Người đời đều đục,*

Sao không sục bùn mà dày sóng lên?

Mọi người đều say,

Sao không ăn cà bã mà uống cà hèm?

Có gì cứ nghĩ sâu làm cao,

21 *Đè khiến bị duỗi?*

Khuất Nguyên nói:

Ta nghe rằng,

Người mới gọi đt phùi mū;

Người mới tắm đt dù áo;

Sao có thè dem cái thân sạch sẽ,

Mà chịu lấy nhóp nhơ của vật?

Thà nhảy xuồng dòng Tương,

Mà chôn trong bụng cá rồng!

Sao có thè dem cái tiết trắng phau phau.

31 *Mà phùi lấy bụi bặm của thế tục?*

Ông chài mím cười,

Khuê mái chèo mà đi,

Bèn hát rằng:

Nước Thương lang trong a,

Có thè giặt dài mū của ta.

Nước Thương lang đục a.

Có thè rửa chân của ta.

Bèn đi,

Không nói với nữa.

Dịch thơ

1 Khuất Nguyên bị duỗi,

Đạo trên bờ đầm.

Vừa đi vừa ngâm,

Về mặt tiêu tụy,

Dáng người gầy còm.

6 Ông chài trông thấy liền ướm hỏi :

Tam-lu đại phu dãy phải không?

Vì sao mà đến nồng nỗi ấy ?

Khuất Nguyên bèn đáp lại ung dung :

Mọi người đều say, mình ta tĩnh;

11 Khắp đời đều đục, mình ta trong.

Vì thế mà bị duỗi.

Ông chài nói :

Thánh nhân không câu nệ,

Theo đời mà biến thông.

16 Mọi người đều say,

Sao không uống tràn cho ngày ngất đi ?

Khắp đời đều đục,

Sao không theo dòng mà sục ngầu lên ?

Lại cứ nghĩ sâu làm cao;

21 Đề đến nỗi bị duỗi nào !

Khuất Nguyên nói :

Ta nghe :

Người mới gọi thì phủ khăn;

Người mới tắm thì dù áo.

26 Ai lại đem tắm thân trong vắt,

Mà nhuộm lấy nhơ nhớp của vật?

Thà nhảy xuống dòng Tương,

Chôn trong bụng thường luồng!

Sao lại đem cái tiết sáng ngồi,

31 Mà vùi vào bụi bặm của đời?

Ông chài túm tim cười,

Chèo thuyền mà đi,

Hát vang sông:

Nước Thương-lang trong a,

36 Thì ta giặt khăn đầu.

Nước Thương-lang đục a.

Thì ta rửa chân vào.

Chèo thuyền thăng di,

Không nói thêm gì.

IV.— LY TAO

(Đ.D. Anh dịch)

Phiên âm

- 1 Đề Cao Dương chi miêu duệ hè,
Trẫm hoàng khảo viết Bá Dung.
Nhiếp dề trinh vu mạnh trâu hè,
Duy canh dần ngộ dĩ giáng.
Hoàng lâm quỹ dư sơ độ hè,
- 6 Triệu tích dư dĩ gia danh.
Danh dư viết Chính tắc hè,
Tự dư viết Linh quân.
Phân ngộ ký hữu thử nội mỹ hè,
Hữu trùng chí dĩ tu năng.
- 11 Hồ giang li dữ tịch chí hè,
Nân thu lan dĩ vi bội.
Cốt dữ nhược tương bất cập hè,
Khủng niêng tuế chí bất ngờ dữ.

Triệu khiên Tì chi mộc lan hè,

16 Tịch lâm châu chí túc mù.

Nhật nguyệt hốt kỳ bất yêm hè,

Xuân dũ thu kỳ đại tự.

Duy thảo mộc chí linh lạc hè,

Khủng mỹ nhân chí trì mộ.

21 Bất phủ tráng nhi khi uế hè,

Hà bất cải hồ thử độ.

Thùa kỳ ký dĩ trì sinh hè,

Lai ngô đạo phù tiên lộ!

Tích tam hậu chí thuận túy hè,

26 Cố chúng phương chí sở tại.

Tập thân tiêu dũ khuôn quế hè,

Khởi duy nân phù huệ chí.

-Bí Nghiêu Thuấn chí cảnh giới hè,

Ký tuân đạo nhi đặc lộ.

31 Hà Kiệt Trụ chí xương phi hè,

Phù duy tiệp kinh dĩ quẫn bộ.

Duy phù đảng nhân chí du lạc hè,

Lộ u muội dĩ hiềm ái.

Khởi dư than chí dạn ương hè,

36 Khủng hoàng dư chí bại tích.

Hốt bồn tàu dĩ tiên hậu hè,

Cập tiền vương chí chúng vũ.

Thuyên bất sát dư chi trung tình hè,
Phản tín sàm nhi tẽ nộ.

- 41 Dư cố tri kiền kiền chí vi hoạn hè,
Nhẫn nhi bất nǎng xá giã.
Chí cứu thiên dĩ vi chính hè,
Phù duy linh tu chí cố giã.
Viết hoàng hôn dĩ vi kỳ hè,
46 Khương trung đạo nhi cải lộ.
Sơ ký dũ dư thành ngôn hè,
Hậu hối độn nhi hữu tha.
Dư ký bất nan phù ly biệt hè,
Thương linh tu chí sác hóa.



- 51 Dư ký tư lan chí cứu uyên hè,
Hữu thụ huệ chí bách mẫu.
Huề lưu di dũ yết xa hè,
Tập dỗ hành dũ phương chí,
Ký chí diệp chí tuấn mậu hè,
56 Nguyễn sĩ thì hồ ngô tương ngại.
Tuy úy tuyệt kỳ diệc hè thương hè,
Ai chúng phương chí vu uế.

Chúng gai cạnh tiến dĩ tham lam hè,
Bằng bất yểm hờ cầu sách,

61 Khương nội thứ kỳ dĩ lượng nhân hè,
Các hung tâm nhì tật đố.
Hốt trì vụ dĩ truy trực hè,
Phi dư tâm chi sở cấp.

Lão nhiểm nhiểm kỳ tương chi hè,

66 Khùng tu danh chi bất lập.
Triệu lâm mộc lan chi truy lộ hè,
Tịch xan thu cúc chi lạc anh.
Cầu dư tình kỳ tín khóa dĩ luyện yếu hè,
Trường kham hạm diệc hè thương !

71 Lâm mộc căn dĩ kết chí hè,
Quán bệ lệ chí lạc nhì.
Kiều khuần quế dĩ nân huệ hè,
Tác hờ thăng chí si si.
Kiều ngô pháp phù tiền tu hè.

76 Phi thế tục chí sở phục
Tuy bất chu ư kim chí nhân hè,
Nguyễn y Bành Hảm chí di tắc.
Trường thái túc dĩ yêm thế hè,
Ai dân sinh chí đa gian.

81 Du tuy hiếu tu khóa dĩ cơ ky hè,
Kiều triều đốt nhì tịch thế.

Kỳ thể dư dī huệ tương hè,
Hựu thân chi dī lâm chi.
Diệc dư tâm chi sở thiện hè,

- 86 Tuy cứu tử kỳ do vị hối
Oán linh tu chi hạo dāng hè,
Chung bắt sát phù dân tam.
Chung nữ tật du chi nga mì hè,
Đao trác vị dư dī thiện dam.

- 91 Cố thì tục, chi công xảo hè,
Miễn quy củ nhì cài thố.
Bội thăng, mặc dī truy khúc hè.
Cạnh chu dung dī vi độ.
Đồn uất ấp dư sá sẽ hè,

- 96 Ngô dộc cùng khốn hè thử thì già!
Ninh kháp tử dī lưu vong hè,
Đư bắt nhẫn vì thử thái già!
Chi điều chi bắt quân hè,
Tự tiền thế nhì cố nhiên.

- 101 Hà phương viên chi năng chu hè?
Phù thực dī đạo nhì tương yên!
Khuất tam nhì úc chí hè,
Nhẫn vưu nhì nhương cầu.
Phục thanh bạch dī tử trực hè,

- 106 Cố tiền thành chi sở hậu.



Hồi tưởng dạo chi bất sát hè,
Điên trũ hờ ngô tượng phản!
Hồi trãm xa dĩ phục lộ hè,
Cập hành mè chi vị viễn.

- 111 Bộ dư mā u lan cao hè,
Trì tiêu khâu thả yên chí túc.
Tiến bất nhập dĩ ly vưu hè,
Thoái tương phục tu ngô sơ phục.
Chẽ kỵ hè dĩ vi y hè,

- 116 Tập phù dung dĩ vi thường.
Bất ngô trì kỵ diệc dĩ hè,
Cầu dư tình kỵ tin phương!
Cao dư quan chi ngập ngập hè,
Trường dư bội chí lục ly.

- 121 Phương dù trạch kỵ tạp nữu hè,
Duy chiêu chất kỵ do vị khuy,
Hốt phản cổ dĩ du mục hè,
Tương vãng quan hờ từ hoang.
Bội bân phản kỵ phòn súc hè,

- 126 Phương phi phi kỵ di chương.
Dân sinh các hữu sở nhạo hè,
Dư độc hiếu tu dĩ vi thường.

Tuy thè giải ngô do vị biến hè,
Khởi dư tam chi khả trùng?

• •

131 Nữ tu chi thiền viễn hè.

Thân thân kỳ lệ dư.

Viết: Còn hăng trực dĩ vong thân hè,

Chung nhiên yêu hè Vũ chi da,

Nhữ hà bắc kiền nhi hiếu tu hè,

136 Phán độc hữu thủ khóa tiết.

Tư lục thi dĩ doanh thất hè,

Phán độc ly nhi bất phục.

Chúng bất khả hộ thuyết hè,

Thực vân sát dư chí trung tình?

141 Thê tịnh cử nhi hiếu băng hè,

Phù hà quynh độc nhi bất dư thính?

Y tiền thánh dĩ tiết trung hè,

Khoái băng tâm nhi lịch tư.

Tế Nguyên Tương dĩ nam chinh hè,

146 Tựu Trùng hoa nhi trần từ.

Khải cứu biện dữ cứu ca hè,

Hạ khang ngu dĩ tự túng.

Bất cõi nạn dī đồ hậu hè,
Ngũ tú dụng thất hò gia hàng.

- 151 Nghệ đâm du dī dật diền hè,
Hựu hiếu xạ phù phong hò.
Cố loạn lưu kỳ tiền chung hè,
Xác hựu tham phù quyết gia.
Ngáo thân bị phục cường ngũ hè,

- 156 Túng dục nhi bất nhẫn.
Nhật khang ngu nhi tự vong hè,
Quyết thủ dụng phù diên văn.
Hạ Kiệt chi thường vi hè.
Nãi toại yên nhi phùng ương

- 161 Hậu Tân chi trư hải hè,
Ân tông dụng chi bất trường.
Thang Vũ nghiêm nhi chi kính hè,
Chu luận đạo nhi mạc sai.
Cử hiền tài nhi thụ năng hè,

- 166 Tuần thăng mạc nhi bất pha.
Hoàng thiên vô tư a hè,
Lãm dân dức yên thố phụ.
Phù duy thánh triết dī mậu hạnh hè,
Câu đặc dụng thử hạ thò.

- 171 Chiêm tiền nhi cố hậu hè,
Tướng quan dân chi kế cục.

Phù thực phi nghĩa nhí khă dụng hè?
Thực phi thiện nhí khă phục?
Điểm du thân nhí nguy tử hè,

176 Lầm dư sơ kỳ do vị hối.

Bất lượng tặc nhí chính nhuế hè,
Cố tiền tu dĩ trú hải.
Tăng hư hi dư uất ấp hè,
Ai trãm thì chi bất đáng.

181 Lầm nhụ huệ dĩ yêm thế hè,
Chiêm dư khâm chí lăng lăng.
Quy phu nhãm dĩ trần tử hè,
Cánh ngô ký đặc thử trung chính.



Tú ngọc cù dĩ thừa ẽ hè,

186 Khắp ai phong dư thương chính.

Triệu phát nhẫn ư Thương-ngô hè,
Tịch dư chí hò Huyền-phố.
Dục thiều lưu thử linh tòa hè,
Nhật hốt hốt kỳ tương mồ.

191 Ngô linh Hy Hòa nhí tiết hè,

Vọng Yêm-tu nhí vật bách.

Lộ man man kỳ tu viễn hè,
Ngô tương thương hạ nhi cầu sách.
Ấm dư mĩ ư Hàm-trì hè,

- 196 Tông dư bí hờ Phù tang,
Chiết nhược mộc dĩ phất nhạt hè,
Liêu tiêu diêu dĩ tương dương.
Tiền Vong Thư sứ tiên khu hè,
Hậu Phi Liêm sứ bôn chúc.

- 201 Loan hoàng vị dư tiên giới hè,
Lời sư cáo dư dĩ vị cụ.
Ngô linh phương diều phi đăng hè,
Kế chi dĩ nhạt dạ.
Phiêu phong dồn kỳ tương ly hè.

- 206 Suất vân nghe nhỉ lại nhẹ.
Phân tông tông kỳ ly hợp hè,
Ban lục li kỳ thương hè.
Ngô linh Đế hôn khai quan hè,
Ý xương hạp nhỉ vọng du.

- 211 Thủ ái ái kỳ tương bái hè,
Kết u lan nhỉ diện trũ.
Thể hồn trọc nhỉ bất phân hè,
Hiếu tế mỹ nhỉ tật đố.
Triệu ngô tương tế ư Bạch thủy hè.

216 Đăng Lăng phong nhi tiết mã.

Hốt phản cỗ dĩ lưu thế hè,
Ai cao khâu chì vô nũ.
Kháp ngô du thủ Xuân cung hè,
Chiết quỳnh chi dĩ kẽ bội,

221 Cập vinh hoa chi vị lạc hè,

Tướng hạ nũ chi khả di.
Ngô linh Phong long thừa vân hè,
Cầu Phục phi chi sở tại.
Giải bội tương dĩ kết ngôn hè,

226 Ngô linh Kiền Tu dĩ vị lái.

Phân tòng tòng kỳ li hợp hè,
Hốt vĩ hoạch kỳ nan thiên.
Tịch quy thứ ư Cùng-thạch hè,
Triệu trạc phát hồ Vị - bàn.

231 Bảo quyết mỹ dĩ kiêu ngạo hè,

Nhật khang ngu dĩ đậm du,
Tuy tín mỹ nhi vô lẽ hè,
Lai vi khí nhi cải cầu,
Lãm tướng quan ư tú cực hè,

236 Chu lưu hồ thiên dư nãi hạ.

Vọng Dao dài chi yèn kiền hè,
Kiến Hữu Nhung chi dạt nũ.
Ngô linh tráմ vi môi hè,
Tráմ cáo dư dĩ bất hảo.

- 241 Hùng cựu chi minh thệ hè,
 Dư do ố kỳ diêu xảo.
 Tâm do dự nhi hồ nghi hè,
 Dục tự thích nhi bất khả.
 Phượng hoàng kỵ thụ di hè,
- 246 Khủng Cao Tân chi tiên ngã.
 Dục viễn tập nhi vô sở chí hè,
 Liêu phù du dĩ tiêu diêu.
 Cập Thiếu Khang chí vị gia hè,
 Lưu Hữu Ngu chí nhị diêu.
- 251 Lái nhược nhi mồi chuyết hè,
 Khủng đạo ngôn chí bất cõ,
 Thể hồn trọc nhi tật hiền hè,
 Hiếu tế mỹ nhi xưng ác.
 Khuê trung kỵ dĩ thủy viễn hè,
- 256 Triết vương hựu bất ngộ.
 Hoài trăm tình nhi bất phát hè,
 Dư yên nǎng nhẫn dữ thử chung cõ.

★ ★

- Sách quỳnh mao dĩ định chuyên hè,
 Mệnh Linh phản vi dư chiêm chí.
 261 Viết: Luống mỹ kỵ tất hợp hè,
 Thực tín tu nhi mộ chí?

Tư cừu chau chi báu đại hè,
Khởi duy thị kỳ hưu nữ?
Viết: Miễn viễn thê nhi vô hò nghi hè,

266 Thục cầu mỹ nhi thích nhữ?

Hà sở độc vô phuong thảo hè,
Nhĩ hà hoài hè cổ vũ.
Thục u muội, dĩ huyễn diệu hè,
Thục vân sát dư chi thiện ác?

271 Dân hiếu ô kỳ bất đồng hè,

Duy thử đảng nhân kỳ độc dị.
Hộ phục ngại dĩ doanh yêu hè,
Vị u lan kỳ bất khả bội.
Lâm sát thảo mộc kỳ do vị đặc hè.

276 Khởi trình mỹ chi năng dương.

Tồ phản nhường dĩ sung vi hè,
Vị thân tiêu kỳ bất phuong.
Dục tòng Linh phản chi cát chiêm hè,
Tâm do dự nhi hò nghi.

281 Vu Hán tương tịch giáng hè,

Hoài tiêu sở nhi yêu chi.
Bách thần é kỳ bị giáng hè.
Cửu nghi bân kỳ tịnh nghenh.
Hoàng diễm diễm kỳ dương linh hè

286 Cáo dū dī cát cō.

Viết Miễn thăng giáng dī thượng hạ hè,
Cầu cù hoạch chi sở đồng.

Thang Vũ nghiêm nhi cầu hợp hè,
Chi Cao Dao nhi năng điều.

291 Cầu trung tình kỳ hiếu tu hè,

Hựu hè tất dụng phù hành môi ?
Duyệt thao trúc ư Phó-nham hè,
Vũ Đinh dụng nhi bất nghi.
Lá Vọng chi cõ dao hè,

296 Tao Chu Văn nhi đặc cử.

Nịnh Thích chi au ca hè,
Tề Hoàn văn dī cai phu.
Cập niên tuč chi vị án hè,
Thì diệc do kỳ vị ương.

301 Khủng dè quyết chi tiên minh hè.

Sử phù bách thảo vị chi bất phương.
Hà quỳnh hội chi yền kiền hè,
Chúng ái nhiên nhi tế chi.

Duy thủ đảng nhân chi bất lượng hè,

306 Khủng tật dố nhi chiết chi.

Thì bàn phản kỳ biến dịch hè.
Hựu hè khả dī yêm lưu.
Lan chi biến nhi bất phương hè,
Thuyên huệ hóa nhi vi mao.

311 Hà tích nhật chi phương thảo hè,
Kim trực vi thử tiêu ngài già.

Khởi kỳ hữu tha cổ hè.

Mạc hiếu tu chi hại già.

Dư ký dĩ lan vi khà thị hè,

316 Khương vô thực nhi dung trường.

Ủy quyết mỹ dĩ tòng tục hè.

Cầu đặc liệt hổ chúng phương.

Tiêu chuyên ninh dĩ mạn thao hè.

Sát hựu dục sung phù bội vi.

321 Ký can tiến nhi vụ nhập hè,

Hựu hà phương chí năng chi.

Cổ thì tục chí lưu tòng hè,

Hựu thực năng vô biến hóa?

Lâm tiêu lan kỵ nhược tư hè,

326 Hựu huống yết xa dũ giang ly.

Duy tư bội chí khà quý hè,

Ủy quyết mỹ nhi lịch tí tư.

Phương phi phi nhi nan khuy hè,

Phản chí kim do vị muội.

331 Hòa diệu dộ dĩ tự ngu hè,

Liêu phù du nhi cầu nǚ.

Cập dư súc chí phương tráng hè,

Chu lưu quan hổ thượng hạ.



Linh phân kỵ cáo dư dī cát chiêm hè,

336 Lịch cát nhật hò ngô tương hàng.

Chiết quỳnh chi dī vī tu hè,

Tinh quỳnh my dī vi trương.

Vị dư giá phi long hè,

Tập dao tương dī vi xa.

341 Hà ly tâm chì khá đồng hè,

Ngô tương viễn thệ dī tự sơ.

Triền ngô đạo phù Côn-lôn hè,

Lộ tu viễn dī chu lưu.

Dương vân nghê chi yếm ái hè,

346 Minh ngọc loan chì thu thu.

Triều phát nhẫn ư Thiên tân hè,

Tịch dư chí hò Tây cực.

Phượng hoàng dục kỳ thừa kỳ hè,

Cao cao tường chí dục dục.

351 Hốt ngô hành thử Lưu sa hè,

Tuân Xích thùy nhi dung dữ.

Huy giao long sứ lương tân hè,

Chiếu Tây hoàng sứ thiệp dư.

Lộ tu viễn dī đa gian hè,

356 Đăng chúng xa sứ kính dài.

Lộ Bất chu dī tả chuyền hè,

Chi Tay hái dī vi kỳ.

Dòn dư xa kỳ thiên thặng hè,
Tè ngọc đại nhi tịnh trì.

- 361 Giả bát long chi uyền uyền hè,
Tái vân kỵ chi ủy dà.
Úc chí nhi nhī tiết hè,
Thần cao trì chi mạc mạc.
Tấu Cửu ca nhi vũ Thieu hè,

366 Liêu hạ nhật dī du lạc.

Trắc thặng hoàng chi hách hý hè,
Hốt lâm nghẽ phù cựu hương.
Bộc phu bi dư mā hoài hè.
Quyền cục cỗ nhi bất hàng.

371 (*Loạn viết*) Dī hý tai!

Quốc vô nhân mạc ngã tri hè.
Hựu hà hoài hồ cỗ dō.
Ký mạc túc dī vi mỹ chính hè,
Ngô tương tòng Bành Hàm chi sở cư.

Dịch nghĩa

- 1 *Dòng dõi vua Cao Dương a.*
Thân phụ qua đời của ta là Bá Dung.
Năm dần đúng tháng giêng (tháng dần) a.
Vào ngày canh dần ta lợt lồng.

*Cha xem xét thời đầu của ta a,
Bắt đầu cho ta tên hay.*

Tên chính ta là Chinh-tắc a,

Tên tự ta là Linh-quân.

Ta đã có bè trong tốt đẹp ấy a,

Lại thêm có tài năng la.

11 *Hải giang ly và bạch chi a;*

Xấu lan mùa thu làm vòng đeo.

Ta vội vàng như không kịp a.

Sợ tuỗi tác chẳng chờ ta.

Sớm bẽ mộc lan ở núi Tỷ a,

Chiều hải túc mỵ trên bãi.

Ngày tháng vùn vụt chẳng dừng a,

Xuân cùng thu đãp đồi nhau.

Nghĩ cây cỏ héo tàn a,

Sợ người đẹp sẽ già muộn.

21 *Không nhân trè trung mà lau nhôp a?*

Sao không đồi đường ấy đi?

Coi kỳ ký mà rong ruổi a,

Lại đây ta trả cho đường trước.

Xưa ba vua thuận túy a,

Nên mọi giống thơm đều ở đó.

Lần thân tiêu cùng nhục quế a,

Há chí xấu hổ và chì!

Nghiêu Thuấn kia sáng lớn thay a,
Đã theo đạo mà trúng đường.

- 31 Sao Kiệt Trụ đậm loạn thế a,
Theo đường tà mà vấp bước?
Nghĩ bọn bè đảng tạm vui a,
Đường ám u mà dốc hép.
Thân ta hờ sợ tai ương a.
Sợ xe vua sẽ đò hu.
Vội chạy vạy lên trước xuồng sau a;
Cho kịp bước theo tiền vương.
Thuyên (chỉ vua) chẳng xét tình ngay của ta a,
Lai tin gièm mà nồi giận.
- 41 Ta vốn biết khăn khăn là mồi lo a,
Nhìn mà không thể bò được.
Trò chín từng trời lấy làm chứng a,
Chỉ vì có nhà vua vây.
Răng chang vang làm kỳ hẹn a,
Sao giữa đường lại đòi lỗi?
Buồi đầu đã hẹn lời với ta a,
Sau lại hối mà có ý khúc.
Ta đã chẳng khó mà li biệt a.
Xót nhà vua nhiều đòi chí.
- 51 Ta đã vun lan chín uyên a,
Lại trồng huệ được trăm mẫu.

*Trồng lưu di cùng yết xa a,
Lần đỗ hành cùng phuong chū.
Mong cảnh lá tốt rậm a,
Nguyễn chờ thời ta sẽ cắt.*

*Tuy tàn hèo cũng chẳng đau xót a,
Thương các hoa um rậm cò.
Chúng đều ganh nhau vì tham lam a,
Thỏa mãn chẳng chán lòng đòi hỏi.*

- 61 *Sao trong rộng với mình mà hẹp với người a,
Đều dãy lòng mà ghét ghen.
Vội rong ruổi mà theo đuổi a,
Chẳng phải cái mà lòng ta muôn gấp.
Già sòng sọc sắp đến a,
Sợ danh hay chửa dựng được.
Sớm uống mộc rót ở cây mộc lan a,
Tôi ăn nhụy non của hoa cúc.
Vì dù lòng ta tốt thật mà bền vững a,
Ta cõi cõi luôn cũng chẳng xót.*

- 71 *Lấy rễ cây mà kết bạch chỉ a.
Xâu hoa tươi cây bẽ lè;
Ướn nhục quẽ mà xâu huệ a,
Thành chuỗi thơm dài và đẹp.
Ta theo phép người hiền trước a,
Chẳng phải điều thế tục hay làm.*

Tuy không hợp người đời nay a,
Nguyên theo di tộc của Bành Hảm.
Thở dài mà gạt nước mắt a,
Thương nhân dân nhiều giàn khò.

81 Ta tuy ham đẹp tốt mà bị lụy a,
Đè sớm xong mà tối hỏng.
Đã phá vòng huệ của ta a,
Ta lại lấy vòng bạch chỉ.
Lòng ta cũng vẫn cam a,
Tuy chín chêt mà vẫn chưa hối.
Oán nhà vua chèn mảng a,
Rốt chặng xét lòng của dân.
Chúng con gái ghét ta mà ngài a,
Bìa đất bảo ta là thích tà dâm.

91 Võn thói tục khéo léo a,
Bò quy củ mà đồi cùn.
Bò thăng mặc mà theo công vay a.
Đua chiều nịnh làm phép thường.
Buồn uất úc ta sưng sờ a.
Ta độc cùng khốn như thế này sao vậy!
Thà chết quách mà trôi mắt a,
Ta chặng nỡ làm thói này.
Chim ưng không hợp bày a,
Từ đời trước vẫn như thế.

- 101 Sao vuông và tròn có thể khớp nhau a,
Ai khác đạo mà cùng hiệp nhau được?
Dẫn lòng mà nên chí a,
Nhẫn tai họa mà chịu xấu hổ.
Giữ trong trắng mà chết ngay thẳng a,
Võn là điều thánh xưa qui trọng.
Hồi hận xem đường mà chẳng xét kỹ a,
Đừng tăng ta toan lui lại.
Quay xe ta đè trở lại đường a,
Cho kịp khi đường làm trước chưa xa mấy.
- 111 Ngựa bước chậm trên chầm lan a,
Lên gò tiêu mà dừng nghỉ.
Tiễn không xong lại gặp họa a,
Thoái về toan sửa mặc đồ cũ.
Chè lá súng lá sen làm áo a,
Kết hoa phù dung đè làm xiêm.
Chẳng biết ta cũng thôi a,
Vi dù lòng ta là thơm thực.
Mù ta cao ngắt ngắt a,
Chuỗi ta dài mà huy hoàng.
- 121 Thơm cùng thôi lẩn lộn a,
Chi chất của ta không đồi sai.
Bồng ngoài lại mà đưa mắt quanh a,
Toan đi xem quanh bốn phương.

Tràng hoa đeo tươi thắm rực rõ a,
Thơm phơi phới thèm sặc sảng.
Dân sinh mỗi người có sở thích a,
Riêng ta lây ham tốt làm việc thường.
Tuy thân nát ta vẫn chưa đòi a.
Hà lòng ta lại khá sơ.

131 Chị em gái bạn lòng a.

Từng nhiều lần mang mò ta,
Rặng Còn quá thăng mà bỏ thân a,
Rốt cùng chết ở nội núi Vũ.
Người sao cứ khăn khăn mà ham tốt a,
Một mình giữ tiết lạ ấy?
Cây tư cây lục cây thi chát đầy nhà a,
Chỉ một mình người không chịu mặc.
Người ta không thể bảo với từng người a,
Ai xét được lòng ngay của ta!

141 Đời tất cả là ham bè đảng a,
Ai lại tro trọi một mình mà đi nghe ta!
Theo thánh xưa mà dè lòng a,
Than ôi! đau lòng đến thế này!
Vượt sông Nguyên-tuong mà trày Nam a,
Đến chỗ vua Thuần mà bày lời:
Khài được Cửu biện và Cửu ca a,
Cà vui chơi mà luông tuồng.

*Chẳng doi nன mà lo sau a,
Đè Ngụ từ đ n m t nghiệp nh .*

- 151 *Ngh  d m d t m t m  s n b n a.
L i ham b n lo i ch n l n.
V n k  d m loạn it đ ng tr n ch t a,
X c l i th m m t c r p v  con.
Ng o c y m nh m t b o ng c a.
Th  l ng d c m t kh ng nh n.
Ng y v i ch i m t t  qu n a,
D n d u m nh ph i r i r ng.
Vua Ki t nh  Ha thường tr i a,
N n l m sao ch ng g p tai họa!*

- 161 *H u Tân (vua Tr ) th ch b m v m a.
D ng nh  An v i th  kh ng l u d i.
Vua Thang vua V u nghiêm m t kinh a,
Nh  Chu b n đ o m t ch ng l i.
C t người hi n d ng người tài a,
Theo th ng m t m t ch ng tr i.
Ho ng thi n kh ng t y vi a,
Xem d c d n m t gi p đỡ.
Ph m người th nh tri t d c h nh tốt a,
H n d c d ng trong thi n họ.*
- 171 *Xem trước m t doi sau a,
Xem xét việc d n cho t y my.*

Ai phi nghĩa mà có thè dùng a?

Ai phu thiện mà có thè phục sự?

Dù thân ta phải nguy chết a,

Ta vẫn còn chưa hối hận.

Không lường họng mà tra cát a,

Nên hiền xưa bị băm vằm.

Luôn than thở mà ấp úng a,

Thương hại ta thời chẳng đáng.

181 *Hải huệ mềm mà gạt nước mắt a,*

Thảm vật áo ta ròng ròng.

Quì trên vật áo trải mà bày lời a,

Ta đã tò rõ được niềm trung chinh ấy.

Ngồi xe cù ngõc và cõi phương hoàng a,

Chờ gió nồi ta bay lên.

Sớm ra đi từ Thương-ngo a,

Tối ra đến chung Huyện-phố.

Muốn dừng lại một chút đất thiêng này a,

Ngày vùn vụt đã gần tối.

191 *Ta bảo Hy Hỏa thông thả a.*

Trong núi Yêm-tu mà chờ gấp.

Đường man mòn mà dài xa a,

Ta toan lèn xuồng mà tìm tòi.

Cho ngựa ta uống ở Hàm-trì a,

Buộc dây cương ta ở cây Phù tang.

Bè cây Nhược mà che mặt trời a,
Hãy bay liêng mà tiêu diêu.
Sai Thần Trăng đi trước a,
Khiến Thần Gió tiếp đi sau.

201 Chìm loan vì ta bảo trước a,
Lời sư bảo ta là chưa sẵn sàng.
Ta bảo chìm phượng bay lên a,
Bay suốt cả ngày đêm.
Gió cuộn cuộn mà lìa cách a,
Xưa mây rảng lại ngăn cản.
Cứ dập dờn khi tan khi họp a,
Rồi ren ren mà lên mà xuồng.
Ta bảo Đè Hòn mờ cửa (trời) a,
Chỉ dựa cửa mà nhìn ta.

211 Thời xám xàm gần hết ngày a.
Ta xoắn vòng u lan mà đứng lặng.
Đời ngùn đục chằng phân biệt a,
Hay che đẹp mà ghét ghen.
Sớm ta toan vượt sông Bạch-thủy a,
Lên núi Lăng-phong mà buồm ngựa.
Bỗng ngoảnh lại mà chày nuôc mắt a,
Thương núi cao không có gái đẹp.
Bỗng ta chơi Xuân cung kia a,
Bè cánh quỳnh mà deo tiếp.

- 221 Vừa hoa tươi chưa rụng a,
Xem gái hạ giới có thè tăng
Ta sai Thần Mây cởi mây a,
Tìm chỗ ở của Phục phi.
Còn vòng hoa mà uốc lời a,
Ta sai Kiền Tu làm mối lái.
Cứ dập dồn khi tan khi hợp a,
Lòng chèn mảng khó dời đòi.
Tôi về ở Cửng-thạch a,
Sớm chải tóc ở Vi-bàn.
- 231 Giữ sắc đẹp mà kiêu ngạo a,
Ngày vui chơi mà đâm đắng.
Tuy đẹp thật mà vô lẽ a,
Thôi bỏ quách mà đòi tim nơi khác.
Tim xem xét cả bốn phương a,
Tim khắp trời ta bèn xuông.
Trông Dao dài cao chót vót a,
Thấy gái đẹp họ Hữu Nhung.
Ta bảo chim trámm làm mối a,
Trámm cáo ta rằng không tốt.
- 241 Chim cưu đực vừa bay vừa kêu a,
Ta còn ghét là điều xảo.
Lòng do dự và hờ nghi a,
Muốn tự đi mà không thể được.

*Phượng hoàng đã trao lẽ a,
Sợ Cao Tân được trước ta.
Muôn di xa mà không biết đến đâu a.
Hãy lang thang mà tiêu dao.
Kịp Thiếu Khang chưa thành già thất a,
Giữ hai nàng họ Hữu Ngu.*

251 *Lại yêu mà mỗi vụng a,
Sợ nói dùm chẳng vững vàng.
Đời ngẫu đục mà ghét hiền a,
Hay dìm đẹp mà khen xấu.
Buông trong đã xa thăm a,
Vua sàng lại không tinh ngộ.
Cuu tình ta mà chẳng tỏ ra được a,
Ta sao chịu được thế đèn trọn đời?
Lấy cỏ thi và thè trúc a.
Sai đòng cột bói cho ta.*

261 *Rằng hai người đẹp tất hợp nhan a,
Người tốt thật ai mà không mê!
Nghĩ chín châu rộng lớn a,
Há chi đây có gái đẹp!
Rằng gắng đi xa mà chờ hờ nghi a,
Ai cầu người đẹp mà lại bỏ người!
Sao lại riêng người không có cỏ thơm a,
Người sao cứ khu khu nơi vườn cũ!*

*Dời tối tăm mà mù quáng a,
Ai xét được thiện ác của ta!*

- 271 *Dân yêu ghét không giống nhau a,
Chỉ riêng bọn bè đảng ấy là lạ đời!
Người ta mang ngài đầy lưng a,
Bảo u lan không thè đeo.
Xét cỏ cây còn chưa được (rạch ròi) a,
Hà ngọc đẹp dễ đâu so sánh.
Lấy phẩn thờ cho đầy túi a,
Bảo thân tiêu là không thơm.
Muốn theo lời đồng cốt bối tốt a,
Lòng còn do dự mà hờ nghi.*

- 281 *Vu Hàm gần tối là xuồng a,
Mang tiêu và gạo mà đón rước.
Trầm thẫn che rợp mà giáng dù a,
Núi Cửu-nghì nô nức mà nghênh tiếp.
Thần rõ rõ mà ứng linh a,
Bảo ta là việc tốt.
Rặng gặng lên xuồng trên dưới a,
Cầu qui cù cho phù hợp.
Vua Thang vua Vũ cầu hợp a,
Nên Y Doãn và Cao Dao mới có thè điều hòa.*
- 291 *Vi lòng ta ham tu dưỡng a,
Lại cần gì dùng mồi lái!*

Duyệt dấp đất ở Phô-nham a,
Vũ Đinh dùng mà chẳng ngờ.
Là Vọng dương múa dao a,
Gặp Chu Văn mà được cát nhắc.
Nịnh Thích dương ca hát a,
Tề Hoàn công nghe mà cho phù tá.
Kịp tudi tác chừa muộn a,
Thời cũng còn chưa hết.

301 Sợ tu hú hót trước a,

Khiến trăm hoa vì thè mà không thơm nữa!
Sao vong quỳnh tốt đẹp a.
Chúng lại hùa nhau mà che lấp?
Chỉ bọn bè đảng ấy là chẳng tin a,
Sợ ghét ghen mà bỏ đi.
Thời rỗi ren mà biến đổi a,
Lại cái gì có thè được lâu!
Lan và chi biến đổi mà không thơm a,
Thuyên và huệ hóa mà thành cò khô.

311 Sao cò thơm ngày xưa a,

Đến nay lại hóa thành tiêu ngoài thè?
Há bởi có gì khác đâu a,
Chẳng ham tu dưỡng mà nên hại vây.
Ta cho lan là khà cây a,
Sao không có thực mà chỉ về đẹp thôi?

Bò đẹp của mình mà theo tục a,
Tạm bợ được vào hàng các hoa thơm.
Tiêu chuyên nịnh mà tự khoe khoang a,
Thù du lại muôn sung vào túi đeo.

- 32) Dã hăm hờ tiễn lên mà cầu dùng a,
Lại còn thơm gì mà có thè kinh yêu.
Vốn thời tục chi theo dòng a,
Lại ai có thè không biến hóa?
Xem tiêu lan mà như thế a,
Hương chi yết xa cùng giang ly!
Chi vòng đeo này là khá qui a,
Bò đẹp của nó mà đến thế này.
Thơm phung phúc mà khó phai a,
Hương đến nay còn chưa hết.

- 33) Hòa thái độ mà tự vui a,
Hãy lang thang mà tìm gái đẹp.
Kíp vòng trang sức của ta còn tươi tốt a,
Mà đi khắp trên và dưới.
Đồng cốt đã bảo ta là bói tốt a,
Đến ngày tốt ta sẽ đi.
Bè cành quỳnh làm món ăn a,
Giá gạo quỳnh đè làm lương.
Vì ta thăng rồng bay a,
Lẩn ngọc dao và ngà đè làm xe.

341 Sao lòng lìa mà có thè cùng ở a?

Ta toan đi xa đè tự xa lìa.

Quay đường ta sang Côn-lôn a,

Đường dài xa mà rộng khắp.

Giăng mây rắng rợp trời a,

Khoa chuông ngọc tiếng leng keng.

Sớm ra từ Bên trời a,

Tối ta đến tận Tây cực.

Cánh phượng hoàng đỡ cờ a,

Bay liêng cao mà nô nức.

351 Bỗng ta đi đến Lưu sa kia a,

Theo Xích thủy mà đi thông thả.

Vẫy giao long khiên bắc cầu a,

Bảo Tây hoàng khiên chờ ta sang.

Đường dài xa mà nhiều gian hiềm a,

Vượt các xe bảo đi tắt mà chờ đợi.

Qua đường Bát-chu mà quay sang tả a,

Chi Tây hải mà hẹn nhau.

Hợp xe ta nghìn cỗ a,

Đều chuông ngọc mà cùng ruồi.

361 Tâm ngựa rồng rùn ruot a,

Chờ cờ mây mà kéo đi.

Nén chí mà từ từ a,

Tinh thần vượt cao mà bay xa.

Tâm nhạc Cửu ca mà múa Thủu a,
Tâm ngày rời mà vui vẻ.
Xuống lèn đùa giỡn trong ánh sáng a,
Bỗng liếc nhìn thấy làng cũ.
Đây tờ buồn mà ngựa nhớ chuồng a,
Đều ngoại lai nhìn mà chẳng đi nữa.
(Lời kết)

Thôi xong rồi!
Nước không có người, chẳng ai biết ta a,
Còn nhớ gì đến kinh đô cũ.
Đã chẳng dù cùng nhau làm chính trị tốt a,
Ta toan theo đến chỗ ở của Bành Hảm.

Dịch thơ

- 1 Vốn dòng vua Cao Dương a,
Cố phụ ta là Bá Đung.
Đúng năm dần tháng dần a,
Ngày canh dần ta lọt lòng.
Xét thời lành ta sinh a,
- 6 Người vì ta chọn đặt tên.
Tên chính ta Chính-tắc a.

Tên tụ ta là Linh-quân.

Trong dã bầm chất tốt tươi a,

Lại thêm tài năng lối lạc.

11 Hải giang ly và bạch chỉ a,

Cùng thu lan xâu vòng khoác.

Ta vội vàng dường chẳng kịp a,

Sợ tuồi xanh ta không trở lại.

Sớm bẻ mộc lan núi Tỷ a.

16 Chiều túc mù bãi sông hái.

Ngày tháng vùn vụt chẳng dừng a,

Dắp đồi hết xuân rồi thu.

Nghĩ cây cỏ tất khờ héo a,

Sợ mỵ nhân cũng già nua.

21 Không nhân trẻ mà lau nhớp a,

Dường lối ấy sao chẳng thay?

Cõi ký ký mà rong ruổi a,

Dường trước lại ta trả bày.

Xưa Ba vua anh minh a,

26 Nên trăm hoa thường đua về.

Cà thanh tiêu cùng nhục quế a,

Hả chi xâu huệ cùng chỉ!

Nghiêu Thuấn sáng lớn thay a!

Theo đường chính mà đặc đạo.

31 Kiệt Trụ luồng tuồng thay a!

Đi đường tà mà khuynh đảo.

Nghĩ bè đảng hùa vui tạm a,

Đường nguy hiểm rất âm u.

Ta há sợ tai vạ a,

• 36 Sợ hư hỏng mất xe vua.

Vội bôn tàu sau trước a,

Mong kịp bước theo tiền vương.

Chẳng xét ta ngay thẳng a..

Lại tin nịnh mà giận vang.

41 Ta vốn biết khăn khăn chí tờ lò a.

Dành chiju vạy không thể chối.

Vạch chín từng xin xét soi a,

Vì Bè trên bền một mồi.

Vốn đã ước hẹn với ta a,

46 Sao nứa đường lại đồi lối.

Xưa vốn cùng ta hẹn lời a,

Sau lại hối mà khác ý.

Ta vốn không sợ xa lìa a,

Xót Bè trên hay đồi chí.



51 Ta đã trồng lan chín uyên a,

Lại trồng huệ hàng trăm via.

Trồng lưu di lần yết xa a,
Thêm dỗ hành cùng phương chí.
Mong cành lá xum xuê a,

56 Dợi đến mùa cắt dành dỗ.

Dù tàn héo cũng chẳng sao a,
Thương các hoa um rậm cỏ.
Chúng tranh nhau mà tham nhũng a,
Đè thỏa thích mấy chẳng nhảm.

61 Voi mình rộng với người hẹp a,
Đều sinh lòng mà ghét gièm.
Vội chạy vạy mà theo đuổi a,
Chẳng phải chuyện ta gấp mong.
Già sòng sọc sắp đến a,

66 Sợ tiếng tốt chưa dựng xong.
Sớm uống mốc mộc lan a,
Hôm ăn cúc non mới nở.
Chi cần lòng thành giữ bền a,
Dù cõm cõi ta chẳng sợ.

71 Lấy rễ cây buộc bạch chỉ a,
Ta xâu luôn hoa bệ lệ.
Lại xâu cả hoa huệ a,
Thành chuỗi dài băng nhục quế.
Hiền xưa ta theo phép a,

76 Đành thế tục chẳng aiưa.

Tuy dời nay không hợp a,
Nguyễn Bành Hảm noi phép du.
Chỉ thở dài gạt lệ a,
Thương nhân dân còn khôn nhiều.

81 Ta ham tốt lại bị lụy a.

Khiến nén sớm mà hư chiều,
Đã phá vòng huệ của ta a,
Còn bạch chỉ ta lại đồi.
Ta cũng vẫn cam lòng vậy a,

86 Dù cứu tú mà chưa hối.

Oán Bề trên quá vô tâm a,
Chẳng đoái xét lòng ngay thật.
Lũ tỳ thiếp ghen mày ngài a,
Bày đặt vu ta dâm dật.

91 Đành thời tục khéo thêu dệt a.

Bỏ qui củ mà đồi dời.
Bỏ thẳng mặc theo cong vạy a,
Đua nịnh nọt mà chiều người.
Ta sững sờ mà uất ức a.

96 Há khôn mãi như ngày nay!

Thà chết quách mà trôi mất a,
Chờ không nỡ làm thói này.
Chìm ưng không hợp bày a.
Từ đời xưa vốn là nghiệp.

101 Sao vuông tròn khớp nhau a.

Ai khác đạo mà cùng hiệp?

Dẫn lòng mà nén chí a,

Chịu họa mà dành xấu hổ.

Gửi trong trắng cam chết a,

106 Vốn tiết cao hiền thánh cõ.



Hồi xem đường mà chẳng xét a,

Đứng lặng ta toan lui lại.

Quay xe ta muốn trở về a,

Đường lầm trước chưa xa mấy.

111 Ngựa bước một trên chǎm lạn a,

Lên gò tiêu mà nghi dỗ.

Tiến chẳng lọt mà vướng họa a,

Thoái về toan mặc như cũ.

Chǎm lá sen làm áo a,

116 Kết hoa sen mà làm xiêm.

Chẳng biết ta cũng kệ a.

Miễn lòng ta thực là thơm.

Cao ngất ngất mū ta a,

Rực rỡ thay vòng deo dài.

121 Thơm cùng thói lẩn lộ a,

Miễn chất ta không đòi dời.

Bỗng ngoại đầu buông nhìn a,

Toan di xem quanh bốn mặt.

Tràng hoa deo thầm tươi a,

126 Sắc huy hoàng hương ngào ngọt.

Mỗi người có thích riêng a,

Độc ta ham tốt cứ chuyên cần.

Tuy nát thân chẳng đòi a,

Há lòng ta lại sợ rắn !



131 Bạn gái ta những bạn lòng a,

Từng nhiều lời mà mắng mỏ :

Còn quá thăng mà bỏ thân a.

Rốt bị giết ở núi Vũ.

Người sao khẽ khẽ ham tốt a.

136 Mà một mình thành cô độc ?

Tư lục thi chất đầy nhà a,

Người một mình không chịu mặc.

Chúng không thè bảo từng người a,

Ai xét được ta chân thành !

- 145 Khắp đời chỉ ham bè đảng a,
Ai trơ trọi mà nghe mình!
Theo thánh xưa mà dè lòng a,
Ôi! đau khổ đến thế này!
Vượt Nguyên-tương mà xuống Nam a,
- 146 Tìm vua Thuấn mà tỏ bày.
Khải được Cửu biện Cửu ca a,
Nhưng vui chơi mà bừa bãi.
Không đoái nạn mà lo sau a,
Đến Ngụ tử nhà bại hoại.
- 151 Hậu Nghệ say mê săn bắn a,
Thích bắn nhất loài chồn bụi.
Bọn dân loạn ít chết lành a,
Bị Xác giết tranh lấy vợ.
Ngáo cậy mạnh mà tàn bạo a,
- 156 Cứ luồng tuồng thả sức chơi.
Chi dân dật mà tự quên a,
Đến cuối cùng đầu phải rời.
Kiệt chúa quá bạo ngược a,
Sao tránh được gắp tai ương!
- 161 Trụ vương thích băm vằm a,
Nhà Ân há được cứu trờng!
Thang Vũ nghiêm mà kính a,

- Chu trọng đạo mà chẳng lỗi.
 Cất hiền mà dùng tài a,
166 Giữ thẳng mặc mà không trái.
 Hoàng thiên không tay vị a,
 Xem đức hạnh mà phù tá.
 Người thánh triết đức cao a,
 Hắn đặc dụng trong thiên hạ,
171 Xem trước mà nghiệm sau a.
 Xét đời dân đến tóc tơ.
 Ai phi thiện được làm a?
 Ai bất thiện được dùng chưa?
 Dù thân ta phải chết a,
176 Giữ sơ tâm chẳng ăn năn.
 Không do họng mà tra cát a,
 Nên hiền xưa phải hâm thân,
 Luôn ấp úc mà thở than a,
 Thương hại ta thời chẳng ngô.
181 Há huệ nuột mà gạt chau a,
 Vật áo ta đầm lệ rò.
 Quì áo trải mà trình lời a,
 Niềm trung trình ta bày tỏ.

* * *

- Cõi cù ngọc và phượng hoàng a,
186 Chờ gió nồi lên chín từng.

- Sớm Thương-ngô ra đi a,
Chiều Huyền-phố ta về dừng.
Muốn tạm dỗ đất thần a,
Mà trời hôm sắp tối sầm.
- 191 Bảo Hy Hòa khoan khoan a,
Tới Yêm-tư chờ xăm xăm.
Đường man man dăng đặc a,
Lên rồi xuống ta tìm suốt.
Đến Hàm-trì ngựa uống a,
- 196 Gốc phù tang cương ta buộc.
Che mặt trời bẽ cành nhược a,
Hãy tiêu dao mà chẳng vội.
Khiến Thần Trắng dẫn trước a.
Bảo Thần Gió sau tiếp nối.
- 201 Loan vì ta báo trước a,
Thiên lôi bảo chưa sẵn sàng.
Sai chim phượng lên thăng a,
Luôn ngày đêm chẳng trễ tràng.
Gió cuồn cuộn tấp tới a.
- 206 Lùa mày ráng ra cản ngăn.
Cứ dập dờn mà tụ tán a,
Lên rồi xuống rồi ren ren.
Bảo Đề hôn mở cửa trời a,
Chi dựa cửa nhìn hờ hững.

- 211 Trời xâm xăm gǎn tối a,
Ta xoắn vòng mà đứng sững.
Đời ngàu dục lộn xộn a,
Hay dàn dẹp mà ghét ghen.
Sáng ta toan vượt Bạch-thủy a,
- 216 Trèo Lãng-phong buộc ngựa lên.
Bỗng quay lại mà rơi lệ a,
Thương núi cao thiểu ngọc dung.
Bè cành quỳnh ta đeo tiếp a,
Thoắt ta dạo đến Xuân cung.
- 221 Vừa hoa thắm chưa phai a,
Có thè dâng gái hạ giới.
Sai Thần Mây ruồi may a,
Nơi Phục phi tìm ngay tối.
Còn vòng hoa mà ước lời a,
- 226 Sai Kiền Tu đứng làm mồi.
Cứ dập dờn mà hợp tan a,
Lòng chèn mảng khó dời dòi.
Tối về ở Cửng-thạch a,
Sớm chải tóc bên Vi-bàn.
- 231 Cậy sắc đẹp mà kiêu ngạo a,
Ngày mài miệt cuộc truy hoan.
Tuy có dẹp mà vỡ lẽ a,
Đành dời khác chốn cầu thân.

Dạo xem cả bốn phương a,

236 Tim khấp nơi lại xuống trần.

Trong Dao dài chót vót a.

Thấy Hữu Nhung con gái trưởng.

Sai chim tráim làm mối a.

Tráim bảo rằng không xứng đáng.

241 Cu gáy vốn khéo gáy a,

Ta lại ghét là không thực.

Lòng do dự hờ nghi a,

Muốn tự đến mà chẳng được.

Phượng hoàng đã trao lẽ a,

246 Sợ Cao Tân được trước rồi.

Muốn đi xa mà không biết chỗ nào a,

Đành lang thang tiêu dao thôi.

Thiếu-Khang chưa thành gia a,

Giữ Hữu Ngu dỗi yêu kiều.

251 Lại yếu mà mối vụng a,

Sợ nói dùm chưa dù điều.

Dời ngàu đực ghét hiền a,

Hay chê đẹp mà khen xấu.

Buông trong đã thiềm xa a,

256 Quân vương lại không tinh ngợ.

Tinh ta không tỏ bày a.

Sao chịu nỗi đến cùng số!



Lấy cỏ thi và thè trúc a,
Nhờ đồng cốt bói xem sao.

- 261 Trai tài gái sắc tất hợp a,
Người tốt thực ai chẳng yêu!
Nghĩ chín chau rộng lớn a,
Há chi đây có gái qui?
Gặng đi xa chờ ngờ a,
- 266 Cầu tốt ai bỏ người thế?
Dâu chẳng có hoa thơm a,
Sao khu khu nơi vườn cũ!
Đời u ám mù quáng a,
Ai xét được ta tốt xấu?

- 271 Dân mõi người mõi vè a,
Chi bè đảng là lạ đời.
Họ deo ngai kín lưng a,
Bảo u lan là giống tôi.
Cỏ cây xấu tốt còn không rành mạch a,

- 276 Huống ngọc tốt dâu dẽ so!
Chứa phẩn thò đầy túi a,
Bảo thân tiêu chẳng thơm tho.
Muốn theo lời đồng cốt a,
Lòng do dự mà ngờ vực.

- 281 Đồng gần tối là giáng a,
Tiêu cùng gạo mà đón rước.

- Rách thăn rợp giáng đú a.
Cửa-nghi hân hoan nghinh tiếp.
Thần rỡ rỡ ứng linh a,
286 Cho biết việc ta tốt đẹp.
Cố lên xuống mà bôn tầu a,
Cầu qui cú cho hiệp đồng.
Thang Vũ dốc cầu hợp a,
Y Cao mới được thỏa lòng.
291 Ví thực tình ham tốt a,
Thì cần gì phải mồi manh.
Duyệt dấp đất Phó-nham a,
Vũ Đinh tin mà định ninh.
Lã Vọng từng múa dao a,
296 Chu Văn gấp mà cắt nhắc.
Nịnh Thích dương mải hát a,
Tề Hoàn nghe mà cho rước.
Tuổi còn trẻ chưa chầy a,
Thời ta cũng còn chưa hết.
301 Ghét tu hú kêu sớm a.
Khiến trâm hoa đà rụng tiết.
Vòng quỳnh đẹp quý thế a,
Sao người ta lại dè dặt?
Vì bè đảng chẳng tin a,
306 Lại ghét ghen mà chê gièm.
Trò đời hay biến đổi a,

Có cái gì mà được lâu.
Lan chi biến mà rụng a,
Thuyên cùng huệ thành cỏ khô.

- 311 Sao cỏ thơm ngày trước a,
Lại biến thăng ra thành ngải?
Há còn bời cớ gì a?
Không ham tốt mà nên hại!
Ta cho lan khá cậy a,
- 316 Sao vẻ đẹp mà không thực?
Bỏ chất quý theo tục a,
Miễn dừng hàng hoa thơm được.
Tiêu chuyên nịnh khoe khoang a,
Thù du muốn vào túi đeo.

- 321 Đã hăm hở cầu dùng a,
Còn thơm gì mà đáng yêu!
Thời tục chỉ theo dỏi a,
Ai giữ được không biến di?
Biều lan còn như thế a,

- 326 Hỗng yết xa và giang ly.
Chi vòng này đáng quý a,
Vì bị ruồng mà ra vậy,
Thơm phưng phúc khó phai a,
Hương đến nay còn dươn dấy.
- 331 Hòa thái độ mà tự vui a,

Hãy lang thang tìm cho gấp.
Cần vội vàng ta còn tươi a.
Trên dến dưới di tìm khắp.



- Dòng cốt bão bối tốt a,
336 Chọn ngày lành ta lên đường,
Bè cành quỳnh làm rau a,
Giá gạo quỳnh ta làm lương.
Vì ta thăng ngựa rồng a,
Lấy ngọc ngà mà khâm xe.
341 Khác lòng sao cùng ở a,
Toan tách xa mà chẳng về.
Quay đường sang Côn-lôn a,
Đường dài xa mà rộng rãi.
Giăng mây ráng rợp trời a,
346 Gióng chuông ngọc cho xe trầy.
Sớm ra tự bến Ngân a,
Chiều ta đến miền Tây cực.
Cánh phượng hoàng đỡ cờ a,
Bay liệng cao mà nô nức.
351 Bỗng ta vượt Lưu sa a,
Theo Xích thủy di dời dà.
Vẫy giao long bắc cầu a,

Bảo Tàng hoàng chờ ta qua.

Đường dài xa gian hiềm a,

356 Truyề̄n xe tát mà đợi chờ.

Qua Bất-chu sang tả a,

Chì Tây hải mà hẹn hò.

Hợp cá đoàn nghìn xe a,

Đều chuồng ngọc mà cùng ruồi.

361 Tám ngựa rồng rườm rưởi a,

Chờ cờ mây mà theo đuổi.

Nén chí hăng từ từ a,

Cho tình thần bay vời vợi.

Tấu Cửu ca mà múa nhạc Thiếu a,

366 Tạm vui chơi trong lúc rỗi.

Đang đưa giốn ánh sáng a,

Bỗng nháy thấy ngay làng quê.

Tớ sinh bì ngựa nhớ chuồng a,

Đều ngoại nhìn thôi chẳng đi.

(Lời kết)

371 Thôi xong rồi!

Nước không người chẳng ai biết ta a,

Còn nhớ gì đến đô cũ!

Đã chẳng đủ cùng làm chính tốt a,

Ta toan tìm Bành Hàm nơi yên ngủ.

Tham khảo

Bản dịch LY TAO của N.T.

I

Bá Dung nhớ cha ta thuê nợ,
Vốn dòng vua về họ Cao Dương.
Tháng giêng đầu tiết xuân sang,
Cõi đời ta xuống, giữa dương ngày Dần.
Buổi trúng mước ăn cần săn sóc,
Biết bao nhiêu khó nhọc công cha.
Chữ hay kén đặt cho ta:
Tên là Chính-tắc, tự là Linh-quân.
Trong ta đã mười phần lóng lẫy,
Chải chuốt càng thêm nảy xinh tươi.
Sói ngàn nhai bãi khoác ngoài,
Tết lan thu lại làm dai đeo thường.
Sợ chẳng kịp, ta càng mê mải.
Tuổi xanh nào có đợi gì ai!
Một lan sớm cắt trên dồi,
Đông thanh chiều hái bén ngoài bến sông.
Ngày tháng vút đi không trở lại,
Vừa xuân qua đã lại thu sang!

Đoái trông cỏ áy cày vàng,
Sợ con người đẹp muộn màng lỡ duyên!
Tùi đang trẻ nết quen càn rõ,
Thế mà không dời sửa cho dành.
Ngựa hay cưỡi lấy! Đi nhanh!
Lại đây! Ta chỉ cho mình đường quang.
Dời Ba vua thuở dương rực rõ,
Các giống thơm hồn hở đua tươi.
Hoa tiêu, hoa quế lộn mùi,
Cứ gì hoa huệ được người yêu dương!
Theo đạo chính nhầm đường ngay thẳng,
Nghiêu Thuấn xưa thiệt đáng minh quân.
Cớ sao Kiệt Trụ ngu dần,
Đam đầu lối tắt, sa chân đường cùng!
Hám vui bọn chúng không biết sợ.
Đường tối tăm hiềm trả xiết bao!
Xe loan e lúc đỗ nhào,
Phải rằng ta sợ thiệt vào đến thân!
Cõi theo kịp gót chân vua trước,
Quân chi công xuôi ngược long dong!
Tình ta mình chẳng xét cùng!
Nghe lời ton hót đem lòng giận ta!
Nói thẳng vẫn biết là có hại,
Biết vậy mà nín mãi không dành!

Chín lần trời hãy chứng minh,
Chỉ vì ta quá yêu mình dấy thôi!
Trước cùng ta nặng lời hẹn ước,
Sau vì đâu biếng nhác đơn sai?
Biệt ly ta chẳng quản nài,
Xót mình lòng dạ đồi dời bao phen.
Chín vườn lan, lại nglùn sào huệ,
Một mình ta chăm chỉ hôm mai.
Tứ tiêu bạch chỉ xen vai,
Kè trong đỡ nhược, bao ngoài tàn di.
Mong cành lá có khi đua này,
Chờ đến mùa hái lấy hoa tươi.
Bỏ rơi ta thiết chi dời,
Thấy trăm hoa chịu lạc loài mà thương!
Chúng chen chúc trên đường vụ lợi.
Tâm lòng tham, tham mãi tham hoài!
Đem dạ mình, độ hung người,
Sinh tình ghен ghét, đặt lời gièm phai
Mồi phú quý cố mà theo đuổi,
Phải lòng ta có vội thế đâu!
Cái già sồng sộc theo nhau,
E không dễ được về sau tiếng lành.
Ăn hoa rụng bên hành thu cúc;
Uống sương sa dưới gốc mộc lan.

Tình yêu khôn dẹp muôn vàn,
Khát hoài! dõi mãi! phàn nàn mà chỉ
Rút rẽ cày ta xe sợi chỉ,
Xấu cánh hoa thiên lý xinh xinh.
Cánh lan cánh huệ trắng tinh.
Giáy ngắn bền dẻo tết manh áo ngoài.
Áo như thế thói đời chẳng mặc!
Ta cứ theo phép tắc người xưa.
Đau răng đời có chẳng ưa.
Thì xin theo lối cũngh như Bành Hàm.
Đời người khờ kề làm sao xiết!
Danh than dài, gat vết lệ hoen!
Làm xinh ta khéo vô duyên!
Sớm vừa can gián, chiều liền sa cơ!
Sa cơ mặc, nhòn nhơ vẩn thế!
Vẫn deo lan, giắt huệ như xưa!
Lòng ta đã thích đã ưa.
Đau răng chín chết có chừa được đâu!
Trách mình chẳng suy sau xét trước,
Mãi mãi không rõ được thói đời!
Chẳng ghen ta có mày ngài,
Phao cho ta tiếng con người lắng lơi!
Người đời thật đã thừa khôn khéo,
Đua nhau theo mức vẹo thước cong,

Khuôn vuông mẫu thằng chẳng dùng.
Cúi ludden cầu cạnh một dòng như nhau !
Một mình chịu nuốt sầu ngậm tủi,
Nói ai hay nồng nỗi lúc này ?
Thà cho sống dọa thác đầy,
Lòng ta không nỡ đe lây thói thường !
Loài chim cắt ngang tàng bay bồng,
Vốn xưa nay là giỗng không dàn.
Vuông tròn vốn chẳng cùng làn !
Khúc đường ai đe yên hàn cho ai ?
Tránh điệu lỗi, mặc lời xoi mói !
Nén chí xưa, cam nỗi xót xa,
Thánh hiền xưa cũng như ta :
Thẳng ngay mà chết, ấy là chết trong !
Tiếc nhận lỗi, mà không biết lỗi,
Liệu về thời, ở lại chi lâu ?
Lạc đường cũng chừa xa đáo,
Quay xe trở lại cho mau còn vừa !
Giục vó ngựa lên bờ Lan dã ;
Sang gò Tiêu thông thả nghi ngơi.
Tiến ra chẳng hợp với đời,
Lui về sửa lại mặc ngoài cho xinh.
Hai sen súng, cắt mạnh áo đẹp ;
Cắt phù dung may nếp xiêm dài.

Dời không biết đến mặc dời,
Tình ta ví hòn vẹn mười thơm tho!
Mū ta đói xốc cho cao ngắt;
Đai ta đeo buông thật dju dàng.
Khắp mình thơm nức sáng choang,
Đẹp còn giữ được chất thường chưa phai.
Chợt quay lại liếc chơi ta muốn,
Đi xem cho khắp bốn cõi hoang.
Rung rinh bao thú diềm trang!
Ngạt ngào càng thấy rõ ràng mùi thơm.
Dời ai cũng riêng ham từng món,
Như ta đây chỉ muôn làm xinh.
Phản thay xé xác cũng dành!
Lòng này hờ dẽ dỗ dành được sao!

II

Tiếng cõi chí bước vào lèo xéo,
Mừng ta rằng: « Rõ khéo ngàn ngờ.
« Bướng như chàng Cồn ngày xưa,
« Bỏ mình núi Vũ bây giờ ai thương?
« Sao em thích khoe khoang chải chuốt,
« Riêng một mình giữ một vẻ xinh?

« Dây nhà dây dợ, cỏ tranh,
« Người ta mặc cả sao mình lại không?
« Nói với chúng dễ hòng gói xiết!
« Ai là người xét biết lòng ta?
« Đời đều bè đảng gian tà,
« Một mình ta nói, nói là ai nghe! »
Trong đạo thành liệu bè theo rôi,
Đến chi dây xiết nỗi tân toan!
Sang Nam qua ngọn Tương Ngoan,
Tới đền vua Thuấn, ta than vài lời:
« Mè hát xướng kia đời nhà Hạ,
Vua Thái Khang thỏa dạ vui chơi,
Chẳng lo chẳng nghỉ lâu dài,
Năm con mới phải lạc loài bốn phương.
Vua Nghệ chỉ ham đường săn bắn,
Say chim muông quên hẳn việc thường.
Tham vui vua Xác hoàng toàng.
Cả hai đều phải thịt xương tan tành!
Đến vua Ngáo cậy mình sức khỏe,
Chẳng giữ gìn phi chí ăn chơi.
Quên mình ngày tháng đông dài,
Quá ra khi đã dè rơi cả dẫu!
Hạ Kiệt có biết đâu đạo cả,
Lần lữa trông tai và đến nơi.

Vua Tân ướp món thịt người,
Cũng vì thế mới hết đời nhà Thương!
Lại xét đến Vũ Thang, Văn Võ
Kinh mà nghiêm chăng bỏ đạo hăng.
Cát dùng toàn bọn tài năng.
Theo khuôn giữ mực thẳng bằng một chiêu!
Ông trời chăng riêng yêu ai hết!
Xem thấy ai đức nết thì nên.
Xưa nay chỉ bậc thánh hiền.
Thương dân mới được cầm quyền trị dân.
Trong sau trước xét lần sự thế,
Hãy đề tâm suy nghĩ cho cùng.
Làm đâu được việc bất công!
Những phường bắt nghĩa có dùng được đâu!
Lòng này nghĩ trước sau như một,
Đau chết ngay chăng chút nôn nao!
Người xưa oan thác biết bao!
Then vuông lụa có vào sao lỗ tròn!
Nức nở khóc lo buồn đầy da.
Tùi cho thân sinh đã lỗi thời!
Gạt sầu bứt cánh huệ tươi!
Áo khăn lã chã lệ rơi ướt đầm!
Quỳ khép áo làm rầm khăn vái:
« Xin dốc theo lẽ phải đường ngay! »

Quay ra đạp gió rẽ mây,
Cưỡi rồng giống phượng định ngày chèi xa:
Sớm Thương-ngô, chiều qua Huyền-phố,
Đến thăm linh xa ngó cửa ngoài.
Chốn này muôn tạm nghỉ ngơi,
Chiều hôm băng lảng mặt trời xuông nhanh.
« Hy Hòa hối nè tình ta với!
Lối non doi chớ vội xông pha.
Quần bao nước thăm non xa,
Đề ta tìm kiếm cho ra bạn lòng! »
Cho ngựa uống bên đồng Dục-nhật,
Buông dây cương ở đất Phù-tang.
Nhờn nhơ chốc lát dọc đường,
Bé cành nhược mộc chẳng ngang mặt trời.
Chỉ trăng phải nhanh chân tiến trước,
Dì gió cho lần bước theo sau.
Chim loan mở lối đi đầu,
Nhưng thằn sấm sét dốc hầu chưa xong!
Ta giục phượng già công bay mãi,
Suốt ngày đêm rong ruổi cho mau.
Cơn giông bão táp theo hầu!
Cầu vòng mộng cụt dem nhau đến chào!
Khắp các ngả trước sau tấp tới,
Đủ mọi mầu trên dưới trời bời...

Ta truyền mở cửa nhà trời!
Lính canh lại tựa cửa ngoài nhìn ta.
Người mỏi mệt, ngày đã sầm tối,
Đứng bơ phờ tay với bông lan!
Cõi đời nhơ đục muôn vàn,
Ghét tài ghét đẹp, thói cũn đã quen.
Sớm dông ngựa qua miền Bạch thủy,
Lên Lãng-phong ta sẽ dừng cương.
Không ai là gái đảm đang.
Trong về nước Sở gạt hàng lệ rơi.
Chơi cung Xuân này nơi thanh nhã,
Đeo giắt thêm hai đóa hoa quỳnh.
Hoa tươi còn chừa lìa cành,
Xem ai là gái hữu tình ta đưa.
Sai thần mây di mưa về gió,
Cung Phục-phì tìm rõ tới nơi.
Mỗi may ta lại cậy người,
Cởi giày deo dép ngồi lời giao hoan!
Trải mây độ qua ngàn vượt núi,
Bông dọc ngang đường lối khó thông.
Chiều hôm về nghỉ non Cùng
Sớm ra gội tóc trên sông Vi-bàn.
Nàng cậy đẹp khinh nhơn quen thói,
Quên tháng ngày, mê mải dong chơi.

Dẹp nhưng mất nét xin thỏi,
Bỏ tìm chốn khác lấy người đoan trang.
Vùng trời rộng bốn phương man mác,
Xem khắp rồi lại bước xuống dời.
Hữu Nhung trông với cõi ngoài,
Long lanh đèn ngọc, thấy người gái xinh.
Mượn chim trăm mối manh nói hộ,
Trăm trả lời « Việc đó không xuôi! »
Kia chim tu hú đại dời,
Ta còn ghét nó là loài tinh ranh.
Mình khuây khỏa lấy mình chẳng nỗi,
Lòng hồ nghi trăm mối vấn vương.
Chịu lời ta đã phượng hoàng,
Chỉ e ta đến sau chàng Cao-tần.
Xa tìm chốn yên thân chẳng có,
Đành lèn đèn dây đó biết sao!
Thiếu-khang đang lúc ba dào,
Họ Kiều hai gái sánh vào vừa xinh.
Lý dã kém mối manh lại vụng,
Chỗ hẹn lời e cũng không bền.
Người dời bàn tưới nhỏ nhẹn,
Chuộng bên gian ác, ghét bên hiền tài.
Buồng the đã là nơi cách trở,
Nhà vua còn đương ở mê say,

Ôm lòng biết ngò ai hay ?
Bước dời nhijn mãi nước này được sao ?

III

Chè nấm cỏ Quỳnh-mao làm thè,
Mượn Linh-phân gieo què nhân duyên.
Què rắng : « Áo ước thì nên,
Bên tài, bên sắc, đôi bên cùng lòng.
Nghĩ chín cõi mênh mông rộng rãi.
Phải riêng đây có gái kén chồng ?
Đường xà xin chó ngại ngùng,
Người xinh ai chẳng đem lòng khát khao ?
Cỏ thơm kè nơi nào chẳng có.
Thương tiếc chi què cũ nưa anh !
Quáng lòa bao ké chung quanh,
Dở hay ai xét cho mình nưa đâu !
Lòng yêu ghét khác nhau biết mấy !
Bạn chúng coi thật thấy lạ đời.
Cỏ hôi đeo giắt đầy người !
Hoa lan thơm ngát chê bài chẳng dùng.
Loài cây cỏ còn không phân biệt,
Giống ngọc lành xét biết đâu mà !

Phản tro xếp đồng dày nhè !
Cánh hòi, cánh quế cho là không thơm !
Qué dạy thế, ô làm chi nữa !
Nhưng lòng còn lưỡng lự chưa dì.
Chiều nay sắp đặt lễ nghi,
Mời Vu Hầm lại ta thì hỏi han.
Chín dãy núi chập chờn đón rước.
Trăm vị thần chứng chạc tới nơi.
Hào quang rực rõ dày trời,
Vì ta dạy hết mọi lời thủy chung.
Răng : « Lên xuống cố công tìm hòi,
Ai cùng mình khuôn lối như in.
Vu Thang kén lựa tôi hiền :
Chi Cao Dao được chúng tin yêu vì.
Quả là đẹp, cứ gì tốt mồi !
Giá ngọc lành há phải bán rong !
Duyệt xưa dấp đất ngoài đồng,
Vu Đinh tìm gấp tin dùng chẳng ngùi.
Lã Vọng trước làm nghề bán thịt,
Gặp Văn Vương mới biết tướng tài.
Chặt trâu Nịnh Thích hát chơi,
Tề Hoàn nghe dã cho vời làm quan.
Tuổi chưa muộn lo toan còn kịp,
Thời dương vừa thu xếp dì cho !

Véo von dề quyết gọi thu,
Trăng hoa e lúc thơm tho chằng còn !
Vòng hoa quỳnh đẹp đòn biết mấy,
Che lấp đi, ai biết vẻ xinh !
Ghét ghen chúng chằng thương tình,
E khi dập gãy tan tành biết đâu.
Trách thời tiết thật mau thay đổi,
Nào lứa lòn được mãi cho cam !
Hoa lan giờ đã hết thơm,
Hoa nhài hoa huệ hóa làm cỏ tranh...
Bao nhiêu giống hương thanh sắc đẹp,
Đều dốc dời đồi kiếp hôi tanh !...
Không nồng chải chuốt làm xinh,
Tại ai đâu chỉ tại mình dấy thôi !
Lan ta tường đáng nơi tin cậy,
Có ngờ đâu bóng bày mà hư !
Theo dời, bỏ về đẹp xưa,
Đua dời cầu thả cũng như mọi loài.
Tiêu bợ đỡ nịnh dời ra mặt !
Túi thuốc trừ nhét chặt thù du.
Đem thân cầu cạnh bon xu,
Còn đâu giữ được thơm tho tính trời !
Thói thường vốn theo thời thay đổi,
Ai giữ mình cho khỏi suy di !

Tiêu lan còn chả ra gì,
Trách chi đến sói, kè chi đến nhài!
Riêng hoa quỳnh thật loài đáng quý,
Tới nay còn giữ vẻ năm xưa.
Hương còn thoang thoảng xa đưa,
Đẹp còn nguyên vẹn vẫn như ngày nào!
Tự an ủi, theo vào mực thêu ức;
Ngâm hoa đeo hồi trước còn xinh.
Khắp vùng trời đất mông mênh,
Tìm chọ thấy bạn hữu tình mới thôi.
Linh phân dạy: « Quê coi tốt lâm ! »
Chọn ngày lành ta sắm sửa đi.
Hoa quỳnh bè lấy phòng khì,
Cành thì làm bánh, cành thì làm cơm.
Lộn ngà ngọc đóng làm xe cối;
Kéo xe ta phết phói rồng bay.
Di cho vắng mặt khuất mày!
Lòng lìa, thế bắt thân này phải xa!
Đường thăm thăm trông ra quanh quắt,
Hãy vòng xe qua đất Côn-lôn.
Vang vang nhạc ngọc thét đồn,
Máy mầu lấp lánh vây tròn trước sau.
Sóm bên trời bắt đầu rong ruổi,
Chiều hôm ta tới cõi cực tây!
Trước xe dón ngon cờ bay,
Phượng hoàng vỗ cánh tung mây tuyệt vời.

Chốc ta lại qua chơi bờ Cát
Theo dòng sông bát ngát đờ ngầu!
Thuồng luồng sửa bến cho mau!
Bão Tây hoàng phài bắc cầu ta sang.
Xa thăm thăm cõi đường hiềm trờ,
Đồn các xe giúp đỡ ta cùng!
Bất Chu lối tả di vòng,
Hẹn ngày tháng chỉ qua vùng bờ Tây.
Đều tay sấp giật giày cương ngọc,
Nghìn xe cùng một lúc ra đi.
Tám rồng bay lộn trước xe.
Cờ mây phất phới, bóng che rợp trời.
Hãy ngừng bước, tạm người dạ túi;
Buông thẩn hồn lên cõi cao xa,
Múa Thiều hát khúc Cửu ca,
Tháng ngày thông thả liệu mà làm khuây.
Cắt mình khoảng trời mây rộng rãi,
Chợt ngảnh đầu trông lại quê hương.
Ngựa buồn, đầy tớ thảm thương.
Co ro, nhớn nhác, ngại đường chặng dì.

Văn rỗng:

Thôi! thương tiếc làm chi cho cục!
Biết ta đâu một nước không người.
Chính lành làm súc với ai?
Bành Hàm đâu đó, ta thời di theo!

V. CỬU CHƯƠNG

(Đ. D. Anh dịch,

Phiên âm

QUẤT TỤNG

- 1 Hậu hoàng gia thụ,
Quất lai phục hè,
Thụ mệnh bất thiên,
Sinh Nam quốc hè
Thâm cổ nan tỳ.
- 6 Cảnh nhất chí hè.
Lục diệp tố vinh,
Phản kỳ khả hỷ hè.
Tăng chí diệm cúc,
Hoàn quả đoàn hè.
- 11 Thanh hoàng tạp nữu,
Văn chương lạn hè,
Tinh sắc nội bạch,

Loại khả nhiệm hè,

Phản uần nghi tu,

16 Khóa nhi bất xú hè.

Ta nhĩ ấu chí,

Hữu dĩ dị hè!

Độc lập bất thiên,

Khởi bất khả hỷ hè

21 Tham cỗ nan tý,

Khoách kỳ vô cầu hè!

Tô thế độc lập,

Hoành nhi bất lưu hè.

Bế tâm tụ thận,

26 Chung bất thất quá hè.

Bình đức vô tư,

Tham thiên địa hè.

Nguyễn tuế tình tật,

Dữ trưởng hữu hè.

31 Thực ly bất đâm,

Ngạnh kỳ hữu lý hè.

Niên tuế tuy thiếu,

Khả sỹ trưởng hè.

Hạnh tỳ Bá Di,

36 Trí dĩ vi tượng hè.

TÍCH TỤNG

Tích tụng dĩ trai mẫn hè,

Phát phản dĩ trú tình.

Sở phi trung nhi ngôn chi hè,

Chi thương thiên dĩ vì chúng.

41 Lệnh ngũ đế sứ chiết trung hè,

Giới lục thần dữ hưởng phục.

Tỷ sơn xuyên dĩ bị ngự hè,

Mệnh Cao Dao sứ thính trực.

Kiệt trung thành dĩ sự quân hè,

46 Phản ly quân nhi chung vưu.

Vong huyền mi dĩ bội chúng hè,

Đã minh quân kỳ tri chí.

Ngôn dữ hành kỳ khả tích hè,

Tinh dữ mạo kỳ bất biến.

51 Cố tướng thần mặc nhược quân hè,

Sở dĩ chúng nhi bất viễn.

Ngô nghị tiên quân nhi hậu thân hè,

Khương chúng nhân nhi sở cùu già.

Chuyển duy quân nhi vô tha hè,

56 Hựu chúng triệu chi sở thù già.

Nhất tâm nhi bất dự hè,

Khương bất khả bảo già.

Tật thân quân nhi vô tha hè,
Hữu chiêu họa chi đạo giã.

61 Tư quân kỳ mạc ngã trung hè,
Hốt vong thân chi tiện bần.
Sự quân nhi bất nhị hè,
Mê bất tri sủng chi mòn.
Trung hè tội dĩ ngộ phạt hè.

66 Diệc phi dư chí sở chí giã.
Hành bất quần dĩ diên việt hè,
Hữu chúng triệu chí sở hai giã.
Phản phùng vưu dĩ ly báng hè,
Kiền bất khả thích giã.

71 Tình trầm ức nhi bất đạt hè,
Hữu tể nhi mạc chí bạch giã.
Tâm uất áp dư sá sê hè,
Hữu mạc sát dư chí trung tình.
Cố phiền ngôn bất khả kết di hè,

76 Nguyễn trần chí nhi vô lợ.
Thoái tĩnh mạc nhi mạc dư tri hè,
Tiến hò hào hữu mạc ngộ văn.
Thân sá sê chí phiền hoặc hè.
Trung muộn mâu chí đồn đồn.

81 Tích dư mộng dặng tiên hè,
Hồn trung đạo nhi vô hàng.

Ngô sứ Lệ thản chiêm chi hè,

Viết hữu chí cực nhi vô bàng.

Chung nguy độc dĩ ly dị hè,

86 Viết quân khả tư nhi bất khả thi.

Cố chúng khâu kỳ thước kim hè,

Sơ nhược thị nhi phùng dài.

Trứng ư canh nhi xuy tê hè,

Hà bất biến thử chí giã.

91 Dục thích giải nhi đăng thiên hè,

Do hữu năng chí thái giã.

Chúng hãi cự dĩ ly tâm hè,

Hữu hà dĩ vi thử bạn giã.

Đồng cực nhi dị lộ hè,

96 Hữu hà dĩ vi thử viện giã?

Tán Thân sinh chí hiếu tử hè,

Phụ tín sàn nhi bất hảo.

Hạnh hánh trực nhi bất dự hè,

Còn công dụng nhi bất tựu.

101 Ngô văn tác trung dĩ tạo oán hè,

Hốt vị chí quá ngôn.

Cửu chiết tí nhi thành y hè,

Ngô chí kim nhi tri kỳ tín nhiên.

Tăng đặc cơ nhi tại thượng hè,

106 Úy la trương nhi tại hạ.

Thiết trương bích dĩ ngu quân hè,

Nguyễn trắc thân nhi vô sở.

Dục chiên hồi dī can tể hè,

Khùng trùng hoạn nhi ly vưu.

111 Dục cao phi nhi viễn tập hè,

Quân võng vị nhữ hà chí.

Dục hoành bôn nhi thất lợ hè,

Cái chí kiên nhi bất nhẫn.

Bối ưng phán dī giao thống hè,

116 Tâm uất kết nhi vu chàn.

Đảo mộc lan dī kiều huệ hè,

Tặc thân tiêu dī vi lương.

Bá giang ly dū tư cúc hè,

Nguyễn xuân nhật dī vi khứu phương.

121 Khùng tình chất chi bất tín hè,

Cố trùng trước dī tự minh.

Kiều tư my dī tư xứ hè.

Nguyễn tăng tư nhi viễn thân.

TRƯỜU TƯ

Tâm uất uất chi ưu tư hè,

126 Độc vĩnh thán hè tăng thương.

Tư kiền sản chi bất thích hè,

Man tao dạ chi phương trường.
Bí thu phong chi động dung hề,
Hà hối cực chi phù phù.

- 131 Sở duy tôn chi da nộ hề,
Thương dư tâm chi ưu ưu.
Nguyễn dao khi nhi hoành bôn hề,
Dâm dân vưu dĩ tự trấn.
Kết vi tình dĩ trần từ hề,

- 136 Kiều dĩ di phù mỹ nhân.
Tịch quân dữ ngã thành ngôn hề,
Viết hoàng hôn dĩ vi kỳ.
Khương trung đạo nhi hối bạn hề,
Phản ký hữu thử tha chí.

- 141 Kiều ngôn dĩ kỳ mỹ hảo hề,
Lâm dư dĩ kỳ tu khóa.
Dữ dư ngôn nhi bất tin hề,
Cái vi dư nhi tạo nộ.
Nguyễn thừa giàn nhi tự sát hề,

- 146 Tâm chấn diệu nhi bất cảm.
Bí di do nhi kỵ tiến hề,
Tâm dát thương chi đám đám.
Lịch tư tình dĩ trần từ hề,
Tôn dương lung nhi bất văn.

- 151 Cố thiết nhân chi bất mỹ hè,
Chúng quá dĩ ngã vi hoạn.
Sơ ngô sở trần chi cảnh trước hè,
Khởi chí kim kỳ dung vong.
Hà độc lạc tư chi kiền kiền hè,
- 156 Nguyệt tôn mỹ chi khả quang.
Vọng tam ngũ dĩ vi tượng hè,
Chi Bành Hầm dĩ vi nghi.
Phù hà cực nhi bất chí hè,
Cố viễn văn nhi nan khuy.
- 161 Thiện bất do ngoại lai hè,
Danh bất khả dĩ hư tác.
Thực vô thi nhi hữu báo hè.
Thực bất thực nhi hữu hoạch.
(Thiếu ca viết)
Dữ mỹ nhân chi trúu tư hè.
- 166 Tinh nhạt dạ nhi vô chúng.
Kiêu ngô dĩ kỳ mỹ hảo hè,
Ngạo trâm từ nhi bất thính.
(Xướng viết)
Hữu điều tự Nam hè,
Lai tập Hán bắc.
- 171 Hảo khóa giai lệ hè,
Phán độc xứ kỳ dị vực.

Ký quýnh độc nhi bất quân hè,
Hựu vô lương mồi lại kỳ trắc..
Đạo trác viễn nhi nhặt vong hè,

- 176 **Nguyệt tự thân** nhi bất đặc.
Vọng Bắc sơn nhi lưu thế hè,
Lâm lưu thủy nhi thái túc.
Vọng mạnh hạ chi đoàn dạ hè,
Hà hối minh chi nhược tuế.

- 181 **Duy Sinh lợ** chi liêu viễn hè,
Hồn nhất tịch nhi cửu thế.
Tăng bất tri lợ chi khúc trực hè,
Nam chi nguyệt dữ liệt tinh.
Nguyệt kính thế như vị đặc hè,

- 186 **Hồn thức lợ** chi dinh dinh.
Hà linh hồn chi tin trực hè,
Nhân chi tâm bất dữ ngô tâm đồng.
Lái nhược nhi mồi bất thông hè,
Thượng bất tri ngô chi thung dung.
(Loạn viết)

- 191 **Trường** lại suyền lưu. tổ giang đầm hè.
Cuồng cố nam hành, liêu dĩ ngu tâm hè.
Chân thạch di ngô, kiền ngô nguyện hè.
Siêu hời chí dộ, hành ăn tiến hè.
Đê hời di do,

196 Túc Bắc-cô hè.

Phiền oan mâu dung,

Thực bái tô hè.

Sầu thán khõ thǎn,

Linh dao tư hè.

201 Lộ viễn u xứ,

Hựu vồ hành môi hè.

Đạo tư tác dụng liêu dĩ tự cứu hè.

Ưu tâm bất toại tư ngôn thùy cáo hè.

TƯ MỸ NHÂN

Tư mỹ nhân hè,

206 Lâm thế nhi trữ di.

Môi tuyệt lộ trời hè,

Ngôn bất khả kết nhi di.

Kiền kiền chi phiền oan hè,

Hãm trệ nhi bất phát.

211 Thân đán dĩ thư trung tình hè,

Chí trầm uất nhi mạc đạt.

Nguyễn ký ngôn ư phù vân hè,

Ngô Phong Long nhi bất tương.

Nhan qui điều nhi trí từ hè,

216 Khuong túc cao nhi nan dương.

Cao Tân chí linh thịnh hè,

Tao huyền diều nhi trí dì.

Dục biến tiết dī tòng tục hè,

Quí dịch sơ nhi khuất chí.

221 Độc lịch niên nhi ly mǎn hè,

Khuong bằng tâm do vị hóa.

Ninh ăn mǎn nhi thọ kháo hè,

Hà biến dịch chi khà vi.

Tri tiền triệt chi bất toại hè.

226 Vị cải thử dộ.

Xa ký phúc nhi mã diên hè,

Kiền độc hoài thử dì lộ.

Lặc kỳ ký nhi cảnh giá hè,

Tạo phủ vị ngã thảo chí.

231 Thiên tuấn thú nhi vật khu hè,

Liêu giá nhật dī tu thi.

Chi Phan-trùng chí Tây ôi hè,

Dữ huân hoàng dī vi kỳ.

Khai xuân phát tuế hè,

236 Bạch nhật xuất chí du du.

Ngô tương dāng chí nhi du lạc hè,

Tuân Giang Hạ dī ngu ưu.

Lâm đại bạc chí phượng chí hè,

Khiên trường châu chí túc mù

241 Tích ngô chí bất cập cõ nhân hè,

Ngô thùy dũ ngoạn thử phuong thảo?

Giải biến bạc dũ tạp thái hè,

Bị dĩ vi giao bội.

Bội bân phân dĩ liêu chuyen hè,

246 Toại úy tuyệt nhi ly dị.

Ngô thả chiên hồi dĩ ngu ưu hè,

Quan Nam nhân chí biến thái.

Thiết khoái tại trung tâm hè,

Dương quyết băng nhi bất sĩ.

251 Phan úc úc kỳ viễn chung hè,

Mẫn nội nhi ngoại dương.

Tình dũ chất tín khà bảo hè,

Khương cư tế nhi văn chương.

Linh bệ lệ dĩ vi lái hè,

256 Đạn cứ chí nhi duyên mộc.

Nhan phù dung nhi vi môi hè,

Đạn kiền thường nhi nhu túc.

Đặng cao ngô bất duyệt hè,

Nhập hạ ngô bất năng.

261 Cõ trãm hình chí bất phục hè,

Nhiên dung dũ nhi hồ nghi.

(Loạn viết)

Quảng toại tiền hoạch hè,

Vì cải thử độ già.

Mệnh tắc xứ u, ngô tương bãi hè,

266 Nguyện cập bạch nhật chí vị mộ già.

Độc quynh quynh nhi Nam hành hè,

Tư Bành Hàm chí cổ già.

BÌ HỒI PHONG

Bì hòi phong chí dao huệ hè,

Tâm oan kết nhi nội thương.

271 Vật hữu vi nhi vẫn tĩnh hè,

Thanh hữu ăn nhi tiên xương.

Phù hà Bành Hàm chí tạo tư hè,

Ký chí giới nhi bất vương.

Vạn biến kỳ tình khởi khả cái hè,

276 Thục hư ngụy chí khả trường.

Điều thú minh dĩ hiệu quần hè,

Thảo tư tý nhi bất phương.

Ngự tiếp lân dĩ tự biệt hè,

Giao long ăn kỳ vẫn chương.

281 Cổ dồ tẽ bất đồng mẫu hè,

Lan chí u nhi độc phương.

Duy giai nhân chí vĩnh đố hè,

Cánh thống thể dĩ tự huống.

Điều viễn chí chi sở cập hè,

286 Làn phù vân chi tương dương.

Giới điều chí chi sở hoặc hè,

Thiết phú thi chí sở minh (mang).

Duy giai nhân chí độc hoài hè,

Chiết nhã tiêu dĩ tự xử.

291 Tăng hu hy chí ta ta hè,

Độc lòn phục nhi tư lự.

Khắp thế giao nhi thê thê hè,

Tư bất miên dĩ chí thụ.

Chung trường dạ chí man man hè,

296 Yêm thử ai nhi bất khứ.

Ngộ thung dung dĩ chu khu hè,

Lieu tiêu dao dĩ tự thị.

Thương thái túc chí mẫn lân hè,

Khi ư ấp nhi bất khả chí.

301 Cù tư tâm dĩ vi tương hè,

Biển sâu khὸ dĩ vi ưng.

Chiết nhược mộc dĩ tế quang hè,

Tùy phiêu phong chí sở nhung.

Tồn phuường phất nhi bất kiến hè,

306 Tâm dỗng dược kỳ nhược thang.

Phủ bội nhậm dĩ án chí hè,

Siêu vōng vōng n̄hi toại hàng.

Tuế hốt hốt kỳ nhược đồi hè,
Thì diệc niềm niềm kỳ tương chí.

311 Phiền hành khao nhi tiết ly hè,
Phương dī yết nhi bất tỳ.
Lân tư tâm chi bất khả trùng hè,
Chứng thử ngôn chi bất khả liêu.
Ninh kháp tử nhi lưu vong hè,

316 Bất nhẫn vi thử chi thường sầu.
Cô tử ngâm nhi vẫn lệ hè,
Phóng tử xuất nhi bất hoàn.
Thực năng tư nhi bất ăn hè,
Chiêu Bành Hàm chí sở vẫn.

321 Đặng thạch loan dī viễn vọng hè,
Lộ diều diều chi mặc mặc.
Nhập ánh hưởng chi vô ứng hè,
Văn tinh tương nhi bất khả đặc.
Sầu uất uất chi vô khoái hè.

326 Cư thích thích nhi bất khả giải.
Tâm cơ ky nhi bất khai hè,
Khí liêu chuyền nhi tự đế.
Mục diều diều chi vô ngắn hè,
Mãng mang mang nhi vô nghi.

331 Thanh hữu ăn nhi tương cảm hè,
Vật hữu thuần nhi bất khả vi.

Mạc mạn mạn chi bất khả lượng hè,
Phiêu miên miên nhì bất khả vu.
Sầu sảo sảo chi thường bi hè.

336 Phiên minh minh chi bất khả ngu.
Thượng cao nham chi tiểu ngạn hè,
Xứ thư nghè chi tiêu diên.
Cứ thanh minh nhì sư hồng hè,
Toại thúc hốt nhì môn thiên.

341 Hấp trạm lộ chi phù lương hè,
Thấu ngưng sương chi phân phân.
Y phong huyệt dĩ tự túc hè,
Hốt khoảnh ngộ dĩ thiền viên.
Băng Côn-lon dĩ hám vụ hè,

346 Ăn Mân sơn dĩ thanh giang.
Đạn dông suyễn chi kháp kháp hè,
Thính ba thanh chi hung hung.
Phân dung dung chi vô kinh hè,
Võng mang mang chi vô ký.

351 Loát dương dương chi vô tòng hè,
Trì úy di chi yên chi.
Phiêu phiên phiên kỳ thượng hạ hè,
Dực dao dao kỳ tả hữu.
Phiếm quyết quyết kỳ tiền hậu hè,
♦356 Bạn trưởng thi chi tín kỳ.

Quan viêm khí chi tương nhưng hè,
Khuy yên dịch chi sở tích.
Bì sương tuyết chi câu hạ hè,
Thính triều thủy chi tương kích.

361 Tá quang ánh dĩ vãng lai hè,
Thi hoàng cúc chi ưởng sách.
Cầu Giới Tử chi sở tồn hè,
Kiến Bá Di chi phóng tích.
Tam diệu dộ nhi phất khứ hè,

366 Khắc trước chi chi vô thích.
Lăng đại ba nhi lưu phong hè,
Thác Bành Hàm chi sở cư.
(Loạn viết)
Ngô oán vãng tích chi sở ký hè
Diệu lai già chi dịch đích.

371 Phù Giang Hoài nhi nhập hải hè,
Tòng Tử Tư nhi tự thích.
Vọng Đại hà chi châu chử hè,
Bì Than Đồ chi kháng tích,
Sâu gián quân nhi bất thính hè,

376 Nhiệm trọng thạch chi hà ịch!
Tâm quái kết nhi bất giải hè,
Tú kiền sản nhi bất thích.

THIỆP GIANG

Dư ấu hiếu thứ kỳ phục hè,
Niên ký lão nhì bất suy.

381 Đói trường kiệt chí lục ly hè,
Quan thiết vân chi tòi ngòi,
Bị minh nguyệt hè bội bảo lộ.
Thế hồn trọc nhì mạc dư tri hè,
Ngô phượng cao trì nhì bất cỗ.

386 Giá thanh cù hè tham bạch ly,
Ngô dữ Trùng Hoa du hè dao chí phô.
Đặng Côn lòn hè thực ngọc anh,
Dữ thiên địa hè đồng thô,
Dữ nhật nguyệt hè đồng quang.

391 Ai Nam Di chí mạc ngô tri hè,
Đán dữ tế hồ Giang Tương.
Thừa Ngạc chử nhì phản cỗ hè,
Ai thu đồng chí tự phong.
Bộ dữ mã hè sơn cao,

396 Đề dữ xa hè phượng lâm.
Thừa linh thuyền dữ thượng Nguyên hè,
Tề ngô bảng dī kích thái.
Thuyền dung dữ nhì bất tiến hè,
Yem hời thủy nhì ngưng trệ.

- 401 Triệu phát Uồng chử hề,
Tịch túc Thị - dương.
Cầu dư tam kỳ doan trực hề,
Tuy tịch viễn chi hà thương.
Nhập Tự phô dư chiến hồi hề,
- 406 Mè bất tri ngô sở nhu.
Thâm lâm diều dī minh minh hề,
Nại viên dứu chi sở cư.
Sơn tuấn cao dī tể nhật hề,
Hạ u hối dī đa vū.
- 411 Tân tuyết phân kỵ vô ngắn hề,
Vân phi phi nhi thừa vũ.
Ai ngô sinh chi vô lạc hề,
U độc xứ hồ sơn trung.
Ngô bất năng biến tâm nhi tòng tục hề,
- 416 Cố tương sâu khò nhi chung cùng.
Tiếp Dư khôn thù hề,
Tang Hồ lõa hàng.
Trung bất tất dụng hề,
Hiền bất tất dī.
- 421 Ngụ Tứ phùng ương hề.
Tý Can trú hải.
Dữ tiền thế nhi giải nhiên hề,
Ngô hưu hà oán hồ kim chi nhân.
Ngô tương đồng đạo nhi bất dự hề,

426 Cố tương trùng hôn nhì chung thân.

(Loạn viết)

Loan điêu phượng hoàng, nhật đĩ viễn hè,

Yến tước ô thước, sào đường dàn về.

Lộ thân tan di, tử lam bạc hè.

Tanh tao tịnh ngụ, phương bất đặc bạc hè,

431 Âm dương dịch vị, thì bất dương hè.

Hoài tin sá sê, hốt hở ngô tương hành hè.

AI SINH

Hoàng thiên chi bất thuần mệnh hè,

Hà bách tính chi chấn khiên.

Dàn ly tán nhì tương thất hè,

436 Phương trọng xuân nhì Đông thiên.

Khú cố dô nhì tựu viễn hè,

Tuần Giang Hạ dĩ lưu vong.

Xuất quốc môn nhì chấn hoài hè,

Giáp chi triều ngô dĩ hàng.

441 Phát Sinh dô nhì khú lư hè,

Siêu hoảng hốt kỳ yên cực?

Tiếp tè dương dĩ dung dự hè,

Ai kiến quân nhì bất tái đặc.

Vọng trường thu nhì thái túc hè,

446 Thể dâm dâm kỳ nhược tán.

Quá Hạ thủ nhi Tây phù hè,

Cố Long mòn nhi bắt kiến.

Tâm thiền viên nhi thương hoài hè,

Điều bất tri kỳ sở chích.

451 Thuận phong ba dī tòng lưu hè,

Yên dương dương nhi vi khách.

Lăng Dương hầu chi phiếm lạm hè,

Hốt cao tường chi yên bạc.

Tâm quái kết nhi bất giải hè,

456 Tứ kiền sản nhi bất thích.

Tương vận chu nhi hạ phù hè,

Thượng Động-định nhi hạ Giang.

Khú chung cõ chi sở cư hè,

Kim tiêu dao nhi lai Đông.

461 Khuong linh hồn chi dục qui hè,

Hà tu du nhi vọng phản.

Bội Hạ phố nhi Tây tư hè,

Ai cõ đõ chi nhật viễn.

Đặng đại phản dī viễn vọng hè,

466 Liêu dī thư ngõ ưu tâm.

Ai châu thõ chi bình lạc hè,

Bi Giang giới chi di phong.

Dương Lăng-dương chi yên chi hè,

Điều Nam đõ chi yên nhu.

- 471 Tăng bất tri hạ chi vi khâu hè,
Thục luõng Đông môn chi khả vu.
Tâm bất di chi trường cửu hè,
Ưu dũ sầu kỳ tương tiếp.
Duy Sinh lộ chi liêu viễn hè.
- 476 Giang dũ Hạ chi bất khả thiệp.
Hốt nhược khứ bất tín hè.
Chi kim cửu niên nhi bất phục.
Thảm uất uất nhi bất thông hè,
Kiền sá sê nhi hàm thích.
- 481 Ngoại thura hoan chi xước ước hè,
Thảm nhầm nhược nhi nan trì.
Trung trạm trạm nhi nguyễn tiến hè,
Đỗ bị ly nhi chướng chi.
Nghieu Thuấn chi kháng hạnh hè,
- 486 Liêu diều diều nhi bạc thiên.
Chúng sám nhẫn chi tật đố hè,
Bị dī bất từ chi ngụy danh.
Tăng uần luân chi tu mỹ hè.
Hiếu phù nhân chi kháng khái.
- 491 Chúng tiếp điệp nhi nhật tiến hè,
Mỹ siêu viễn nhi du mại.
(Loạn viết)
Man dư mục dī lưu quan hè,

Ký nhất phản nhi hà thì.

Điều phi phản cố hương hè,

496 Hờ tử tất thủ kỳ (khau).

Tín phi ngô tội nhi khí trực hè,

Hà nhạt dạ nhi vong chí!

HOÀI SA

Thao thao mạnh hạ hè,

Tháo mộc mù mù.

501 Thương hoài vĩnh ai hè,

Cốt tư Nam thò.

Thuấn hè điều điều,

Không tĩnh ứ mặc.

Uất kết vu chàn hè,

506 Ly mẫn nhi trường cúc.

Phù tình hiệu chí hè,

Oan khuất nhi tự úc.

Ngoan phương dĩ vi viễn hè,

Thường độ vị thế.

511 Dịch sơ bắn dịch hè,

Quân tử sở bì.

Chương hoạch chí mặc hè,

Tiền đồ vị cái.

Nội hậu chất chính hè,

516 Đại nhân sở thịnh.

Xảo thùy bất trác hè,

Thục sát kỳ bát chính.

Huyền văn xứ u hè,

Mông tàu vị chi bất chuong.

521 Ly Lâu vi đẹ hè,

Cô dĩ vi vồ minh.

Biển bạch dĩ vi hắc hè,

Đảo thượng dĩ vi hạ.

Phượng hoàng tại nô hè,

526 Kê vụ tường vũ.

Đồng nữu ngọc thạch hè,

Nhất khái nhi tường lương.

Phù duy đảng nhân chi bi cổ hè,

Khương bất tri dư chi sở tàng.

531 Nhiệm trọng tái thịnh hè,

Hâm trệ nhi bất tế.

Hoài càn ác du hè,

Cùng bất tri sở thị.

Áp khuyễn chi quần phè hè,

536 Phè sở quái già.

Phi tuấn nghị kiệt hè,

Cố dung thái già.
Văn chất sơ nội hè,
Chúng bắt tri dư chi dị thái.

541 Tài phác ủy tích hè,
Mạc tri dư chi sở hữu.
Trọng nhân tập nghĩa hè,
Cần hậu dī vi phong.
Trùng Hoa bất khả ngõ hè,

546 Thực tri dư chi thung dung.
Cố cố hữu bất tịnh hè,
Khởi tri kỳ hà cố già.
Thang Vũ cùu viễn hè,
Mạc nhi bất khả mộ già.

551 Trùng vi cải phản hè,
Úc tâm nhì tự cường.
Ly mẫn nhi bất thiên hè,
Nguyễn chí chí hữu tượng.
Tiến lộ Bắc thứ hè,

556 Nhật muội muội kỳ tương mộ.
Thư ưu ngu ai hè,
Hạn chí dī đại cố.
(Loạn viết)
Hạo hạo Nguyễn Tương,
Phản lưu cốt hè,

561 Tu lợ u tế.

Đạo viễn hốt hè.
Hoài chất bảo tình.
Độc vô thắt hè.
Bá Nhạc ký mọt,

566 Ký yên trình hè.

Dân sinh bầm mệnh,
Các hữu sở thõ hè.
Định tâm quẳng chí, dư hà sở úy cự hè.
Tăng thương viên ai, vĩnh than khoái hè,

571 Thể hồn trọc mạc ngô tri.

Nhân tâm bất khả vị hè.
Tri tu bất khả nhượng.
Nguyệt vật ái hè.
Minh hạo quân tử.

576 Ngô tương dī vi loại hè.

TÍCH VĂNG NHẬT

Tích văng nhật chi tăng tín hè,
Thụ mệnh chiếu dī chiếu thi.
Phụng tiên công dī chiếu hạ hè,
Minh pháp độ chi hiềm nghi.

581 Quốc phú cường nhi pháp lạp hè,
Chúc trình thần nhi nhạt hý,
Bí mật sự chi tái tam hè,
Tuy quá thất do phát trị.

Tâm thuần bàng nhi bất tiết hè,
586 Tao sàm nhân nhi tật chi.

Quân hàm nộ nhi dãi thần hè,
Bất thành triệt kỵ nhiên phủ.
Tế hối quân chi thông minh hè,
Hư hoặc ngộ hựu dī khi.

591 Phất tham nghiệm dī khào thực hè,
Viễn thiên thần nhi phát tư.
Tín sàm du chi hồn trọc hè,
Thịnh khí chí nhi quá chí.
Hà trình thần chi vô cõ hè,

596 Bí ly báng nhi kiến vưu.
Tạm quang ánh chí thành tín hè,
Thân u àn nhi bí chí.
Lâm Nguyên Tương chi huyền uyên hè,
Toại tự nhẫn nhi trầm lưu.

601 Tốt một thân nhi tuyệt danh hè,
Khủng ứng quân chi bất chiêu.
Quân vô độ nhi phát sát hè,
Sứ phương thảo vi tàu u.
Yên thư tình nhi trùu tín hè.

606 Diêm tử vong nhi bất liêu.

Độc chướng úng nhi tế ăn hè,

Sứ trình thần nhi vô do.

Văn Bách Lý chi vi lỗ hè,

Y Doãn phanh ư bào trù.

611 La Vọng dồ ư Triều-ca hè,

Nịnh Thích ca nhi phan ngưu.

Bát phùng Thang Võ dū Hoàn Mục hè,

Thế thực vân nhi tri chí.

Ngô tín sám nhi phất vị hè,

616 Từ Tư tử nhi hậu ưu.

Giới tử trung nhi lập khố hè,

Văn quân ngộ nhi truy cầu

Phong Giới - sơn vi chí cầm hè,

Báo đại đức chí ưu du.

621 Tư cửu cổ chí thân thân hè,

Nhân cảo tổ nhi khốc chí,

Hoặc trung tín nhi tử tiết hè,

Hoặc di man nhi bất nghi.

Phất tinh sát nhi án thực hè,

626 Thính sám nhân chí hư từ.

Phương dū trách kỳ tạp nữu hè,

Thực thân dán nhi biệt chí ?

Hà phương thảo chí tảo yêu hè,

Vi sương giáng nhi bất giới.

631 Lượng bất thông minh nhi tế ứng hè,

Sử sám du nhi nhật đặc.

Tư tiền thế chi tật hiền hè,

Vị huệ nhã kỳ bất khả bội,

Đỗ giai dạ chi phân phương hè,

636 Mộ mẫu giáo nhi tự hảo.

Tuy hữu Tây Thi chi mỹ dung hè,

Sám đố nhập dĩ tự đại.

Nguyễn trần tình dĩ bạch hạnh hè,

Đắc tội quá chi bất ý.

641 Tình oan kiến chi nhật minh hè,

Như liệt tú chi thác tri.

Thùa kỳ ký nhi trì sinh hè,

Vô bí hâm nhi tự tái.

Thùa phiếm phu dĩ hạ lưu hè,

646 Vô chu tiếp nhi tự bị.

Bội pháp độ nhi tâm trị hè,

Tý dữ thử kỳ vô dĩ.

(Loạn viết)

Ninh kháp tú nhi lưu vong hè,

Khủng họa ương chi hữu tái.

651 Bất tất tú nhi phó uyên hè,

Tích ứng quân chi bất thức-

CA TỰNG QUÝT

1 Cây tốt của đất trời,
Quít đã quen thùy thò a.
Chịu mệnh mà chẳng dời,
Sinh ở nước Nam a.
Sâu vũng khô dời,
Chuyên một chi a.
Lá xanh hoa trắng,
Tươi khả mừng a.
Cành râm gai nhọn,
Quả tròn xoay a.

11 Xanh vàng lẫn nhau,
Màu vè sáng a.
Sắc tình lòng trắng,
Đại loại có thể dùng a.
Xinh xắn như trau dồi,
Đẹp mà chẳng xấu a.
Ôi! mày còn trẻ,
Mà có chí lợ a.
Độc lập chẳng rời,
Hã chẳng khả mừng a!

21 Sâu vũng khó dời,
Chẳng cầu gì cả a.
Tinh dời độc lập,
Mà không theo đồi a.
Lòng tự thận trọng,
Rốt chặng làm lỗi a.
Giữ đức không riêng.
Tham cung trời đất a.
Nguyễn đến tuổi cùng tàn ta,
Cùng nhau bè bạn dài a.

31 Dù ly biệt cũng không hùa bã,
Cùng thằng giữ lý a.
Tuổi tác tuy ít,
Mà khai làm thầy làm trưởng a,
Hành so Bà Di,
Lấy làm gương a.

TIẾC LÀM THƠ CA

Tiếc làm thơ ca mà đến khờ a,
Phát giận mà tò tình.
Động lòng trung mà nói ra a,
Chí trời xanh lấy làm chứng.

41 Sai năm đẽ phân xét a,

Bảo sáu thàn dõi chất.

Sai núi sông hâu chục a,

Bảo Cao Dao nghe mà xú.

Hết trung thành đẽ thờ vua a,

Lại lè loi như bướu thừa.

Quên nịnh hot nên trái chúng a,

Chờ vua sáng biết đến cho.

Nói và làm có thè khớp a,

Lòng và mặt chẳng biến đổi.

51 Cho nên xem biết bè tôi không ai bằng vua a,

Vì thấy rõ thực mà không xa.

Ta lo nghĩ a đến vua trước mà đến mình sau a,

Sao chúng người lại lấy làm cùu?

Chuyên vì vua mà không gì khác a,

Sao chúng dân lại lấy làm thù?

Một lòng mà chẳng do dự a,

Sao không có thè giữ (mình) được?

Gấp muôn gần vua mà chẳng có gì khác a,

Đó là đường chiêu họa.

61 Lo vua chẳng ai trung như ta a,

Bỗng quên mình là hèn nghèo.

Thờ vua mà không hai lòng a,

Mà không biết cửa yêu riêng.

*Trung tội gì mà bị phạt a,
Cũng chẳng phải điều lòng ta muốn.
Làm lè loi mà bị ngã nhào a,
Lại bị chúng dân cười chê.
Rồi gặp họa mà bị gièm a,
Rốt chẳng có thể giải thích.*

- 71** *Tinh uất ức mà chẳng tỏ được a,
Lại bị che mà chẳng biện bạch được.
Ta uất ức mà sờ sững a,
Lại chẳng xét tinh ngay của ta.
Võn nói lầm chẳng có thể thành thơ a,
Nguyên bảy chi mà không có đường nào.
Lui im lặng mà chẳng ai biết ta a,
Tiến kêu gào lại chẳng ai nghe ta.
Càng sững sờ mà bối rối a,
Lòng buồn rỗi mà lo lắng .*
- 81** *Xưa ta mộng lên trời a,
Hòn nứa đường mà không thuyền lái.
Ta bảo Lệ thần bồi xem a,
Rặng có chí lớn mà không có ai giúp.
Cuối cùng chỉ một mình mà bị ly dị a,
Rặng chúa có thể lo mà không thể cậy.
Cho nên miệng nhiều người làm chảy vàng a.
Trước như phải mà gặp tai họa,*

*Người bị bỗng canh mà thôi đưa a,
Sao chẳng đòi chí ấy đi?*

- 91** *Muốn bỏ thang mà lên trời a,
Còn giữ thói ngày trước vậy!
Chúng sợ hãi mà lia lỏng a,
Sao cứ làm bạn với cái ấy?
Cùng tột chí mà đi khác đường a,
Sao cứ vin lấy cái ấy?
Thân sinh nước Tân là con hiếu a,
Cha tin gièm mà không yêu.
Hạnh quá thẳng mà không do dự a,
Còn dụng công mà không thành.*

- 101** *Ta nghe trung mà gãy oán a,
Bỗng bão là lời nói bậy.
Chín lần gãy tay mới thành thày thuốc a,
Ta đến nay mới biết là đúng vậy.
Tên và mày bắn ở trên a,
Sập và lưới giăng ở dưới.
Bảy giăng pháp luật đè vui vua a,
Muốn ghê mình mà không có chỗ.
Muốn quanh quẩn mà xin dùng a,
Sợ lại thêm hoạn mà gấp nạn.*

- 111** *Muốn bay cao mà ở xa a,
Vua lại bảo người đi đâu?*

Muốn chạy vung cho mắt đường a,

Vì bèn chỉ mà chẳng nỡ.

Lung và ngực đều đau đớn a,

Lòng uất kêt mà vò ngầm.

Giã mộc lan và nghiền huệ a,

Giã thân tiêu đè làm lương.

Trồng giang ly cùng dun cúc a,

Nguyễn ngày xuân làm bột hương.

121 *Sợ tình và chát đều chẳng tin a,*

Nên nhiều lần mà tự bày tỏ ra.

Lấy bấy nhiêu hương thảo mà tự cung a,

Nguyễn nghĩ nhiều mà lạnh thân xa.

RÚT BÀY TÂM TU

Lòng uất uất và lo âu a,

Riêng than mãi mà thêm đau xót.

Nghĩ tức tối chẳng khuây được a,

Lại gấp đêm quá dài.

Buồn gió thu cảnh xác xơ a,

Sao xoay quá liên miên thế!

131 *Nghĩ tôn (chỉ vua) giận nhiều lắm a,*

Xót lòng ta cứ đau đớn.

Muốn vùng dậy mà chạy vung a,

*Thấy khđ dàn lại từ trân tinh
Kết tình mọn mà bày lời ca a,
Đè gỏi tăng người đẹp.
Xưa vua cùng ta đã ước lời a,
Răng lấy hoàng hôn làm kỳ hẹn.
Sao nùa đường lại quay lại a,
Lại đã có chi khác ấy?*

- 141** *Ngao với ta về qui báu a,
Cho ta xem về tốt đẹp
Cùng ta nói mà chẳng thực a;
Lại vì ta mà nỗi giận.
Nguyên thừa nhàn mà tự giải tỏ a,
Lòng lại run sợ mà không dám.
Buồn do dự mà muôn tiên a,
Lòng đau xót mà cứ bồi hồi.
Nay vạch tình mà bày lời a,
Tôn (chỉ vua) lại già điếc mà chẳng nghe.*
- 151** *Vốn người ngay thẳng không nịnh hót a,
Chúng lai quả quyết cho ta là mối lo.
Trước ta trình bày đã rõ rệt a,
Há đến nay lại quên được!
Sao riêng vui mà khăn khăn a,
Mong tôn (chỉ vua) tốt được hoàn toàn.
Trông Tam hoàng Ngũ đế làm gương a,*

*Chi Bành Hàm lấy làm mẫu mực.
Xa thê nào mà chẳng đến được a,
Nên tiếng tăm nghe xa mà khó dứt.*

161 *Thiện không do từ ngoài lại a,
Danh không thè do hư mà có.
Ai không cho mà có trả lại a,
Ai không gieo mà được gặt?
(Ca nhô)*

*Cùng người đẹp rút bày oán a,
Luôn ngày đêm không ai chừng cho.
Khoe đẹp tốt với ta a,
Ngạo lời ta mà chẳng nghe.*

(Xướng rỗng)

*Có chim từ phương Nam a,
Đến đậu ở Hòn bắc.*

171 *Điu dáng xinh đẹp a,
Lìa ở một mình nơi đất lạ.
Đã cõi độc mà lè loi a,
Lại không có mối lành ở bên cạnh.
Đường xa xôi mà ngày càng bị quên a,
Nguyễn tự bày tỏ mà không được.
Trông núi Bắc mà chảy nước mắt a,
Đến dòng nước mà thở dài.
Trông đâu hè đêm ngắn a,
Sao tối tăm dài như năm!*

- 181 *Nghĩ đường về Sinh xa xôi a,*
Hồn một đêm mà chin lẩn đi.
Từng không biết đường cong hay thẳng a,
Nhầm trăng và sao ở phía Nam.
Muốn đi tắt mà chưa được a,
Hồn biết đường dài dang dặc.
Sao linh hồn cứ ngay thẳng mãi a,
Lòng người với lòng ta không đồng!
Lại yêu mà mỗi chẳng thông a,
Vẫn còn chẳng biết ta là đúng đắn.
(Lời kết)
- 191 *Thác dài chảy xiết, ngược sông đầm a.*
Điên ruột ngoài lại phía Nam mà đi đè tạm
khuây lòng a.
Đường khấp khèn đá, trái mong muôn của ta a.
Vượt chí tà mà đi lặng lẽ, tiến lên a.
Bồi hồi do dự,
Ngủ ở Bắc-cô a.
Phiền oan rỗi rãm,
Mà cứ trôi đi a.
Sau than thản khờ,
Hồn nghĩ vè xa a.
- 201 *Đường xa chôn vắng,*
Lại không có mối manh a.

*Tỏ từ làm bài ca, đè tạm tư cừu a.
Lòng buồn chẳng toại, lời này cáo với ai a?*

NHỚ NGƯỜI ĐẸP

*Nhớ người đẹp a,
Gạt nước mắt đầm đầm nhìn.
Mỗi dứt đường ngắn a,
Lời không thè kêt thành thơ.
Ngay thẳng mà buồn oan a,
Sa lầy mà không đi tới được.*

- 211 *Tỏ rõ đè giải lòng ngay a,
Chỉ uất ức mà không thông.
Nguyên gởi lời cho mây nòi a,
Nhưng Phong-Long chẳng thấu tình.
Nhờ chim về mà gởi lời a,
Nhưng bay cao mà khó đương.
Vua Cao Dương linh tột a,
Gặp chim huyền mà gởi tin.
Muốn biến tiết mà theo tục a,
Thẹn đồi sờ tâm mà khuất chí.*
- 221 *Độc trải bao năm mà gặp đau buồn a,
Mà lòng giữ vững chưa thay đổi.*

*Thà àn nhǎn mà chết già a,
Chứ biến đổi sao làm được!
Biết đâu xe trước không thông a,
Mà vẫn chưa đổi đường ấy.
Xe đã đổi mà ngựa đã ngã a,
Độc cù bám đường lя lung ấy.
Buộc kỵ kỵ mà đổi xe a,
Tạo phu vì ta mà cầm cương.*

- 231** *Đi thong thà mà chờ thức a,*
Tạm rời rai mà chờ thời.
Chù núi tây Ba-trung a,
Cùng hẹn đến chang vang làm kỵ.
Mở xuân đầu năm a,
Ngày bắc sẽ thư thà.
Ta sẽ thà lòng mà vui vẻ a,
Theo sông Giang sông Hа mà khuây bưởn.
Hải bạch chỉ ở bài lớn a,
Ngắt túc mụ ở bài dài.
- 241** *Tiếc ta chẳng kịp người xưa a,*
Ta cùng ai thường thức có thơm ấy?
Hải biến súc cùng rau vặt a,
Sân đè làm vòng deo chéo nhau.
Cuốn nhiều vòng mà deo a,
Rồi khờ héo cũng bỏ lìa.

Ta lại quanh quẩn đè khuây buồm a,
Xem thói lợ của người Nam.

Trộm vui ở trong lòng a,
Xua phiền muộn mà không chờ.

- 251 Hương ngào ngọt thù bay xa a,
Đầy ở trong thù ngoài phải dãy.
Tình và chất mà chắc giữ được a,
Dù ở ăn danh cũng nghe xa.
Nhờ bệ lè làm lái (mỗi lái) cho a,
Sợ cắt chân mà trèo cây.
Nhờ phù dung làm mỗi cho a,
Sợ vén xiêm mà ướt chân.
Trèo cao ta chẳng thích a,
Xuống thấp ta không có thè.

- 261 Võn minh ta không quen a,
Nên do dự mà hờ nghi.

(Lời kết)

Róng theo kê sách trước a,
Chưa đòi phép này.
Mệnh là ở tôi ta cũng thói a,
Nguyên cùng ngày trắng chưa đến hôm
Bơ vơ mà rào bước về Nam a,
Vì có nhớ Bàn Hòn uây.

BUỒN GIÓ XOÁY

Buồn gió xoáy lay huệ a,

Lòng oan ức mà trong đau xót.

271 Vật thì nhỏ mà tình dễ rụng a (huệ).

Tiếng thì nhẹ khi mới bắt đầu (gió).

Sao nhỏ Bành Hàm thế a,

Mèn chi lớn mà chẳng quên.

Muốn biến hóa mà tình há đây được a,

Ai hư nguy mà khá lâu dài được?

Chim muông kêu đè gọi bầy a,

Hoa cỏ héo thì không thơm nữa.

Cá phô vây đè tự phân biệt a,

Giao long lai giấu màu sắc.

281 Cho nên cây đỗ và cây tẽ không trồng cùng
một chỗ a,

Cây lan và cây chỉ ở tối mà thơm một mình.

Chỉ gai nhán là đẹp mãi a,

Vượt cà đài mà tự trỗi.

Chỉ cao xa mong theo kịp (người xưa) a,

Thương mây nỗi cứ chơi với.

Chỉ cao xa nên khó hiều a,

Trộm làm thơ mà bày bở.

Chỉ gai nhán là độc nhất a,

Bè nhã tiếu mà tự xù tri.

- 291** *Luôn thở dài mà kêu than a,
Chỉ nấp náu mà lo nghĩ.
Lệ ròng ròng mà thê thảm a,
Nghĩ chẳng ngủ đến bừng sáng.
Suốt đêm dài dăng dặc a,
Ôm buồn ấy mà chẳng thôi.
Tình thong thả mà dạo quanh a,
Tạm tiêu dao mà tự vui.
Xót thở dài mà đau thương a,
Khi áp úc không thè ngót.*
- 301** *Kết tâm tu mà làm dài a,
Bẹn sầu khổ mà làm áo lót ngực.
Bè cây nhược mà che ánh sáng a,
Theo gió phảy đèn đâu thì đèn đó.
Còn phuơng phật mà chẳng thấy a,
Lòng nhảy nhót như nuốt sôi.
Sờ chuỗi ngọc và vạt áo đè yên chí a,
Mè bàng khuông mà đi tối.
Nấm dùn vụt như đờ a,
Thời cũng sòng sọc mà đến già.*
- 311** *Cây phiền cây hành khô mà lìa đốt a,
Hương cũng hết mà không còn.
Thương lòng nhớ không thè trị a,
Chứng lời gièm không phải là vừa.*

*Thà chết đi mà trời mắt a,
Không chịu được sầu luôn thế này.
Con cõi than mà gạt lệ a,
Con bò dưới mà không về.
Ai lại nhớ mà chẳng đau xót a,
Mới rõ tiếng của Bàn Hòn.*

- 321** *Lèn lèn đá mà trông xa a,
Đường miền man mà lặng phắc.
Tím bóng và vang mà không thấy ứng a,
Lặng tướng nghe mà không thè được.
Sầu uất uất chẳng vui a,
Ở buồn rầu mà không thè khuây.
Lòng bức bối mà không hà được a,
Khi xoán vẫn mà tự buộc.
Thầm mờ mịt mà không ngắn a,
Rộng mênh mông mà không chừng mục.*
- 331** *Tiếng thì lặng mà cảm nhau a,
Vật tuy thuận mà không thè tạo ra.
Xa miền man không thè lường a,
Dài dẳng đặc không thè vo.
Sầu dẳng dẳng mà thường bi a,
Hồn bay lên vời vợi mà vẫn không thò.
Lên bờ hòn núi cao a,
Đứng chờ vót trên rặng đỗ.*

Lên cao xanh mà cõi mõng a,

Bèn vội vàng mà mó trót.

341 *Uống nước trong mát rượi a,*

Hớp sương già trắng phau phau.

Dưa hấu giò mà nghi ngơi a,

Bỗng tinh lại mà bồi hồi.

Dưa núi Côn-lôn mà nhìn mù a,

Nép núi Mân-son mà xem sông trong.

Sợ nước cuồn cuộn chảy ầm ầm a,

Nghe tiếng sóng kêu ào ào.

Rời miệt man mà không thấy giềng a,

Rong mêm mông mà không thấy mối.

351 *Bát ngát chẳng biết là đâu a.*

Rong ruổi như không cùng đường.

Bay phoi phoi như lên xuồng a,

Xèo xa xa như tà như hưu.

Dời dập như trước như sau a,

Theo kỳ hạn khi dâng khi ròng.

Xem khi nóng bốc theo nhau a,

Xem mây khói nơi tịch tụ.

Buồn sương tuyết cùng xuồng a,

Nghe nước triều dập vào nhau.

361 *Nhờ ánh sáng mà đi lại a,*

Vụt roi cong băng hoàng cúc,

Tìm dấu còn của Giới tử a,

Tìm vết xa của Bá Di.

Lòng quyến luyến mà chẳng đi a,

Ghi vào chí mà chẳng đi đâu nữa.

Luồn sông lớn mà theo gió a,

Ghi vào chỗ ở của Bành Hầm.

(Lời kết)

Ta giận ngày trước đã lung mong a,

Thương người sau còn tranh đua nhau.

371 *Trôi theo sông Giang sông Hoài mà vào biển a,*

Tự di theo Ngũ Tử Tư.

Trong bến bái sông lớn a,

Xót dấu vết ngay thăng của Thân Đồ.

Vội can vua mà chẳng nghe a,

Ôm đá trẫy (mà tự trồm) có ích gì!

Lòng uất kêt mà không khuây a,

Trí bức túc mà không nguôi.

QUA SÔNG GIANG

Ta từ trẻ đã ham kỳ phục ấy a,

Tuổi đã già mà không đói.

381 *Đeo gươm dài sắc sō a,*

Dội mõ thiết vân cao ngắt.

*Khoác áo giắt châu minh nguyệt a,
Deo chuỗi ngọc qui.
Đời ngẫu đục mà chẳng ai biết ta a,
Ta nên rudi cao mà chẳng doiái.
Thắng cù xanh a đóng ly trắng,
Ta cùng vua Thuần chơi a chôn vuôn Dao.
Lên Côn-lôn a ăn tinh ngọc.
Cùng trời đất a đóng tudì thợ.
Cùng nhật nguyệt a đóng ánh sáng.*

391 *Thương người Nam Di chẳng ai biết ta a,
Sớm ta vượt sông Giang và sông Tương.
Lên Ngạc chủ mà ngoái lại a,
Than giờ mùa thu đông.
Cho ngựa đi bước một a ở chầm núi;
Bỏ xe ta a ở trong rừng.
Cõi thuyền ta ngược sông Nguyên a,
Đều tay chèo mà dập sóng.
Thuyền dùng dăng mà chẳng tiên a,
Vường nước xoáy mà ngừng trê.*

401 *Sớm ra từ Uông chủ a,
Tôi ngủ ở Thị-dương,
Vì lòng ta mà ngay thẳng a,
Tuy xa lánh cũng chẳng xót thương.
Vào Tự phô ta bồi hồi a,
Mè chẳng biết ta đi đâu.*

Rừng sâu vắng mà mù mịt a,
Là chỗ ở của vượn tưởu.

Núi cao dốc mà che mặt trời a,
Dưới tối tăm mà nhiều mưa.

- 411** Dày tuyết phủ mà không ngắn a,
Mây phơi phới mà phủ nóc nhà.
Thương đời ta chẳng vui a,
Một mình ởkin trong rừng núi.
Ta chẳng có thè đời lòng mà theo tục a,
Cố nhiên phải sầu cho đến cùng.
Tiếp Dư troc đầu a,
Tang Hồ tràn trường mà đi.
Trung chàng hân được dung a,
Hiền chàng hân được lấy.

- 421** Ngũ Tù gặp họa a,
Tỷ Can bị băm vầm.
Đời trước đều như vậy cà a,
Ta lại oán gì người đời nay!
Ta cứ theo chính đạo mà chẳng do dự a,
Cố nhiên gặp hận ám mãi đến tận đời.
(Lời kết)
Chim loan chim phượng ngày càng xa a.
Chim yến trước chim ở thước làm tò ở
đường dài a.

Bò đồng tần di chết ở bài rừng a.

Tanh tao đều được dùng mà tham chặng
được chuỗng a.

431 Âm dương đổi vì thời chặng đúng a.

Ôm trung tin mà sững sờ ta cam đi a.

THƯƠNG SINH ĐÔ

Mệnh của hoàng thiên chặng thương a,

Sao trăm họ chấn động khὸ sờ thẽ!

Dân lia tan mà lạc nhau a,

Vừa tháng giữa xuân dời sang Đông.

Bò đỡ cũ mà đi xa a,

Theo sông Giang sông Hạ mà lưu vong.

Ra cửa đô mà đau nhớ a,

Sáng ngày Giáp ta ra đi.

441 Ra từ Sinh đô mà bỏ xóm a,

Hoàng hốt biết đến bao giờ xong!

Mái cheo do đều mà dùng dặng a,

Thương chặng được gặp lại vua.

Trồng cây từ cao mà thở dài a,

Nước mắt ròng ròng như mưa.

Qua cửa Hạ mà trôi về Tây a,

Ngoài nhìn Long môn mà chặng thấy.

Lòng bìn rìn mà nhớ thương a,
Xa vời chẳng biết đặt chân ở đâu.

- 451 Theo sóng gió mà trôi a,
Lệnh đènh đènh đènh đènh mà làm khách.
Lướt Dương hâu (sóng) dương ngập tràn a.
Bồng bay lên cao đènh đènh đènh!
Lòng uất két mà chẳng khuây a,
Trí bức tức mà không nguôi được.
Toan quay thuyền cho trôi xuồng a,
Vào Động đình mà xuồng sông Giang.
Bỏ chõ ở từ bao thuở a,
Nay tiêu dao mà sang Đông.

- 461 Linh hồn thường muôn vè a,
Sao phút chốc lại quên trở lại!
Ngược cửa Hạ mà nhớ phía Tây a,
Thương đó cũ ngày thêm xa.
Lên gò cao mà trông xa a,
Tạm khuây lòng ta sầu muộn.
Thương đất bấy giờ vui a,
Nhớ thói cũ miền sông Giang.
Cõi sông đào đi đâu a,
Mệnh mông vượt xuồng Nam mà vè đâu?
471 Từng chẳng biết Đô thành hóa gò a,
Ai hay hai cửa Đông đều có thè rậm cỏ.

*Lòng chảng vui lâu mãi a,
Lo và buồn cứ tiếp nhau.
Nghĩ đường về Sinh xa ngái a,
Sông Giang và sông Hạ không thể vượt.
Bỗng nghe gièm mà chảng tin nữa a,
Đến nay chin năm mà không trò vè.
Thàm uất uất mà chảng thông a,
Tri sưng sờ mà ngậm tủi.*

481 *Người nịnh nọt mà được yêu a,
Thực yêu đuổi khò cầm được nài.
Trung trinh trọng mong tiền a,
Lại bị ghen mà che lấp.
Vua Nghiêu vua Thuấn đức hạnh cao a,
Sáng ngồi ngồi mà ngát trời.
Bạn gièm pha ghen ghét a,
Lại gia cho tiếng bậy là bất tử.
Người kín đáo ngay ngắn thì lại ghét a,
Ua người (gian) mà vê khảng khái.*

491 *Chúng nó chạy vạy mà ngày càng tiền a,
Người cao thượng thì ngày càng xa.
(Lời kết)
Mắt ta man mác nhìn quanh a,
Mong được vè, đến bao giờ?
Chim bay xa trở vè lang cũ a,*

Chỗn chêt át quay đầu về núi.

*Trung tin chẳng phải tội của ta mà bị ruồng
đuổi a,*

Sao ngày đêm mà quên được!

NHỚ TRƯỜNG SA

Bùng bùng tiết đau hè a,

Cây cỏ tốt muôn muốt.

501 *Tường nhớ thương xót mãi a,*

Rào mau về phuong Nam.

Trong vòi mù mịt a,

Lặng lẽ phảng phắc.

Uất ức rời đau a,

Gặp sầu khóc mà cùng khốn hoài.

Suy tính xét chí a,

Oan khuất mà tự dần lòng.

Đeo vuông cho tròn a,

Phép thường (của ta) chưa thay!

511 *Đồi đầm bồ gõc a,*

Người quân tử lấy làm hờ.

Rõ vạch đúng mục a,

Ý đồ trước chưa đói.

*Trong dày chất thẳng thắn a,
Đại nhânưa thích.
Thợ khéo chẳng dẽ a,
Ai xétđược là thẳng cong.
Màu sắc ở trong tối a,
Kẻ mù bao là không đẹp.*

521 *Ly Lâu lim rim mắt a,
Kẻ lừa bao răng (mắt anh ta) không sáng.
Lấy trắng làm đen a,
Đào trên làm dưới.
Phượng hoàng ở lòng a,
Gà vịt múa may.
Lòn lăn ngọc đá a,
Nhất loạt lường sánh nhau.
Nghĩ người bè đảng chật hẹp ngoan cõ a,
Chẳng biết ta chúa giồng gì.*

531 *Ganh nặng chờ nhiều a,
Sa lầy không qua được.
Mang ngọc càn cầm ngọc du a,
Khôn chẳng biết giờ cho ai.
Chó trong ấp sửa bầy a,
Sủa vì thấy quái dị.
Chè tuấn ngờ kiệt a,
Võn là thói của kè hèn.*

*Văn thì sơ mà chất thì chắc a,
Chúng người chẳng biết về lợ của ta.*

- 541** *Tài năng bỏ xó a,
Chẳng ai biết ta có gì.
Trọng nhân theo nghĩa a,
Lấy cẩn thận trọng hậu làm giàu có.
Vua Thuần chẳng gặp được a,
Ai biết ta là ung dung dung dân.
Thánh hiền xưa vẫn chẳng cùng sánh nhau a,
Hà biết là vì có gì.
Vua Thang vua Vũ xa lìu rời a,
Xa xôi rời không thè mến.*

- 551** *Nén tủi nhìn hờn a,
Dẫn lòng mà tự gắng.
Gặp đau khổ chẳng dời a,
Nguyễn chi làm mâu mục.
Đường tiến về Bắc a,
Ngày xâm xâm gần tối rời.
Khuây buồn nguội thương a,
(Đời) có hạn ở cái chết.
(Lời kết)
Mệnh mong sông Nguyễn-tương.
Chia đường chày mau a.*

- 561** *Đường dài tối tăm
Néo xa mù tit a.*

*Mang chất ôm tình,
Cô đơn chẳng cùng ai a.
Bà Nhạc đã mất,
Ngựa kỵ ai xem được a.
Dân sinh đều có mệnh,
Mỗi người yên chở a.
Lòng vững chi rộng ta có sợ hãi gì a.
Xót thương nhiều than thở mãi a.*

571 *Đời ngẫu đực chẳng ai biết ta,
Lòng người không có thè phờ cho (thiên hạ) a.
Biết chết không thè tránh,
Nguyên chờ yêu tiếc (thân mình) a.
Bắc quân tử sáng suốt,
Ta lấy làm mẫu mực a.*

TIẾC NGÀY TRƯỚC

*Tiếc ngày trước từng được tin a,
Chùi chiếu mệnh mà làm sàng thời.
Vàng công đời trước mà soi xuồng cho dân a,
Làm rõ điều hiềm nghi của pháp đố.*

581 *Nước giàu mạnh mà phép được định a,
Quan trung trinh mà ngày càng vui vẻ.*

*Việc bí mật đều đè lòng a,
Tuy có làm lỗi mà (vua) cũng không trị
Lòng thuận hậu mà không xét lỗ a,
Lại gặp người gièm mà bị ghét.
Vua mang giận mà dài bè tôi a,
Chẳng thấu suốt chuyện phải chẳng.
Che lấp tai mắt của vua a,
Biết chuyện lão mà lừa dối.*

- 591** *Chẳng so nghiêm mà xét thực a,
Đuổi xa bè tôi mà chẳng nghiêm.
Tin bọn gièm nịnh làm ngầu đục a,
Nồi giận dữ mà quá chừng.
Sao tôi trung không tội a,
Bị gièm pha mà khôn cùng.
Thẹn sảng tôi không rạch rời a,
Nên thân ẩn náu mà đe phòng.
Đến đục sâu sông Nguyên-tương a,
Bèn tự nhẫn mà nhảy xuống dòng.*

- 601** *Rốt cuộc mất thân mà dứt danh a,
Tiếc vua bị che lấp không sáng soi.
Vua không giữ phép mà chẳng xét a,
Khiến lan thơm âm u trong rừng.
Sao tôi được tình mà lấy lại lòng tin a,
Cam chết quách mà chẳng quẩn.*

*Chỉ đọc ngắn lấp mà che giấu a,
Khiến tôi trung không đường lối.*

*Nghé Bách-lý làm nô a,
Y Doãn nấu nướng trong bếp núc.*

611 *Lã Vọng mò thịt ở Triều-ca a,
Nịnh Thích hát mà cho trâu ăn.*

*Chẳng gặp vua Thang vua Võ cùng Hoàn công
Mục công a.*

Thì đời ai biết được họ?

Ngô tin gièm mà chẳng biết a,

Tử Tư chết mà sau sinh họa.

Giới tử trung mà ở tại rừng khô a,

Văn công (Tần) tinh ngò mà theo tìm.

Khoanh Giới son làm rừng cấm a,

Báo đức lớn khi chạy nạn.

621 *Nhớ người cũ gần gũi mình a,*

Nên mặc áo gai trắng mà khóc.

Có người trung tin mà tử tiết a,

Có người man trá mà lại chẳng ngờ.

Không xét kỹ mà nắm sự thực a,

Nghé lời bịa đặt của người gièm.

Thơm cùng thời lẩn lộn a,

Ai sáng suốt mà phân biệt!

Sao cô thơm lại sớm chết a,

(Vi) sương nhỏ xuống mà chẳng phòng.

631 Tai và mắt bị che lấp a,

Khiên kè gièm nịnh ngày đặc chi.

Tử đài trước vẫn ghét người hiền a,

Bảo huệ và đồ nhã không thè deo được.

Người đẹp phai phói thì ghen a,

Mụ già làm đóm mà tự cho là đẹp.

Tuy có sắc đẹp của Tây Thi a,

Gièm ghen vào thì cũng là bô.

Nguyên bày tình mà tò rõ a,

Dù đặc tội cũng là không cõ ý

641 Tình oan úc ngày càng rõ a,

Nhu tình tú thảy sáng bày.

Cõi kỳ ký mà rong ruổi a,

Không có cường hảm thả cho tự chạy.

Cõi bè mảng mà xuôi dòng a,

Không có mái chèo mà cho tự tiễn.

Trái pháp độ mà lấy lòng riêng xử sự a,

So với thế cũng không khác gì.

Thà chết quách mà trôi mất a,

Sợ tai và còn lại gãp nữa.

(Lời kết)

651 Không hết lời mà gieo xuống vực a,

Tiếc vua hòn chẳng biết được.

QUẤT TỤNG

- 1 Quite trời cưng a,
Đã quen thủy thồ.
Sinh phương Nam a,
Chịu mệnh chẳng bờ.
Vàng vàng không đồi a,
- 6 Một tiết bền.
Lá xanh hoa trắng a,
Khá vui tin.
Cành rậm gai nhọn a,
Quả tròn xoáy.
- 11 Xanh vàng xen lắn a,
Tươi biết mấy !
Lòng trắng sắc tinh a,
Khá trọng dùng.
Xinh xắn như trau a,
- 16 Đẹp vô cùng !



Ôi ! Tuổi trẻ trung a,
Mà có chí lạ.

Độc lập chẳng nao a,
Há không hả dạ!

- 21 Vững vàng không đồi a,
Tuyệt chặng cầu gì.
Tinh táo ngay thẳng a,
Ngang nhiên chẳng tùy.
Kín lòng thận trọng a,

- 26 Rốt không làm lối.
Giữ đức không thiên a,
Đặt trời cùng phổi.
Hết mùa cùng héo a,
Làm bạn lâu dài.

- 31 Không nao không núng a.
Vì lý tưởng hoài.
Tuổi dù còn trẻ a,
Làng thầy vẫn sôi.
Nguyễn sánh Bá Di a,

36 Treo gương chói lọi.

TÍCH TỰNG

Tiếc làm thơ nên khờ a,
Bày tình do nhức nhối.

Động lòng trung thốt lời a,

Vạch trời xanh mà nói.

41 Khiến Năm để chiết đoán a,

Bảo Sáu thần đổi chất.

Sai Núi Sông chực hầu a,

Nhờ Cao Dao xử xét.

Thờ chúa hết trung thành a,

46 Mà lè loi như bướu thừa.

Không nịnh nên trái chúng a,

Chúa biết thấu còn phải chờ!

Ngôn và hành hợp nhất a,

Lòng và mặt vẫn một màu.

51 Biết tôi ai băng chúa a,

Vì thấy mà chẳng cách nhau.

Ta lo chúa trước thân sau a,

Mà chúng người sao căm ghét?

Chuyên vì chúa chẳng gì khác a,

56 Mà người ta thù đến chết!

Một dạ chẳng do dự a.

Thế mà sao không tự giữ?

Gặp gần vua chẳng gì khác a,

Đó là đường mua vạ dữ.

61 Lo vua ai trung như ta a,

Bỗng quên mình là nghèo hèn.

Thờ vua chẳng hai lòng a,

Cửa cửa nịnh ta không quen.

Trung tội gì mà bị duồng a,

66 Thực lòng ta chẳng có nài:

Làm khác đời mà nhào ngã a,

Lại bị người cứ chê bai.

Gặp lộn xộn mà bị gièm a,

Dù trăm miệng khôn giải thích.

71 Tình oan ức chẳng tò được a,

Lại bị chê khôn bộc bạch.

Lòng uất ức ta sưng sờ a,

Chẳng xét ta dạ trung lương.

Nói nhiều cũng chẳng tò hết a,

76 Muốn bày chí mà không đường.

Làm thính thì chẳng ai biết a,

Kêu lên chẳng ai nghe được.

Càng sưng sờ bối rối a,

Lòng ta vò thêm buồn bức.

81 Xưa ta mộng lên trời a,

Hồn nửa vời mà chờ vơ.

Khiến Lệ thần bói xem a,

Răng chí lớn thiểu chõ nhờ.

Rốt cõi độc mà bị duồng a,

86 Răng chúa khá lo mà không khá cậy.

Vì lời gièm cháy vàng a,
Vốn mình thăng mà hóa vạy.
Trượt vỏ dưa tránh vỏ dừa a,
Sao nết cũ vẫn không chữa?

91 Muốn lên trời mà bỏ thang a,

Sao thói cũ cứ trơ trơ?
Mọi người sợ mà lánh xa a,
Lại làm sao còn cứng cỏi?
Cùng một chí mà khác đường a,

96 Lại làm sao còn ngoan cỏi?

Tán Thân sinh con hiểu a,
Cha tin gièm mà chẳng yêu.
Hạnh quá thăng không do dự a,
Còn dụng công mà hỏng keo.

101 Ta nghe trung trực mà gây thù a,

Bỗng cho là lời nói bậy.
Chín gãy tay mới hay thuốc a,
Nay mới tin quả như vậy.
Ở trên thì cung tên bắn a,

106 Ở dưới thì lưới giăng cùng.

Búa giờ bẫy chó vui chúa a,
Cầu ghé thân khó chỗ dung.
Muốn quanh quẩn mà xin dùng a
Sợ, lại rủi vương nguy khốn.

- 111 Muốn bay cao mà chạy xa a.
 Sở chúa bảo sao bỏ trốn?
 Muốn chạy vung cho mất lối a,
 Vì chí bền chẳng nỡ nào.
 Lung ê ngực nhói liên miên a,
- 116 Lòng uất kêt mà rỗi đau.
 Giả mộc lan với huệ a.
 Cùng thân tiêu làm lương cốt.
 Trồng giang ly và vun cúc a.
 Phòng ngày xuân làm hương bột.
- 121 Sở tình chí chẳng được tin a.
 Nên định ninh mà bày ra.
 Lấy bấy nhiêu mà tự cung a,
 Nguyên sâu nghĩ mà lánh xa.

TRÙU TƯ

- Lòng uất ức mà lo âu a,
 126 Chạnh than hoài càng đau xót.
 Nghĩ túc tối mà chẳng khuây a,
 Suốt đêm trường luân trằn trọc.
 Buông gió thu cảnh xác a,
 Sao xoáy lầm như thế hoài!

- 131 Nghĩ chúa sao giận quá chừng a,
Khiến lòng ta than thở dài.
Muốn vùng dậy mà chạy vung a,
Thấy khờ dàn mà phải lặng.
Kết tình mọn làm bài ca a.
- 136 Lên người đẹp ta gửi tặng.
Xưa Người cùng ta đã ước a,
Hẹn chiều hôm thì gặp nhau.
Sao nứa chừng lại nỡ trái a,
Mà với ta đã lòng nào!
- 141 Lại lèo đẽo với ta a,
Khoe với ta về yêu diệu.
Nói với ta mà chẳng tin a,
Lại vì ta mà nỗi cátu.
Mong thừa lúc bộc bạch a,
- 146 Lòng run sợ mà lại thôi.
Buồn do dự mà muốn tiến a,
Lòng đau xót mà bồi hồi.
Nay vạch tinh mà tỏ lời a,
Bè trên chẳng nghe giả điếc.
- 151 Võn người ngay mà chẳng nịnh a,
Chúng quyết bảo đỡ hỏng việc.
Ta trình bày võn rõ rệt a,
Há đến nay mà đã quên!
Ta sao riêng vui khẽn khẽn a,

156 Nguyệt Bè trên đúc sáng lên.

Tam hoàng Ngũ đế trông gương a,
Nhẩm Bành Hảm làm mẫu mục.
Xa xôi mấy mà chẳng đến a,
Khiến nơi nơi danh đều nức.

161 Thiện chẳng do ngoài lại a,

Danh với thực phải phù nhau.
Ai không cho mà có trả a,
Ai không gieo mà gặt đâu!
(Ca nhở)

Cùng người đẹp rút bày lòng a,

166 Luôn ngày đêm chẳng ai chúng.

Khoe tốt đẹp với ta a,
Ngạo lời ta mà chẳng khứng.
(Xướng)

Có chim từ Nam a,

Dừng đậu ở Hán bắc.

171 Xinh đẹp dịu dàng a,

Cô đơn ở nơi dị vực.

Chon von đứng lè a,

Lại không kẻ làm mối lành.

Đường cách xa bị lãng quên a,

176 Muốn giải bày mà chẳng thành.

Trông núi Bắc mà rời lè a,

- Tới dòng trong mà rên siết.
Trong đêm đầu hè vốn ngắn a,
Sao dâng dâng mà không hết,
181 Nghĩ đường về Sinh xa thăm a,
Hồn một đêm trầy chín tao.
Ta chẳng biết đường quanh thằng a,
Nhầm miền Nam trăng và sao.
Mong đi tắt mà chẳng được a,
186 Hồn thấy đường dài dâng đặc.
Linh hồn sao cứ ngay thằng a,
Người với ta lòng sao khác!
Lái yếu mà mối chẳng thông a,
Vẫn chẳng biết ta mực thước,
(Lời kết)
191 Lên thác xuống ghềnh ta ngược sông a,
Vội ngoảnh về Nam mà tạm yên.
Đường khấp khèn trái lòng ta a.
Vượt ý ta mà lặng tiến lên a.
Ngần ngừ do dự,
196 Đến Bắc-cô ngủ lại a.
Oan sầu bối rối,
Cứ thế mà trôi nỗi a.
Thở than bi thảm.
Tâm thần nghĩ về đâu a?

201 Đường xa chốn lánh,
Lại chẳng mối manh nào a.
Nghĩ làm ca đè tự giải a.
Lòng chẳng thỏa cùng ai kêu a.

TU MỸ NHÂN

- Nhớ người đẹp a,
- 206 Gạt lệ dăm dăm xa.
Đường ngăn mối dứt a,
Lời không thè kết thành ca.
Ngay thẳng mà mang oan a,
Sa lầy khó di tới.
- 211 Tò rõ đè giải lòng a,
Chỉ uất úc mà không toại.
Mong gởi lời cho mây nỗi a,
Nhưng Thần Mây chẳng thấu lòng.
Nhờ chim hồng mà nhắn nhủ a,
- 216 Hồng bay cao nên khó trông.
Cao Tân đức thiêng sao a,
Gặp chim huyền dem cho trúng.
Muốn đồi tiết theo dõi a,
Lại xấu hổ mà không khứng.

- 221 Trái bao năm riêng sâu khờ a,
Mà giữ tiết vẫn chưa dời.
Thà ăn nhăn mà chết già a,
Chứ đói dạ thì chịu thôi!
Biết dấu xe trước khó thông a,
- 226 Vẫn đường ấy mà đi tới.
Xe đã dò ngựa dã nhào a,
Vẫn không dời đường kỳ quái.
Thẳng ngựa kỵ mà đói giá a,
Nhờ Tạo phủ đánh dùm xe.
- 231 Di thông thả mà chờ thúc a,
Đè ung dung mà chờ thì.
Chi Ba-trùng núi phía Tây a,
Cùng hẹn nhau đến chặng vạng.
Khai xuân đầu năm a,
- 236 Ngày thư thái ánh thiều sáng.
Thả lòng ta vui vẻ a,
Theo Giang Hạ đê khuây lòng.
Hái bạch chỉ trong bái a,
Ngắt túc mù trên bái sông.
- 241 Tiếc không kịp cõi nhân a,
Cùng ai deo phương thảo ấy?
Hái biển súc cùng rau vặt a,
Đè xâu luồn mà deo lẩy.
Quần nhiều vòng mà khoác a,

- 246 Rồi khô héo cũng bỏ thoi.
Lại quanh quẩn mà khuây lòng a,
Tục người Nam ta thăm chơi.
Trộm vui chút trong lòng a,
Xua phiền muộn không căn biết.
- 251 Hương ngào ngọt thì ngát xa a,
Trong dã dãy ngoài phát tiết.
Tinh với chất thực giữ được a,
Dù ăn dạt danh xá rao.
Nhờ bệ lệ làm lái cho a,
- 256 Sợ cất gót phải trèo cao.
Nhờ phù dung làm mồi cho a,
Sợ vén xiêm mà chán lầm.
Lên cao ta vốn chẳng ua a,
Xuống bùn ta cũng ngại lầm.
- 261 Vốn thân ta không quen a,
Nên do dự mà xem ngắm.
(Lời kết)
Vẫn theo nếp cũ a,
Chứa đồi đường lối này.
Mệnh ở tối ta chẳng quản a,
- 266 Nguyệt kíp trời sáng chưa hết ngày.
Bơ vơ trôi về Nam a,
Nhớ Bành Hàm không hề khuây.

BÌ HỘI PHÒNG

Buồn gió xoáy phe phất huệ a,
Lòng oan ức mà đau thương.

- 271 Vật nhỏ yếu mà dễ rụng a,
Tiếng mới nồi còn nhẹ nhàng.
Nhớ Bành Hàm sao thiết tha a,
Mến chí tiết mà khôn khuấy.
Muôn biến hóa vẫn khó dậy a.

- 276 Gian ngụy giấu không lâu mẩy.
Chim muông kêu mà gọi bạn a,
Hoa cỏ héo hương chảng bay.
Cá mú đua mà khoe vây a,
Rồng lại náo mà chờ mây.

- 281 Đồ và tẽ chảng trống chung a,
Lan chi kin thơm tro troi.
Chi giải nhân là đẹp mai a,
Vượt cả đời mà tự trỗi.
Chi cao xa kịp người trước a,

- 286 Thương vật vờ như phù vân.
Chi cao xa người khó hiều a,
Trộm ngâm nga mà phản tràn.
Chi giải nhân là độc nhớ a,
Bé nhã tiêu mà tự xử.

- 291 Luôn ngậm ngùi mà than thở a,
Chạnh nấp nau mà tư lự.
Lệ ròng ròng mà thê thảm a,
Nghĩ trăn trọc đến bình minh.
Suốt đêm dài dăng đặc mãi a,
- 296 Chỉ ôm lòng mà buồn tênh.
Dậy thong thả mà đạo chơi a,
Gương tiêu dao mà tự tại.
Độc thở dài mà đau xót a,
Khi áp ức mà uất mãi.
- 301 Kết tơ lo mà làm dài a,
Bẹn sợi sầu làm áo choàng.
Bè cây nhược che ánh sáng a,
Theo gió xiêu mà lang thang.
Cứ phuơng phất chảng thấy gì a,
- 306 Lòng nhảy nhót như sôi nước.
Sờ vὸng áo đ𝐞 yên tâm a,
Chi bằng hoàng mà tiến bước.
Năm vùn vụt như muôn đòn a,
Đời thăm thoát mà đến già.
- 311 Phiền hành héo mà lìa dỗi a,
Hương cung lạt mà phai pha.
Thương lòng nhớ không chữa được a,
Quả lời gièm nguy hại thực.
Thà chết quách mà trôi mất a.

316 Kéo lùn sầu không nhìn được.

Con cõi than mà gạt lệ a,
Con bò dưới đi vật vờ.
Ai lại nhớ mà chẳng xót a,
Rõ tiết tháo Bành Hàm xưa.

321 Lên núi đá mà trông xa a,

Đường mènh mang mà lặng phắc.
Tím vang bóng chẳng thấy gì a,
Lặng tưởng tượng không thể được.
Sầu uất uất mà nặng trĩu a,

326 Dạ canh cánh mà khôn khuây,

Lòng bực bội mà không hả a,
Khí xoắn kết như tơ vầy.

Thầm mờ mịt mà không hình a,
Rộng bao la mà không tượng.

331 Tiếng tuy lặng mà cảm nhau a,

Vật tuy thuần mà như ruỗng.
Xa miên man không thể lường a
Dài dẳng đặc không thể vò.
Sầu dẳng dẳng mà thảm mãi a,

336 Hòn bay bồng vẫn âm u.

Lên dốc hầm dinh núi cao a,
Đứng chót vót trên ráng đở.
Lên từng xanh mà cõi mõng a,
Bèn vời vàng da trời vồ.

- 341 *Ưng* cam lồ thấy mát rượi a,
 Hớp sương giá giọt trăng phau,
 Tìm đ. gió mà nghỉ ngơi a,
 Bỗng tình lại mà lao dao.
 Dựa Côn-lon ngó mây mù a,
 346 Nép Mân-sơn xem sông lớn.
 Nước cuồn cuộn nghe ầm ầm a,
 Sóng ào ào mà nhào lộn..
 Nhìn dòng tây không thấy mối a,
 Nhìn nam bắc không thấy giường.
 351 Mênh mông chẳng biết đến đâu a,
 Rong ruổi như không hết đường.
 Xập xòe như tà như hữu a,
 Pháp phơi như lên như xuống.
 Dập dìi khi trước khi sau a,
 356 Theo nhịp khi tiêu khi trưởng.
 Nam hải mây nóng bốc lên a,
 Đông hải khói mù tích tụ.
 Bắc hải sương tuyết phủ khắp a,
 Tây hải nước triều dang dở.
 361 Dựa ánh sáng mà qua lại a,
 Quất cong hoàng cúc khúc roi vàng.
 Tìm Giới tử trong Miên sơn a,
 Xem vết Bá Di đá Thú-dương.
 Quyến luyến không nỡ dời a,

366 Ghi lòng dạ không thè bở.

Lướt sóng lớn mà theo gió a,

Tìm Bành Hàm nơi yên ngủ.

(Lời Kết)

Giận ngày trước đã luống mong a,

Thương kẽ sau tranh khu khu.

371 Cùng Giang Hoài trôi vào biền a,

Đề theo dời Ngụ Tứ Tư.

Trong bến bãi Đại hà a,

Xót Thân Đồ tìm dấu vết.

Vội can vua chảng nghe a,

376 Ôm đá trầy mà liều chết.

Lòng ấp úc khó khuây a,

Ý bức bối mà uất kết.

THIỆP GIANG

Tự nhở ta thích kỳ phục a,

Dến tuổi già vẫn không thay

381 Mang kiếm dài sáng lấp lánh a,

Đội mũ cao dựng từng mây.

383 Deo chuỗi ngọc quý lung linh a,

383 Khoác áo súc châu minh nguyệt

Dời ngẫu đục chảng biết ta a,

Ta ruồi cao mà không thiết.

386 Cõi thanh cõi a liền bạch ly.

Với vua Thuấn a chơi Dao trì.

Lên Côn-lôn a ăn tinh ngọc.

Cùng trời đất a cao tuồi hạc.

Chung ánh sáng a với trời trăng.

391 Thương Man Di chẳng biết ta a,

Sớm ta vượt Giang và Tương

Lên Ngạc-chứ mà quay nhìn a,

Gió thu đông nghe than thở.

Dòng ngựa ta trên chầm núi a,

396 Bò xe ta trong rừng rú..

Cõi thuyền ta ngược sông Nguyên a,

Đập làn sóng đều mái chèo.

Thuyền dùng dỗng mà chẳng tiến a,

Vì nước xoáy lượn quanh queo.

401 Sáng ra đi từ Uông-chứ a,

Chiều vừa đến Thị-dương nghỉ.

Vì lòng ta cứ ngay thẳng a,

Dù duồng bò không phẫn chí.

Vào Tự-phố ta trú trú a,

406 Mẹ man biết sẽ di dâu!

Rừng sâu rậm mà mù mịt a,

Chính chỗ ở loài khỉ tưởu.

Núi cao che nhấp mặt trời a,

Dưới tối tăm mà mưa nhiều.

- 411 Tuyết phủ dày không thấy ngắn a,
Mây phoi phói nóc nhà bung.
Thương ta sống mà chẳng thú a,
Chỉ âm thầm trong núi rừng.
Ta không thể dõi theo tục a.

- 416 Nên sầu khổ đến tột đường.
Tiếp Dư trọc đầu a.
Tang Hổ thân ở truồng.
Trung chẳng hăn dùng a.
Hiền chẳng hăn được cất.

- 421 Tỷ Can mồ gan a,
Ngụ Tứ phải tự sát.
Người xưa đều thế cả a,
Ta há oán gì người nay,
Ta theo đạo chẳng do dự a,

- 426 Nên gấp u ám trọn đời này.

(Lời kết)

Chim loan chim phượng ngày càng xa a,
Chim yến chìm thước ở dài các a.
Tận di bỏ chết đống bái rừng a,
Thơm thi duồng hôi tanh lại chác a.

- 431 Âm dương dõi vị a,
Ôm trung tín sưng sờ ta cảm dõi bước a.

AI SÍNH

Hoàng thiên mệnh chẳng chắc a.

Dè trăm họ phải diêu tàn.

Dân ly tán mà lạc nhau a,

436 Chạy sang Đông tháng trọng xuân.

Bỏ Cố đô đi xa a,

Theo Giang Hạ mà xiêu giật.

Ra cửa thành mà đau thương a,

Ta khởi hành sáng ngày giáp.

441 Giã Sinh đô mà hoảng hốt a.

Là quê cũ đến bao giờ?

Chèo đều nhịp mà dùng dăng a,

Thương thấy chúa chẳng được thờ.

Trong cây tú mà thờ dài a,

446 Nước mắt tuôn nhu mưa xối.

Qua cửa Hạ trôi về Tây a,

Đoái Long-môn mà mắt mòi.

Lòng bịn rịn mà nhớ thương a,

Chẳng biết sẽ đặt chân đâu.

451 Theo sóng gió mà trôi nỗi a,

Biết lanh đèn về chốn nào.

Lướt ba đào dương ngập tràn a,

Bồng bay lên cao vòi voi.

Lòng buồn bực mà khó nguôi a

456 Tý túc tối mà khôn cõi,

Hãy quay thuyền mà thả xuồng a,
Vào Động-dịnh mà xuôi dòng.

Bỏ chõ ở từ bao thuở a,
Mà tiêu dao qua cõi Động.

461 Linh hồn thường muôn về a,

Sao phút chốc quên trở lại?

Ngược cửa Hạ nhớ phía Tây a,
Thương Cố đô ngày xa ngái.

Lên gò cao mà trông ngóng a,

466 Đề tạm khuây nỗi bi ai.

Thương trung châu đất giàu vui a,
Xót thói cũ chốn sông ngòi.

Cõi làn sóng mà đi đâu a,

Vượt xuồng Nam về đâu đó?

471 Chẳng biết Đô thành hóa gò a,

Ai hay hai cửa Đông rậm cõi!

Lòng chẳng vui như thế mãi a,

Lo và buồn cứ liên miên.

Đường về Sinh xa xôi lắm a,

476 Giang với Hạ khó vượt lên.

Bỗng bị gièm mà mất tin a,

Nay chín năm chưa trở lại.

Lòng uất uất mà chẳng thông a,

Dáng sững sờ mà ngậm túi.

- 481 Kè nịnh nọt mà được yêu a,
Thực yếu đuối làm được gì!
Trung trinh trọng mà mong tiến a,
Lại bị ghen mà lấp che.
Nghiêu Thuấn đức hạnh cao a,
- 486 Ngất đến trời mà vội vội.
Chúng gièm vì dố kỵ a,
Còn gán cho danh bạt bội.
Người tốt đẹp thì lại ghét a,
Ua vê khảng khái phường gian tà.
- 491 Chúng chạy vạy mà tiến tới a,
Người cao thượng ngày càng xa.
(Lời kết)
Mắt ta man mác nhìn quanh a,
Biết trở về là lúc nào?
Chim bay nhớ về tò a,
- 496 Cáo chết gò quay đầu.
Tín chẳng phải tội mà bị đuối a,
Đêm như ngày quên làm sao!

HOÀI SA

Bừng bừng dầu hạ a,
Cây cỏ rướm rướm.

501 Đau thương không ngọt a,

Ráo vội về Nam.

Trông vời mịt mù a,

Bốn bề lặng lẽ.

Uất kết quẩn đau a,

506 Ly sầu bi khốn mãi,

Suy tình xét chí a,

Oan khuất phải chịu vậy.

Chuốt vuông cho tròn a,

Nếp thường chẳng thay.

511 Theo dời lìa gốc a,

Quân tử không thích.

Mực ngay thước thẳng a,

Giữ lè dù rách.

Lòng trung chất chính a,

516 Thánh nhân mới dùng.

Thợ khéo không dẽo a,

Ai biết thẳng cong!

Màu sắc ở tối a,

Mù rắng xấu xí.

521 Ly Lâu lim rỉm a,

Lò rắng cận thị.

Trên dưới xáo trộn a,

Đen trắng đổi thay.

Phượng hoàng bị nhốt a,

526 Gà trĩ múa may.

Ngọc đá hồn hào a,

Só nhau một lứa.

Bè đảng ghét ghen a,

Biết ta gì chúa!

531 Chờ nhiều gánh nặng a,

Sa lầy khó qua.

Mang châu cầm ngọc a,

Cùng ai giờ ra!

Bầy chó sủa om a,

536 Sủa vì thấy quái.

Chê tuấn ngờ kiệt a,

Ké hèn vãn thói.

Vãn chất đúng thề a,

Vé lụ ta nào ai tường!

541 Tài năng bỏ xó a,

Của riêng ta nào ai màng!

Dày nhận nặng nghĩa a,

Lấy trọng hậu mà giữ đức.

Vua Thuấn chẳng gặp được a,

546 Ai biết ta trung trực!

Thánh hiền vốn không cùng thời a,

Há biết vì có sao!

Vũ Thang xa vắng a,

Luống đê ta ước ao.

551 Nén tủi nuối hờn a,
Đắn lòng mà gắng sức.
Gặp khốn chẳng dời a,
Nguyên chí làm mẫu mực.
Đường đi về Bắc a,

556 Ngày xâm xăm tối rồi.
Khuây sầu nguôi thương a,
Đời cũng đến chết thôi.
(Lời kết)

Mệnh mông Nguyên tượng,
Cuồn cuộn sóng dời a.

561 Đường xa man mác,
Ngất tạnh mù khơi a.
Ôm tình giữ chất,
Đành phải mò coi a.
Bá Nhạc đã mất,

566 Ngựa kỵ ai coi a.
Nhân sinh có mệnh,
Đều đã định rồi a.
Vững lòng rộng chí, ta chẳng sợ a.
Xót thương chẳng dứt, than thở mãi a.

571 Dời ngàu đục không biết ta,
Lòng người khó phai a.
Biết chết không tránh được,

Nguyễn không tiếc đời a.

Thánh hiền minh chính,

576 Ta mong theo đời a.

TÍCH VĂNG NHẤT

Tiếc ngày trước được tin a,
Chịu mệnh chúa mà soi đường.
Vâng công trước rời xuống a,
Khiến pháp độ được rõ ràng.

581 Nước giàu mạnh mà phép định a,
Quan trung trinh ngày vui vẻ.

Việc cơ mật đều đè lòng a,
Tuy lỗi lầm cũng không trị.
Lòng thuần hậu mà thận trọng a,

586 Gặp kẻ gièm lại ghét chê.

Chúa mang giận mà dãi tối a,
Không thấu suốt điều thị phi.
Che tối tai mắt của chúa a,
Bịa chuyện láo mà lừa dối.

591 Chẳng nghiệm tình đè xét thực a,
Chẳng nghĩ lại mà đường dùi.
Tin gian nịnh lời diên dào a,
Nói giận dữ mà quá đường

596 Sao tôi trung chẳng tội gì a.

Bị gièm pha đến đáng thương.

Thẹn sáu tối không rạch rời a.

Nên ăn náu mà đè chừng.

Đến vực thăm sông Nguyên-tương a.

Bèn tự nhẫn mà liều nhảy.

601 Rót thân mất mà danh dứt a.

Tiếc chúa hồn mà chẳng thấy.

Chúa hồn đờ mà chẳng xét a,

Khiến hoa thơm phải u ân.

Sao tò tình mà lấy tin a,

606 Cam bồ mạng mà chẳng quản.

Chỉ ngăn lấp mà che giấu a,

Khiến tôi trung dành chán nản.

Nghe Bách-lý làm nô lệ a,

Y Doãn nấu ở bào trù.

611 Lã vọng mồ ở Tiều-ca a.

Nịnh Thích hát mà nuôi trâu.

Không gặp Thang Võ Hoàn Mục a,

Đời ai biết tài năng lớn!

Ngó nghe gièm mà chẳng biết a,

616 Tử Tư chết rồi suy dốn.

Tán Văn tình mà tìm kiếm a,

Giới tử trung ăn trong non.

Khoanh Giới sơn làm rừng cẩm a,

Tướng báo đáp tấm lòng son..

- 621 Nhớ người cũ gần gũi mình a,
Áo gai trắng mà khóc vái.
Có người trung nghĩa tử tiết a,
Có người dối mà tin dại.
Chẳng xét kỹ mà cầu thực a,

- 626 Nghe lời bịa kè gièm pha.
Thơm cùng thối cho lẩn lộn a,
Ai phanh phui mà vạch ra ?
Cô thơm sao lại chết non a,
Sương nhẹ xuống không phòng bị.

- 631 Đề tai mắt bị che lấp a,
Khiến sàm nịnh ngày được quý.
Từ đời trước hiền bị ghen a,
Bảo lan huệ không thè deo.
Đẹp phơi phới thì bị ghét a,

- 636 Xấu làm bộ lại mỹ miều.
Tuy sắc sảo như Tây Thi a,
Gièm ghen vào cũng thành xấu.
Nguyễn trần tình mà tự bạch a,
Dù nêu tội không phải cõ.

- 641 Tình oan ức ngày rõ ra a,
Như tình tú khắp sáng bày.

Cõi kỳ ký mà rong ruổi a,
Không cương hèm cứ chạy bay.
Di bè mảng mà xuôi dòng a,

- 646 Không chèo lái mà cứ thả,
Trái pháp độ mà tùy lòng a,
So thế ấy in nhau cả.
Thà chết quách trời mất a,
Sợ tai ương vẫn chưa rồi.
(Lời kết)

- 651 Chưa dứt lời mà gieo vực a,
Tiếc chưa hòn chẳng biết thời !

Tham khảo

Bản dịch THIỆP GIANG của Phan Kế Bình

Ta thưở nhỏ đã mặc đồ lụa hè,
Tuổi đã già mà chưa thôi,
Đeo gươm dài chỉ lấp lánh hè,
Đội mũ «Thiết vân» chỉ cao lồi.
Châu «minh nguyệt» hè ta deo,
Ngọc «Bảo lộ» hè ta có.
Đời dục vẫn mà không ai biết ta hè,
Ta cứ ruổi mau mà chẳng ngó.

Cưỡi con « thành cầu » hè, kèm con « Bạch ly »,
Ta cùng với ông Trùng hoa hè ở Dao phố.
Trèo lên núi Côn-lôn hè,
Ăn cánh hoa tươi.
Sánh tudì thọ với trời đất hè,
Tranh sáng cùng mặt trăng mặt trời !
Thương dân mọi chi không biết ta hè,
Sớm mai, ta sẽ vượt sông Tương.
Đứng bến Ngạc mà quay đầu trông lại hè,
Ào ào nồi tiếng gió chi bi thương.
Ruồi ngựa ta hè chốn sơn cao,
Đậu xe ta hè đất Phương-lâm,
Bơi chiếc thuyền hè lên sông Nguyên.
Đều tay chèo hè sóng vỗ rầm,
Thuyền lững thững mà không di hè,
Nước chảy quanh nên khó sang.
Sớm đi từ Uông-chư hè,
Chiều năm ở Thần thang.
Nếu bụng ta chỉ ngay thẳng hè,
Dù xa quạnh có hà phương.



Vào bến Tự còn dùng dâng hè,
Ta chưa biết ở vào đâu.

Rừng sâu thăm thẳm chi tối mò hè,
Toàn là hang vuợt cùng hang hầm.
Núi cao voi chi ngắt trời hè,
Dưới tím thâm mà mua dầu,
Tuyết rơi bời chi khắp gần xa hè,
May dùn dùn mà kéo mao,
Thương cái sống của ta chi buồn bức hè,
Một mình ở trong núi sâu.
Ta không thay đổi lòng mà theo tục hè,
Đành ta trọn đời mà ôm sầu.



Kia Tang Hổ còn phải đi trần hè,
Tiếp Dư còn phải tối gọt dầu,
Người trung đã chắc gì được dùng hè,
Người hiền đã chắc gì ai cầu.
Người xưa mà còn như thế hè,
Ta còn oán gì người sau.
Ta cứ vững một lòng mà giữ đạo hè,
Thời chẳng quản gì buồn rầu!

VI. THIÊN VĂN (1)

(*Nguyễn sĩ Ldm dịch*)

Phiên âm

Viết:

Toại cõi (2) chi sơ,
Thùy truyền đạo (3) chi?
Thượng hạ vị hình (4),
Hà do khảo chi?

Minh chiêu mông ám (5)
Thùy năng cực chi?
Băng dục (6) duy tượng,
Hà dī thức chi?

Minh minh ám ám (7)
Duy thời hà vi? (8)
Âm dương tam hợp (9),
Hà bǎn hà di (hóá) (10)?



Viên tắc cửu trùng (11)

Thục doanh đặc (12) chi?

Duy tư hà công (13).

Thục sơ tác (14) chi?

Oát duy (15) yên hệ?

Thiên cực yên kỵ (gia) (16)?

Bát trụ hà dương (17)?

Đông nam hà khuy? (18)

Cửu thiên chi tế (19)

An phàng an chúc (20)?

Ngung ôi da hữu,

Thùy trì kỳ tốc (số).

Thiên hà sở đạp (21)?

Thập nhì (22) yên phân?

Nhật nguyệt an chúc (23)?

Liệt tinh an trấn (24)?

Xuất tự Dương cốc (25),

Thú vụ Mông ti (26)

Tự minh cập hối,

Sở hành kỵ lý (27)?

Ngao đói sơn biển (42)
Hà dī yên (an) (43) chi?
Thích chu Lăng hành (44)
Hà dī thiên chi (45)?



Cửu châu an thở (46)
Xuyên cốc hà hộ (ô) (47)?
Đông lưu bất đặt,
Thục tri kỷ cổ (48)?

Đông tây, nam bắc,
Kỳ tu thực da?
Nam bắc thuận thỏa (49),
Kỳ diễn Kỳ hà (50)?

Côn lôn Huyền phố (51)
Kỳ khao (52) an ti (tại)?
Tăng thành (53) cứu trùng,
Kỳ cao kỳ lý?

Tứ phương chi môn (54)
Kỳ thùy tòng (55) yên?

Tay bắc tịch khải.
Hà khí thông yên (56) ?

Nhật an bất đáo.
Chúc long hà táo (chiếu) (57) ?

Hy Hòa (58) chi vị dương.
Nhược hoa hà quang (59) ?

Hà sở động noãn (60) ?
Hà sở hạ hàn (61) ?
Yên hữu thạch lâm (62) ?
Hà thu năng nhan (ngôn) (63) ?

Yên hữu long cầu (64).
Phụ hùng dĩ dâu (du) (65) ? *

Hùng húy (66) cứu thù,
Thúc hốt (67) yên tại ?

* Hai câu này, bản chính lý của Quách Mạt Nhược, đè dưới hai câu « Ưng long hà hoạch, hà bài hà lịch » ở đoạn dưới, nhưng chúng tôi thấy cứ theo nguyên bản đè ở chỗ này, hợp với văn nghĩa và sự việc hơn.

Hà sở bất tử (68)?
Trường nhân hà tái (thù) (69)?

Mỹ bình cửu cù (70)
Tỷ hoa an cư (71)?
Linh xà (72) thôn tượng.
Quyết đại hà như (73)?

Hắc thủy, Huyền chi (74)
Tam nguy (75) an ti (tại)?
Diên niên bất tử,
Thọ hà sở chí (76)?

Lăng ngũ (77) hà sở?
Kỳ đài (78) yên xứ?
Nghệ yên tất nhạt (79)?
Ô yên giải vũ (80)?

**

Đăng lập vi dẽ (81)
Thục đạo thương (82) chí?
Nữ Ôa hữu thè (83),
Thục chế tượng chí (84)?

Can (85) hiệp thời vũ,
Hà dĩ huy (hoài) (86) chi?
Bình hiếp mạn phu (87).
Hà dĩ phì chí (88)?

Bất nhiệm cốt hồng (89),
Sư hà dĩ thường (thượng) (90) chí?
Thiêm (91) viết hà ưu.
Hà bất khóa (92) nhi hàng (hành) chí?

Chi qui duệ hàm (93),
Còn hà thịnh (94) yên?
Thuận dục thành công (95),
Để hà hình (96) yên?

Trở cùng tây chinh (97),
Nham (98) hà việt yên?
Hóa vi hoàng hùng.
Vu hà hoạt (99) yên?

Hàm bá cự, thủ (100),
Bồ, hoàn (101) thị doanh.
Hà do tinh đầu (102).
Nhi Còn tật tu doanh (103)?

Vĩnh át tại Vũ sơn (104),
Phù hà tam niên bất thi (105) ?
Bá Vũ phúc (106) Còn,
Phù hà dĩ biến di (hóa) (107) ?

Toản tựu tiền tự (108)
Toại thành khao công (109).
Hà tục sơ kế nghiệp,
Nhì quyết mưu bất đồng (110) ?

Hồng tuyển (111) cực thảm,
Hà dĩ diền (112) chi ?
Địa phương cứu tặc (113)
Hà dĩ hiền (phản) (114) chi ?

Ung long (115) hà hoạch ?
Hà hải hà lịch (116) ?

Còn hà sở doanh ?
Vũ hà sở thành (117) ?
Khang Hồi (118) băng nô,
Địa hà cổ dĩ đồng nam khuynh (119) ?



Vũ chi lực hiến công (120)
Giáng tinh hạ thò phuong (121)
Yên đặc bi Đồ sơn nǚ (122)
Nhi thông chí vu Thai tang (123)?

Mǎn phi thất hợp (124)
Quyết thân thị kế (125)
Hồ vi thị bất đồng vị (126).
Nhi khoái triêu bì (bão) (127)?

Khải đại Ích (128) tác hậu,
Thót nhiên ly nghiệt (129).
Hà Khải duy ưu (130),
Nhi năng câu thị diệt (đạt) (131)?

Giai quy xạ cúc (132),
Nhi vô hại quyết cung (133).
Hà hậu Ích tác cách (134)
Nhi vũ bá hồng (giáng) (135)?

Khải cúc tân thương (136),
Cửu biện, cửu ca (137).
Hà cần tử đồ miếu (138)
Nhi tử phân cánh dà (địa) (139)?



Để giáng Di Nghê (140),
Cách nghịệt (141) Hạ dân.
Hồ thạch phù Hà bá,
Nhi thể bị Lạc tần (142)?

Băng diêu lợi quyết (143),
Phong hy (144) thị thược (thạch).
Hà hiến chung nhục chí cao (145)
Nhi hậu dẽ bất nhược (146)?

Xác thú Thuần Hồ (147),
Huyễn thê Viên mì (mưu) (148).
Hà Nghê chí xạ cách (149),
Nhi giao thôn quĩ (150) chí?

Bạch nghê anh phất (151),
Hồ vi thứ đường (152)?
An đắc phù lương dược (153),
Bát nǎng cố tang (154)?

Thiên thức tung hoành (155),
Dương ly viên ti (tử) (156).
Đại diều (157) hà minh;
Phù yên táng quyết thè (158)?



Duy ngáo (159) tại hộ,
Hà cầu vu tàu?
Hà thiếu khang (160) trực khuyên,
Nhi dien văn quyết thầu (thủ)?

Nữ kỳ (161) phùng thường,
Nhi quan đồng viên chi.
Hà dien dịch quyết thủ,
Nhi thân dĩ phùng đẽ (dai) (162)?

Thang mưu dịch lữ (163),
Hà dĩ hậu (164) chi?
Phúc châu (165) Châm tầm,
Hà đạo thầu (thủ) chi (166)?



Kiệt phạt Mông sơn (167),
Hà sở đặc yến?
Muội Hỷ hà tú (168)?
Thang hè cúc (169) yến?

Duyên hộc súc ngọc (170),
Hậu đế thị hưởng (171).

Hà thừa mưu (172) Hạ Kiệt.
Chung dĩ diệt táng (173)?

Để nãi giáng quan (174),
Hà phùng Y Chiết (chí) (175).
Hà Điều phóng (176) trí phạt,
Nhi lè phục (177) đại duyệt?

Giản dịch (178) tại dài,
Cốc hà nghi (179)?
Huyễn điều trí di (180)
Nữ hà hy (hý) (181)?



Thuần mẫn (182) tại gia,
Phụ hà dĩ quan (183)?
Nghiêu bất Diêu cáo (184),
Nhị nữ (185) hà khoan (thân)?

Thuần phục quyết đe (186),
Chung nhiên vi hại (187).
Hà tú khuyễn thi,
Nhi quyết thân bất nguy bại (188)

Huyền đệ tinh dâm (189).
Nguy hại quyết huông (huynh).
Hà biến hóa đĩ tác trá.
Nhi hậu tự phùng trường (190)?

* * *

Cai bình quý đức (191).
Quyết phụ thị tang (192).
Hồ chung tệ vu Hữu hổ (193)
Mục phu ngưu dương (194)?

Hữu hổ mục thụ.
Vân hà nhi phùng (195)?
Kích sàng tiên xuất (196)
Kỳ mệnh hà tòng (197)?

Hăng (198) bình quý đức,
Yên đặc phù phác ngưu (199).
Hà vãng doanh ban lợe (200).
Bất dãnh hoàn lưu (lai) (201)?

Hôn vi tuân tích (202)
Hữu địch bất ninh (203)

Hà phồn điệu tuy cúc (204),
Phụ tử tú tình (205) ?

* * *

Thành Thang đồng tuần (206),
Hữu Sần viên cúc (207).
Hà khất bì tiêu thần (208),
Nhi cát phi (209) thị đặc ?

Thủy tân chi mộc (210),
Đắc bì tiêu ti (tú) (211).
Phù-hà đ chi,
Đảng (212) Hữu sần chi phi (phụ) ?

Thang xuất Trùng tuyền (213),
Phù hà tội diêu (vưu) ?
Bất thắng tâm phạt đế (214),
Phù thùy sứ khiêu (215) chi ?

Sơ Thang thần Chí (216).
Hậu tư thừa phụ (217).
Hà tốt quan Thang (218).
Tôn thực tông tự (219) ?

* * *

Bí vương Trụ (220) chi cung.
Thục sứ loạn hoặc (221),
Hà δ phụ bặt (222)
Sầm sièm thị bặc (phục) (223) ?

Quyết mạnh (224) tại sờ,
Hà sờ úc (225) yên ?
Hoàng đài thập thành (226),
Thùy sờ cực (227) yên ?

Tý can hà nghịch (228).
Nhi úc trăm (229) chi ?
Lôi Khai hà thuận (230),
Nhi tú hâm (phong) chi ?

Hà thánh nhân chi nhất đức (231),
Tốt kỳ di phuơng (232) ?
Mai bá thụ hải (233),
Cơ tử (234) dương cuồng.

Hội triêu (235) tranh minh,
Hà tiễn ngô kỳ ?
Thương điều (236) quan phi,
Thục sứ tuy (237) chi ?

Lịt kích (238) Trụ cung,
Thúc Đán bắt gia (239).
Hà thân quī Phát (240).
Định Chu chi mệnh dī tư ta (241)?

Thụ Ân thiên hạ,
Kỳ vị an tha (thì) (242)?
Phản thành (243) nai vong,
Kỳ tội (244) y hè?

Tranh khiền phạt khí (245)
Hà dī hàng (hành) (246), chi?
Tịnh khu kích dục (247),
Hà dī tương (248) chi?

Tắc duy nguyên tử (249)
Để hà trúc (250) chi?
Đầu chi ư băng thương,
Điều hà úc (251) chi?

Hà băng cung (252) hiệp thi.
Thù nǎng tương (253) chi?

Ký kinh đế thiết khích (254).
Hà phùng trường (255) chi ?

Bá Xương hiệu suy (256)
Bình tiên tác mục (257)
Hà linh triệt bi Kỷ xã (258).
Mệnh hữu Ân cốc (quốc) (259) ?

Thiên tạng tựu kỳ (260).
Hà năng y (261)?
Ân hữu hoặc phụ (262)
Hà sở ky (cơ) (263) ?

Thụ tú tư hải (264).
Tay bá (265) thương cáo.
Hà than tựu thương đế phạt.
An chi mệnh dī bất cứu ?

Sư Vọng tại tú (266),
Xương hà chí (267) ?
Cô dao dương thanh (268),
Hậu (269) hà hí (hỉ) ?

Vũ Phát sát Ân (270),
Hà sở ấp (271) ?

Tái thi tập chiến (272).

Hà sở cấp ?

Bá lâm trĩ kinh (273).

Duy kỳ hà cõ?

Hà cảm thiện ức địa (274).

Phù thùy úy cụ (275) ?

Hoàng thiên tập mệnh (276).

Duy, hà giới (277) chí ?

Thụ lẽ (278) thiên hạ,

Hựu sù chí đại chí (279).

★ ★

Chiêu hậu thành du (280),

Nam thò viễn đê (281).

Quyết lợi duy hà ?

Phùng bí bạch trĩ (282).

Mục vương xảo mồi (283),

Phù hà chu lưu ?

Hoàn lý (284) thiên hạ.

Phù hà sách cầu ?

Yêu phu duệ huyền (285),
Hà hào (286) vu thị?
Chu U thùy tru (287)?
Yên dắc phù Bao Ti (Tự) (288)?

Thiên mệnh phản trắc,
Hà phạt hà vị (hựu) (289)
Tề Hoàn cứu hợp (290)?
Tốt nhiên than thi (sát) (291)

* *

Bành Khanh châm trī (292),
Để hà hưởng?
Thọ mệnh vĩnh da,
Phù hà trưởng (293)?

Trung ương công mục (294),
Hậu (295) hà nở?
Phong nghī (296) vi mệnh,
Lực hà cõ (297)?

Kinh nữ thai vi (298),
Lộc hà vị (hựu) (299)?

Bắc chí hối thủy (300)

Tụy hà hỉ (301)?

Huynh (302) hữu phệ khuyễn

Đệ (303) hà dực?

Dịch chí dĩ bách lương (304)

Tốt vở lộc (305).

Ngô hoạch hất cờ (306);

Nam nhạc thị chí (307).

Thục kỳ khứ tú (308),

Đắc lưỡng nam tú (tứ). (309)

Huân Hạp Mộng sinh (310),

Thiếu ly tán vương (vong) (311).

Hà tráng vũ lệ (312),

Năng lưu quyết ngang (nghiêm) (313).

Ngô Quang tranh quốc, (314)

Cửu dư thị hàn (thăng).

Hà hoàn xuyên tự lư xã khau lăng (315),

Viên xuất Tử Văn (316).

Ngô cáo Đồ ngao (317),

Dĩ bất trường (318).

Hà thi thương tự dư (319),
Trung danh di chương (320) ?

Bạc mờ lối điện (321)
Qui (322) hà âu (ưu) ?
Quyết nghiêm bất phụng (323)
Để hà cầu (324) ?

Phục nặc huyệt xứ (325),
Viên hà văn (326) ?*
Kinh huân tác sư (327),
Phù hà phân (trường) (328) ?
Ngô quá cải canh,
Ngã hụu hà ngan (ngôn) (329) ?

* Hai câu này, bản chính lý của Quách Mạt Nhược, đẽ ở trên hai câu « Ngô Quang tranh quốc, cữu dư thi thắng » trên đây, nói cảnh lưu vong, ẩn trốn của Ngô Quang khi chưa làm vua, nhưng chúng tôi thấy cứ theo như nguyên bản, đẽ ở chỗ này, nói cảnh đi đầy ở Giang nam của tác giả, thì hợp với văn nghĩa và sự việc hơn.

Dịch nghĩa

Hỏi rằng:

- ✓ Nguồn gốc vũ trụ, đâu đời viễn cổ,
Ai biết mà truyền thuật lại?
Khi trời đất chưa hình thành.
Bằng cù vào đâu mà khảo cứu?

Sáng tối còn hồn đòn,
Ai có thể suy lè đến cùng?
Trạng thái chuyền vẫn, hưn đúc,
Làm thế nào mà biết?

Sáng lại tối, tối lại sáng.
Đáp đời như thế để làm gì?
Hai khi âm dương hòa hợp với nhau,
Nguồn gốc thế nào, chuyền hóa thế nào?



Trời hình tròn và có chín tầng,
Ai người xây dựng qui hoạch?
Nghĩ đó công sức thế nào?
Ai người khởi công tầng trời đầu tiên?

*Vòng xoay buộc dây vào đâu?
Cực trời gác đầu vào đâu?
Tâm cột núi chông ở chỗ nào?
Vùng đất đông nam sao lại bị hụt?*

*Biên giới chín tầng trời,
Rộng tới đâu và phụ vào đâu?
Chung quanh rất nhiều cạnh góc,
Ai biết con số bao nhiêu?*

*Chỗ nào trời tiếp giáp với đất?
Vòng trời sao lại chia làm mười hai?
Mặt trời, mặt trăng treo ở nơi nào?
Các vì tinh tú bầy vào chỗ nào?*

*Mặt trời mọc ở hang Dương cốc,
Lặn ở bên Mông thủy.
Từ sáng đến tối,
Đi được bao dặm đường?*

*Mặt trăng có bàn chất gì,
Chết rồi lại sống lại?
Hồng được cái lợi chi.
Mà ôm ấp con thỏ ở trong lòng?*

Nữ Kỳ không lấy chồng,
Sao có chín con?
Bá Cường trú ngụ nơi đâu?
Áng mây đẹp xuất hiện ở chỗ nào?

Sao mặt trời lặn thì tối lại?
Mặt trời mọc thì sáng ra?
Khi phuông đông còn lấp lánh sao Giác,
Thì mặt trời àn nâu nơi nào?

Thần Bình Ê gào thét,
Làm thế nào mà đò được con mua?
Thần Phi Liêm toàn thân giồng con hươu,
Sao lại mang cái hình lạ như thế?

Con ngao đội núi mà vỗ tay,
Sao tiên thánh được yên ổn?
Thuyền rời ra, núi trôi đi,
Sao tiên thánh phải phiêu bạt?



Chín châu đặt lên chỗ nào?
Sông ngòi sao mà sâu dày?

*Chảy mãi về đông mà biển không tràn,
Ai biết duyên do làm sao?*

*Đông sang tây, nam sang bắc,
chiều nào dài hơn chiều nào?
Nếu bão chiều Nam bắc hép mà dài,
Thì số dài ra là bao nhiêu?*

*Đình Huyền phô trên núi Côn-lon,
Gốc rẽ nó bám vào đâu?
Lại đình Tăng thành chín tầng,
Chiều cao là bao nhiêu dặm?*

*Bốn phía núi Côn đều có cửa,
Cửa ấy ai ra vào?
Cửa tây bắc thường mở,
Lưu thông luồng gió nào?*

*Sao mặt trời có chỗ không soi tới,
Được rồng chiếu sáng thế nào?*

*Hy Hoa chưa đóng xe lên đường,
Anh hoa nhược mộc sao sáng cả mặt đất?*

Xứ nào mùa đông lại ấm nóng?
Xứ nào mùa hè lại già rét?
Rừng nào mọc cây đá?
Loài thú nào biết nói tiếng người?

Núi nào có giồng cầu long,
Công con gấu mà dạo dong?

Con rắn độc chín đầu,
Nó ở nơi nao, phút qua phút lại?
Nước nào sông lâu không chết?
Người dài kia sao lại giữ núi?

Dâu có giồng béo chlyn cánh,
Lại nở hoa như hoa gai?
Rắn thần nuốt cả con voi
To lớn biết là đường nào?

Hắc thủy, Huyền chi, lại Tam nguy nữa,
Những sông núi ấy ở đâu?
Miền đó, nhân dân trường thọ,
Trường thọ đến đâu là giới hạn?

*Biển nào có cá lăng?
Núi nào có chim kỳ túc?
Nghè bắn mạt trời thế nào?
Dàn chim qua sao rụng cà lồng cánh?*

* * *

*Phụ nữ lên ngồi đê vuông,
Ai đã đè xuống, suy tôn?
Nữ Oa thân hành kỳ dị,
Ai chế tạo nên thế?*

*Vua Thuấn múa can буди ấy,
Sao địch quốc lại quy thuận?
Sườn mập mạp, da mịn màng!
Sao nhân dân được béo tốt?*

*Còn không có tài trí thύy,
Sao quần thần lại đè cù?
Quần thần rằng: « chàng ló ngai già.
Sao không khào sát trước đã? »*

*Dắp đê hình « cù rùa nối đuôi »,
Còn sao lại làm thế?*

*Theo phương pháp ấy, cũng muốn nên công,
Vua Thuần sao lại già hình phạt?*

*Đường sang phía tây, đã bị ngăn chặn,
Còn sao vượt thoát núi Vũ?
Chết hóa con gấu vàng.
Thầy cũng sao làm sống lại được?*

*Đè dân có ruộng cây! các giồng lúa,
Còn tung đập đập bãi lác sậy.
Sao cùng dày đi cõi xa,
Tôi Còn lại chòng chốt, dày dãy?*

*Đã ba năm cầm cõi tại núi Vũ,
Sao cuối cùng vẫn không tha tội chết?
Bá Vũ là con, Còn thường nuôi dưỡng,
Sao khéo biến đổi công trình của cha?*

*Kế tục sự nghiệp trước,
Hoàn thành tốt công cha.
Sao cũng nối tiếp việc làm cũ,
Mà quy hoạch lại khác nhau?*

*Nước lụt một lần mong mènh, thăm thăm,
Lấy đất đâu mà lắp băng?*

*Chín châu chín bát ruộng đất,
Làm thế nào mà phân biệt?*

*Con ưng long lấy đuôi vạch đất thế nào?
Vua Vũ đã qua những vùng sông biển nào?*

*Còn trù hoạch thế nào?
Vũ thành công cách gì?
Khang Hồi con túc giận,
Có sao vùng đất đông-nam bị sụt xuống?*



*Vũ vỗn cẩn cù, cố công sức,
Chăm lo việc kinh lý bốn phương.
Còn lúc nào gặp gác Đồ sơn,
Cùng nhau kết hôn tại Thái tang?*

*Lo việc lứa đồi, kết hợp,
Vũ muốn có con nối dõi về sau.
Sao vội biến đồi khâu vị,
Chỉ cầu khoái một bữa sớm mai?*

*Khai thay Ich làm vua,
Phút chốc trù được họa hại.*

*Sao Khải biết mưu toan,
Mà thoát khỏi ách giam cầm?*

*Vây cánh đều bị bài xích,
Riêng bản thân Khải không mắc tai nạn.
Sao Ich đã đổi thay triều chính,
Mà dòng vua Vũ vẫn truyền mãi đời sau?*

*Khải mong lên chầu trời,
Được nhạc trời «cứu biện», «cứu ca»
Sao sinh con phải mồ bụng mẹ,
Đè chết phản thay cõi đất xa?*



*Thương đẽ sai Di Nghê xuống đời,
Đè trừ hại cho nhân dân nhà Hò.
Sao lại bắn đui mắt Hà bà,
Và giao hợp với cả nư thần sông Lạc?*

*Cung khàm kèo căng, bao tay lạnh lẽ.
Nghê đã bắn chết con heo to lớn?
Sao khi tế đang thịt béo,
Thương đẽ lại không ưng ý?.*

*Hàn Xác lầy Thuần Hò,
Mè vợ Nghệ mà sinh mưu kế.
Sao Nghệ có tài bắn thủng áo giáp,
Lại thông đồng nhau mà hâm hại được?*

*Xiêm nghệ trăng, nếp mây luon lờ,
Sao Hằng Nga lồng lầy thê?
Lấy trộm đâu liều thuởc trường sinh,
Mà không giàu được hình ảnh trong trăng?*

*Quy luật thiên nhiên, dọc ngang khôn chổng,
Đương thần đã thoát, người phải chết.
Giỗng chim lớn kia kêu gì,
Thè xác mù có tiêu măt đâu?*

* * *

*Ngáo tới cửa phòng chỉ đâu,
Có tình ý gì?
Sao Thiếu Khang suýt chó săn,
Đầu Ngáo phút đâu rơi rụng?*

*Nữ Kỳ may xiêm cho Ngáo,
Cùng nhau chung chạ một phòng.*

*Sao ai đã cắt lầm đầu lâu,
Mà rốt cục, bản thân Ngáo vẫn bị hại?*

*Thiếu Khang mưu dây nghiệp lớn,
Sao tập hợp được đông đảo dân chúng?
Nước Chân tám đã bị úp thuyền rồi,
Cách nào mà thu phục được?*



*Chúa Kiệt đánh nước Mông son,
Bắt được gì đem về?
Muội Hỷ đâm loạn thế nào?
Thành Thang sao lại dày chúa Kiệt?*

*Đồ tể nam ngọc, nam ngà,
Chăm việc cung lể thương dế.
Sao Hạ Kiệt cũng nỗi dõi tiền vương,
Kết cục, lại bị diệt vong?*

*Thành Thang đi kinh lý địa phương,
Gặp được Ý Chí hiền tài.
Sao dày tội chúa tai đất Minh điều,
Dân chúng lại vui vẻ phục tinh?*

*Giàn đinh ở trên đài ngao,
Để Cốc sao ưng ý?
Chim én đưa sinh lẽ,
Gái Hữu Nhung sao vui mừng?*

★
★

*Thuần là người con hiếu, chăm lo việc gia đình,
Sao cha không lấy vợ cho?
Nhiều không bao giờ với họ Điều.
Sao gà hai con gái cho Thuần?*

*Thuần hết lòng cảm hóa em,
Em vẫn ngầm mưu hại.
Sao chó lợn tinh cùn,
Mà bàn thân lại được thoát tội?*

*Em đâu mê loạn, dâm dục!
Muốn giết anh, chiếm lấy chị dâu.
Sao con người biến trá, quý quái,
Đóng giỗng lại nỗi nghiệp lâu dài?*

★
★

*Giữ gìn đức tốt, từ hối tuổi trẻ,
Khài thường được cha khen ngợi!*

*Sao phải mệt sức đánh nước Hữu-hồ,
Phé làm dòng chăn trâu dè?*

*Bọn mục thu Hữu hồ,
Sao gấp tai nạn ấy?
Khài tơi đánh tận giòng năm,
Hữu hồ đã thoát trước mà trốn mang nơi nao?*

*Đức tốt hời trẻ, Khài vẫn giữ trọng!
Đâu có cạn trâu lớn làm lẽ tế giới?
Sao mà cầu được nhiều phúc lộc,
Không phải tê xong rồi trở về thôi?*

*Người có hành vi ám muội, man rợ,
Thân danh không thè bảo toàn!
Sao như giồng chim cú đập bụi gai,
Muốn ghẹo người phụ nữ công con?*



*Thành thang tuân hành miễn động,
Tìm tơi nước Hữu Sân.
Sao muốn xin người tiêu thân,
Lại lấy được hiền phi?*

*Trong lòng cây dâu bên sông,
Được dâu đưa bé sơ sinh.
Sao vua Hữu Sân ghét bỏ,
Bắt đi phục dịch cô dâu?*

*Thang bị đầy di Trùng tuyền,
Hồi có tội lỗi gì?
Bản tâm không muốn đánh chúa Kiệt,
Ai đã bày mưu kế cho?*

*Trước Thang nhiệm dụng Y Chi,
Sau tiễn làm phụ tá chúa Kiệt.
Sao cuối cùng lại về phò Thang,
Mà lè tẽ tông miêu nhà Thương truyền mai
đòng sau?*

★ ★

*Cái thân chúa Trụ kia,
Ai làm cho giông càn, mè hoắc?
Sao thù ghét người trung lương,
Tin dùng kè dèm nịnh?*

*Mầm mống xa xi mới chớm này,
Sao đã lương biết được ngay?*

*Đài ngọc mưỡi tảng nguy nga,
Ai suy luận tới việc làm cuối cùng ấy?*

*Tỷ Can trái ý gi vua,
Lại bị đâm dập, tàn sát?
Lời Khai chiều ý gi vua.
Lại được ban vàng, phong chức?*

*Cùng bậc thánh nhân, đức hạnh thuần nhất,
Sao đến việc làm, mỗi người lại một chươn?
Mai bá bị uổp thịt làm mâm,
Cơ từ phải già điên già dại.*

*Một buổi sớm hội quân, các nước chư hầu
đua nhau ăn thề.
Sao ai hẹn ước mà tối nhất tè thề?
Chim ưng xanh tung bay hàng đàn,
Ai đã tập họp cả trên mặt trận?*

*Trận hội chiến chúa Trụ,
Chu công cho là chưa thuận lợi.
Sao khi mưu giúp Vũ vương,
Lo giữ vạn mệnh nhà Chu với những lời
than thở?*

Nhà Ân được trao cà thiền hạ,
Trời thấy có đức gì mà cho người ấy?
Trước trời tác thành, sau lại làm diệt vong,
Tất do tội ác chúa Trụ thế nào?

Các nước tranh cầm vỡ khi tác chiến,
Sao không ai thôi thúc mà tự làm?
Hai mặt tân công hai sườn địch,
Sao không ai mệnh lệnh mà lại thừa hành?

Hậu Tắc là con đầu lòng,
Sao thương đẻ lại riêng hậu tình?
Vứt bỏ trên làn băng lạnh,
Sao có con chim tới ấp ủ?

Sao được ban dùng cung đò tên đèn?
Qui Lịch có tài năng đặc biệt.
Công lớn áp bèn, đã làm vua kinh động,
Sao tuốc lộc hầu bá vẫn được lâu dài?

Bá Xương giữ hiệu lệnh thời nhà Ân suy vi,
Chỉ là một chức mục, chấn dắt nhân dân.

*Sao con cháu có thể triệt bỏ nền xã đất Kỳ
Hoàn toàn lấy được thiên hạ nhà Ân?*

*Cô công rời kho tàng tới đất Kỳ,
Sao được nhân dân nương tựa mà theo về?
Chúa Ân có người vợ làm mè hoặc,
Sao đè tiếng chè muôn thuở?*

*Trụ cho mâm thịt Mai bà,
Tây bà đem té cáo thương đê.
Sao bị thương đê giáng phạt,
Mà vẫn mệnh nhà Ân không cứu vãn được?*

*Sư phụ Lã Vọng ở nơi quán thịt,
Vua Xương sao nhận biết?
Dao mồ khua tiếng keng keng,
Vua Xương sao vui mừng?*

*Vũ vương chặt treo đầu chúa Ân,
Sao có sự uất giận thế?
Thần chủ Văn vương chờ đi hội chiến,
Sao có sự cắp bách thế?*

*Treo cô chết tại đất Bá lâm,
Duyên cứ bởi vì đâu?*

*Sao nỗi oán cảm động cà trời đất,
Còn sợ gì mà không biện bạch?*

*Mệnh trời tập hợp vào người nào,
Sao người ấy phải luôn luôn răn sợ?
Đang ở ngõi vua được thiên hạ tôn sùng,
Bỗng trời lại khiến người khác đến thay thế!*

*
* *

*Cuộc tuần thú của Chiêu vương biến thành
cuộc đi du quan,
Bên nước miền nam là nơi dừng bước
cuối cùng.
Vương đã muu đõ cài lợi gì?
Chỉ muốn đón chim bạch tri kia.*

*Mục vương khéo trò ham thích vui chơi,
Sao có cuộc du hành lạ lùng như thế?
Ngựa xe dong khắp thiên hạ,
Ý muốn muu cầu sự gì?*

*Vợ chồng người yêu quái đất nhau đi bán
hang rong,
Sao cứ rao vang lên ở giữa chợ thế?*

*Chu U vương muôn bắt tội ai?
Thế nào lại chuộc được nàng Bao Tụ?*

*Mệnh trời vẫn thường trao trả,
Khi sao trùng phật? khi sao phù trì?
Tề Hoàn công làm bá chủ, chin lẩn hối chư
hầu,
Mà rốt cục chính mình lại bị tàn sát!*



*Bành Tô khéo nấu canh thịt chim trĩ,
Thượng đế sao hưởng lễ đăng áy?
Ông được nhiều tuổi thọ như thế,
Đã bảo dưỡng bằng phương pháp nào?*

*Cùng là người chăn dân trên đất Trung quốc,
Sao vua các nước lại giận dữ, tranh giành
nhau?*

*Kia ong kiến là loài vật nhỏ,
Sao sức chống cự của nó lại bền vững?*

*Hoàng sơ lời một phụ nữ, người hái rau vi
danh lòng nhện đói,
Sao được hươu trắng đến nuôi dưỡng?*

*Lần tôi non Thú bên khúc sông phía bắc,
Vui thích gì mà trú ngụ ở nơi đó?*

*Vua anh có con chó dữ,
Người em sao lại muôn xin?
Nguyễn đồi trăm cỗ xe cũng không được,
Rốt cục bị cướp hết tước lộc.*

*Nước Ngô được truyền danh đời sau,
Cũng do người tôi hái thuốc núi Nam nhạc.
Ai hay lại vượt qua núi ấy.
Mà nước Ngô đón được hai chàng nam tử.*

*Hap Lư là cháu Thọ Mộng,
Thuở nhỏ, từng gặp bước lưu vong.
Sao khi trưởng thành lại là người anh dũng;
Mà uy danh truyền đè đời đời?*

*Ngô Quang khi đã tranh được nước,
Từng một phen đánh phá nước ta.
Sao mà đào khắp làng xã, gò núi,
Đè kiềm cho được người như Tù Văn thời
trước.*

*Ta nói vua Đè Ngao xưa,
Ở ngôi không được lâu dài!*

Ta đâu muôn do sự hết lòng can vua,
Mà cái danh trung trực càng rạng rỡ?

Bóng chiều u ám, sấm chớp nồi con,
Đường về dù gian trớn, cũng chẳng lo ngại gì?
Có vua mà không được phung sự,
Trời đã trách phạt gì ta?

Cái thân lặn lút ở nơi hang hốc,
Không còn nỗi nang, can gián gì được nữa.
Quân Sở thường dây động mà cầu công,
Sức lực kia phỏng được bao lâu?
Nếu biết hối lỗi mà sửa đổi,
Ta còn nói sao?

Dịch thơ

Hỏi:

Vũ trụ sơ khai,
Ai truyền gốc tích?
Trời đất chưa thành,
Xét đâu lai lịch?

Sáng tối hồn đòn
Ai suy cho rõ?
Máy tạo chuyền văn,
Ai biết lúc đó?

Sáng tối, tối sáng,
Đáp đồi có sao?
Âm dương hợp hóa,
Nguồn gốc thế nào?



Trời tròn, chín tầng,
Ai xây dựng kiều?
Tầng nào khởi đầu,
Thợ nào tay khéo?

Vòng trời buộc đâu?
Trục trời gác đâu?
Chống đâu tám cột núi?
Đóng nam sao biền sâu?

Biên giới chín tầng,
Rộng tới mồ dò?
Góc nhiều cạnh lầm,
Ai rõ con số?

Đâu trời giáp đất?
Vòng chia thế nào?
Treo đâu vàng nhạt nguyệt?
Bày đâu các vì sao?

Hang Dương sớm học,
Bến Mông chiều xế.
Vàng nhạt sớm chiều,
Di bao dặm thế?

Vàng trăng chất gì,
Chết rồi lại sống?
Hồng được cái lợi chí,
Ấp thỏ nằm trong bụng?

Nữ Kỳ không chồng,
Chín con sao có?
Thần Bá Cường trú đâu?
Mây diềm đâu rạng tờ?

Đóng sao tối mịt?
Mở sao sáng choang?
Phương đông còn sao Giác,
Àn đâu vàng thái dương?

Bình Ê gào thét,
Sao đờ mưa rào?
Phi Liêm mình hươu,
Sao nỗi gió ào?

Ngao dội núi múa
Sao tiên được yên nơi?
Núi không thuyền chở,
Sao tiên lại bặt hơi?



Chín châu đặt đâu?
Sông ngòi sao thăm đáy?
Sao nước biển đông,
Chứa mãi không đầy vậy?

Đông tây nam – bắc,
Chiều nào dài nhiều?
Nam bắc thon lại,
Số dài bao nhiêu?

Huyền phố núi Côn,
Đâu nơi bám rẽ?

Tăng thành chín tầng,
Cao bao dặm thế?

Bốn bên cửa núi.
Ai người ra vào?
Cửa tây bắc thường mở,
Lưu thông luồng gió nào?

Bóng dương sao chẵng tối?
Đuốc rồng đâu sáng rọi?

Hy Hòa xe chưa dong,
Hoa nhược sao chiếu hồng?

Xứ nào đông ấm nóng?
Xứ nào hè rét trời?
Rừng nào mọc cây đá?
Thú nào nói tiếng người?

Núi nào có giống rồng,
Công gấu mà dạo rong?

Rắn độc chín đầu,
Nơi nào luồn lùi?

Đâu có nước trường sinh,
Người dài sao giữ núi?

Bèo nào chín cánh,
Lại nở hoa gai?
Rắn nào nuốt voi,
To lớn lạ đời?

Hắc thủy đâu sông?
Chì, Nguy đâu núi?
Miền ấy dân trường thọ,
Thọ đến đâu là cõi?

Cá lăng, chim kỳ.
Đâu hai giỗng lạ?
Nghệ bắn mặt trời sao?
Sao rụng cả lồng quạ?



Phụ nữ lên làm vua,
Ai tôn ngôi ấy?
Nữ Ôa có di hình,
Ai cấu tạo vậy?

Vua Thuấn múa can,
Sao địch quốc hòa thân?
Sườn mập da mịn
Sao béo tốt nhân dân?

Không tài trí thùy,
Sao chúng cứ Côn đì?
Chúng rằng: «Chẳng ngại»,
Sao không khảo sát một khi?

Đè rùa đập cú,
Sao Côn đập theo hình?
Chí rắp nên công,
Vua bắt tội sao dành?

Sang tây lối cùng.
Vuốt sao non mấy chặng?
Chết hóa gấu vàng,
Thầy mo sao làm sống dặng?

Đè dân trồng lúa,
Côn ngăn đập bãi lầy.
Cũng dày cõi thăm,
Sao tội Côn nặng thay?

Bà năm tù núi Vũ
Sao không khôi tử hình?
Bá Vũ là con Côn
Sao khéo thay đổi công trình?

Kế tục sự nghiệp.
Hoàn thành công cha.
Sao cũng việc làm trước.
Mà phương kế khác xa?

Nước lụt dường vực thăm,
Đất đâu lắp vào?
Chín châu chín cấp bậc,
Ruộng đất phân sao?

Đuối rồng đau khéo vạch?
Vũ qua bao biền, lạch?

Côn kinh doanh lối nào?
Vũ thành công cách gì?
Khang Hồi cơn tức giận,
Sao đất đông nam bị sụt di?



Vũ cố công gắng sức,
Chăm lo việc bốn phương,
Còn đâu gặp gái Đè sơn
Mà kết hôn tại Thai tang ?

Dỗi lứa tìm người,
Nỗi dỗi tình kẽ.
Sao vội thay khẩu vị,
Chỉ cầu khoái một bữa thế ?

Khải thay Ích làm vua,
Phút trù kẽ thù địch
Sao Khải biết mưu toan,
Mà u tú thoát ách ?

Vay cánh đều bị hại
Riêng Khải được ngoài tròng.
Sao Ích đã thay ngôi,
Mà Vũ vẫn truyền dòng ?

Khải mộng lên chầu trời,
Được nhạc «cứu biện» «cứu ca»,
Sao sinh con phái mồ mẹ,
Đè chết phân thay tận cõi xa ?



Trời sinh Di Nghẹ,
Trù hại cho dân.
Sao bắn đui mắt Hà bá.
Lại cùng Lạc thần ái ân.

Cung khàm kéo căng,
Bắn heo to nọ,
Sao thương dễ không hướng.
Lẽ dâng món thịt đó?

Hàn Xác lấy Thuần Hò,
Hiếu sắc mà manh tâm,
Sao Nghẹ tài bắn thế,
Giết hại khéo mưu ngầm?

Xiêm nghẹ lượn nếp.
Vé sao xinh xinh?
Trộm đâu thuốc «bất tử»
Mà không phép tang hình?

Luật trời tung hoành,
Dương làa người thác,
Chim lớn kia kêu gì.
Nó có tiêu đâu thè xác?



Tối phòng chí dầu,
Ngáo cầu gì đó?
Sao Thiếu Khang suyt chó,
Rừng sâu phút rời sọ?

Nữ kỳ may xiêm,
Chung chạ, ân ái.
Sao dã cát làm dầu,
Mà Ngáo vẫn bị hại?

Thiếu Khang dấy nghiệp.
Tụ sao dân chúng?
Cham tăm úp thuyền rồ,
Cách nào mà thu dụng?

★ ★

Kiệt đánh Mông-sơn,
Được gì ở đấy?
Muội Hỷ dâm loạn sao?
Sao Thang dầy Kiệt vậy?

Đồ tể ngọc, ngà,
Cúng dâng Thượng đế,
Sao Kiệt nổi nghiệp xưa,
Trọn phái diệt vong thế?

Vua Thang tuần du,
Gặp được Y Chi,
Sao đất Diêu đầy vua,
Danh chúng lại hoan hỉ ?

Giản Dịch trên dài,
Vua Cốc sao ưng ?
Chim én đưa lẽ,
Gái Nhung sao mừng ?

Thuần lo hiếu dưỡng,
Đơn bông cớ sao ?
Nghiêu gà hai con gái,
Sao không bảo họ Diêu ?

Thuần cảm hóa em,
Em vẫn ngầm hại.
Sao chó lợn buông lỏng,
Mà tinh mang không nguy bại ?

Em đâu dám ác,
Mưu hại anh hoài,

Sao con người quỉ quái.
Dòng giống lại truyền đời ?



Khải giữ gìn đức tốt
Vũ khen ngợi từ lâu.
Sao phải đánh Hữu hổ,
Phế theo dòng chăn trâu ?

Hữu hổ dòng kia,
Gặp nạn vì sao ?
Khải vào đánh tận giường,
Thoát mạng trốn nơi nao ?

Đức lành giữ trọn,
Tế đâu trâu to ?
Sao sau буди tế trời,
Được nhiều phúc ban cho.

Hành vi man muỗi,
Thân danh đâu còn ?
Cú dâu đỗ lùm gai,
Ai ghẹo người cõng con ?



Thang tuần miền đông,
Hữu Sân tới nước,
Sao cầu người tội nhô,
Mà vợ hiền lại được?

Lòng cây bến sông,
Được đâu dứa bé?
Bắt đi hầu cõi dâu,
Vua Sân ghét chí thế?

Đày đi Trùng tuyễn,
Thang có tội gì?
Bản tam không đánh Kiệt
Ai đã bầy mưu kia?

Xưa Thang được Chi,
Phò Kiệt từng tiến cử
Sao lại về Thang,
Truyền đời miếu thiên tử?



Cái thân chúa Trụ kia,
Ai mê hoặc tâm tính?

Sao ghét trung lương,
Mà ưa gièm nịnh ?

Xa hoa mới chớm mầm,
Sao lường biết được ?
Đài ngọc mười tầng cao,
Ai kết luận trước ?

Tỷ Can trái ý gì,
Vua lại giết càn ?
Lời Khai chiều ý gì,
Vua lại phong quan ?

Thánh nhân cùng một đức tốt,
Việc làm sao khác đường ?
Mai bá bị ướp mầm,
Cơ tử giả diên cuồng.

Hội minh một sớm,
Sao không hẹn mà nén ?
Đàn ưng tung cánh,
Ai dồn ra trận tiền ?

Trận hội đánh chúa Trụ,
Chù công chưa quyết bài.

Sao mưu phò vua Vũ,
Lo yên vận nước những than lời?

Nhà Ân có thiên hạ.
Ngôi trời sao được trao?
Trao ngôi lại cất ngôi,
Trụ mắc tội ác sao?

Tranh nhau cầm võ khí,
Không thúc, sao quyết lòng?
Đột kích hai sườn địch,
Không lệnh, sao xung phong?

★ ★

Tắc vốn con đầu,
Trời sao hậu dãi?
Vứt trên làn váng lạnh,
Ấp ú chim đầu lại?

Sao được mang cung tên?
Quí Lịch có dì tài.
Công lớn, vua kinh động,
Quyền vị sao lâu dài?

Văn vương cầm hiệu lệnh,
Chấn dân chi chức bá.
Sao sau được nước Ân,
Đất kỳ triệt nền xã?

Cô công rời đất Kỳ,
Sao dân theo về?
Đát Kỳ mê hoặc chúa,
Sao dè tiếng chê?

Trụ cho mắm thịt người,
Văn vương dâng cáo trạng.
Sao trời phạt nhà Ân,
Phút tiêu cả vận mạng?

Lã vọng ngồi quán thịt,
Vua sao chú ý?
Dao mồ khua dòn,
Vua sao hoan hỉ?

Vũ vương treo đầu Trụ,
Giận gì nén nổi?
Thần chủ chờ đi trận,
Hội quân sao vội?

Treo cõi đất Bá lâm,
Bởi đâu duyên cớ?
Nỗi oan thấu đất trời,
Sao còn e sợ?

Mệnh trời đã dành cho,
Sao thường phải cảnh giác?
Đang ở ngôi tôn sùng,
Trời bỗng thay người khác.

★ ★

Chiêu vương xa chơi,
Bến nam yên nghỉ.
Vương đã tham lợi gì,
Chỉ vì chim bạch trĩ?

Muốn thỏa chí vui chơi,
Mục vương du hành sao?
Ngựa xe khắp thiên hạ,
Muốn đỗ sự gì nào?

Người bán hàng yêu quái,
Rao gì trong chợ nọ?
U vương bắt tội ai?
Bao tự sao tiến vào đó?

Mệnh trời tráo trở,
Sao phù, sao phạt?
Tề Hoàn làm bá chủ,
Rốt cục bị tàn sát!



Bành Tộc dâng canh trĩ,
Thượng đế sao hưởng?
Tuổi thọ nhiều như thế,
Cách nào bảo dưỡng?

Cùng giữ chức chăn dân,
Sao gây tranh cạnh?
Ông kiến loài vật nhỏ,
Sao có sức mạnh?

Rau vì nhện không ăn,
Sao hươu cho bú?
Non Thú lượn dòng sông,
Thích gì, cảnh đó?

Anh có con chó dữ,
Em sao muốn đòi?

Trăm cỗ xe, không cho,
Tước lộc mất truôi!

Nước Ngô truyền danh,
Non Nam mờ lối,
Ai hay cuộc xa chơi,
Đón được hai vua giỏi.

Hạ Lư cháu Thọ Mộng,
Hồi nhớ lưu vong,
Trưởng thành sao anh dũng,
Truyền đè uy phong?

Ngô Quang tranh được nước,
Phá Sở khéo thura cơ.
Sao dạo khắp làng xã, gò núi,
Tim kiếm người như Tứ Văn xưa?

Ta bảo Đồ Ngao,
Không được lâu dài!
Sao muốn mình can vua,
Trung trực tỏ danh hoài?

Chiều hôm, trời sẩm chớp,
Sá quàn về xa?

Có vua không được phụng sự,
Trời phạt gì ta ?

Hạng hổ thân đầy dọa,
Nói năng gì nào ?
Quân Sở thường dãy động.
Hơi súc được bao ?
Lỗi làm biết hối cải,
Ta còn nói sao ?

Chú thích

I. CỦU CA

Cửu ca vốn là tên bài ca nhạc rất xưa của Trung-quốc, theo lịch sử truyền thống thì có từ đời nhà Hạ. Người nước Sở thời Xuân thu Chiến quốc cũng dùng từ *Cửu ca* mà gọi những bài ca nhạc tết thản của mình. Tin ngưỡng của người nước Sở còn mang nhiều tính chất nguyên thủy cho nên các nhà nho Trung-quốc viết sách cho rằng người Sở thờ ma quỷ (Thượng quỷ) mà người Trung-quốc ở Trung-nghuyên tuy cũng vẫn thờ quí thần nhưng giải cắp sĩ thì phần nhiều theo quan niệm của Không từ là đối với quí thần thì « kính nhì viễn chí ». Trong những buổi tết thản người nước Sở hay hát những bài hát tôn giáo có tính chất tượng tự như những bài hát của thầy mo ở miền núi nước ta, thậm chí giống những bài hát chầu bông (chầu văn) của người miền xuôi chúng ta. Các nhà nghiên cứu Sở từ đều cho rằng Khuất Nguyên cải biên những bài hát tết cũ, hoặc giả nhân tục nước Sở đó mà làm một số bài hát tết mới để mượn đó mà bộc bạch tâm

sự của mình. *Cửu ca* là cái tên vốn có từ trước chứ không phải là do con số chín bài, vì chương *Cửu ca* trong *Sở tử* thực ra có đến 11 bài. Người ta cho rằng đây là một nhóm gồm nhiều bài hát, dùng chữ *cửu* mà chỉ số nhiều vì *cửu* tức chín là số cuối cùng. Thực ra đối với con số *chín* (*cửu*) đó ý kiến các nhà chú giải không nhất trí, đây xin không dẫn sơ rườm, tóm trung có ý kiến của Vương Phu-chi đời Thành cho rằng *Cửu ca* vốn gồm 10 bài, còn bài thứ mười một - Lễ hồn - không phải là một bài tế thần riêng mà là bài tống thần, sau mỗi bài tế thần riêng ở trên, khi tế xong đều hát bài - Lễ hồn - cả.

Mười bài tế thần riêng là :

- *Đông hoàng Thái nhất* tế thần lớn nhất trên trời, tức là Thương đế, nhưng gọi là Đông hoàng vì lấy ý trời mới sáng là do phương Đông nên làm đèn thờ thần ở phía Đông nước Sở.
- *Đông quân tế thần* mặt trời.
- *Văn trung quân tế thần* mây.
- *Tương quán tế thần sông* Tương là sông lớn nhất của nước Sở. Các nhà nghiên cứu đồng nhất hóa thần này với vua Thuấn là vị vua thánh theo truyền thuyết.
- *Tương phu nhán tế nữ thần sông* Tương, các nhà nghiên cứu đồng nhất hóa thần này với vợ vua Thuấn (Nga hoàng và Nữ anh nghe tin vua Thuấn chết ở Thương ngô — truyền thuyết — thi tự tràn ở sông Tương mà thành thần).
- *Đại tư mệnh* tế thần bàn mệnh của người ta, tức thần nắm số mệnh thọ yêu của người.

Thiếu tư mệnh tế thần bàn mệnh của trẻ con.

— Sơn quỷ tể nữ thần núi Vũ sơn.

— Quốc thương tế các tướng sĩ chết vì nước.

Theo thứ tự các bài trong các bản *Sở tử* từ trước thi bài « Đông quân » ở sau bài « Thiếu tử mệnh ». Nhưng nhà học giả Văn Nhứt-đa gần đây căn cứ vào *Sử ký* và *Hán thư* mà cho rằng « Đông quân » vốn xếp ở trên « Võn trung quân ». Chúng tôi tán thành ý kiến xác đáng ấy mà xếp « Đông quân » ngay ở sau « Đông hoàng Thái nhất ».

1. *Ngài*: Chữ Hán là « thượng hoàng », tức Thượng đế.

Chúng tôi dùng từ *Ngài* viết hoa để chỉ vị thần Đông hoàng Thái nhất là Thượng đế hay Trời.

3.4. Tả trang phục của người đứng chủ tể : mang gươm và đeo ngọc, túc trang phục của người quý tộc xưa.

5. *Chiếu dao*: Chiếu dệt bằng cỏ dao là một thứ cỏ có tính chất thiêng liêng.

Trấn ngọc: Đồ bằng ngọc dùng để đặt trên chiếu mà để chiếu cho khói bay lên hay co lại.

7. *Đồ nấu*: Đồ ăn (hảo vị) thì bọc lá huệ mà nấu.

Mâm xôi : Chữ Hán là « lan tạ », nghĩa là tấm lót bằng lan. Quách Mạt-nhược dịch là « phan dã hương » nghĩa là corm cũng thơm. Chúng tôi dịch là « lan lót mâm xôi », vì tể thần có đồ ăn thì có lèo cỏ xôi hay corm. Câu chữ Hán này dịch thành hai câu.

12. *Linh* : Trong *Cửu ca* chữ *linh thường* dùng để chỉ vũ nữ, túc cỏ đồng, nhưng cũng có lúc chỉ thần, phái tùy văn nghĩa mà phân biệt. Ở câu này *linh* chỉ cỏ đồng, nên dịch là bóng theo từ người ta thường dùng trong khi lên đồng, tương đương với *linh*.

Múa dẻo : Giống lối múa Jennings của ta.

15. *Năm cung bạc* : Tứ ngũ âm, chi âm nhẹ.

16. *Ngài* : Chữ Hán là « quân », chỉ vị thần.

17. *Lon* : Bao lon, lan can.

Phù tang : Cây thần ở chò mặt trời mọc — Câu này chỉ nơi thần ở.

18. *Thẳng ngựa* : Buộc ngựa vào xe. Ngựa dây là rồng.

20. *Sǎm vang* : Chỉ tiếng xe chạy.

22, 23. Tà tinh bình mặt trời chập chờn khi mới mọc — Khuất Nguyên mượn đè tá tâm sự của mình.

24. Chỉ cảnh tượng hát múa đè tể thần.

25. *Lay già* : Lung lay cái già treo chuông cho chuông kêu.

30. *Thúy bay* : Cô đồng phất tay áo màu sắc nhín giống như chim thủy (chim chà) bay.

34. *Xiêm ráng bạc*: Dịch chữ « bạch nghệ thường ».

35. *Thiên lang* : Chòm sao theo quan niệm thiên văn xưa là ác tinh chủ xâm lược. Vị trí của sao Thiên lang chính hợp với vị trí của nước Tân mà sao Hồ thi (cung tên) ở phía Đông-Nam sao Thiên lang lại chính hợp với vị trí của nước Sở.

36. Câu này chỉ mặt trời lặn.

37. Sao Bắc đầu lại mọc. Sao này hình như cái đầu múa rượu, ở phương Bắc, nên gọi tên thế.

39. Qua một đêm lại trở lại phương Đông đè sáng lại mọc.

40, 41. Chỉ cõi đồng sưa soạn đè tể thần.

47. Thần mây bay khắp nơi.

50. *Ký chầu*: Chầu đứng đầu trong chín chầu của Trung-quốc xưa ở về phía Bắc sông Hoàng-hà, tiêu biếu cho cả Trung-quốc.
53. Hai câu này cũng nói lên tâm sự tưởng nhớ vua của Khuất Nguyên.
54. Lời cõi đồng hát mượn lời Tương phu nhân mà nói Tương quân.
56. Tương phu nhân tự nói.
62. Tương phu nhân tưởng tượng Tương quân xuất phát từ Cửu-nghi (nơi chọn vua Thuấn, theo truyền thuyết) ngược sông Tương mà lên Bắc. (Xem chú 124).
64. Bè lè : Một giống cây thơm ở miền Nam. Hiện nay cũng có cây bè lè, cũng có tên là mộc liên, nhưng không phải cây bè lè đời xưa nói ở đây. *Lụa* là chỉ các cờ xí. *Trùm* là chỉ vật cuốn quanh cán cờ.
66. *Sầm dương* : Địa điểm ở phía bắc sông Sầm là sông của tỉnh Hồ-nam Trung-quốc.
67. *Đại giang*: Sông Dương-tử.
Bay linh : Thần bay qua. Chữ Hán là « dương linh » . Mā Mậu-nguyên (*Sở tử tuyễn*) nói chữ linh vốn là thuyền viết lộn. Không ôn, vì « dương linh » ở bài *Lý tao* câu 68, 69 cũng có, cũng dùng theo nghĩa ở đây.
73. *Chèo quế* : Chèo bằng gỗ quế.
- Lái lan* : Lái bằng gỗ mộc lan.
- Chèo và lái chém nước trong trăng như băng tuyết.
74. 76. Chỉ tình hình trái ngược, túc mong mà không gặp. Nghĩa như câu « Chạch đê ngọt đa, sáo đê dưới nước » của ta.

- 74, 78. Khuất Nguyên gởi gắm tâm sự.
- 80, 82. Gởi gắm tâm sự.
- 83, 85. Hai câu này nói tối đến chỗ bái xanh nghỉ lại mà chẳng gặp Tương quân, chỉ thấy trên nóc nhà có con chim đậu và quanh nhà là nước bao bọc — Bái xanh đây tức là bái ở phía Bắc (Bắc là chỗ Tương quân hiện đến).
- 86, 87. Thất vọng ném ném vòng ngọc và chuỗi hoa xuồng sông.
88. **Đỗ nhã**: Một giống cây lá có vị cay và thơm, tên khoa học là *Pollia japonica*.
89. **Gái cõi người**: Chữ Hán là « hự nữ ». Vương Đật đời Hậu Hán chú rằng hự nữ là chi kẽ thăn hạ. Mā Mậu-nghuyên (*Sở từ tuyễn*) thì chú hự nữ là thị nữ, con gái theo hầu. Quách Mạt-nhược thì định là con gái nghèo khổ. Chúng tôi thấy ba cách hiểu ấy đều không ổn. Bài *Ly lao*, câu thứ 218 (bản dịch) cũng có chữ hự nữ. Vương Đật thì chú rằng dùng đè tỳ dụ người hiền ở dưới vua, cũng nghĩa như ở *Cửu ca*. Mā Mậu-nghuyên thì chú là con gái ở hạ giới, chỉ Phục phi ở câu dưới. Quách Mạt-nhược thì dịch là « phụ nữ đáng yêu » (khả ái đích hương khuê). Chúng tôi thấy giải nghĩa thống nhất như Vương Đật là đúng, song chỉ nói chung đè thí dụ kẽ bẽ tai mà không chú thích nghĩa thực. Dịch là con gái hạ giới, con gái cõi người (trái với con gái thần tiên) như Mā Mậu-nghuyên giải ở bài *Ly lao* là ổn hơn cả. Ở đây ý nói Tương phu nhân thất vọng vì chồng không trả về mà ném quăng cả đồ trang sức mà hái cây đỗ nhã

phân phát cho người trần gian. Khuất nguyên ngữ ý là mình chán nản không được gấp lại và chỉ đem lòng thương yêu nhân dân để cho Khuất khóc.

92. *Dế tử*: Chi Tương phu nhân (Nghe hoàng và Nữ anh, hai vợ của Đế Thuần, là con gái của Đế Nghiêu.

Bãi Bắc: Xem chú 62, 83.

95. *Động đình*: Hồ lớn thuộc tỉnh Hồ-nam, thông với sông Dương-tử. Sông Nguyên-tương chảy vào đây.

97. *Bạch phiền*: Địa điểm ở hồ Động-dinh, không rõ đích xác ở đâu.

98. *Cây tần*: Một giống cây mọc trong nước.

99. Tình hình trái ngược, như hai câu 75, 76. Chữ Hán chỉ có chữ *diều* là chim. Quách Mạt-nhược cho rằng dịch phải nói rõ là *chim núi* (son điểu) mới rõ nghĩa vì nếu nói chim không thì có thể là chim nước mà đậu giữa cây tần thì chẳng lạ gì.

100. *Chỉ*: Tức cây bạch chỉ, một giống hương thảo.

Nguyên: Cũng gọi là Chi giang (có lẽ vì câu thơ của Khuất Nguyên) phát nguyên ở tỉnh Quí-châu, qua tỉnh Hồ-nam mà vào hồ Động-dinh, người xưa cho là hợp với sông Tương mà vào hồ nên gọi là Nguyên-tương.

Lẽ: Cũng gọi là Lan giang (cũng vì câu thơ của Khuất Nguyên), cũng chảy qua tỉnh Hồ-nam mà vào hồ Động-dinh.

101. *Cõng tử*: Cũng như đế tử ở trên, chi Tương phu nhân.

104, 105. Hai câu này cũng nói tình hình trái ngược, như 98, 99.

108. *Giai nhân*: Chi Trứng phu nhân.
112. Chữ Hán là « tân bích » và « túc đàm » nghĩa là vách kết băng cây tân là một giống hương thảo và mặt sân tó băng với sắc dò gọi là túc bối.
113. Khắp nhà trên (đường), nhà chính thì rải lá tiêu. Đây là cây tiêu của Trung-quốc xưa, giống cây lùn du, có gai, chứ không phải cây lồ tiêu. Không nên liên hệ với Tiêu phòng. (Xem chú IV-27).
116. Mí cửa băng gỗ tân dì là một giống hương mộc, phương Bắc cũng gọi là mộc bút, phương Nam gọi là Vọng xuân. (Xem chú V-431).
- Bạch chỉ*: Xem chú 100.
117. *Bé té*: Xem chú 64.
119. *Trần đè*: Làm trần đè dè chiếu. (Xem chú 5).
120. *Thạch lan*: Chữ Hán « Sô thạch lòn hè vi phương » nghĩa là rải rắc hoa thạch lan là một giống hương thảo, cũng gọi là lan núi. Sau câu ấy còn có câu chữ Hán là « Chỉ tiếp hèle hà ốc » nghĩa là lấy bạch chỉ lợp nóc nhè lá sen. Quách Mạt-nhược cho rằng ở trên đã có « hèle ốc » là nóc lợp lá sen, ở đây lại lợp nóc lá sen băng bạch chỉ, không có lý, nên ông cho rằng chữ « tiếp » chính là chữ « nhung » chỉ cái nệm, còn « ốc » chính là viết lộn, nghĩa là cái màn. Đối với ý kiến của Quách Mạt-nhược chúng tôi còn hoài nghi, nhưng không biết giải quyết thế nào. Chúng tôi thấy bộ câu ấy đi không dịch cũng không hại.
121. *Đỗ hành*: Túc là cây mā đè hương, tục ta gọi là cây rau má đè.

122. *Đầy ồ*: Chữ Hán là « thực định » nghĩa là đầy sán.
Đây chúng tôi bắt chước *Hoá tiên ký* mà dịch « hoa đầy ồ ».
123. *Lang quanh*: Hành lang chạy quanh.
124. *Cửu nghỉ*: Tức thần núi Cửu-nghi là núi thuộc tỉnh Hồ-nam, cũng gọi là núi Thương-ngo, tương truyền là chỗ chôn vua Thuấn. Tương phu nhân đi tìm Tương quân (vua Thuấn) nên được các thần ở Cửu-nghi đón rước.
- 127, 128. *Tương phu nhân gặp chồng mừng mà cởi áo quăng cà*.
129. *Người xa xôi*: Chỉ Tương quân mẩy lâu ở xa.
136. *Ngài*: Chỉ thần Đại tư mệnh.
137. *Không lang*: Tên núi trong thần thoại. Câu này ý nói thần đi đâu mình đi theo đó.
138. Chỉ tất cả loài người.
139. *Ta cầm*: Chỉ Đại tư mệnh cầm sổ mệnh thọ yêu của mọi người ở trong tay.
141. *Trí ám dương*: Cầm nắm việc sống chết của người ta.
144. *Áo mẩy*: Chữ Hán chép « linh y » có nhà cho rằng chữ vân bị lộn thành linh. Đây chúng tôi dịch theo vân y.
146. Chỉ sự sống sự chết.
151. Xin hầu hạ ngài lâu dài, túc xin được sống lâu.
152. Từ câu này trở đi, tuy nói thần nhưng kỳ thực Khuất Nguyên nói tâm sự của mình.

160. **Thu lan**: Một giống lan nở hoa về mùa thu.
My vu : Một giống hương thảo, cũng gọi là giang ly hay sơn hương.
162. **Cành tơ**: Cành my vu có vè trong trắng.
169. **Cô đồng tự nói**.
179. **Ao ngọc**: Chữ Hán là Hàm-trì. Chỉ cái ao mặt trời tắm, chỗ mặt trời lặn. Liên hệ với Dao-trì, chúng tôi dịch là ao ngọc.
183. **Lòng lòng công, cù lòng chà**.
185. **Tượng trưng sự chủ trì sinh mệnh của trẻ con**.
186. **Mệnh trẻ con**: Chữ Hán là vị dân chính, nghĩa là người chủ trì việc dân. Đây chúng tôi theo ý nghĩa đặc biệt là chủ trì số mệnh của trẻ con mà dịch.
187. **Chín sông**: Chỉ tất cả các sông trong thiên hạ, cũng như chín châm là chỉ cả thiên hạ.
189. **Côn-lon**: Dãy núi cao lớn nhất ở phía Tây Trung-quốc.
194. **Nối Hà bá đi dạo chơi các sông mà chợt nhớ nhà**. Khuất Nguyên tự ngữ.
196. 197. **Tả nhà ở, cung điện của Hà bá**.
- Bối lla**: Từ bối, thô sô nung thành với sắc đỏ sẫm.
198. **Ngao**: Rùa lớn ở biển.
- Cá hoa**: Chữ Hán là « văn ngư ». Vương Đật chú là cá chép, nhưng nhiều nhà khác cho là không phải. Chưa rõ đích xác là cá gì, chúng tôi dịch là cá hoa.
205. **Chi thần núi**.
206. **Bé lợ**: Xem chú 64.

- Nữ la* : Một giống cây kỵ sinh, bám ở cành cây lớn mà tua tua như tơ. Cũng gọi là thanh la.
208. Theo lời văn thì thấy đây là nữ thần.
210. *Tân di* : Xem chú V-429.
211. *Thạch lan, Đỗ hành* : Xem chú 120, 121.
219. *Linh* : Dịch là Ngài, Vương Đạt cho là chỉ Hoài vương đã chết ở Tân.
223. *Dây* : Đây là các dây leo trong rừng.
223. *Công tử* : Chỉ người yêu của thằn lùn, cũng chỉ Hoài vương. (Xem chú 219). Từ câu này trả xuống Khuất Nguyên ngụ ý nói tâm sự của mình.
225. *Đỗ nhã* : Xem chú 88.
232. *Qua Ngô* : Qua của nước Ngô. Qua đồng là vũ khí đặc biệt của miền Ngô Việt xưa — *Giáp tê* : Áo giáp làm bằng da tê ngu (ngưu).
233. Nhiều xe ra trận nên xe vướng bánh nhau.
234. *Địch như mây* : Quân địch đông nhiều đến ngập như đám mây.
235. *Quân giành trước* : Tướng sĩ tranh nhau lên trước.
238. Xe lút bánh không đi được như con ngựa bị trói.
242. Ra trận thì chỉ có chết mà không về.
250. *Lẽ xong* : Vương Phu-chi đời Thành cho rằng bài này là bài hát tống thăn kèm vào sau mỗi bài trong mười bài trên.
251. *Gió hoa* : Chữ Hán là « truyền ba » tức là cõi đồng cẩm hoa gió lên đè ra hiệu mà đánh trống và múa nhảy.
253. *Đồng nữ* : Cõi đồng.
254. *Muôn đời* : Sự thờ phượng tế lễ không bao giờ đứt.

II. BỐC CỨ

Bài *Bốc cứ* và bài *Ngư phủ*, từ thời Hán đến thời Thanh, các nhà nghiên cứu Sở tử vẫn cho là tác phẩm của Khuất Nguyên. Song một số nhà nghiên cứu gần đây, đặc biệt là Quách Mạt-nhược lại lấy cớ rằng hai bài ấy đều Khuất Nguyên làm ngôi thứ ba mà nói thi không có thê là của Khuất Nguyên mà là của người sống đồng thời với Khuất Nguyên, biết rõ văn chương và tâm sự của Khuất Nguyên nên viết giống hệt như văn chương của Khuất Nguyên, khiến người ta dễ lầm. Lý do đều tên yểu ót quá. Trong văn học không ít trường hợp tác giả đặt mình vào ngôi thứ ba mà tự thuật một cách có vẻ khách quan. Ví như câu đầu bài « Tặng Vương Luân » của Lý Bạch chẳng hạn (Lý Bạch thừa châm tương dực hành). Đó là một thủ thuật của văn học không hiếm lâm đâu. Do lý do ấy chúng tôi vẫn cứ xem hai bài này là chính tác phẩm của Khuất Nguyên.

Bốc cứ là bói chở ở với ý nghĩa là bói để biết nên ở vào chở nào, tức nên xù sự thế nào.

7. *Chiêm Doãn*: Tên viễn thái bốc của nước Sở bấy giờ.

Thái bốc là quan coi việc bói toán của Nhà nước.

10. *Thê*: Tức là nhánh có thi dùng làm thê mà bói.

Võ rùa: Gộp rùa của thầy bói dùng để gieo quẻ.

14. *Chờ đến cùng*: Chữ Hán là « 虞 穀 永 久 », nghĩa là luôn luôn chờ đến chết mới thôi.

15. *Lực canh*: Ra sức mình mà cày ruộng.

17. *Theo tục* : Theo thói mọi người thường làm, theo đuôi giàu sang.
19. *Cát mành cao thượng* : Cát mành đúng ở chỗ cao thượng.
Giữ lê phải : Chữ Hán là « bảo chán », tức là bảo vệ cái thật, chân lý.
20. *Sử ký* chép rằng Khuất Nguyên bị bọn sâm nịnh câu kết với vợ Hoài vương là Nam hậu ăn cùa đút của Trương Nghi mà làm hại.
21. *Giữ trong* : Giữ niềm trong trắng.
22. Mềm dẻo như da, tròn tru như mờ.
23. *Ngựa nghìn dặm* : Ngựa tốt ngày chạy nghìn dặm, chữ Hán là « thiên lý mã ».
24. *Cầu sống tạm* : Chữ Hán nghĩa là tạm giữ trọn thân ta.
25. *Kỳ kỵ* : Giống ngựa tốt.
27. *Hồng hộc* : Chim hồng hộc là loài chim như hồng trời, bay rất giỏi. Chữ Hán là « hoàng hộc » tức chim hộc vàng.
28. *Tranh mảnh* : Tức là tranh miếng, tranh ăn.
31. *Ngàu đực* : Chữ Hán là « hổn trọc ». Tức là đực lợn ngàu lén.
32. *Nghìn cân* : Chữ Hán là « thiên quân » mà mỗi quân là 30 cân, song chúng tôi dịch là « nghìn cân » cho dễ hiểu.
34. 35. *Ta có câu tục ngữ* : « Chuông khánh còn chẳng ăn ài, nữa là mảnh chính ném ngoài bờ tre ».

39. *Liêm trung*: Liêm là trong sạch, trung là trung thành.
- 40, 41. Ví dụ con ngựa hay chạy ngày muôn dặm, nhưng có chỗ thua con mèo vì không bắt chuột được, con mèo là vật nhô mọn nhưng có chỗ hơn con ngựa kỵ là nó bắt chuột giỏi.

III. NGƯ PHÚ

2. *Giang đàm*: Vực sông. Đàm là chỗ nước sâu, ta thường dịch là đầm. Giang đàm là chỉ chỗ sông sâu và rộng. *Sử ký* (Khuất Nguyên liệt truyện) chép là « giang tân ». Sông đây có người băng vào câu hát của ông chài mà nhận là sông Thương-lang, khoảng hạ lưu của sông Hán ở tỉnh Hồ-bắc. Lại có người cho là sông Nguyên, lấy cớ rằng Khuất Nguyên bị đày, cuối cùng tự trầm ở sông Mich-la thuộc sông Tương, trước đó có qua sông Nguyên (xem bài « Thiệp Giang »). Cả hai thuyết đều sai. Trước hết không phải Khuất Nguyên gấp ông chài trên sông Thương-lang mới được nghe câu hát nước Thương-lang mà xira kia Không từ đã từng nghe trẻ con hát câu ấy (xem *Mạnh tử thiền Ly lâu thương*). Còn như nói trước khi tự trầm ở sông Tương, Khuất Nguyên có ở sông Nguyên thì có thể đúng, nhưng bắt tất phải gấp ông chài ở sông Nguyên. Câu hát nước Thương-lang có lẽ là một câu hát phô biến ở nước Sở (Hồ-bắc Hồ-nam).

từ xưa, Khuất Nguyên có thể nghe nó ở bất cứ sông nào trong miền ấy, cho nên chúng tôi tưởng Giang Đàm đây là nói chung chứ không cần chỉ sông nào.

7. *Tam lư đại phu* : Chức quan cuối cùng Khuất Nguyên đảm nhiệm. Theo thuyết cũ thì đó là chức quan chưởng quản các quan thuộc ba họ vương tộc của nước Sở là Khuất, Cảnh và Chiêu.
- 10, 11. Hai câu này cũng như hai câu 16, 18 ở dưới dịch đào trật tự của nguyên văn, song xét không hại gì đến ý thơ.
12. *Khắp đời đều đực* : Chữ Hán là « Cử thế... ». Trước chúng tôi định dịch là « Cả đời » nhưng có ông bạn cho rằng như thế sơ lộn với nghĩa suốt một đời, chúng tôi bèn đổi dịch làm « Khắp đời », với ý nghĩa là khắp cả mọi người trong đời, phản ánh được đúng chữ cử là hết thảy, khắp cả.
17. *Sục ngầu lên* : Chữ Hán là « quật kỳ nê nhi dương kỳ ba » nghĩa là sục bùn mà dâng sóng lên, chúng tôi dịch tắt là « sục ngầu lên » tương ứng đủ nghĩa.
19. *Uống tràn* : Chữ Hán là « bô kỳ tao nhí xuyết kỳ ly » nghĩa là ăn cả hém và uống cả rượu, chúng tôi dịch ý là « uống tràn ».
24. Mới gội thì đầu sạch, phải phủ khăn cho hết bụi mà đội thì đầu mới còn sạch được.
25. Mới tắm thì mình sạch, phải giữ áo cho hết bụi mà mặc thì mình mới còn sạch được.
- 35, 38. Câu hát này đã có chép trong sách *Mạnh Tử*.

IV. LY TAO

Tư-mã Thiên dẫn lời của Hoài-nam vương Lưu Ân nói rằng « Ly tao » cũng như « ly ưu ». Vương Đạt giải thích *ly* là *ly* biệt, *tao* là *sầu*. Như vậy có thể nói « Ly tao » nghĩa là mỗi sầu *ly* biệt, mà *ly* biệt đây là do bị rồng đuổi, tức bị đày *xuống* miền Nam.

1. *Cao Dương*: Túc là vua Chuyên Húc trong Ngũ đế của lịch sử truyền thống của Trung-quốc.
2. *Chữ Hán* là « Nhiếp đê trình ử Mạnh trâu hẽ ». Nhiếp đê túc là năm Dần, Mạnh trâu túc là mạnh xuân tháng giêng, theo lịch nhà Hạ là tháng dần, chúng tôi dịch là « Năm dần tháng dần ».
5. *Thời lành*: Chỉ ngày tháng năm sinh đều là tốt cả, vì theo tín ngưỡng xưa thì dần là tương đương với lúc người sinh trong trời đất (Trời mờ ở Tý, Đất mờ ở Sửu, Người sinh ở Dần).
6. *Chữ Hán* là « *gia danh* » nghĩa là tên tốt có thể đem đến cho điều may mắn.
7. *Chinh tắc*: Khuất Nguyên tên là Bình, tự là Nguyên. Đất cao mà bằng (bình) là nguyên. *Chinh tắc* nghĩa là công chính mà có phép tắc. Vương Đạt cho rằng tên nêu rõ ý nghĩa của chữ Bình.
8. *Linh quân*: Vương Đạt cho rằng Linh quân là nêu rõ ý nghĩa của chữ Nguyên là cao thiêng và đều đặn. Hai tên chinh và tên tự ấy có quan hệ với lúc đê là được thời của đạo người, là ngày, tháng, năm đều dần.

11. *Giang ly*: Một giống hương thảo mọc ở trong sông, cũng gọi là my vu.
- Bạch chỉ*: Xem chú I-100.
12. *Thu lan*: Xem chú I-160.
15. *Mộc lan*: Một giống cây hương cũng gọi là mộc liên, đỗ lan, như cây ngọc lan, nên cũng gọi là tử ngọc lan.
- Núi Tỷ*: Núi ở phía Nam nước Sở.
16. *Túc mụ*: Túc là cây tú tô hay tía tô. Hai câu này có hàm nghĩa rằng mộc lan róc vỏ cũng không héo mà túc mụ thì mùa đông không khô, cho nên dùng đỗ tỷ dụ tính đặc lập kiên cường. Sớm và chiều là tỷ dụ mùa xuân và mùa đông.
21. Câu này có ý nghĩa là sao không cải cách cho đẹp lòng người.
23. *Cõi kỳ kỵ*: Chỉ dùng người tài năng.
25. *Ba vua*: Chỉ ba vua đầu khai thác nước Sở. là Hùng Dịch, Nhược Ngạo, Phản Mạo.
- Thuần túy*: Nghĩa là công chính không riêng tay.
27. *Thán tiêu*: Một giống hương mộc, gỗ cùng quả đều thơm, cũng gọi là hoa tiêu, khác với hồ tiêu.
- Nhục quế*: Túc là cây quế. Nguyên chữ Hán là khuần quế.
28. *Bạch chỉ*: Một giống hương thảo. (Xem chú I-100).
33. *Hùa tạm vui*: Hùa nhau mà tạm vui, chưa chắc được lâu dài.
36. Sợ nước Sở sụp đổ.

38. Vua trước có lẽ chỉ Sở Hiệu vương, ông vua trước kia đã có hoài bão thống nhất Trung-quốc, nên trọng dụng Ngô Khởi trong mấy năm. Nhưng Ngô Khởi bị phái phản động ám sát, bọn phản động ấy hồn hập chực nã đều bị trị tội và tiêu diệt. Xem thêm chú V-581.
40. *Mà giận vang*: Mà nỗi lôi đình, tức nỗi giận.
41. *Khắn khắn*: Khắn vó một lòng.
43. *Vạch chín tưng*: Vạch trót.
44. *Vì bồ trên*: Vì vua.
47. *Xa lìa*: Xa lìa nhà vua.
49. Theo phép đo lường xưa, 6 thước là một bộ (bước), 100 bộ là 1 mẫu, 30 mẫu là một uyên. Nguyên chữ Hán là cửu uyên và bách mẫu, song những chữ cửu và bách chỉ là số nhiều, không phải con số chính xác, mà uyên và mẫu cũng không phải là diện tích cố định, cho nên « bách mẫu » , chúng tôi dịch là « trăm via » cho hiệp văn.
53. *Lưu di, Yết xa*: Đều là hương thảo ở đất Sở, không rõ cụ thể là thế nào?
54. *Bồ hanh*: Xem chú I-121.
Phương chi: Cây chi thơm. (Xem chú I-100).
58. Thương người hiền tài bị bọn tiêu nhân che lấp.
62. *Sinh lòng*: Mưu mèo.
72. *Bệ tề*: Xem chú I-64.
74. *Nhục quế*: Xem chú 27.
78. *Noi phép dư*(phép tắc đẽ lại cho đồi sau) của Bành Hàm.
Bành Hàm: Theo Vương Dật thì Bành Hàm là hiền

thần nhà Ân, can vua Trụ không nghe, nhảy xuống sông tự tử. Ngoài tác phẩm của Khuất Nguyên, sách xưa không hề chép tên Bành Hàm.

81. *Ham* đẹp : Tức là hiếu tu, tu là tốt đẹp.

Tự giữ : Giữ mình không theo thói xấu của đời.

89. *Lã ty thiếp* : Chỉ bọn nịnh thần.

Mày ngài : Gái đẹp, chỉ người hiền đức.

92. *Bò qui cù cũ mà thay đổi bùa bài*.

102. *Ý nói* mình trung thực không thể cùng ở một chỗ với bọn gian nịnh đưọc.

104. Cho nên đánh xấu họ mà chịu đòn chú không thể ở chung.

109. *Đau xót* là mình hết lòng giúp vua mà không được vua soi xét.

109. *Ý muốn* về nhà làm người ăn dật.

111, 112. Hai câu nói cuộc sống ăn dật.

114. Về nhà lại mặc y phục xưa của thời chưa ta làm quan.

119, 120. Mũ cao và chuỗi ngọc là đồ thường dùng của người quý tộc xưa ở Trung-quốc, đặc biệt ở nước Sở.

131. *Bạn gái* : Chữ Hán là « nữ tu », từ trước người ta cho là tên người, hoặc cho là chị, hoặc cho là em gái của Khuất Nguyên, đều là không có xác chứng. Quách-Mật-nhược dịch là « nữ bạn », người đàn bà đỡ đàn như người bạn, có lẽ đúng hơn. Chúng tôi dịch là « bạn gái ».

133. *Còn* : Thân phu của vua Vũ nhà Hạ, trị thùy không xong, bị vua Thuấn giết ở núi Vũ.

137. *Tư, lục, thi đều là những giống cây xấu tượng trưng*
bọn tiêu nhân, nhưng đều là những giống cây nước ta
không có.
140. Đến đây là hết lời trách mắng của người bạn gái.
146. *Vua Thuấn*: Vua Thuấn là vua thánh đời xưa theo
 lịch sử truyền thống của Trung-quốc.
147. *Khải*: Con vua Vũ nhà Hạ là người mở đầu xây dựng
 chě đô quān chū thiế tập theo lịch sú truyền thống của
 Trung-quốc.
- Cửu biện* và *Cửu ca* đều là những bản nhạc của trời
 bị Khải trộm được đem xuống nhân gian, theo truyền
 thuyết.
150. *Ngũ tử*: Các nhà chú giải trước cho « Ngũ tử » là năm
 con của Khải. Quách Mật-nhược đã chứng minh rằng
 Ngũ tử tức là Vũ Quan (Ngũ với Vũ đọc theo âm Trung-
 quốc là đồng âm) là con của Khải, chỉ có một người
 chū không phải năm. Điều làm lẩn này thực ra đã
 có từ Sở ký trò xuống, họ Quách nay mới định
 chính được.
151. *Hậu Nghệ*: Quản trưởng của bộ lạc Hữu Cung thời
 nhà Hạ, đời Thái Khang là con Khải, nhân loạn cướp
 lấy chính quyền của nhà Hạ.
152. *Chồn bự*: Chū Hán là phong hồ, tức loài chồn lớn
 (bự nghĩa là lớn).
154. *Hàn Xác*: Đại thần thân tín của Hậu Nghệ.
 Theo Tả truyền chép thì sau khi cướp chính quyền

- của nhà Hạ, Hậu Nghệ hoang dâm vô độ, Hàn Xác
khiến gia thần của mình hấn giết Nghệ rồi cướp lấy vợ
của Nghệ.
155. *Ngáo* : Túc là Quá Ngáo, con của Hàn Xác, giết vua
nhà Hạ là Tướng, sau lại bị con của Tướng là Thiếu
Khang giết.
159. *Kiệt* : Vua cuối cùng của nhà Hạ, tàn bạo quá, bị nhàn
dân bò, Thành Thang đánh giết mà dựng nhà Thương.
161. *Trụ* : Vua cuối cùng của nhà Thương-Ân. Trụ dâm
dật, tàn bạo, bồ tì là Tỳ Can can, Trụ không nghe,
mồ bụng Tỳ Can lấy gan và băm vằm nát thân thè ra
để uớp muối. Bị Vũ vương nhà Chu đánh diệt.
163. Thang là vua Thành Thang dựng nhà Thương.
Vũ là vua Vũ dựng nhà Hạ.
164. *Chu* : Nhà Chu, triều đại Trung-quốc tiếp theo sau nhà
Thương-Ân.
167. Ý nói không liệu cách a dua mà gió chiều nào che
chiều ấy.
180. *Thời chẳng ngô* : Chẳng gấp thời.
183. Trái vật áo mà quà đẽ trình bày với vua Thuấn những
việc từ Khai trờ xuống, cho nên tiếp đó có câu « Sớm
ra từ Thương-ngô ».
185. Từ đây bắt đầu cuộc mộng du lên trời và lên tiên.
187. *Thương-ngô* : Núi Thương-ngô tức núi Cửu-nghi thuộc
tỉnh Hồ-nam là nơi chôn vua Thuấn, theo truyền thuyết,
(Xem chú I-124).

188. *Huyền phô*: Chòm núi thần ở trên dãy núi Côn-lôn.
191. *Hy Hòa*: Theo thần thoại thì Hy Hòa là người đánh xe cho thần Mặt trời để chạy trên trời — Câu này ý muốn bảo mặt trời đi từ từ đừng lặn vội.
192. *Yên tư*: Núi thần ở phương Tây, chỗ mặt trời về ngủ.
195. *Hàm trì*: Xem chú I-179.
196. *Phù lang*: Xem chú I-17.
195. *Cành nhược*: Títe cành cây nhược mộc là cây thần ở cực tây núi Côn-lôn.
199. *Vọng Thủ*: Thần Trăng.
200. *Phi Liêm*: Thần Gió.
202. Trên trời chưa sẵn sàng để đón tiếp Khuất Nguyên.
- 207; 208. Hai câu này tả tình hình mây ráng ngăn trời.
209. *Để Hòn*: Thần giữ cửa nhà Trời.
212. 213. Cửa trời không mở mà đã gần tối, bèn thần chờ mà đứng lặng, lòng bức bối nên tay xoắn vòng hoa đeo.
215. *Bạch thủy*: Sông trong thần thoại, phát nguyên ở Côn-lôn, uống nước sông ấy thì thành bất tử.
214. *Lặng phong*: Núi trong thần thoại, ở trên dãy núi Côn-lôn.
218. *Ngọc dung*: Mặt ngọc, tức mỹ nhân.
220. *Xuân cung*: Cung của Thanh đế ở lại phương Đông
222. *Chữ Hán* là hụ nữ. Xem chú I-89.
223. *Phong Long*: Thần Mây.
224. *Phục phi*: Theo truyền thuyết là con gái vua Phục

Hy, chết đuối ở sông Lạc-thủy mà thành nữ thần sông ấy.

226. *Kiền Tu* : Tên người trong thần thoại, nhưng không rõ cụ thể thế nào. Các nhà chú giải xưa cho là bồ tát của vua Phục Hy.

Lái : Xem chủ 251.

227. Cũng câu thơ này, ở trên thì chỉ tình hình mây rảng khi hợp khi tan, ở đây thì chỉ thái độ của Phục phi khi băng lòng khi từ chối.

229. *Cùng-thạch* : Tên núi trong thần thoại, chỗ phát nguyên của sông Nhược thủy. Cùng-thạch là chỗ ở của Hậu Nghệ thuộc bộ lạc Hữu-cùng. Trong bài « Thiên văn » của Khuất Nguyên có câu : « Đế giáng Di Nghệ, cách nghiệt Hạ dân. Hồ xạ phù Hà bá nhỉ thê bì Lạc-tân » nghĩa là : Trời cho xuống vua Di là Hậu Nghệ, để giải trừ tai họa cho dân Hạ. Sao lại bắn Hà bá mà lấy vợ của y là Lạc-tân ? Lạc-tân là Phục phi. Như vậy thì nói Phục phi về ngù ở Cùng-thạch là có căn cứ ở thần thoại.

230. *Vì-bản* : Không rõ ở đâu.

232. *Truy hoan* : Mài miệt đầm dâng.

234. *Cầu thân* : Tìm người thân, tìm vợ.

237. *Đao dài* : Đài ngọc, chỉ chỗ ở trang nghiêm mỹ lệ. Giản Địch khi chưa lấy chồng ở trên đài cao.

238. *Hữu Nhung* : Bộ lạc xưa, bà Giản Địch là thủ phi của vua Đế Cốc mẹ của Tiết, thủy tổ của nhà Thương, là người bộ lạc ấy.

Xem chủ 245.

239. *Chim trâm*: Một giống chim ác bay ăn rắn, lông tía lục, có độc, người ta dùng đẽ ngâm rượu làm thuốc bắc, túc là chim bìm bìm.
241. *Cu gáy*: Chữ Hán là hùng cựu.
- 245, 246. Cao Tân túc là Đế Cốc. Truyền thuyết nói rằng Giản Dịch ở đài cao, Đế Cốc phái chim phượng hoàng (huyền diệu) đến làm mối, biểu trưng cho bà, bà ăn trứng mà có thai, đẻ ra Tiết là thủy tổ của nhà Thương.
249. *Thiếu Khang*: Vua trung hưng của nhà Hạ, giết được Quá Ngáo. (Xem chú 155).
250. Theo *Tả truyện* thì sau khi cha là Tưởng bị Quá Ngáo giết, Thiếu Khang chạy sang bộ lạc Hưu Ngu, quân trưởng Hưu Ngu đem hai người con gái gá cho.
251. *Lái* túc là mối. Chữ Hán là lý nghĩa là mối. Ta đọc là lái nên nói mối lái.
255. 256. Nói vua ở nơi thâm xa không thể gặp được, lại không tinh ngộ nên không rõ thẩm được lòng trung thành của Khuất Nguyên.
258. *Cùng sổ*: Nói mang cái tình không tỏ được đó cho đến chết.
259. *Cỗ thi*: Chữ Hán là quỳnh mao chi thú có qui dùng làm thê để bói. Chúng tôi dịch thoát là cỗ thi là thú có thiêng xưa người Trung-quốc hay dùng đẽ bói.
Thê trúc: Chữ Hán là đình, thê trúc nhỏ dùng đẽ bói.
263. *Chín châu*: Gọi chung cả thiên hạ, vì Trung-quốc xưa chia làm chín châu là Ký, Duyện, Thành, Tù, Dương, Kinh, Dụ, Lương, Ung.

266. Ý nói sao cũng gặp được vua giỏi biết dùng hiền tài.
271. Chữ Hán nghĩa là có người tốt, có người xấu.
273. *Đeo ngài* : Cây ngài, mùi hắc khó ngửi. Khuất Nguyên cho là một thứ ác thảo.
277. *Phấn thò* : Đất mùn có thể dùng làm phân, chỉ đỡ rác rưởi.
278. *Thân tiêu* : Xem chú 27.
281. Chữ Hán là « vu giáng ». Giáng nghĩa là xuống, nhưng theo tiếng Việt thì lại nói đồng lên.
282. *Tiêu* : Cây tiêu, túc thân tiêu. xem chú 27.
284. *Cửu nghỉ* : Xem chú I-124.
288. Cố đồng bão là cố gắng tìm lấy người ý hợp tâm đầu mà phục sự.
289. Vua Thành Thang nhà Thương và vua Vũ nhà Hạ.
290. *Y Doãn* : Hiền thần của vua Thành nhà Thương.
Cao Dao : Hiền thần của vua Vũ nhà Hạ.
293. *Duyệt* : Phó Duyệt. Vua Cao tông nhà Ân cầu biền, tìm được Duyệt đương làm việc đào đắp ở Phó-nham, rước về cho làm tướng, nhân đó gọi là Phó Duyệt.
294. *Vũ Đinh* : Tức vua Cao tông nhà Ân.
Đinh ninh : Ý tin cậy chắc chắn.
295. *Lã Vọng* : Tức là Khương Tử Nhã, công thần khai sáng của nhà Chu. được phong ở đất Lã nên cũng có họ là Lã. Khi còn hàn vi, từng làm nghề mò thịt ở Triều-ca là kinh đô nhà Ân. Đến già làm nghề câu cá ở sông Vị Thủy, gặp Chu Văn vương ở đó, được trọng dụng, sau giúp Võ vương đánh Trụ.

297. *Nịnh Thích* : Người nước Vệ thời Xuân Thu. Nhà nghèo, đánh xe thuê cho người ở nước Tề. Một hôm Tề Hoàn công đi chơi đêm, ra cửa đồng thấy Nịnh Thích vừa cho trâu ăn ở dưới xe, vừa gõ sừng trâu mà hát. Hoàn công nghe câu hát cho là người kỳ, bảo Quận Trọng rước về, cho làm Thượng khanh.
301. *Chữ Hán* là *dẽ quyết*, tức là chim đỗ quyền, chim tu hú. Tu hú kêu là mùa hạ. Tu hú kêu trước là mùa hạ đến sớm, khiến trăm hoa phải tàn sớm hơn. Ý nói bọn gièm nịnh khiến người hiền tài đều phải sớm tiên diều.
309. *Lan chỉ* : Lan và bạch chỉ. Xem chú ở trên.
310. *Thuyễn* : Một giống hương thảo, không rõ cụ thể là cây gì.
315. *Lan* là thứ cây Khuất Nguyên yêu quý. Nhưng Vương Dật cho *Lan* đây là chỉ Từ Lan, em ruột vua Hoài vương, làm lệnh doãn, khuyên Hoài vương đến hội với Tần đến nổi bị Tần bắt.
319. Theo Vương Dật thì *Tiêu* dày là chỉ Từ Tiêu, làm lệnh doãn nước Sở đời Khoảnh vương.
320. *Thù du* : Giống cây tiêu nhưng không thơm.
- 321-322. Chỉ những người chỉ lo bôn cạnh mà cầu lợi lộc.
326. Yết xa và giang ly là những giống hương thảo thường. Giang ly cũng gọi là my vu. Xem chú 11.
328. *Khuất Nguyên* tự chỉ mình.
332. *Tìm cho gấp* : Tìm người đẹp.
343. *Còn-lon*: Xem chú I-189.

347. *Bến Ngân*: Từ trên trời trở xuống nên xuất phát từ bến Ngân hà.
348. *Tây cực*: Chỗ cuối cùng ở phương Tây.
351. *Lưu sa*: Sa mạc ở phía Tây Trung-quốc.
352. *Xích thủy*: Sông trong thần thoại, phát nguyên ở núi Côn-lôn.
353. *Sai giao long lấy mình làm cầu*.
354. *Tây hoàng*: Vị thần chủ phương Tây.
357. *Bãi chu*: Tên núi trong thần thoại, ở phía tây bắc núi Côn-lôn.
361. *Tám ngựa rồng*: Rồng kéo xe.
365. *Cầu ca*: Xem chú 147.
- Nhạc Thiền*: Túc điệu nhạc múa Cửu thiền của vua Thuấn, theo truyền thuyết.
368. Tinh lại mà nghĩ đến quê hương.
369. *Tớ*: Đầy tớ đánh xe.
372. *Không người*: Nước không có người hiền minh.
374. *Chỉnh tốt*: Việc chỉnh trị tốt.
375. Cố ý muốn tự trầm. Xem chú V-599.

V. CỨU CHƯƠNG

Cứu chương gồm chín bài riêng biệt, gộp lại làm một chương là bài đầu từ Lưu Hương đời Tây Hán.

người đầu tiên nghiên cứu *Sở từ*. Từ Vương Dật đời Đông Hán trở đi thì cái tên « Cứu chương » bèn thành cố định.

Chu Hy cho rằng chín bài ấy là những bài riêng rẽ, không phải là viết trong một thời ý kiến ấy nhiều nhà cho là chính xác. Đối với thứ tự của các bài do Lưu Hướng và Vương Dật sắp xếp (Xem *Sở từ bồ chú* : (Tích tụng, Thiệp Giang, Ai Sinh, Tràu tư, Hoài Sa, Tư mỹ nhân, Tích vãng nhật, Quất tụng, Bì hối phong) thì nhiều nhà nghiên cứu gần đây không thua nhau. Quách Mạt-nhược theo thứ tự thời gian mà xếp (bằng cứ vào nội dung của các bài) có vẻ tương đối chính xác. Theo ý kiến ấy thì bài « Quất tụng » phải là làm sớm nhất, có thể là trước khi bị phóng trực. Tân thành ý kiến ấy, trong bản dịch này chúng tôi tạm xếp theo thứ tự do họ Quách đề ra, cho bài « Quất tụng » đứng đầu :

1. Quất tụng (ca ngợi quí)
2. Tích tụng (tiếc làm sao)
3. Tràu tư (rút bày tâm tư)
4. Tư mỹ nhân (nhớ người đẹp)
5. Bì hối phong (buồn giờ xoáy)
6. Thiệp Giang (qua sông Giang)
7. Ai Sinh (hương Sinh đê)
8. Hoài Sa (nhớ Trường sa)
9. Tích vãng nhật (tiếc ngày trước).

Theo ý riêng của chúng tôi thì hai bài *Tích tụng* và *Tràu tư* là viết trong thời Khuất Nguyên bị Hoài

vương đuối lên Bắc. Còn 6 bài sau là viết trong thời bị Khoảnh-tương vương đuối xuống Giang-ram.

Tuy những bài *Cửu chương* không phải là tác phẩm viết cùng một lúc như những bài *Cửu ca*, nhưng trừ bài « Quất tụng » thì xét kết cấu các bài khác giống nhau, đặc biệt là cuối nhiều bài lại có phần « Loạn viết », cho nên gộp các bài ấy làm một chương cũng là thích đáng. Vả chăng xem nội dung 8 bài thì thấy rằng đều là tác phẩm viết sau khi bị phỏng trực, hoặc thời trước, hoặc thời san.

1. *Chữ Hán* là « hậu Hoàng gia thụ ». Vương Đạt chú « hậu hoàng » là hậu thò và hoàng thiên, tức là trời đất. Quách Mạt-nhuật dịch là huy hoàng thì có lẽ sai. Chúng tôi theo Vương Đạt, nhưng vì chúng tôi dụng ý đặt câu bốn chữ làm thơ tứ ngôn nên xin bỏ từ đất mà nói trời không. « Gia thụ » là cây đẹp tốt, chúng tôi chuyên thành ý trời cung nên cho nó đẹp tốt.

3.4. Hai câu này dịch đáo trật tự của nguyên văn.

4. Nhận mệnh của trời mà vẫn giữ theo luôn, không đòi bờ đi chỗ khác.

16. Từ câu này trở lên là ca tụng cây quít.

17. Từ câu này trở xuống là ca tụng người, Khuất Nguyên tự ngữ.

24. *Chẳng tùy* : Không theo đuối, a dua, không tùy ba trực lưu.

26. Rốt cuộc không phạm làm lỗi.

27. *Không thiên* : Không thiên tư, tâng vị.

30. Ta nguyện làm bè bạn lâu dài với người.
35. *Bá Di*: Con trưởng vua nước Cô-trúc thời nhà Ân. Khi nhà Chu diệt nhà Ân, Bá Di không đồng tình, cùng với em là Thúc Tề bỏ vào núi ẩn, không chịu ăn thóc của nhà Chu, chỉ ăn rau trù hũa. Cuối cùng hai anh em chết đói ở núi Thú-dương, người đời sau xem là thánh hiền đời xưa, có ý chí rất kiên cường. Ở trên Khuất Nguyên đã cho quết là « chịu mệnh chẳng bờ » nên đây lại ví người với Bá Di.
37. Thương tiếc việc làm thơ mà sinh lụy vì do đó càng bị bọn quyền thần ghét gièm. Chữ tụng có nghĩa là làm thi ca, đặc biệt là có ý nghĩa phúng thích.
40. Lấy trôi xanh làm chúng.
41. *Năm đế*: Năm vị thiên đế chủ năm phương.
42. *Sáu thần*: Các vị thần ở bốn phương và trên dưới.
43. *Núi sông*: Thần Núi và thần Sông.
44. *Cao Dao*: Pháp quan của vua Thuấn và của vua Vũ nhà Hạ, truyền thuyết cho là người sáng lập ra pháp luật, là tổ sư của ngành tư pháp ở Trung-quốc.
46. *Bướm thừa*: Không quan hệ gì với các bộ phận của cơ thể. Chữ Hán là « chuế vưu ».
48. Còn phải chờ đợi thì chúa mới thảu được, tức hiện chúa không biết đến.
53. Lời chúa trước lời thân sau.
66. Ta chẳng mong gì điều ấy.

83. *Lẽ thầm* : Vì thầm chử sát phạt, không hiểu vì sao Khuất Nguyên lại nhờ bối ; có lẽ nhờ bối xem mình đã phải chết chưa ?
87. Ý nói lời gièm lợi hại lắm.
89. Chữ Hán nghĩa là vì húp phải canh nóng nên sợ mà ăn dưa cũng thôi. Chúng tôi dịch theo câu tục ngữ của ta cũng cùng nghĩa ấy.
90. Ý nói muốn được nhà vua tín nhiệm mà lại không có người tả hữu của vua dùi dài cho.
97. *Thân Sinh* : Thái tử con Tấn Hiếu công. Tà truyện chép rằng : Hiếu công nghe lời gièm của vợ là Ly Cơ mà bức Thân Sinh phải chết.
99. *Hạnh* : Đức hạnh.
100. *Còn* : Xem chú IV-133.
103. Ta cũng có câu tục ngữ : « Gãy tay hay thuốc ».
105. Ba câu này ý nói bọn tiêu nhẫn bỗ trí pháp lệnh tàn bạo ở xung quanh vua để hâm hại người trung luong.
117. *Mộc lan* : Xem chú IV-15.
118. *Thân tiêu* : Xem chú IV-27
119. *Giang ly* : Xem chú IV-11.
120. Toàn mòn ăn của người thanh cao ăn dật.
124. Đành lòng đi xa, túc đi dày.
130. *Gió xoáy* : Người ta cho là tà phong, dùng để chỉ tà đạo, xem chú 269.
157. *Tan hoảng* : Ba vị vua thời thái cổ theo lịch sử truyền thống của Trung-quốc. Có thuyết cho là Toại Nhân

dạy người ta lấy lửa, Phục Hy dạy người ta chăn nuôi,
Thần Nông dạy người ta cày cấy.

Ngũ đế: Năm vị hoàng đế ở sau Tam hoàng. Có thuyết
cho là Hoàng đế, Chuyên Húc, Đế Cőc, Nghiêu, Thuấn.

158. *Bành Hàm*: Xem chú IV-78.

165. Rút lòng ra mà bày tỏ.

170. *Hán bắc*: Bài « Trìu tư » này chúng tôi đoán rằng
Khuất Nguyên viết trong khi bị Hoài vương đuổi
lên miền Hán-bắc (năm tr. 313). Hán-bắc là miền bắc
sông Hán-thùy, cũng thuộc tỉnh Hồ-bắc ngày nay.
Từ Nam lên túc là từ Sinh đô bị dày đi.

177. *Núi Bắc*: Núi ở miền Bắc, chỗ Khuất Nguyên
bị dày.

180. *Sinh*: Túc là Sinh đô, kinh đô nước Sở, ở về phía
đông-nam huyện Giang-lăng tỉnh Hồ-bắc ngày nay.

182. *Chín tao*: Chín lần, túc nhiều lần lăm. Con số chín là
chi số nhiều.

189. Nhám theo trăng và sao mà nhìn về Nam, túc nhìn
về Sinh đô.

Lái: Xem chú IV-251.

191. *Ngược sông*: Đây là ngược sông Hán.

196. *Bắc-cố*: Địa điểm ở trên đường đi Hán-bắc.

211. *Phong Long*: Xem chú IV-223.

217. *Cao Tân*: Xem chú IV-245.

218. Bà Giản Địch được chim huyền, chim phượng hoàng
cho trứng. Xem chú IV-245.

220. *Không khùng*: Không chịu.
225. Bốn câu này nói chính sách chống Tề thân Tần của Hoài vương là sai lầm, thế mà Khoảnh-tương vương vẫn cứ theo chính sách kỳ quái ấy.
229. Túc là nhiệm dụng hiền thắn.
230. *Tạo phủ*: Người giỏi đánh xe thời Mục vương nhà Chu.
- 231, 232. Phải kiên nhẫn kinh dinh mà chờ thời cơ.
233. *Ba trúng*: Núi ở phía tây nước Tần trong tỉnh Cam-túc ngày nay. Ý nói nhầm mục tiêu đánh Tần.
234. Đí mãi rồi cuối cùng cũng phải đạt đến mục đích.
235. Bốn câu này ý nói: khi Khoảnh-tương vương mới lên ngôi, tuổi còn trẻ, cục diện cũng có cơ đổi mới, có thể hy vọng phục hưng cho nên Khuất Nguyên lấy làm vui.
238. *Giang Hạ*: Giang là sông Trường giang, tức sông Dương-tử. Hạ là khúc hạ lưu của sông Hán, từ Thạch-thú đến Hán-dương (mùa hạ nước sông Hán từ Thạch-thú về đồng lên rất lớn mà hợp với sông Giang).
239. *Bach chỉ*: Xem chú 1-100.
240. *Túc mạt*: Xem chú IV-16.
 Hai câu trên nói ý chuẩn bị bồi dưỡng nhân tài cho Nhà nước.
241. Phản nàn không được thấy cõi nhân, ý là sinh không gặp thời. Khoảnh-tương vương không phải là có chí lớn trung hưng như một số các vua đời xưa, nên những nhân tài chuẩn bị đó chẳng được dùng đâu.
243. *Biền súc*: Cũng gọi là biền trúc, một giống cây nhỏ mọc thành bụi. Hai câu này ý nói chỉ dùng bọn tiểu nhân.

246. Câu này nói bọn tiều nhân rồi cũng điêu tàn chứ không đặc chí được mãi đâu.
247. Từ câu này trở đi Khuất Nguyên nói mình.
250. Ý nói không cần biết đến nguyên do của điều phiền muộn. Sau câu này nguyên văn chữ Hán có hai câu : « Phương dã trạch kỳ tạp nữu hè, Khương phuong hoa tự trung xuất ». Quách Mạt-nhược nhận xét rằng hai câu này không hiệp văn với những câu trên dưới và cho là những câu chép thừa. Chúng tôi cũng theo ý kiến ấy mà bỏ hai câu ấy không dịch.
254. *Danh xa rao* : Danh đồn đến xa.
256. Vì bệ lệ là cây cao.
257. Vì phù dung mọc trong bùn. Phù dung là hoa sen.
263. Hai câu này ý nói tình hình chính trị nước Sở vẫn theo nếp cũ, chưa hề thay đổi.
268. *Bành Hâm* : Xem chú IV-78.
269. *Gió xoáy* : Chữ Hán là « hòi phong », các nhà chú giải cho hòi phong là gió tã, gió lạnh, làm khô héo cây cối chứ không mát như gió xuân. Xem chú 130.
271. *Vật nhỏ yếu* : Chỉ hoa huệ.
272. Chỉ iêng gió khi mới thổi.
274. *Khôn khuấy* : Khó khuấy quên được.
275. *Muôn biến hóa* : Chữ Hán là « vạn biến », chỉ nghìn khoanh muôn khoe của bọn gian nịnh.
277. *Chim muồng* : Chỉ bọn tiều nhân.
278. *Hoa cỏ* : Chỉ người chính trực bị hại.

279. *Cá mè*: Chỉ bợn tiêu nhân đặc chí.
280. *Rồng*: Chỉ người hiền phải ăn.
281. *Bồ* là rau đắng, *tễ* là rau ngọt.
282. *Lan chỉ*: Lan là cây lan có nhiều thứ, hoa đều thơm.
Chỉ, xem chú I-100.
290. *Nhã tiêu*: Đỗ nhã và thân tiêu. Xem chú I-88 và chú IV-27.
- Tự xứ*: Tự yên thân.
298. *Tự tại*: Tự do, thung dung.
300. *Ấp úc*: Chữ Hán là « khí ấp », tức là uất úc.
301. Kết điều lo nghĩ làm dài mà buộc quanh mình.
302. Chữ Hán « ưng » là áo mặc che ngực. Đây vì vẫn chung tội dịch là « áo choàng ». Dệt sáu khổ làm áo mà khoác vào mình.
303. *Cây nhược*: Nhược mộc là cây thân. Xem chú IV-195.
307. *Sờ vòng áo*: Sờ vòng đeo và vật áo để tự trấn tĩnh.
311. Phiền và hành là hai giống phượng thảo.
Hành : Xem chú I-121.
332. Chữ Hán là « vật hữu thuần nhị bất khả vi », Mā Mật-nghuyên chủ thích là nói bản tính thuần khiết mà bị gió xoáy tối tàn không thể vẫn hồi được, nghĩa ấy khó thông. Quách Mật-nhược thì dịch là « Có cái vật là vô vật mà không phải do ai tạo thành », theo quan niệm của Lão tử, chúng tôi thấy thông hơn. Chúng tôi theo ý ấy mà dịch : *Vật tuy thuần* nghĩa là vật trong vũ trụ là thuần nhất (phù hợp với quan niệm khoa học ngày nay) mà như là trống rỗng, hư vô (theo quan niệm lão học).

334. Sối chỉ dài có hạn thì mới vò được, chứ dài vô cùng thì không thể vò lại được.
336. *Hòn bay bồng*: Hòn bay bồng lên cao mà vẫn cứ thấy tối tăm.
- Theo Quách Mạt-nhược nhận định thì hai câu « Lặng đại ba nhì lưu phong hờ, Thác Bành Hàm chỉ sở cù » là ở dưới lộn lên. Chúng tôi theo ý kiến ấy mà chuyên hai câu này xuống cuối bài.
337. Từ câu này Khuất Nguyên tưởng tượng lên cao nữa, lên đến sát trời.
340. *Đ gió*: Chữ Hán là « phong huyệt ». Theo thẩn thoại là chỗ tụ gió ở trên núi Côn-lôn
346. *Mản-sơn*: Núi phát nguyên của sông Dương-tử.
- Sông lớn*: Tức sông Dương-tử hay Trường-giang.
- 349, 350. Nhìn đông tây nam bắc không thấy mối giương gì, tức là rộng mênh mông. Nguyên văn không có những từ đông, tây, nam, bắc. Quách Mạt-nhược dịch thêm mấy từ ấy vào, chúng tôi thấy rõ nghĩa hơn.
- 353, 354. Hai câu này dịch đáo với nhau. Câu trên chỉ thế sông uốn khúc, câu dưới chỉ thế sóng nhấp nhô.
356. *Khi liều, khi trưởng*: Chỉ nhịp độ của sóng và thủy triều, khi lên khi xuống, khi trưởng khi tiêu.
357. Bốn câu này chữ Hán không chỉ rõ trường sở của các hiện tượng. Quách Mạt-nhược theo nội dung mà thêm vào những chữ Nam hải, Đông hải, Bắc hải, Tây hải. Chúng tôi tán thành ý kiến ấy.
361. Chữ Hán là « tá quang ánh ». Câu này rất phù hợp với quan niệm về ánh sáng của khoa học ngày nay. (Chữ này nên đọc là *đánh*).

362. **Hình tượng về chớp cong queo như cái roi vàng quắt.**
Hoàng cát: Cây thăn trong thăn thoại. Theo chữ mà đoán là cây có gai vàng.
363. **Giới tử**: Xem chú 622.
- Miên sơn*: Tức là Giới sơn, lấy tên Giới Tử Thời mà đặt cho núi.
364. **Bá Di**: Xem chú 35.
365. **Bành Hảm**: Xem chú IV-78.
Hai câu 366, 367 là từ sau câu 336 đem xuống đây, theo ý kiến của Quách Mạt-nhược.
369. **Ngày trước**: Chi thời Hoài vương.
370. **Kẻ sau**: Người đời sau tranh nhau lợi mà nước Sở bị nước Tần diệt.
371. **Giang Hoài**: Giang là sông Dương-tú, Hoài là sông Hoài-hà.
372. **Ngụ Tử Tư**: Người nước Sở thời Xuân thu, tên là Viên, bị Sở Bình vương giết cha, chạy sang nước Ngô, giúp vua Ngô Hạp-lư đánh nước Sở, năm trận đánh mà vào được Sinh đô. Sau Hạp-lư đánh nước Việt thua chết, con là Phù-ta đánh được nước Việt, Việt xin hòa, Phù-ta cho, Tử tư can, Phù-ta nghe gièm bắt Tử Tư tự tử rồi ném xác xuống sông. Trước khi chết, Tử Tư bảo người nhà rằng: Khoét mắt ta mà treo ở cửa Đông đè xem người Việt diệt nước Ngô. Chín năm sau Ngô bị diệt thực.
374. **Thân Đồ**: Tức là Thân Đồ-dịch, hiền sĩ cuối thời An, can vua Trụ không nghe, ôm đá nhảy xuống sông tự trầm.

379. Bài này viết nhân việc vượt qua sông Trường-giang mà xuống Nam.

Kỳ phục: Phục sức lẹ đẹp, như gươm thì gươm dài lấp lánh mõm thì mõm cao, quần áo trang sức nhiều châu báu.

384. Minh nguyệt: Tên ngọc quý.

386. Thanh cù: Cù xanh. Cù là rồng đực hai sừng.

Bạch ly: Ly trắng. Ly là rồng cái không có sừng. (Theo thần thoại).

381. Vua Thuấn: Xem chú IV-146.

Dao trì: Chữ Hán là « dao phổ » tức vườn ngọc, vườn của trời. Đề hiệp vẫn, chúng tôi dịch là Dao trì, vì xét đều là tên thần thoại, đi chơi Dao phổ hay đi chơi Dao trì thì cũng là đi lên trời cả.

388. Côn-lôn: Xem chú I-189.

391. Man Di: Người Trung-quốc xưa gọi người miền Nam từ nước Sò trớ xuống là Man Di.

392. Sông Giang: Sông Trường giang.

Sông Tương: Sông lớn của tỉnh Hồ-nam, chảy vào hồ Đông-dinh.

393. Ngọc chử: Địa điểm ở phía tây thành Vũ-xương thuộc tỉnh Hồ-bắc.

394. Nghe gió mùa thu đông, tức gió tây-bắc.

397. Ngược sông Nguyên: Khuất Nguyên thường qua lại miền sông Nguyên, sông Tương nhiều lần.

Sông Nguyên: Xem chú I-100.

401. Uông chử: Bãi sông ở hạ lưu so với Thị-dương.

402. *Thị dương*: Một địa điểm trên sông Nguyễn, tương đương với huyện lỵ Thị-khê tỉnh Hồ-nam ngày nay.
405. *Tự phở*: Địa điểm ở núi Vạn-sơn thuộc huyện Thị-khê.
412. Mây trùm phủ kín nóc nhà, chỉ chỗ ở âm u nhiều lam chuồng.
415. *Đến tận đường*: Đến cuối cùng. Chữ Hán là «chung cùng».
417. *Tiếp Dư*: Ân sỉ người nước Sở thời Xuân Thu, cùng thời với Khổng tử. Sách *Luận ngữ* gọi là người cuồng nước Sở (Sở cuồng). Truyền thuyết nói rằng Tiếp Dư vốn xõa tóc già điên, về sau cạo trọc đầu để tỏ ý không hợp tác với bọn cầm quyền.
418. *Tang Hộ*: Ân sỉ đời xưa, sách *Luận ngữ* gọi là Tử Tang Bá. Sách *Trang tử* gọi là Tử Tang Hộ. Sách *Không tử gia ngữ* nói rằng ông không đội mũ mặc áo, đẽo mình trần truồng, đó là một cách biểu thị phán kháng bọn cầm quyền.
421. *Tỷ Can*: Xem chú IV-161 — Hai câu 421, 422 dịch đảo nhau.
422. *Ngụ Tứ*: Xem chú 372.
423. *U ám*: Chỉ mình phải ở chỗ tối tăm không được vua soi đèn.
428. *Chim loạn chim phượng*: Chỉ người hiền tài, người quân tử.
428. *Chim yến chim thươn*: Chỉ kẻ tiêu nhàn.
Đài các: Chỉ nơi triều đình.

429. *Tân di*: Cây giống cây mộc lan, cũng gọi là mộc bút. Tên khoa học là magnolia Kobus.
430. *Chắc*: Cũng nói là chuốc, cầu cho có kỳ được.
431. *Âm dương đổi vị*: Âm dương đổi vị trí. Quân tú bị dồn, tiêu nhán đắc chí.
432. *Cam đổi bước*: Cam lồng đi xa.
433. *Mệnh chẳng chắc*: Mệnh trời không thường, khi cho dân thái bình, lại có khi bắt dân khốn sör.
434. Chỉ tình hình khi Sính đỗ bị quân Tần đánh chiếm.
436. *Chạy về Đồng*: Túc triều đình Sở chạy sang Trần thành (huyện Hoài-dương tỉnh Hà-nam). « Sở thế gia » (*Sử ký*) nói rằng sau khi quan Tần phá Sính đỗ thì Khoảnh-tương vương không đánh nữa mà chạy sang đông-bắc giữ Trần thành.
438. *Giang Hạ*: Sông Giang và sông Hạ. Sông Giang là Trường-giang, sông Hạ là đoạn hạ lưu của sông Hán. Xem chú 238.
441. *Vương Phu-chì* đời Thanh nhận xét rằng trước khi Sính đỗ bị phá, Khuất Nguyên có trở về rồi sau cùng chạy loạn với nhân dân thù đỗ. Ngày chạy loạn ấy là ngày Khuất Nguyên từ giã Sính đỗ lần cuối cùng mà cũng là ngày đánh dấu sự diệt vong của nước Sở, cho nên ông ghi rõ thời gian vào buổi sáng một ngày tháng hai trọng xuân.
445. *Cây tử*: Chi quê nhà.
447. *Cửa Hạ*: Cửa sông Hạ, thuộc huyện Vũ-xương tỉnh Hồ-bắc ngày nay.

Về Tây : Đè đi về miền sông Nguyên, sông Tương.

448. *Long môn* : Chí cửa Đông thành Sinh đê.

453. *Dương hâu* : Thăn Sóng. Lướt Dương hâu là luợt sóng
Truyền thuyết nói rằng thăn là tước hâu của nước
Lăng-dương, chết đuối mà thành thăn.

458. *Đông định* : Xem chú I-95. Quay thuyền vào hồ
Đông-định đè vào sông Tương.

459. Tức là bỏ quê hương.

460. *Qua cõi Đông* : Sau khi từ Hạ-khâu ngược dòng sông
Dương-tử là về phía Tây, rồi quay thuyền mà xuôi
dòng vào hồ Đông-định tức là đi về phía Đông đè vào
sông Tương.

463. Ý nói nhớ Sinh đê ở phía Tây mà muốn ngược lại
cửa Hạ.

467. Sinh đê ở trên sông Trường-giang là đất bãi sông.

472. Đông quan của Sinh đê có hai cửa. Sau khi Sinh đê
bị phá, cửa đông đã rậm cỏ rồi.

476. Khó lòng vượt trờ lại sông Giang sông Hạ mà lên
đè về Sinh đê.

478. *Vương* Dật chủ rằng năm Hoài vương thứ 16 (tr.313),
Khuất Nguyên bị đuổi. Sau Hoài vương hối, lại dùng
Khuất Nguyên. Sau Khoảnh-tương vương lên ngôi
(tr. 298) lại đuổi Khuất Nguyên về Giang-nam. Đây là
nói bị Khoảnh-tương vương đuổi đã 9 năm.

482. Chỉ bọn tiêu nhân nịnh hót thực ra thì nhu nhược
không thể trông cây được việc gì, rõt cuộc rồi đến
thất bại.

485. Sách *Trang tử* có chỗ nói « Thuấn bắt tù, Nghiêu bắt hiếu ». Mấy câu này ý nói như Nghiêu Thuấn mà còn bị gièm chê thì còn ai mà không bị bọn nịnh hót gièm chê.
490. Bọn gian nhinh làm ra bộ khảng khái thì lại được ưa thích.
491. Bọn gian nhinh hồn cạnh mà tiến lên.
495. Chim bay xa cuối cùng cũng nhớ tö mà bay về.
496. Ta cũng có câu tục ngữ : Cáo chết quay đầu về núi.
499. *Hoài Sa* là gì ? Nhiều nhà nghiên cứu *Sở từ* căn cứ vào chỗ « Khuất Nguyên liệt truyện » của *Sử ký* nói Khuất Nguyên « bảo thạch » (ôm đá) mà nhảy xuống sông, lại thấy trong bài này nói « biết chết không tránh được ạ, nguyện không tiếc đời » mà cho rằng đây là bài tuyệt bút và « Hoài sa » có nghĩa là « ôm đá » (hoài là ôm, sa là cát túc đá). Nhưng *Tường Ký* (*Sơn đại các* chủ *Sở từ*) bác ý kiến ấy mà cho rằng bài tuyệt bút là bài « Tích vãng nhật » có câu « Bất tất từ nhi phó uyên » (chưa hết lời mà gieo vực) mà « Hoài Sa » nghĩa là « Nhớ Trường Sa » cũng như « Thiệp Giang » nghĩa là vượt Trường-giang và « Ai Sính » nghĩa là thương Sính đỗ. Nhưng tại sao Khuất Nguyên lại nhớ Trường-sa ? Ông cho rằng *Phương dư ký thắng* và một số tác giả khác cho rằng Trường-sa là đất phong đầu tiên của Hùng Dịch là thủy tö nước Sở. Chúng tôi tán thành ý kiến ấy và cũng nghĩ rằng Trường-sa có thể tiêu biểu cho sự sáng nghiệp của nước Sở cho nên sau khi thương Sính đỗ bị tàn phá, khi đi tới Trường-sa

thì nhớ Trường-sa xưa mà gởi gắm hy vọng của mình, cũng như các nhà văn của ta từ trước đến nay vẫn thường nhớ đến Phong-châu là nơi phát tích của Hùng vương, mỗi khi lòng yêu nước có xúc động.

Bàng bừng: Hình dung khí nóng ấm của đầu mùa hạ.

502. Chỉ sự đi đây về phương Nam.

509. Chỉ thái độ thỏa hiệp.

510. Nếp thường: Tức nếp chính trực không hề thay đổi.

511. Chữ Hán là «dịch sơ» nghĩa là đời sơ tâm, chúng tôi dịch là «lia gốc».

514. Chữ Hán là «Tiền đỗ vị cải», nghĩa là sự mưu sinh trước, tức những chủ trương cải cách, chưa hề thay đổi, chúng tôi dịch theo nghĩa bóng là «giữ lè dù rách» để vận dụng câu tục ngữ «giấy rách giữ lè».

517, 520. Bốn câu này ý nói người hiền không ở triều đình thì ai rõ thị phi thế nào mà phân biệt.

521. *Lý Lầu*: Nhân vật truyền thuyết ở đời Hoàng đế, mắt sáng có thể nhìn rõ cái to lồng ở cách xa trăm bước.

527. *Hỗn hào*: Lộn xộn.

533. Ngọc và đá mà cũng xáo trộn nhau để cùng tính số nhau nhau.

535. Có biết nội dung của ta chúa những gì đâu!

536. *Thấy quái*: Thấy cái lạ, cái họ cho là kỳ quái.

537. *Tuần kiệt*: Chỉ người lối lạc xuất chúng.

538. Văn là thói thường của kẻ hèn hạ, tiêu nhàn.

539. *Văn chắt*: Văn là dáng vẻ ở ngoài, chắt là nội dung ở trong, cả hai đều là đúng đắn, văn thì sơ sài, chắt thì bền vững (văn sơ chắt nội).
545. *Chẳng gặp* được vua thánh minh như vua Thuấn.
546. *Trung trực*: Chữ Hán là ưng dung, ý nói lòng trung trực nên cứ chí cỏ vê thư thái khoan thai.
547. *Cùng thời*: Cùng sinh một thời.
549. *Vũ Thang*: Vũ là vua sáng nghiệp nhà Hạ, Thang là vua sáng nghiệp nhà Thương.
- 555, 556. Hai câu này ý nói ngày đã tối rồi thì muốn trở về Bắc (Sinh đỗ) cũng không sao được nữa.
558. Đời người tất có hạn, nhất định ai cũng phải chết.
559. *Nguyên tướng*: Xem chú I-100.
563. *Giữ chắt*: Giữ bản tính.
565. *Bá Nhạc*: Người thời Xuân thu, tên là Tôn Dương, bồ tát của Tân Mục công, giỏi xem tướng ngựa.
566. *Ngựa kỵ*: Ngựa thiên lý.
567. Hai câu này ý nói mệnh của người chết hay sống đều đã định rồi.
571. Ngày trước từng được nhà vua tin dùng và giao cho thảo hiến lệnh.
578. *Soi đường*: Chữ Hán là «chiếu thời» nghĩa là soi cho đời sáng lên. Chúng tôi dịch là «soi đường», nghĩa là soi đường cho đời được sáng.
579. Kế thừa và phát dương công nghiệp của đời trước mà chiếu rọi xuống dưới cho nhân dân. Hơn bốn chục

năm trước khi Khuất Nguyên sinh. Sở Điện vương từng trọng dụng Ngô Khởi làm tướng. Khởi từng thi hành một cuộc đại cải cách về chính trị, ở trong thi minh pháp thàm lệnh » (rõ ràng pháp độ, xét kỹ chính lệnh), ở ngoài thì bình Bách Việt và đánh nước Tần, khiến nước Sở trở thành một nước lớn mạnh thời Chiến quốc.

580. Chữ Hán là « Minh pháp độ chí hiềm nghi »; nghĩa là làm sáng những điều hiềm nghi, đáng ngờ của pháp độ. Chúng tôi dịch ý là « khiến pháp độ được rõ ràng cho người ta khỏi hiềm nghi ».
582. Trung trinh : Chỉ bày tỏ giữ đạo trung với vua, với nước mà không đòi hỏi.
583. Chữ Hán là « bí mật sự » nghĩa là việc bí mật. Vương Đạt chú là những việc như thiên tai địa biến. Quách Mật-nhược địch là những việc cơ mật dễ hiểu hơn. Từ câu này là Khuất Nguyên tự chỉ.
584. Tuy có làm lỗi nhỏ cũng được nhà vua khoan thứ.
589. Tai mắt của vua bị bọn gian nịnh che lấp.
599. Theo Sử ký thì Khuất Nguyên tự trầm ở sông Mich-la, một nhánh sông về phía đông của sông Tương, ở sát phía nam hồ Động-dinh. Khuất Nguyên nói đến vực thâm sông Nguyên-tương là phiếm chi miền thuộc về lưu vực sông Nguyên-tương. Xem chú I-100.
602. Chúa hồn : Vua mờ ám.
604. Hoa lan thơm phải mọc ở chỗ ám u, tức người hiền tài phải ăn dặt.

609. *Bách-lý Hè*: Bách-lý Hè, người hiền thời Xuân thu, vốn làm đại phu nước Ngu, trong cuộc chiến tranh giữa nước Ngu và nước Tần, bị bắt làm tù. Tần Hiếu công bắt ông làm nô lệ đưa con gái mình sang gả cho vua nước Tần, nhân đó chạy trốn, bị người thù biên nước Sở bắt. Tần Mục công biết tài năng của ông ta, cho đem 5 tấm da cừu mà chuộc, cho làm đại phu, giúp Mục công làm nên nghiệp bá.
610. *Y Doãn*: Xem chú IV-290
Bảo trà: Nhà bếp.
611. *Lã Vọng*: Xem chú IV-295.
612. *Ninh Thích*: Xem chú IV-297.
613. *Thang Võ Hoàn Mục*: Thành Thang nhà Thương gấp Y Doãn, Võ vương nhà Chu gấp Lã Vọng, Hoàn công nước Tề gấp Ninh Thích, Mục công nước Tần gấp Bách-lý Hè.
621. *Tử Tư*: Xem chú 372.
622. *Tần Văn, Giới Tử*: Giới Tử Thời, cũng gọi là Giới Chi Thời, người thời Xuân thu, theo Tần Văn công chạy ra ngoài trong 19 năm. Khi Văn công về nước làm vua Thời không báo công, Văn công cũng quên công. Thời đem mẹ về ăn ở núi Miên-son thuộc tỉnh Sơn-tây ngày nay của Trung-quốc. Sau Văn công hối, cho đi tìm. Thời không chịu ra. Văn công sai đốt núi để buộc Thời phải ra, nhưng Thời cũng không ra, đành chịu chết cháy. Trong khi lưu vong có khi Văn công đói, Thời từng cắt thịt đùi mình cho ăn. Núi Miên-son từ đấy được gọi là Giới-son.

629. *Chi việc Khoảnh-tương vương tin bọn gian nịnh*
theo Tần mà đến mất nước.
632. *Sâm nịnh*: Gièm pha và nịnh hót.
634. *Túc là bão* người hiền không thè dùng.
637. *Tây Thi*: Người đẹp ở nước Việt xưa. Sau khi nước
Việt bị Phù-ta nước Ngồ đánh bại, vua Việt là Câu
Tiễn sai Phạm Lãi đem Tây Phi sang hiến cho Ngồ để
cầu hòa.
640. *Không phải cố*: Không phải là cố ý. Chữ Hán là « bất ý ».
641. *Tụ bộc bạch* đê cho tình oan ác được rõ ra.
643. *Cõi kỳ kỵ*: Cõi kỳ kỵ mà không có cương hàm, cứ mặc
cho nó chạy bay thì sao cũng sinh tai họa, cũng như
đi bè mảng mà không có chèo có lái, cứ mặc cho nó
trôi. Tỷ dụ người cầm quyền mà không theo pháp độ
cứ tụ ý mình mà làm việc.
651. Câu này tôi rằng bài « Tịch vãng nhật » là bài cuối cùng
viết trước khi tự trầm.
652. *Chúa hôn*: Vua hôn ám, tối tăm.

VI. THIỀN VĂN

1. *Thiên văn*: Khuất Phục (*Sở từ tân chú*) giải là Nguồn
thiên nhiên: nghĩa mặt lén trời mà hỏi, tức hỏi trời.
Theo lời tựa Vương Dật: « Khuất Nguyên khi bị đì

đầy, thơ thán nơi núi chàm, thấy trong miếu thờ tiên-vương và từ đường công khanh nước Sở, có vẽ hình-tượng trời đất, núi sông, thần linh, thánh hiền, quái vật, cùng các sự việc thời xưa, nhân viết vào vách tường, bà hơi miệng mà cất lời chát văn, đề tiết bót nỗi phẫn uất ».

Nguyên văn thiêng này, có nhiều câu và nhiều đoạn, sự việc lộn xộn, nhất là nhân vật các triều đại, gần đây, ông Quách Mạt Nhược có chỉnh lý lại, qui thành từng điều, từng đoạn, đề văn nghĩa toàn thiêng được hệ thống, mạch lạc dễ hiểu, nên ở đây, chúng tôi đề theo bản chính lý của Quách Mạt Nhược (Trước Khuất phục cũng có bản chính lý, nhưng vẫn nghĩa không được quán triệt, rành rẽ, như bản của Quách Mạt Nhược).

Trong các tác phẩm Khuất Nguyên, thì Thiên văn riêng một thê tài, tác giả thường dùng những từ, những câu, cõi áo khó hiều, lại nhiều điều cõi từ đời Chiến quốc về trước (khi sách vở chưa bị mất mát do nạn đốt sách của Tân Thúy Hoàng), khó bề tra cứu, nên các bản cũ, cõi nhiều ý kiến phụ hội, mâu thuẫn nhau. Ở đây, chúng tôi cũng tham khảo cả các bản, nhưng lấy hai bản « Sơn dời các chú Sở từ » của Tường Ký (dời Thanh) và « Sở từ đăng » của Lâm Văn Minh (cũng dời Thanh) làm chính.

2. *Toại cõi*: như nói vãng cõi, chỉ đời thái cõi.

3. *Truyền đạo*: đạo là nói, truyền đạo là truyền lại, nói lại.

4. **Thượng hạ** : trên dưới, chỉ trời đất. **Vị hình** : chưa hình thành. Câu này nói trời đất chưa phân.
5. **Minh chiêu** : tối sáng, chỉ ngày đêm. **Mông (mộng) ám** : mờ mịt, sáng tối lẫn lộn. Câu này nói ngày đêm chưa phân.
6. **Băng đực** : cái khí chuyên vận, hồn đúc, khi còn hồn đôn, chưa phân trời đất, ngày đêm.
7. **Mính minh ám ám** : sáng lại sáng, tối lại tối, cũng như nói sáng rồi lại tối, tối rồi lại sáng. Đây nói trạng thái sáng tối đang khi phân chia và dập đồi.
8. **Thời** : cái đó, như thế. **Hà vi** : đề làm gì ? (có sách giải là ai chủ trì việc ấy, hay vật gì làm ra như thế).
9. **Tam hợp** : chữ « tam » đọc là « tham » tham hợp có nghĩa là xen lấn, hòa hợp.
10. **Bản, hóa** ; nguồn gốc và chuyên hóa của hai khí âm dương. Đây nói trạng thái âm dương đang khi hòa hợp và chuyên hóa.

Đoạn thứ nhất, hỏi về nguồn gốc vũ trụ, khí hóa, sáng tối, âm dương, trước khi trời đất chưa hình thành.

11. **Viên tắc** : tắc là phép, khuôn, viên tắc là khuôn tròn, chỉ hình thê trời. **Cửu trùng** : chín tầng trời. **Thái huyền kinh** : Trời có chín tầng : 1 trung thiên, 2 tiên thiên, 3 tòng thiên, 4 canh thiên, 5 tối thiên, 6 khuếch thiên, 7 giảm thiên, 8 trầm thiên, 9 thành thiên.
12. **Doanh đặc** : trù hoạch, xây dựng, ý nói trời có cái khuôn tròn và chín tầng như thế, do ai xây dựng qui thức.
13. **Duy** : nghĩ. **Hà công** : công sức thế nào.

đầy, thơ thần nơi núi chàm, thấy trong miếu thờ tiên-vương và từ đường công khanh nước Sở, có vẽ hình-tượng trời đất, núi sông, thần linh, thánh hiền, quái vật, cùng các sự việc thời xưa, nhân viết vào vách tường, hà hơi miệng mà cất lời chát vắn, đẽ tiết bót nỗi phẫn uất ».

Nguyên văn thiền này, có nhiều câu và nhiều đoạn, sự việc lộn xộn, nhất là nhân vật các triều đại, gần đây, ông Quách Mạt Nhược có chinh lý lại, qui thành từng điều, từng đoạn, để văn nghĩa toàn thiền được hệ thống, mạch lạc đẽ hiểu, nên ở đây, chúng tôi đẽ theo bản chinh lý của Quách Mạt Nhược (Trước Khuất phục cũng có bản chinh lý, nhưng vẫn nghĩa không được quán triệt, rành rẽ, như bản của Quách Mạt Nhược).

Trong các tác phẩm Khuất Nguyên, thì Thiên văn riêng một thè tài, tác giả thường dùng những từ, những câu, cõ áo khó hiều, lại nhiều điền cõ từ đời Chiến quốc về trước (khi sách vở chưa bị mất mát do nạn đốt sách của Tân Thùy Hoàng), khó bề tra cứu, nên các bản cũ, có nhiều ý kiến phụ hối, mâu thuẫn nhau, ở đây, chúng tôi cũng tham khảo cả các bản, nhưng lấy hai bản « Sơn đới các chú Sở từ » của Tường Ký (đời Thanh) và « Sở từ đăng » của Lâm Văn Minh (cũng đời Thanh) làm chính.

2. *Toại cõ*: như nói vãng cõ, chỉ đời thái cõ.

3. *Truyền đạo*: đạo là nói, truyền đạo là truyền lại, nói lại.

14. Sơ tác : sơ là đầu tiên, trước nhất, tác là khởi công, ý nói khởi công từ tầng trời nào trước nhất (hoặc giải sơ tác là sáng tác đầu tiên).
15. Oát duy : oát là xoay chuyền, oát duy là dây buộc cái vòng xoay chuyền của trời. Ý nói : hình thề trời là một cái vòng xoay tròn, và đĩa là vòng xoay, thì phải có dây buộc, mới được vững chắc, nên gọi là oát duy (có sách giải chữ « oát » đọc là « quản », quản là cái vòng sắt ghép sắt mè trong vòng gỗ nhỏ ở giữa bánh xe, để trục xe luân qua, dùng ví với cái vòng xoay của trời).
16. Thiên cực : hai cực nam bắc của trời, ví như cái trục Gia : gác, ý nói trục trời phải có chỗ gác, mới không rơi được.
17. Bát trụ : tám cột. Truyền thuyết : bầu trời có tám cái cột đỡ chống lên, tức tám quả núi ở tám phương, mỗi quả núi có tên gọi riêng (Đông : núi Đông cực, đông nam : núi Ba mầu, nam : núi Nam cực, tây nam : núi Biên cầu, tây : núi Tây cực, tây bắc : núi Bất chu, bắc : núi Bắc cực, đông bắc : núi Phương thề). Dương : chống đỡ, « hè dương » nói tám cột núi chống vào chỗ nào trên bầu trời ?
18. Đông nam : vùng đất đông nam. Liệt từ : « Đất trũng vùng đông nam, nên trăm sông dồn nước về đó » (địa bát mãn đông nam, cổ bách xuyên thùy lạo qui yên). Khuy : khuyết, hụt, « hè khuy » nói đông nam cũng có cột chống trời, sao vùng đất ấy lại khuyết hụt (hàm ý cột trời dựng vào đâu) ?

19. Cửu thiên : từ « cửu trùng » nói trên. Tế : đường ven, biển giới.
20. Phòng : tối đèn. Chúc : phụ vào.
21. Đạp : hội hợp, chỉ chỗ trời tiếp giáp với đất.
22. Thập nhị : mười hai khu vực trên vòng trời. Các nhà thiên văn thời cổ chia vòng trời làm mười hai khu vực theo mươi hai chi (tý, sứu, dần, mão, thìn, tý, ngọ, vị, thân, dậu, tuất, hợi), mỗi khu vực đặt một tên gọi làm ký hiệu cho sự hội họp tại khu vực ấy, của mặt trời, mặt trăng và 28 vì sao trong mươi hai tháng mỗi năm.
- 23, 24. An chúc, an trần : nói mặt trời, mặt trăng phụ vào chỗ nào và các hàng sao bầy vào chỗ nào trên bầu trời (đây nói về bầu trời, chứ không phải nói mặt trời, mặt trăng và các hàng sao)? Mười sáu câu trên đây, hỏi riêng về « trời » (từ hình thể, vòng xoay, trực gác, cột chống đường ven, cạnh góc, mươi hai khu vực, đèn những chỗ phụ, chỗ bầy mặt trời, mặt trăng và các hàng sao).
25. Dương cốc : nơi mặt trời mọc (chữ « dương » nguyên văn là « thang », nhưng đọc là dương).
26. Mông ti : bến nước Mông thủy (hoặc giải Mông là Mông cốc. Mông ti là bến nước bên núi Mông cốc), nơi mặt trời lặn. Hoài nam tử: « Mặt trời mọc ở hang Dương cốc, lặn ở bến Mông thủy ».
27. Bốn câu trên đây, hỏi riêng về mặt trời.
28. Dạ quang : biệt danh của mặt trăng. Đức : tính chất, bản chất.

29. Tử, dục : chết, sống, chỉ sự mờ đi và sáng ra của mặt trăng.
30. Cỗ thò : quyển luyến con thò (hoặc giải « cỗ thò » là tên con thò trong mặt trăng). Truyền thuyết : trong mặt trăng có con thò ngọc giả thuốc. Bốn câu trên đây, hỏi riêng về mặt trăng.
31. Nữ Kỳ : tên một thần nữ trên trời, không có chồng mà một lần sinh chín con.
32. Bá Cường : tức Ngung Cường, tên một thiên thần (hoặc giải là tên qui ôn dịch). Sơn hải kinh : Phương bắc có thần Ngung Cường, mặt người, mình chim, tai đeo hai rắn xanh, chân đẹp hai rắn vàng.
33. Huệ khí : như nói « thụy khí », tức mây điềm, là những áng mây đẹp, nhiều màu sắc, hình thái, xuất hiện trên bầu trời, khi quốc gia hưng thịnh. Nữ Kỳ, Bá Cường, với mây điềm, đều những hình vẽ phụ vào hình vẽ của trời trên vách miếu thờ tiên vương nước Sở, nên tác giả nhân hỏi trời mà hỏi luôn cả (hoặc giải huệ khí là hòa khí, không đúng, vì hòa khí vô hình, không vẽ được).
- 34, 35. Hạp, khai : đóng mở, chỉ sự lặn, mọc của mặt trời.
36. Giác tú : sao giác. Người xưa chia 28 vì sao trên vòng trời, theo bốn phương đông tây nam bắc, mỗi phương bảy sao (Phương đông : giác, kháng, tê, phong, tâm, vi, ky, phương nam : tinh, quí, liêu, tinh, trương, dục, chán, phương tây : khuê, lâu, vị, mao, tất, chùy, sám, phương bắc : đầu, ngưu, nữ, hưu, nguy, thất, bích)

Giác là một sao đứng đầu bầy sao phương đông, nên dùng để chỉ chung các ánh sao phương đông. Vì đán : chưa sáng, còn ánh sao.

37. Diệu linh : sáng láng và linh thiêng, một từ nói bóng về mặt trời. Câu này tiếp ý câu trên, nói khi trời chưa sáng, phương đông còn ánh sao, thì mặt trời ăn náu ở đâu ? Bốn câu trên đây, hỏi về tối sáng, ngày đêm.
38. Bình : túc Bình É, thần Mưa. Hào : gào, hô lên (hoặc giải Bình túc Bình É, Hào túc Hào Bình, đều là tên thần Mưa).
39. Hung : dãy mưa.
40. Soạn thề : toàn thân thề. Hiệp lộc : chữ « hiệp » đọc là hiệp, đồng nghĩa với chữ « hiệp » là hợp, hiệp lộc là hợp thành hình con hươu. Truyền thuyết, thần gió tên là Phi Liêm, thần hinh giống con hươu thần, tám chân hai đầu.
41. Ưng : chịu, mang lấy, nói Phi Liêm cũng là một thiên thần, sao lại mang cái thân hình con hươu như thế?
42. Ngao : con rùa biển to lớn. Biện : vỗ tay. Liệt tiên truyền : con ngao thần to lớn, lưng cong núi Bồng lai, vỗ tay mà múa » (Cụ linh chi ngao, bối phụ Bồng lai chi sơn nhì biện vũ).
43. An : yên ổn, chi tiên thánh trên năm quả núi ngoài biển đông (xem chú thích ở dưới).
44. Thích chu : bỏ thuyền, mất thuyền. Lăng hành : núi trời đi. Liệt từ : « Biển đông có năm quả núi (Đại dư, Viễn kiệu, Phương hồ, Doanh châu, Bồng lai), cách

nhau bầy vạn dặm, thường theo nước triều lên xuống, không được tạm dừng, làm các tiên thánh ở đó phải lao đao, thương đế bèn sai thần Ngung Cường bắt 15 con ngao lớn cắt đầu đội lên, năm quả núi mới được đứng yên, nhưng không bao lâu, nước Long bá có một người thật to lớn, đến câu con ngao lên, một lần được sáu con, cõng về, do đó, hai núi Đại dù, Viêm kiệu trôi lên bắc cực, rồi chìm xuống biển cả, các tiên thánh phải phiêu bạt xa khơi ». Đây ví con ngao, đội núi như chiếc thuyền chở vật, nay mất con ngao đội lên, cũng như mất chiếc thuyền chở, thì quả núi tức cái vật trên thuyền, tất phải trôi dạt.

45. Thiên : lệnh đèn, phiêu bạt, cũng chỉ tiên thánh nói trên. Đây nói : đã là tiên thánh, sao phải có ngao đội núi mới được yên ổn, và sao mất ngao lại bị lệnh đèn ? Tám câu trên đây, hỏi về thần Mưa, thần Gió và tiên thánh trên núi biển đóng.
- Đoạn thứ hai, hỏi về trời, mặt trời, mặt trăng, ngày đêm, cùng các qui thần, tiên thánh, sau khi trời đất đã hình thành.
46. Cửu châu : chín châu, thời xưa, nước Trung quốc chia làm chín châu, tức Ký, Duyện, Thanh, Từ, Dương, Kinh, Dụ, Lương, Úng, An thố : đặt vào chỗ nào ?
47. Ô : trung, sâu.
48. Bốn câu trên đây, hỏi chín châu, sông biển, tức là hỏi về « đất » (lời hỏi đất mào đầu).
49. Thỏa ; hẹp mà dài, ý nói chiều nam bắc dài hơn chiều đông tây.

50. Diễn : số dư ra, chỉ số dài hơn ra của chiếu nam bắc.
 Bốn câu trên đây, hỏi về « đất băng ».
51. Côn lôn, Huyền phô : Thúy kính chủ : núi Côn lôn (ở tây bắc Trung quốc) có ba cấp, dưới là Phàn đồng, giữa là Huyền phô, trên cùng là Tăng thành (Huyền phô và Tăng thành trên thông với trời). Tường Ký nói : Huyền phô là vườn treo, một vườn của thần nhân, dưới không bám vào đâu, treo lửng lơ giữa trời.
52. Khao : chỗ tận cùng của xương sống, chỗ móng ngón của người, dùng chỉ nơi bám rễ của Huyền phô. Tường Ký nói : Đây hỏi Huyền phô treo lửng lơ như thế thì chỗ ngồi là chỗ nào ?
53. Tăng thành : có sách chép là « Tăng thành », chọn núi trên cùng của núi Côn lôn. Hoài nam tú : chọn núi Tăng thành có chín tầng, cao hơn một vạn dặm.
54. Tú phương môn : cửa bốn phía của núi Côn lôn. Hoài nam tú : Núi Côn lôn có 440 cửa, cửa cách nhau bốn dặm, và cửa phía bắc thường mở để đón gió bắc (tên gọi riêng của luồng gió tây bắc = Bắc chu côn là tên núi ở tây bắc núi Côn lôn, nên hoặc giải là ngọn gió từ núi ấy đưa tới).
55. Tòng : do cửa đó mà ra vào (hoặc giải là do cửa nào mà vào).
56. Tám câu trên đây, hỏi về « núi cao ».
57. Chúc long : rồng đuốc. Truyền thuyết : xứ tây bắc tối tăm, không có mặt trời, thường có con rồng ngậm ngọn đuốc để chiếu sáng, gọi là « chúc long » (Sơn

- hai kinh : Núi Chương vi ở ngoài biển tây bắc, có thằn chúc long, nhắm mắt thì trời tối, mở mắt thì trời sáng). Đây nói mặt đất có nơi ban ngày thường tối.
58. Hy Hòe : thần đánh xe cho mặt trời (Đại hoang đông kinh : Hy Hòe là thần chủ cả về mặt trời, mặt trăng, giữ việc mọc, lặn, đê làm sáng tối).
59. Nhược hoa : hoa cây nhược mộc, một cây thần sinh ở phía tây núi Côn lôn, lá xanh, hoa đỏ. Sự văn ngọc tiết : Nước tây bắc, khi mặt trời chưa mọc, có cây nhược mộc, hoa màu đỏ, chiếu sáng cả mặt đất. Đây nói mặt đất có nơi ban đêm thường sáng.
60. 61. Hà sô : xứ sở nào. Đông noãn hạ hàn : mùa đông trời ấm, mùa hè trời rét, chỉ khí hậu đặc biệt của một xứ sở nào. Hoài nam tử : Phương nam có loài cỏ không chết, phương bắc có làn băng không tan (Nam phương hữu bất tử chi thảo, bắc phương hữu bất thích chi băng). Đây nói mặt đất có những nơi khí hậu lạ thường.
62. Thạch lâm : rừng cây bằng đá. Thập di ký : Tảng thứ sáu núi Tu di, có cây ngọc năm sắc (cây đá màu như ngọc), che rợp năm trăm dặm. Theo Jori chú Hải ngoại ký của Lý Trường Cát : Một núi ở phía đông biển đông, có những tảng đá đứng sừng như hình cây, cao vài chục thước, nở hoa màu đỏ, đầy đặc cả núi, lại có con thú trắng, chín đuôi, biết bay, biết nói.
63. Thủ năng ngôn : loài thú biết nói, xem chú thích 62 trên. Kinh Lễ có câu : « Tinh tinh năng ngôn » con, tinh tinh (một loài vượn) biết nói. Rừng mọc cây đá

thú học tiếng người, nói có những loài vật mượn thề chất, tài năng của vật khác làm của mình.

64. Cầu : rồng không có sừng (có sừng gọi là « long », không sừng gọi là « cầu »).
65. Phụ hùng : công con gấu : Sơn hải kinh : Núi Hùng sơn có hang, thường xuất hiện một thần nhân, cuối cầu long đi chơi, đó là loài gấu thần. Du : đi chơi rong (hoặc giải chừ du này đồng nghĩa với chừ du là bơi lội, đây nói con cầu long dưới biển công con gấu mà bơi rong). Rồng công gấu đi chơi, nói có những loài vật kết hợp giáng khác với giống mình, diễn thêm ý « rồng mọc cây đá », « thú học tiếng người » trên.
66. Hùng húy : hùng là giống đực, húy là loài rắn đực. Hải ngoại bắc kinh : « Bấy tôi Cung Công là Tướng Liễu, chín đầu, mặt người, mình rắn, tim ăn khắp chín châu, đi đến chỗ nào, khoét thành chầm lạch, vua Vũ giết đi ». Tướng Ký nói : Loài hùng húy đây, chỉ Tướng Liễu.
67. Thúc hốt : phút qua phút lại, chỉ con hùng húy.
68. Bất tử : không chết, trường sinh. Sơn hải kinh : Dân ở phía đông nước Giao hinh, người đen, sống lâu không chết.
69. Trường nhân : người dài, túc người cao. Truyền thuyết : Vua Phong Phong mình dài ba tượng. Thủ : trấn giữ. Lỗ ngũ : Phong Phong, vua nước Uông mang (chữ hồn đời Hẹ), trấn giữ hai núi Phong, Ngung (hai núi ở gần đỗ thành nước Uông mang). « Bất tử » « trường

nhân » và « hùng hùy », nói có những giống người sống lâu, cao lớn và kỳ quái.

70. Mỹ bình : bình là bèo, mỹ bình là bèo mọc lan.
Cứu cù : chín cánh, nói cánh bèo khía thành chín cái.
71. Tỳ hoa : hoa gai, nói bèo có hoa, giống hoa gai. An cư : ở đâu, nơi nào có. Bèo hoa gai, diễn thêm ý « cây đê » trên.
72. Linh xà : rắn thiêng (chữ « linh » có sách chép là « nhất »).
Sơn hải kinh : Biển nam có con ba xà (loài rắn to, hoặc giải ba xà túc « māng xà »), mình dài tám trăng thước, nuốt được cả con voi, ba năm mới nhả xương ra.
73. Linh xà là loài rắn dài, diễn thêm ý « trường nhân » (người dài) trên.
74. Hắc thủy : tên sông, ở phía tây bắc núi Côn lôn. Huyền chi : tên núi, ở phía tây Trung quốc (hoặc giải « huyền chi » là ngón chân đen, nói nước sông Hắc thủy làm đen da người, nên lội nước sông ấy thường bị đen chân).
75. Tam nguy : tên núi, cũng ở phía tây Trung quốc. Hoài nam tú : « Rau rong sông Hắc hà, ăn có thè sống nghìn tuổi, giọt mồc núi Tam nguy, uống nhẹ người, có thè bay lên được ». Thập di ký : người nước Bột đê, ăn rau rong sông Hắc thủy, thọ nghìn tuổi. Mục thiên tử truyện : Eo sông Hắc thủy, có giống lúa, ăn sống lâu.
76. Hà sở chí : đâu là giới hạn. Hắc thủy, Tam nguy, diễn thêm ý « sống lâu không chết » (hà sở bất tú) trên.
77. Lăng ngư : cá lăng. Sơn hải kinh : Biển tây, gần núi Liệt cô dạ, có giống cá lăng, mặt, tay người, mình cá.

thường gây sóng gió. Nam Việt chí: cá lăng, là loài cá chép, hình rắn, bốn chân, ở nước ở cạn đều được cá, Lâm hải dị ngư tán: Giống cá nuốt thuyền, tên gọi cá lăng, lưng bụng có gai, như hình củ ấu.

78. Kỳ đôi: theo Dương Vạn-Lý, « Kỳ đôi » tức chim « Kỳ tước » (chữ « đôi » là chữ « tước » chép làm). Sơn hải kinh: Núi Bắc hiệu có loài chim, giống như gà, đầu trắng, chân chuột, móng cọp, ăn thịt người, gọi là « kỳ tước ». Cá lăng, chim kỳ, đều những quái vật « pha loài giông », tiếp thêm ý « cây đá » và « bèo hoa gai » trên (trên nói khoáng vật, thực vật, đây nói động vật).
79. Nghệ: tên một người giỏi bắn, làm xạ quan (quan giữ việc săn bắn) thời vua Nghiêu (khác với Hậu Nghệ là vua nước Hỗn cũng đời Hạ, cũng giỏi bắn). Tắt: bắn.
80. Ô: chim quạ trong mặt trời. Thê kỷ: Trên hang Dương cốc có cây phù tang, chín mặt trời ở cành dưới, một mặt trời ở cành trên, trong đều có con quạ. Hoài nam từ: Thời vua Nghiêu, trên trời có mười mặt trời, làm cây cỏ cháy khô, vua Nghiêu sai Nghệ bắn trúng chín mặt trời, chín con quạ trong đó đều chết, lông cánh rơi rụng cả xuống đất (theo lời chú Vương Dật). Nghệ là người « tài nghệ », tiếp thêm ý những người « sống lâu », « cao lớn » và « kỳ quái » trên.

Đoạn thứ ba, hỏi về « đất », từ sông, biển, núi, chín châu, khí hậu, đến người và loài vật khác thường, xa lạ trên mặt đất, sau khi trời đất đã hình thành.

81. Đẽ: ngõi vua của Nữ Oa.

82. Đạo thượng : đạo là nói lên, hàm ý đề xướng, thượng là tôn phù, ý nói ai đã đề xướng việc tôn phù Nữ Ô làm vua.
83. Nữ Ô : em gái vua Phục Hỷ đời thương cõi, khi Phục Hỷ chết, Nữ Ô lên kế ngôi vua. Hoài nam tử : Nữ Ô luyện đá năm sắc đề vá trời, chặt chân con ngao, đề lập bốn hực. Thủ : thân hình Nữ Ô, hàm ý dị hình. Hà đồ đinh tá phụ : Nữ Ô đầu trâu, mình rắn, một ngày biến hóa bảy chục lần.
84. Chẽ tượng : cấu tạo, tạo nên. Bốn câu trên đây, hòi việc Nữ Ô.
85. Can : xem chú thích ở dưới. Theo Kinh Thư : Thời vua Thuấn, nước Hữu Miêu (dân tộc Miêu, ở khu vực tây nam Trung quốc) không thần phụ, Thuấn sai Vũ đi đánh, Hữu Miêu chống lại, Vũ kéo quân về, Thuấn lại mở rộng nền văn đức, múa can, vũ (hai khí cụ dùng để múa nhạc, can là lá chắn làm bằng da, vũ là cái ngù làm bằng lông đuôi chim trĩ cầm trên một cán gỗ) ở trước bệ, ít lâu sau, Hữu Miêu tự đến qui thuận.
86. Hoài : mến phục, chi nước Hữu Miêu.
87. Bình hiếp, mạn phu : sườn mập, da mịn.
88. Phì : béo tốt, ý nói nhân dân thời vua Thuấn được no ấm, yên vui, nên người nào cũng sườn mập, da mịn, thân hình béo tốt. Bốn câu trên đây, hòi việc vua Thuấn.
89. Cốt hồng : cốt là trị, hồng túc hồng thủy, nước lụt, cốt hồng như nói trị thủy.
90. Sư : chúng, mọi người, chỉ quần thần thời vua Nghiêu. Thượng : đề cử. Thời vua Nghiêu, bị nạn nước lụt lớn

vua muốn cầu người có tài trí thủy, quần thần cử Cồn, Cồn đi trị thủy chín năm, không thành, vua Thuấn dãy đi núi Vũ sơn rồi giết chết ở đó.

91. Thiêm : chúng, cũng nghĩa như chữ « su » trên.
92. Khảo sát, ý nói dùng thử.
93. Chi, qui : chỉ là loài chim cú (cú mèo) qui là rùa.
Duệ hám : thả đuôi nối tiếp nhau, nói khi Cồn trị thủy, đắp đê theo hình cú rùa thả đuôi nối tiếp nhau để ngăn nước lụt. Thông chí và Hoài nam từ nói Cồn xây thành cao đê ngăn nước.
94. Thinh : làm theo hình cú rùa nói trên (Lâm Văn Minh giải « thinh » là nghe theo, nói Cồn đắp đê hình cú rùa như thế, là nghe theo mưu kế của người đồng sự).
95. Thuận dực thành công : thuận theo phương pháp đắp đê ấy, cũng là có cái ý chí muốn được nên công (Lâm Văn Minh giải là : thuận theo ý người đồng sự, cũng muốn được nên công).
96. Hình : hình phạt, chỉ việc Thuấn dãy Cồn đi núi Vũ rồi giết chết ở đó.
97. Tây chinh : đường sang phía Tây, chỉ vực Vũ (Vũ uyên) ở phía tây núi Vũ. Tà truyện : Cồn bị giết ở núi Vũ, hóa làm con gấu vàng, lặn vào vực Vũ.
98. Nham : sườn núi, chỉ núi Vũ. Ý nói : Cồn bị giam cầm ở núi Vũ, đã dứt đường sang tây, sao có thể vượt khỏi núi đó mà lặn vào vực Vũ được.
99. Vu : thầy cúng, thầy mo. Hoạt : làm sống lại, ý nói Cồn đã bị giết chết, sao thầy cúng có thể làm sống lại

mà hóa ra gấu vàng được (thời xưa, thày cúng thường có thè chiêu hồn người chết làm cho sống lại, ở đây, Côn đã được sống lại rồi mới hóa làm gấu vàng).

100. Cụ, thứ : thứ là loại lúa nếp, cụ là lúa nếp đen, đây dùng chỉ chung các giống lúa.

101. Bồ hoàn : hai loài cỏ nước, như cói sậy. Còn đập đập ở những bãi cói sậy để nhân dân trồng cấy lúa mạ.

102. Tinh dầu : cúng bị đi đầy.

103. Tật : tội lỗi. Tu doanh : dài, dày, chồng thêm, ý nói tội nặng gấp bội. Côn là một trong số « tú hung » (bốn hung phạm thời Nghiêu, Thuấn, tức Cung Công, Hoan Đâu, Tam Miêu và Côn) cùng bị đầy đi xa, mà Côn chịu tội nặng hơn ba hung phạm kia.

104. Át : cẩm cő. Vũ sơn : một núi thuộc tỉnh Sơn Đông Trung Quốc ngày nay.

105. Bất thi : thi là tha, bất thi là không tha tội chết. nghĩa là vẫn giết đi (hoặc giải « thi » là thi hình, « bất thi » là không thi hành tử hình, chỉ cấm cõi thoi).

106. Bá Vũ : con Côn. Sau khi Côn trị thủy không thành, Vua Thuấn cử Vũ kế tục sự nghiệp Côn, Vũ đã trừ được nạn hồng thủy kéo dài hai mươi năm, thành công rất to lớn. Phúc : ôm ấp, nói Bá Vũ là con, thường được Côn ôm ấp, nuôι dưỡng.

107. Biến hóa : biến đổi phương pháp trị thủy, trước Côn « đập đê ngăn nước », nay Vũ « khơi sông thông nước đi »

108. Toàn tựu : nối theo. Tự : sự nghiệp.

109. Khảo công : công cha. Vũ kế tục sự nghiệp của cha, nhưng khéo biến đổi phương pháp, nên đã thành công.

110. Mưu bắt đồng : trù hoạch khác nhau, nói thêm ý biến đổi phương pháp trên.
111. Hồng thuyền : chữ «tuyền» đồng nghĩa với chữ « uyên», hồng thuyền là vực lớn, ví làn nước lụt mồng mênh và thăm thẳm như một cái vực lớn mà sâu (hoặc giải hồng thuyền tức hồng thủy, nước lụt).
112. Điện : đồng nghĩa với chữ điện, lắp bằng.
113. Cửu tắc : chín bậc. Theo thiêng Vũ công kính Thu : Vũ chia ruộng đất chín châu làm chín bậc : thượng thượng, thượng trung, thượng hạ ; trung thượng, trung trung, trung hạ ; hạ thượng, hạ trung, hạ hạ.
114. Phần : phân chia.
115. Ưng long : loài rồng có cánh (chữ ứng đọc là ưng — có vây là « giao long », có cánh là « ưng long »). Truyền thuyết : Khi Vũ trị thủy, có con ưng long, lấy đuôi vạch đất thành ngòi lạch, nước do đó lưu thông.
116. Lịch : kinh qua, chỉ Vũ, nói những nơi sông biển xa xôi, Vũ đều kinh qua cả.
117. Hai câu này, tổng kết sự việc Cồn, Vũ trên.
118. Khang Hồi : tên của Cung Công. Liệt tú : Cung Công tranh ngôi đế với Chuyên Húc, không được, giật, húc đầu vào núi Bất chu, cột trời gãy, giềng đất đứt, trời nghiêng vùng tây bắc, đất sụt vùng đông nam.
119. Đông nam khuynh : vùng đất đông nam bị sụt xuống. Đoạn thứ tư, hỏi về người và sự nghiệp của người, sau khi trời đất đã hình thành và sinh ra loài người,

trước là việc Nữ Oa, Thuấn, sau là việc Côn, Vũ trị thủy (Nữ Oa và trời, Vũ trị thủy và phân định chín châu, là những người có công lao với trời đất, ngược lại, Khang Hồi làm gãy cột trời, đứt giềng đất, là người phá hoại trời đất, nên hối liền sau việc Côn, Vũ).

120. Lực hiển công : Cần cù hiếu công sức.
121. Giáng tinh : xuống xem xét tại các địa phương, chỉ việc đị trị thủy của Vũ. Hạ thổ phuơng : bốn phuơng cõi đất.
122. Đồ sơn nǚ : con gái đất Đồ sơn (thuộc tỉnh An huy Trung quốc ngày nay).
123. Thông : kết hôn. Thai tang : tên đất, ở tây nam Đồ sơn. Thế kỷ : Vũ lấy con gái Đồ sơn, kết hôn ở nội Thai tang. Đây nói Vũ đang mải miết lo việc trị thủy còn thì giờ nào kết hôn với gái Đồ sơn tại Thai tang?
124. Mẫn : lo. Phối thất (chữ phi đọc là phối) : đôi lứa, vợ chồng. Hợp : kết hợp.
125. Thán : bàn thán. Kẽ : nỗi dõi, kẽ tụ, nói Vũ lo việc hôn nhân đẽ có người nỗi dõi cho mình.
126. Bất đồng vị : món ăn không nhất mực, có nghĩa là đồi chác món ăn.
127. Triều bão : bữa ăn no buổi sớm. Theo Kinh Thư và Lã thị xuân thu : Vũ lấy con gái Đồ sơn được bốn ngày, từ ngày tân đến ngày giáp (tân, nhâm, quý, giáp), lại đi trị thủy ngay. Đây nói Vũ lấy vợ là muốn lo việc kẽ tụ, sao chỉ ở nhà bốn ngày, rồi lại đi ngay, vì nhu ăn cơm, với đồi món ăn, chỉ cầu khoái một bữa sớm mai. Tám câu trên, nói việc Vũ cầu hôn.

128. Khái : con Vũ. Ich : hiền thần của Vũ.
129. Ly nghiệt : ly là trừ bỏ, nghiệt là yêu nghiệt, họa hại.
130. Ưu : lo nghĩ, mưu toan.
131. Câu : giam cầm. Đạt : thông đạt, thoát ra được. Trong thư ký niên : Ich thay Vũ lên làm vua, bắt Khái giam cầm, sau Khái giết Ich, nối lại việc thờ tự Vũ (theo Thông thích). Đây nói Khái đã mưu toan thế nào mà thoát khỏi giam cầm, lại giết Ich, thay làm vua, trù được kè thù địch trong phút chốc.
132. Xạ cúc : xạ là bắn, cúc là khảo tật, xạ cúc hàm nghĩa bài xích, đá kích.
133. Cung : bắn thân Khái. Ý nói khi Khái bị giam cầm, vây cánh đều lại Ich bài xích, mà không làm hại được bắn thân Khái.
134. Tác cách : làm cuộc thay đổi quyền chính (nay ngày nay nói đảo chính).
135. Bá giáng : truyền xuống, dời truyền về sau. Ý nói Ich đã lên ngôi, thay đổi quyền chính nhà Hạ, sao dòng vua của Vũ vẫn truyền mãi đời sau.
136. Khái cúc tân thương : câu này khó giải nghĩa, theo Chu Hy, chữ « cúc » và chữ « thương » là chữ « mộng » và chữ « thiêng » chép lầm, vì mấy chữ này, viết theo lối triết thời xưa, hình dạng giống nhau, « Khái mộng tân thiêng » là Khái mộng lên châu trời. Theo Khương Lãng Phu, chữ « thương » hình giống chữ « đế », nên chép lầm, đế là thương đế, « tân đế » cũng nghĩa như « tân thiêng » của Chu Hy.

137. Cứu biện, cứu ca : tên hai khúc nhạc. Truyền thuyết : Khải mộng lên chầu trời, được hai khúc nhạc « cứu biện » và « cứu ca » đem về.
138. Cần tú : không rõ nghĩa, có bản giải là người con cần lao (chỉ Khải). Đồ mẫu : phế vỡ bụng mẹ. Hoài nam tú : Khi Vũ trị thủy, đường núi Hoàn viên (thuộc tỉnh Hà nam Trung quốc ngày nay) rất hiểm trở, khó thông. Vũ tý hóa làm con gấu, đẽ chui thông đường ấy, vợ đang có thai, trông thấy, xấu hổ, liền hóa làm tảng đá Vũ bảo : « Trả lại con ta », thế là tảng đá phá toang mặt phía bắc mà sinh ra Khải, tảng đá này còn ở núi Tung son (cũng thuộc tỉnh Hà nam).
139. Cảnh địa : cõi đất cực xa. Mười hai câu trên đây, nói việc Khải kế nghiệp.
- Đoạn thứ năm, hỏi về việc truyền kế của cha con Vũ, Khải (đoạn trên hỏi việc Vũ trị thủy), đoạn này hỏi việc Vũ cầu hôn, đẽ tiếp xuống việc kế nghiệp của Khải)
140. Đẽ : thượng đẽ. Di nghệ : Di là họ, Nghệ là tên, Di Nghệ có tài bắn cung, nguyên là vua chư hầu nước Hữu cùng đời Hạ, sau cướp ngôi vua Tướng nhà Hạ mà tự lập.
141. Cách nghiệp : trừ hại. Kinh Thư : Thái Khang (vua nhà Hạ, con Khải, cháu Vũ) vui chơi vô độ, đi săn bắn xa, mười tuần (một trăm ngày) không về. Hậu Nghệ đem quân chống cự ở sông Hà. Đây nói : Nghệ chống cự Thái Khang như thế, là thượng đẽ sai xuống trừ hại cho nhân dân nhà Hạ.
142. Lạc tần : nữ thần sông Lạc, truyền thuyết : Phục Phi, con gái vua Phục Hy đời cổ, chết đuối ở sông Lạc, hóa

làm thần sông ấy. Theo lời chú Vương Đạt : Thần Hả
bá hóa làm rồng trắng, đao ở bên sông, Nghê trông thấy,
bắn mù một mắt bên trái, lại ném mộng giao hợp với
nữ thần sông Lạc.

143. Băng : kéo căng. Diêu : cái cung khăm vò trai. Lợi :
thuận lợi, nhạy. Quyết : cái bao băng xương voi, đeo
ở ngón cái tay phải, dùng để kéo dây cung.
144. Phong hy : con lợn to.
145. Chung nhục : thịt nấu của con lợn to. Cao : béo, chỉ
thịt nấu.
146. Hậu đế : như nói thượng đế. Nhược : thuận, ưng ý.
Đây nói Nghê ham săn bắn, vui chơi, bỏ bê chính sự,
nên tể thịt lợn to, mà thượng đế không ưng ý.
147. Xác : cũng gọi Hàn Xác, con vua chư hầu nước Hàn
đời Hạ. Thuần Hồ : tên vợ Nghê.
148. Huyền thê : say mê vợ Nghê. Mưu : mưu hại Nghê.
Lộ sứ : khi Nghê cướp ngôi nhà Hạ, dùng Xác làm tướng,
Xác thông tình với vợ Nghê là Thuần Hồ, rồi âm mưu
giết chết Nghê.
149. Xạ cách : bắn thủng da áo giáp, chỉ tài bắn cung của
Nghê.
150. Giao : hợp lực thông mưu. Thôn quí : thôn là trừ
diệt, quí là mưu đồ, thôn quí hàm nghĩa âm mưu trừ
diệt đi (hoặc giải « quí » cũng nghĩa là trừ diệt). Đây
nói Nghê tài bắn như thế, sao Xác với Thuần Hồ lại
thông mưu nhau mà trừ diệt được.
151. Nghê : cầu vồng, màu đỏ trắng gọi là « hồng », xanh
trắng gọi là « nghê ». Phất : áng mây hình con rắn,

« anh phát » là áng mây rắn lượn quanh, câu này tả cái xiêm mầu cầu vồng và nếp mây lượn của Hằng Nga. Đường dật sứ : La công Viễn nhiều thuật lạ, từng đưa vua Đường Minh hoàng lên chơi cung trăng, thấy tiên nữ múa trǎm người mặc áo nghề trăng, múa hát ở trước sân, hỏi khúc gì ? Nói là khúc « nghề thường vũ y » (xiêm nghề áo lông), Minh hoàng về, dựa theo âm điệu, chế ra khúc nhạc « nghề thường vũ y » của nhà vua.

152. Đường : như nghĩa chữ « đường đường », rạng rỡ, lộng lẫy, chi phục súc.
153. Luong dược : thuốc quý, chỉ thuốc trường sinh bất tử. Hoài nam tử : Hậu Nghệ xin được thuốc bất tử ở Tây Vương Mẫu, vợ là Hằng Nga lấy trộm rồi chạy trốn lên cung trăng. Linh hiến : Hằng Nga lấy trộm thuốc tiên của Hậu Nghệ, chạy lên cung trăng, hóa làm con thiểm thù (điếc).
154. Cố tang : chữ « tang » đồng nghĩa với chữ « tàng » cố tang là giấu kín, ý nói Hằng Nga không giấu kín được hình ảnh minh trong cung trăng. Bốn câu trên đây, nói về Hằng Nga, Hằng Nga là vợ Nghệ, nhân hối việc Nghệ, mà bồi phụ theo.
155. Thiên thức : qui luật thiên nhiên, chỉ các nguyên tắc sinh ra và mất đi của âm dương, sống chết. Tung hoành : dọc ngang, nói quyền lực chế ngự của qui luật thiên nhiên, không ai chống lại được.
156. Dương ly : dương thần lia thoát. Dương ly viễn tử : dương thần đã thoát thì người phải chết, chỉ rõ các qui luật của thiên nhiên.

157. Đại điêu : một giống chim lớn. Sơn hải Ninh : Thần núi Chung sơn có con tên là Cồ, cùng Khâm Phi giết Bảo Giang ở phía nam núi Côn Lôn, thương đỗ giật, sai giết đi, cồ và Khâm Phi cùng hóa làm hai loài chim lớn, tiếng kêu vang.
158. Yên tảng quyết thè : thè xác có tiêu mất đâu ? nói cồ và Khâm Phi hóa làm chim lớn, chỉ là từ thè xác này biến ra thè xác kia, chứ không tiêu mất. Bốn câu trên đây, nói về hai thần cồ và Khâm Phi.
- Đoan thứ sáu, hỏi về việc Nghệ, Xác làm loạn nhà Hạ, phụ việc Hằng Nga và hai thần cồ, Khâm Phi.
159. Ngáo : con Hàn Xác, do Xác lấy Thuần Hồ mà sinh ra.
160. Thiếu Khang : vua trung hưng nhà Hạ. Tả truyện : Hàn Xác giết vua Tương nhà Hạ, vợ Tương đang có thai, phải chạy trốn, sau sinh ra Thiếu Khang, lánh nạn ở nước Hữu Ngu (chữ hồn nhà Hạ), nhân gây cõ sô, mưu diệt Xác, Ngáo, khôi phục lại nhà Hạ.
161. Nữ Kỳ : tên chị dâu Ngáo. Theo lời chú Trúc thư của Thâm Uớc : Hàn Xác lấy Thuần Hồ, sinh con đầu, chết sớm, vợ là Nữ Kỳ, ở góa ; con thứ là Ngáo, tính hoang dã, đén chơi nhà Nữ Kỳ, cô ý gã gẫm, Nữ Kỳ thuận tình, may xiêm cho Ngáo, rồi ở chung phòng với nhau ; khi ấy, Thiếu Khang sai bầy tôi là Nhữ Ngài đến dò xét Ngáo, đâm vào phòng, lén cắt đầu Ngáo, nhưng lăm phái đầu Nữ Kỳ ; sau nhân cuộc dis săn, Ngài, suýt chó cắn ngã Ngáo, rồi chém lấy đầu.

162. Thân : chính minh, chí Ngáo. Phùng đái : gặp hại, nói tuy Ngài cắt làm đầu Nữ Kỳ, nhưng sau này, chính Ngáo vẫn bị chém chết trong cuộc đì săn.
163. Thang : chữ này, Chu Hy cho là chữ « Khang » chép làm Khang tức Thiếu Khang. Lũ : một đơn vị quân đội thời xưa, gồm năm trăm người. Tả truyện : Khi Thiếu Khang ở nước Hữu Ngu, mới có đội quân một lũ, sau tập hợp được dân chúng hai nước Châm quán, Châm tần, rồi khởi binh diệt Ngáo. Đây nói Thiếu Khang mưu đổi địa vị làm chủ một lũ tiền lên làm vua cả thiên hạ.
164. Hậu : dày súc, đồng đáo, chỉ sự tập hợp dân chúng.
165. Phúc Châu : úp thuyền (hàm nghĩa diệt vong). Tả truyện : Vua Tướng nhà Hạ mất nước, đến nương tựa hai nước chư hầu cùng họ là Châm quán và Châm tần. Xác sai Ngáo diệt Châm quán, Châm tần, giết vua Tướng. Trúc thư : Ngáo tiến đánh Châm tần ở sông Duy, làm úp thuyền Châm tần, rồi diệt nước ấy.
166. Thủ : thu phục, nói Châm tần đã bị diệt rồi, cách nào mà thu phục được ?
Đoạn thứ bảy, hỏi về việc hưng vong của Ngáo và Thiếu Khang (một hưng, một vong, hai sự việc có liên quan mật thiết với nhau).
167. Kiệt : bạo chúa nhà Hạ, tên chính là Lý Quí, Mông son : tên nước chư hầu đời nhà Hạ.
168. Muội Hỷ : Vợ chúa Kiệt, Sú kỵ, Hán thư và Liệt nữ truyện đều chép là Mạt Hỷ. Quốc ngữ : Hạ Kiệt đánh

nước Hữu Thi, nước ấy dâng con gái là Muội Hỷ. Liệt nử truyện : Kiệt ngày đêm cùng Mạt Hỷ uống rượu, Hỷ nói gì cũng nghe, ai trái ý Hỷ là vua giết ngay. Tú : dâm loạn (Trúc thư : « Đế Quí năm thứ 4, đánh Mân Sơn, được hai gái đẹp, là Uyên và Diễm, vua yêu đương, bồ vợ chính là Muội Hỷ ở đất Lạc, Muội Hỷ mới giao thiệp với Y Doãn, làm nhà Hạ diệt vong ». Đế Quí ! ức chúa Kiệt, Mân sơn còn tên là Hồng mông, tức Mông sơn. Có sách lấy sự việc trong Trúc thư giải vào đây, « đặc » là được hai gái Uyên, Diễm, « tú » là Muội Hỷ, làm sự giông càn, giao thiệp với Y Doãn để diệt Kiệt).

169. Thang : tức Thành Thang, vua sáng nghiệp nhà Thương.
Cứ : đây đi một nơi, an trí. Sử Ký : chúa Kiệt dâm ngược vô đạo, Thành Thang khởi quân đánh đuổi, đây tại đất Nam sào, rồi chết ở đó.
170. Duyên hộc súc ngọc : duyên, súc đều nghĩa là trang sức, hộc là gọt dũa đẽo ngà, ý nói dùng ngọc, ngà trang sức cho khí cụ tể lê.
171. Hướng : cúng lỗ, nói dùng đẽo tể ngọc ngà để cúng lỗ thương đẽ.
172. Thủa muru : nối dõi muru mò, kế nghiệp.
173. Đây nói Kiệt thừa kế gia nghiệp, cũng cúng tế thương để như các tiền vương, sao trọn bị diệt vong.
174. Đế, vua Thang. Giáng quan : xuống địa phương quan sát phong tục, chính sự. Giáng quan tức sự việc « đông tuần » (Thành Thang đông tuần) nói ở đoạn dưới.
175. Chí : tên Y Doãn, hiền tướng của vua Thang.

176. Điều phóng : Điều túc Minh điều, tên đất (thuộc tỉnh Sơn tây Trung quốc ngày nay). Điều phóng là đày tại đất Minh điều. Theo Kinh Thư và Thư tự: Thành Thang đánh Kiệt ở Minh điều, Kiệt thua, chạy đi Nam sào, Thang nhận đày ở đó cho đến chết (Kiệt tuy bị đày tại Nam sào, nhưng coi như bị đày từ nơi thua quân, vì sau khi Kiệt thua tại Minh điều, thì chạy Nam sào ngay; nên đây nói đày tại Minh điều).
177. Lê : túc là dân, dân chúng. Phục : tin theo, phục tinh. Đây nói Thang được Y Doãn phụ tá, tu sửa đức chính, nên tuy đày chúa Kiệt, diệt nhà Hạ, mà nhân dân phục tinh, vui mừng.
178. Giản Dịch : con gái nước Hữu Nhุง, vợ thứ Đế Cốc.
179. Cốc : túc Đế Cốc, hiệu là Cao Tân thị, một vua thời thượng cõi, cha Đế Nghiêu. Nghi : hợp, ưng ý.
180. Huyền điều : chim yến, có thuyết cho huyền điều là chim phượng. Trí di : đưa sinh lẽ. Lã thị xuân thu : « Nước Hữu nhung có hai gái đẹp (chỉ là Giản Dịch, em là Kiến Tỵ), ở trên đài chín tầng, Đế Cốc sai chim yến đến thăm, chim yến đè trứng đè lại, rồi bay đi ». Sử ký : Giản Dịch lấy Đế Cốc, sinh ra Tiết, Tiết giúp Vũ trị thủy, có công, được phong ở nước Thương, là thủy tổ nhà Thương sau này. Tưởng Ký nói : Thiên văn và Tứ mĩ nhân (cửu chương) đều có câu « Huyền điều trí di », xét kỹ văn nghĩa, chỉ là Đế Cốc sai chim Yến đến đưa sinh lẽ đè kết hôn với Giản Dịch, chứ không có chuyện nuốt trứng chim yến rồi có thai mà

sinh ra Tiết, như chép ở các sách Sử ký, Liệt nữ truyện đời sau (Lã thị Xuân Thu cũng chỉ nói chim yến đẻ trứng đè lại, không nói nuốt trúng sinh ra Tiết).

181. Hỷ : vui mừng, chữ này, có bản chép là gia, tiếp nhận sinh lê. Trên nói việc Thành Thang, đây nhân nói tới việc Đế Cốc và Giản Địch, gốc tích tờ tiền của nhà Thương.

Đoạn thứ tám, hỏi việc hưng vong của Kiệt và Thang (hai sự việc hưng vong, có quan hệ mật thiết với nhau).

182. Thuần : vua nhà Ngu, tính chí hiếu, vua Nghiêu cùnra nghiệp chính, rồi nhường ngôi cho. Mẫn : lo, nói lo việc hiếu dưỡng ở gia đình.

183. Phụ : cha Thuần, tên là Cồ Tâu. Quan : người không vợ. Kinh Thư : « Hữu quan tại hạ viết Ngu Thuần » : ở dưới dân chúng, có người không vợ, gọi là Ngu Thuần.

184. Diêu : họ Thuần. Bất Diêu cáo : không báo cho họ Diêu, tức không báo cho cha mẹ Thuần.

185. Nhị nữ : hai con gái Nghiêu, tức Nga Hoàng và Nữ Anh. Theo kinh Thư và Sử ký, Nghiêu muốn cầu người hiền đức để nhường ngôi, từ nhạc (bốn trưởng chư hầu ở bốn phương). cùnra Ngu Thuần, Nghiêu bèn gả hai con gái cho Thuần.

186. Phục : chữ này, mỗi bản giải một nghĩa (là thuận, phục tòng, phục sự), không thống nhất, theo chúng tôi, có lẽ giải là cảm hóa, thì thuận nghĩa câu văn hơn (kinh Thư nói cha Thuần chướng ngạnh, mẹ ngu độn, Tượng ngạo mạn, Thuần đều lấy đạo hiếu để mà cảm hóa). Đề : em Thuần, tên là Tượng.

187. Hại : mưu hại. Theo Sử ký, mẹ Thuấn chết, Cồ Tàu lấy vợ kế, sinh ra Tượng. Tượng thường mưu giết Thuấn.
188. Bất nguy hại : nói Tượng được thoát tội, không nguy hại đến tính mạng.
189. Huyên : mê loạn, huyên đê là người em mê loạn. Dâm : dâm dục, chỉ việc Tượng muốn giết Thuấn để chiếm lấy chị dâu (con gái Nghiêu).
190. Hữu ty : con cháu sau. Sau khi Thuấn làm thiên tử, phong Tượng làm vua nước Hữu ty (chữ hồn), và con cháu được nối nghiệp mãi.
- Đoạn thứ chín, bồi về việc Thuấn và Tượng (Đây nói việc Nghiêu già con gái cho Thuấn là muốn nói cuộc « thiện nhượng » của đời Đường Ngu, tiếp ý cuộc « chinh tru » của Thành Thang đời Thương đoạn trên; còn việc Tượng, một người em dâm ác như thế đã không gia tội, lại phong làm vua hồn, nói lên đức hiếu để cao cả của Thuấn, cũng tiếp ý tu sửa văn đức, cảm hóa nước Hữu Miêu ở đoạn thứ tư).
191. Cai : không rõ nghĩa, Chu Hy cho là chữ « Khải » chép lầm, Khải tức vua Khải nhà Hạ. Quí : tuồi trẻ.
192. Phụ : cha Khải, tức Vũ. Tang : cho là tốt, khen ngợi.
193. Tệ : mệt sức. Hữu hồn : nước chư hầu đời nhà Hạ (cùng họ với vua Hạ).
194. Mục phu ngưu dương : tức ngưu dương mục phu (tác giả đặt đáo câu), kẻ chăn trâu dê, mục thụ. Sở từ bỗn : Vũ truyền ngôi cho Khải, nước Hữu hồn cho là bất nghĩa, chống lại Khải, Khải thản chính diệt đi, phế

làm dòng mục thụ. Đây nói : Khải từ tuổi trẻ, đã giữ được đức tốt, Vũ thường khen ngợi, thì kẽ ngồi Vũ cũng là xứng đáng, sao Hữu hờ lại không phục, đành Khải một sức chinh phạt, mới ôn định được cái ngồi của mình. Lâm Văn Minh nói : Nghiêng, Thuần - nhường ngồi », Vũ Khải « kẽ ngồi », sự việc đổi thay mới lạ, khó phục được lòng người. (Vũ Khải biến « nhường ngồi » làm « kẽ ngồi », đến Thang, Vũ lại biến làm cuộc « Chinh tru », đều những sự kiện đặc biệt trong lịch sử, nên tác giả hỏi nhiều về đó).

195. Phòng : gặp tai nạn, chỉ việc Hữu hờ bị Khải tới đánh.
196. Kích sảng : tới đánh tận giường nằm. Tiên xuất : thoát ra trước.
197. Hù tòng : trốn nơi nào.
198. Hàng : thường như thế, nói sự giữ đức tốt của Khải, trước sau không biến đổi, tiếp ý câu « cai bình qui đức » trên.
199. Phác ngưu : trâu to.
200. Doanh : cầu. Vâng doanh ban lộc : đi tể trời cầu ban phúc lộc, nói việc tế giao (tể trời) của các đế vương thời xưa.
201. Hoàn lại : tế giao trở về. Đây nói : sau khi diệt Hữu hờ, Khải vẫn giữ được đức tốt, nên mới có thể dùng trâu to tế trời mà cầu được phúc lộc, chứ không phải lể tế giao bình thường, tế xong rồi về thôi.
202. Hôn vi : mờ ám, ăn vì. Tích : dấu vết, hành vi.

203. Địch : di địch, hữu địch là có tính hạnh man rợ. Ninh : yên ổn, bảo toàn thân danh.
204. Phồn điệu : như nói chúng điệu, bầy chim. Tuy cúc : đậu trên bụi gai.
205. Phụ tú : công con. Tú tình : buông tình, trêu ghẹo. Đời Xuân thu, Giải Cư Phủ, đại phu nước Tấn, đi sứ nước Ngô, khi qua nước Trần, gặp người phụ nữ công con, muốn thông dâm, người đó đọc câu thơ trong kinh. Thi « Một mông hữu cúc, hữu bảo tuy chí » (cửa mộ có bụi gai, con chim cú tới đậu, đó là câu thơ ở Trần phong kinh Thi, chê người có hành vi bất lương, ví như chim cú đậu bụi gai) để chế nhạo. Đây nói : Giải Cư Phủ muốn thông dâm với người phụ nữ công con, đó là con người có tính hạnh ám muội, man rợ, thân danh không thể bảo toàn được. Bốn câu trên, văn nghĩa rất khó hiểu, không rõ tác giả nói sự việc gì ? các nhà chú giải, có nhiều ý kiến khác nhau, Vương Dật cho là nói Giải Cư Phủ, Lâm Văn Minh cho là nói Giản Địch (Hữu Địch tức Giản Địch), Khuất Phục cho là nói chúa Trụ.... đều không có bằng cứ chính xác, nhưng lời chú Vương Dật, tương đối thuận nghĩa câu văn hơn, nên trên đây, chúng tôi tạm chú theo lời Vương Dật, cả từ ngữ và sự tích Giải Cư Phủ. Và cũng vì sự việc chưa được xác minh, chúng tôi vẫn theo Quách Mạt Nhược, để sau việc Khải, Hỗ.

Đoạn thứ mười, hỏi về việc Khải, Hỗ, (đoạn này hỏi việc « Kế ngôi », tiếp ý « nhường ngôi » đoạn trên).

Tưởng Ký nói : Triều đại nhà Hạ, có nhiều cuộc biến cố về thế đạo thăng giáng, nên tác giả hỏi nhiều hơn các Triều đại khác.

206. Đông tuần : đi tuần hành phis đông (tức ý « giáng quan » ở đoạn trên).
207. Hữu Sân : nước chư hầu đời nhà Hạ (thuộc tỉnh Hà-nam Trung quốc ngày nay). Cực : tối đèn. Hữu Sân ở bên đông đất Bạc, nơi Thành Thang đóng đô, nên trên nói « đông tuần ».
208. Tiêu thần : bồ tát nhỏ, chỉ Y Doãn, khi ấy Y Doãn là bồ tát nhỏ của nước Hữu Sân.
209. Cát phi : như nói hiền phi. Thể ký : Thang mộng thấy một người mang đồ vạc, thớt (đinh trờ) đứng trước mặt mà cười, tinh dậy, đi tìm, được Y Chí ở nội Hữu Sân, nhưng vua Hữu Sân giữ lại. Thang mời cầu hôn với nước ấy, vua nước ấy bèn gả con gái cho, và cho Y Chí đi theo hầu cỗ dâu. Sú ký : Y Doãn muôn hành đạo, giúp vua Thang, nhân làm người nấu bếp theo hầu cô gái Hữu Sân, tiện khi dâng món ăn, được gần vua Thang, nói vua làm nhân chính, gây dựng vương nghiệp (Y Doãn làm người nấu bếp, nên Thể Ký nói mang « vạc thớt », đồ dùng nấu và thái thịt). Liệt nữ truyện : Cô gái Hữu Sân, khi về với vua Thang, giáo hóa được cáo phi tần, không ai ghen tuông, giúp vua gây nên nghiệp lớn, nên đây nói là « cát phi ».
210. Mộc : cây dâu.
211. Tiêu tử : đứa bé mới sinh. Lã thị xuân thu : Mẹ Y Doãn trú trên bờ sông Y, khi có mang Y Doãn, mộng thấy

thần báo rằng : « Lúc nào lỗ cối gạo có nước, phải chạy tránh ngay về phía đông », ngày mai, thấy lỗ cối gạo có nước, vội chạy về phía đông mười dặm, ngoài trông lại, nước sông dâng ngập cả làng, rồi tự hóa làm cây dâu rồng lồng, khi ấy, có người con gái đi hái dâu, bắt được đứa bé trong lòng cây dâu, đưa về hiến vua Hữu Sàn, vua sai người nấu bếp nuôi dưỡng, đặt tên là Y Doãn.

212. Dâng : theo hầu cô dâu. Thời xưa, con gái các vua chư hầu, khi lấy chồng, thường bắt một số người đi theo phục dịch, gọi là « dâng thần ».
213. Trùng tuyển : tên đất (thuộc tỉnh Thiểm Tây Trung quốc ngày nay). Thái công kim quí : Kiệt giận Thang, bắt Thang giam ở quân đài (tên nhà ngực đài Hạ), rồi đầy đi Trùng tuyển, Thang phải dùng kế hối lộ, Kiệt mới tha ra. Sử ký : Kiệt giết Quan Long Bàng (một trung thần nhà Hạ), Thang sai người đến khóc lóc, Kiệt giận, bắt giam ở hạm đài (tức quân đài).
214. Bất thảng tâm : không phải bán tâm. Đế : chúa Kiệt.
215. Khiêu : khêu gợi, bày mưu kế. Ý nói Thang đánh Kiệt, không phải bán tâm, do có người bày mưu kế, ám chỉ Y Doãn.
216. Thần Chí : dùng Y Chí tức Y Doãn làm bồ tát.
217. Hậu tư : như nói hậu thủ, sau đó. Thủ phụ : thủ là tiền, phụ là phụ tá, nói Thang tiền Y Doãn làm phụ tá cho chúa Kiệt.
218. Quan Thang : lại làm tông vua Thang. Theo sử ký : Thang được Y Doãn, tiến lên Kiệt. (trước sau năm lần), Y Doãn

lấy đạo Nghiêu, Thuấn khuyên bảo, Kiệt không nghe, sau cùng, Y Doãn lại trở về với Thang.

219. Tôn thực : tôn là tôn sùng, thực là phầm vật tế tự, nói dùng lẽ tế một cách tôn sùng, chỉ lẽ tế của thiên tử. Tông tự : tò tông và dòng dõi. Đây nói : Thang từng tiên Y Doãn cho chúa Kiệt, nhưng cuối cùng, Y Doãn lại về giúp Thang, gây dựng nghiệp lớn, nên Thang được lấy lẽ thiên tử tế tò tiên và truyền mãi còn cháu sau.

Đoạn thứ mười một, hỏi việc Thang cầu được hiền thần Y Doãn mà dựng nên cơ nghiệp nhà Thương (Thành Thang nhà Thương cũng như Văn vương, Vũ vương nhà Chu, đều do cầu được hiền thần mà hưng thịnh, ngược lại, Kiệt cũng như Trụ, đều do sát hại hiền thần mà diệt vong).

220. Trụ : bạo chúa nhà Ân, Trụ là tên thụy, tên chính là Thụ Tân (có khi gọi tắt là Thụ hoặc Tân).

221. Loạn hoặc : càn loạn, mê hoặc. Câu này cũng như câu « Ân hữu hoặc phụ » (nhà Ân có đàn bà làm mê hoặc vua) dưới đây, đều chỉ Đát Ký. Đát Ký là con gái nước Hữu Tô (chư hầu nhà Hạ), vợ chúa Trụ, được Trụ yêu, thường xúc xiểm Trụ làm việc tàn bạo, Đát Ký yêu ai thì Trụ phong quan tước cho, ghét ai thì Trụ giết đi (theo Sứ Ký).

222. Phụ bật : chỉ người phụ tá trung thành, như Tỷ Cen Cơ tử.

223. Sâm siểm : chỉ bọn gièm nịnh Lôi Khai. Phục : dùng.

224. Mạnh : mầm mống xa xi.

225. Úc : úc đoán.

226. Hoàng đài : hoàng là thú ngọc quý, hoàng đài như nói
đao đài, đài ngọc. Thành : trùng, tầng. Lời chú cũ : Đài
Ân, Cơ Tử thấy Trụ làm đũa ngà, than rằng : Người làm
đũa ngà, tất làm chén ngọc, chén ngọc tất đựng bàn tay
gấu, bao tử báo, như thế, tất làm cung rộng điện cao,
quả nhiên sau đó Trụ làm đài ngọc mười tầng, rồi bị
diệt vong. Thế Ký : Trụ làm quỳnh thất (nhà ngọc),
trang sức bằng các thú ngọc quý, bảy năm mới thành,
rộng mươi dặm, cao nghìn trượng, trong chứa nhiều
mỹ nữ.

227. Cực : suy đến cùng. Đây nói : khi Trụ làm đũa ngà, mới
có cái mầm mống xa xỉ, ai đã suy đoán đến cùng mà biết
được sau này Trụ sẽ làm đài ngọc.

228. Tỵ Can : chủ, bác chúa Trụ, làm quan thiếu sứ. Sứ Ký :
Trụ dâm loạn vô đạo, Tỵ Can can gián luôn ba ngày.
Trụ că giận, nói : Tỵ Can tự cho là thánh nhân, ta nghe
nói trái tim thánh nhân có bảy khiếu (lỗ), không biết có
thật không ? rồi giết Tỵ Can, mồ xem trái tim. Nghịch :
trái ý ; chỉ việc can gián.

229. Úc trambil : dìm giập, hàm ý tàn sát.

230. Lôi Khai : gian thần của chúa Trụ. Đại Ký : Lôi Khai
tiến lời nịnh hót, Trụ ban vàng bạc, lại phong quan tước
và đất đai nữa. Thuận : chiều ý, chỉ việc nịnh hót.

231. Nhất đức : đức hạnh thuần nhất.

232. Phương : kẽ chước, chỉ việc làm.

233. Mai bá : tức Ngạc hầu, vua chư hầu nhà Hạ. Sử Ký : Cừu hầu có con gái đẹp, tiễn cho Trụ, con gái không thích dâm dục, Trụ giết dì, và giết cả Cừu hầu,ướp thịt làm mắm, Ngạc hầu cố can ngăn, Trụ lại giết luôn, lấy thịt làm nem chạo. Hài : ướp thịt làm mắm.
234. Cơ tử : chú, bác chúa Trụ, chính tên là Tư Du, làm quan thái sư, được phong tước tử nước Cơ, nên gọi Cơ tử. Sử Ký : Trụ vô đạo, Cơ tử can không nghe, bèn xôa tóc, già điên dại, làm người nô bộc. Đây nói : cung là bộc thánh nhân, có một đức hạnh thuần nhất, sao đến việc làm, mỗi người lại theo một đường, Mai bá cố can gián mà bị giết, còn Cơ tử thì già điên dại mà làm nô bộc. Mười sáu câu trên đây, nói việc chúa Trụ mê hoặc, xa xỉ, tin dùng sàm nịnh, sát hại trung lương.
235. Hội triệu : một buổi sớm hội quân. Sử Ký : Vũ vương đánh Trụ, khi qua sông Hà, các nước chư hầu không ước hẹn mà đến hội ở bến Mạnh Tân, có hơn trăm nước.
236. Thương điêu : cũng như thương ưng, chim ưng xanh, chim cắt, ví với các tướng tá giỏi đánh trận. Đây nói tướng sĩ của Vũ vương, đều dũng cảm tranh nhau tiến lên, như đàn chim ưng bay áo tối.
237. Tụ : tụ hội, tập họp.
238. Liệt kích : nhất tề hội chiến.
239. Thúc Đán : Đán là tên Chu công, em Vũ vương, nên gọi là thúc. Bất gia : cho là chưa thuận lợi, nói việc tiến đánh quân Trụ khi ấy. Lục thao : Vũ vương cùng Chu công Đán xem trận thế của Trụ, liền cho quân dừng lại,

Thái công (Lã Vọng) nói : Sao không ruồi tói, Chu công nói : Thịên thời chưa thuận lợi, chưa thể ruồi tói được.

240. Quí : trù hoạch, bầy mưu lược. Phát : tên Vũ vương, vua sáng nghiệp nhà Chu.
241. Tư ta : than thở. Lã thi xuân thu : Sau khi thắng Ân, Vũ vương sợ hãi, trào nước mắt, sai Chu công mời các bồ lão nhà Ân đến, hỏi nguyên vọng của nhân dân. Hàn thi ngoại truyện : Sau khi thắng Trụ, Thái công nói : Nên giết hết quân địch, đừng để sót lại, Vũ vương nói : Than ôi ! như thế thì thiên hạ chưa yên định ! Chu công nói : Nên làm sao cho nhân dân được nhà ai người ấy sửa, ruộng ai người ấy cày, Vũ vương nói : Than ôi ! như thế thì thiên hạ mới yên định ! Hai chữ « tư ta » đây, chỉ việc Vũ vương trào nước mắt và than thở ở trên, ý nói : Vũ vương biết thương xót nhân dân, lo yên định vận mệnh nhà Chu, với những lời than thở đã thoát ra.
242. Thi : cho, « an thi » nói trời thấy nhà Ân có đức gì mà trao cho ngôi vua như thế !
243. Phản thành : phản lại sự tác thành (trao cho ngôi vua).
244. Tội : chỉ tội ác của chúa Trụ.
245. Khiền : điều khiền, sử dụng. Phật khí : khí giới đánh nhau, như nói vũ khí.
246. Hè dĩ hành : vì sao mà tự làm ? Hai câu này tiếp ý hai câu « Hội triệu tranh minh » trên, nói sao không ai cưỡng bách mà các nước chư hầu lại tự tranh nhau cầm vũ khí đánh địch ?
247. Dực : hai cánh quân tả hữu.

248. Hè dì tương : tương là phụng mệnh, thừa hành, nói về sao mà tự thừa hành ? Hai câu này tiếp ý hai câu « Thương điệu quần phi » trên, nói sao không si mênh lệnh, mà các tướng sĩ chư hầu lại tự thừa hành, đột công hai cánh quân địch ? Mười sáu câu trên đây, nói việc Vũ vương diệt Trụ.

Đoạn thứ mười hai, hỏi việc hung vong của Trụ và Vũ vương (hai sự việc hung vong, có liên quan mật thiết với nhau). « Chính trù » là cuộc biến đổi lớn trong lịch sử, nên tác giả hỏi nhiều về việc Thành Thang cũng như Vũ vương.

249. Tắc : tức Hậu Tắc, thủy tổ nhà Chu, chính tên là Khí, thời vua Nghiêu, Thuấn, làm quan hậu tặc (nông quan), nên gọi là Hậu Tắc. Sử ký : Khuông Nguyên, vợ cả vua Đế Cốc, ra chơi ngoài nội, thấy có vết chân người to lớn, nhân giẫm đạp lên vết chân đó, rồi có thai, sinh ra Hậu Tắc, cho là điềm không lành, liền vứt ra ngõ hèm, trâu ngựa không giẫm lên, lại đem vứt trên vũng lạnh, có con chim đến lấy cánh ấp ú. Khuông Nguyên cho là thần, mới đưa về nuôi, đặt tên là Khí (hàm ý vứt bỏ). Nguyên tử : con cả, Tắc là con đầu lòng của Đế Cốc, nên gọi nguyên tử.

250. Đẽ : thượng đẽ. Trúc : đọc là đốc, đồng nghĩa với chữ « đốc » là hậu, ý nói thượng đẽ sao lại hậu tình với Tào ?

251. Úc : áp cho ấm nóng.

252. Băng cung : kéo căng cánh cung.

253. Thủ nǎng : tài năng đặc biệt. Tương : vâng nhận. Trúc sù ; Quý Lịch (cha Văn vương) có nhiều công lao, vua nhà Ân (Đá Át, cha Trụ) phong làm chức hầu bá vùng Mân Kỳ, và ban cho cung đồ tên đen (thứ cung tên dành cho người có công lớn). Đây nói Quý Lịch có đặc tài, nên được nhận các thứ cung tên mà vua Ân ban cho.
254. Kinh đố : làm vua Ân kinh sợ. Thiết khích : áp sát và khích động.
255. Phảng trường : truyền lâu dài. Đây nói Quý Lịch là người nhiều công lớn, quyền vị áp bên vua, làm vua kinh động, có thể có nguy cơ bất trắc, thế mà trước lộc và đất phong vẫn truyền kế lâu dài.
256. Bá Xương : bá là Tây bá, Xương là tên Văn vương (cha Vũ vương), Văn vương làm hầu bá phương tây, nên gọi Tây bá. Hiệu suy : giữ hiệu lệnh thời nhà Ân suy vi (Lâm Văn Minh giải là Văn vương hiệu triệu những nước chư hầu phản chúa Trụ trở lại theo Trụ trong lúc nhà Ân suy vi). Sử ký : Chúa Trụ phong Văn vương chức hầu bá, ban cho cung tên và búa diu (phù việt, hình cự trong quân), giữ đặc quyền việc chinh phạt trong thiên hạ.
257. Bình tiên : cầm roi. Mục : chức mục, người chăn dân. Văn vương làm hầu bá, giữ chức chăn dân, vì nhu người cầm roi chăn trâu, nên dùng chữ « bình tiên » (nghìn bông).
258. Triệt : phá bỏ đi. Kỳ xã : nền xã đất Kỳ (Kỳ là đất dựng nước của nhà Chu, xem chú thích 260 ở dưới, xã

là nền tảng đất). Sau khi diệt Trụ, Vũ vương phá bỏ nền xã đất kỳ, làm một nền xã lớn ở kinh đô Cao (kinh đô mới của Vũ vương). Cấp trung Chu thư : nhà Chu đắp một nền xã lớn trong kinh thành, phía đông đất xanh, nam đất đỏ, tây đất trắng, bắc đất đen, chính giữa đất vàng, khi phong đất cho vua chư hầu ở phương nào, thì đào lấy đất ở phương ấy, ngoài bao đất vàng, gói băng có trắng, gọi là gói đất phong (< thò phong >).

259. Ân quốc : nước Ân, tức thiên hạ của nhà Ân. Đây nói : Ván vương làm chức mục, giữ hiệu lệnh, chỉ là một chư hầu của nhà Ân, sau sau này Vũ vương lại có thể phá bỏ nền xã đất kỳ, lấy được cả thiên hạ nhà Ân ?
260. Tạng : kho tàng. Kỳ : tức Kỳ Sơn, chính là tên núi, ở phía tây Trung Quốc, dưới núi có vùng đất Chu nguyên, nơi Cồ công dựng nước. Sử Ký : Đàn Phù, hiệu Cồ công (cha Quý Lịch, ông Văn vương), trước ở đất Mân, bị người địch (dân tộc phương bắc) xâm lấn, mới rời sang đất Kỳ Sơn, đặt quốc hiệu là Chu (lấy tên đất Chu nguyên).
261. Y : nương tựa, nói Cồ công là người được nhân dân nương tựa mà theo về với mình. Ngô Việt xuân thu : Cồ công bỏ đất Mân, người Mân già trẻ đất nhau, mang xách cà nồi chõ đi theo ông.
262. Hoặc phụ : người đàn bà làm mè hoặc vua, chỉ Đát Kỳ.
263. Đây nói : nhà Chu hưng thịnh, cũng do công gầy dựng của Cồ công, mà nhà Ân diệt vong, cũng do sự mè hoặc của Đát Kỳ.

264. Thụ : tên chúa Trụ (xem chú thích 220). Hải : mắm thịt, chi mắm thịt Mai bá (xem chú thích 233).
265. Tây bá : túc Văn vương. Lã thị xuân thu : Trụ giết Mai bá,ướp thịt làm mắm, đưa cho Văn vương. Văn vương ngoài mặt vờ nhận, rồi truyền bá với các nước chư hầu. Chương cú : Trụ đưa mắm thịt Mai bá cho các vua chư hầu, Văn vương đem tể các thượng đế (theo lời chúa Khuất Phục : Trụ giết Bá Áp Kháo, con Văn vương, lấy thịt nấu canh, đưa cho Văn vương, vương ăn, Trụ nói : ai bảo Tây bá là thánh nhân, ăn thịt con mà không biết).
266. Sư Vọng : Vọng túc Lã Vọng, Văn vương tôn làm sư phụ. Vũ vương lại tôn làm sư thượng phụ, nên gọi là Sư Vọng (có sách giải sư là thái sư, chức phong của Lã Vọng). Tú : chợ. Truyền thuyết : Lã Vọng trước làm nghề mồ trâu ở đất Triệu ca, nên đây nói Sư Vọng ở chợ.
267. Xương : tên Văn vương. Chí : nhận xét và biện biệt được.
268. Cồ đeo : khua dao, túc vận dụng con dao đẽ mồi thịt. Dương thanh : phát âm thanh, con dao mồi thịt thòi xưa, chỗ đầu chuôi có đeo cái nhạc con, khi đưa dao qua lại, thì nó phát ra những tiếng kêu leng keng.
269. Hậu : vua Văn vương. Chương cú : Lã Vọng khua dao trong quán chợ, Văn vương tới hỏi, Lã Vọng nói : Người mồi thịt bậc dưới thì mồi trâu bò, người mồi thịt bậc trên, thì mồi quốc gia (« Hả đò đò ngưu, thượng đò đò quốc »), Văn vương mừng, liền dón về.

270. Vũ Phát : tức Vũ vương Phát. Ân : chúa nhà Ân, chỉ Trụ. Cấp trùng Chu thư : Trụ thua quân, tự thiêu chết, Vũ vương đến chờ Trụ chết, bắn ba phát, chặt lấy đầu, treo trên cờ thái bạch.
271. Áp : không vui, uất giận. Đây nói : Trụ đã chết rồi, Vũ vương còn chờ đầu treo trên ngọn cờ, là có sự uất giận gì?
272. Thi : mộc chủ, thắn chủ. Sú ký : Vũ vương hôi quan ở bến Mạnh tân, đem cá thắn chủ Văn vương chờ xe đi theo (khi ấy, Văn vương mới chết, chưa làm lê táng, nên đem thắn chủ đi theo. Thời xưa, thiền tử bảy tháng mới làm lê an táng, như hầu năm tháng, khi mới chết, còn để quan ở trong nhà). Tập chiến : như nói hội chiến.
273. Bá lâm : nghỉ là tên đất, hoặc nói là tên tự Thân Sinh. Thân Sinh là con thái tử vua Hiển công nước Tân đời Xuân Thu, Hiển công yêu vợ thiếp là Ly Cơ, muốn giết Thân Sinh, lập con Cơ làm thái tử, em Thân Sinh là Trùng Nhi khuyên nên lánh ra nước ngoài, Sinh không nghe, rồi thất cờ chết. Trí kinh : thất cờ chết. Quốc ngữ : « Thân Sinh trí kinh ư Tân thành chi miếu » : Thân Sinh tự thất cờ chết ở miếu Tân thành.
274. Cảm thiên ác địa : cảm động trời đất.
275. Đây nói : nỗi oan ác của Thân Sinh, trời đất cũng cảm động, còn sợ gì mà không tự biện bạch để phái thất cờ chết? Đoạn này đang nói việc Ân, Chu, bỗng xen vào việc Thân Sinh nước Tân đời Xuân thu, xét ra, không hợp thê, nhưng bốn câu trên đây, văn nghĩa không rõ,

nhất là hai chữ « bá lâm », nên chúng tôi cũng như một số nhà chú giải, hãy tạm theo thuyết Vương Đạt, cho là việc Thần Sinh (như đã chú ở trên).

276. Tập mệnh : tập hợp mệnh trời.
277. Giới : rắn sọ, nói những người được mệnh trời tập hợp, thường phải rắn sọ.
278. Thủ lỗ : hưởng thụ lỗ tôn sùng của thiên hạ, chỉ sự được ở ngai vua.
279. Chí đại : đến thay thế. Ý nói một vị vua đang được thiên hạ tôn sùng, bỗng trời lại khiến người khác đến thay thế, như Thang thay Kiệt, Vũ vương thay Trụ (Hạ bị Án diệt, Án lại bị Chu diệt).

Đoạn thứ mười ba, hỏi về việc tổ tiên nhà Chu, từ Hậu Tác, Cồ công đến Quý Lịch, nhất là Văn vương, và sứ phụ Lã Vọng, đều những người có công lao xây dựng cho sự nghiệp diệt Án hung Chu của Vũ vương sau này. Bốn câu « Hoàng thiên tập mệnh » nói lên ý « thiên mệnh vô thường », phải thường rắn sọ, đề tông kết những sự việc hung vong của cả ba triều đại Hạ, Án, Chu.

280. Chiêu hậu : Chiêu vương nhà Chu, (cháu tăng tên Vũ vương). Thành du : thành ra cuộc đi chơi, ý nói không phải đi tuần thú, xem xét chính sự địa phương, chỉ là đi chơi thôi.
281. Nam thò : đất miền nam, miền Chiêu vương đi chơi. Đề : dùng lại đấy, chỉ cuộc đi chơi (hàm ý Chiêu vương chết ở đấy không về được).

282. Bạch trĩ : trĩ trắng, loài chim quý. Trúc thư ký niên : Cuối đời Chiêu vương, người nước Kinh (Sở) dâng thư nói với vua rằng : « Nguyên biến chim bạch trĩ », rồi mặt sao người bên sông Hán (thuộc nước Kinh) làm chiếc thuyền gắn keo, chờ ở đó, Chiêu vương không biết mưu người Kinh, bèn đi tuần thú (mượn danh tuần thú) phương nam, tới sông Hán, xuống chiếc thuyền gắn keo, đến giữa sông, keo rữa, thuyền rời ra tung mảng, Chiêu vương liền chết đuối.
283. Mục vương : vua nhà Chợ, con Chiêu vương. Mỗi : tham, ham muỗn, xảo mồi là khéo tham cuộc vui chơi.
284. Hoàn lý : dạo xem quanh khắp. Sứ ký : Mục vương được tám con tuần mã, lại có Tạo Phủ giỏi lái xe, nên vua muỗn thả lòng vui chơi, chu du khắp thiên hạ, chỗ nào cũng có dấu bánh xe, vết chân ngựa. Lời chú Trúc thư : Mục vương bắc tới miền biển cát, tây đến núi Côn lôn, dạo xem khắp thiên hạ, đi mười chín vạn dặm đường.
285. Yêu phu : người yêu quái. Duệ huyễn : huyền là bán rong, duệ huyễn là dắt nhau đi bán rong.
286. Hào : rao vang lên (tiếng rao hàng).
287. Chu U : U vương nhà Chu. Tru : trị tội, bắt tội.
288. Bao Tụ : vợ thiếp yêu của U vương. Theo Quốc ngữ và Sử ký : Cuối đời Hạ, có hai con rồng hiện ở trước sân vua, nói : « Ta là hai vua nước Bao » (chư hầu đời Hạ), vua Hạ nhân xin nước dãi hai con rồng đó, dựng vào một hòm kín, qua đời Ân đến Chu, không ai dám mở

ra, cuối đời Lê vương, mới mờ xem, nước dãi chảy ra sân, hóa làm con giái đen, bò vào hậu cung, một người thiếp, tuổi còn nhỏ, gặp con giái, rồi tự nhiên có thai, đến đời Tuyên vương (con Lê vương), sinh một đứa con gái, sơ, vứt ra đường. Trước đó, Tuyên vương thường nghe có câu đồng dao : « Yêm hồ cơ phục, thực vong Chu quốc » : cung gỗ dầu, túi tên có sậy, thực làm mất nước nhà Chu, một hôm, thấy hai vợ chồng người mang cung gỗ dầu, túi tên có sậy đi bán rong, vua sai bắt giam, định giết đi, đêm, hai vợ chồng người ấy trốn ra được, nghe tiếng khóc đứa con gái bị vứt ở đường, liền ấm vè, rồi chạy đến ở nước Bao. Qua đời U vương (con Tuyên vương) nước Bao có người bị tội, bèn dâng con gái đó, tức Bao Tự, để chuộc tội. U vương yêu Bao Tự, rồi phế Thân hậu và thái tử Nghi Cửu, lập Bao Tự làm hoàng hậu, và con là Bá Phục làm thái tử, sau vua bị Thân hầu và dân tộc Khuyển nhung giết chết.

289. Phạt, hỷu : hình phạt và phù trì. Hai câu này nói mệnh trời tráo trở không thường, có đức thì phù trì, có tội thì giáng phạt, tiếp ý bốn câu « Hoàng thiên tập mệnh » đoạn trên.
290. Tề Hoàn : Hoàn công nước Tề, một vua há hùng cường nhất trong năm vua bá (ngũ bá) đời Xuân thu. Cứu hợp : do chữ « cứu hợp chư hầu », nói Hoàn công chín lần hội hợp chư hầu, làm bá chủ thời ấy (Hai chữ « cứu hợp », Quốc ngữ, Sử ký và Luận ngữ đều có chép, nhưng ở Quốc ngữ và Sử ký, thì nói cụ thể chín lần

hội họp, còn ở Luân ngữ, theo lời chú chu Hy, thì chữ « cù » đồng nghĩa với chữ « cù », « cù hợp » chỉ là tập hợp, hội họp thôi).

291. Thân sát : bàn thân bị giết, hoặc giải chữ « sát » đọc là chí, đồng nghĩa với chữ « thí », bầy tôi giết vua gọi là « thí ». Quán tử : Sau khi Quản Trọng chết, Hoàn công tin dùng bọn Dịch Nga, Thủ Diệu, Khai Phượng, được một năm, bọn này làm loạn, vây nồi ở cửa Hoàn công, đói khát cho ăn, khát không cho uống, cuối cùng, Hoàn công phải kéo một tấm da tý bọc lấy đầu mà chết (Hoàn công chết như thế, tuy không ai giết, nhưng cũng coi như bị bọn bầy tôi là Dịch Nha giết chết, nên nói là « thân sát » hay « thân thí »). Hoàn công trước tin dùng Quản Trọng, mà dụng nên bá nghiệp, sau tin dùng bọn Dịch Nha, Thủ Diệu mà chết đói khát, thi thể không được khâm liệm (Hoàn công chết, các con tranh ngôi, đánh nhau, đè thi thể ông nằm đó 67 ngày, bọ bò ra ngoài cửa), trước sau chỉ là một người, mà vừa hung, vừa vong, đã được mệnh trời phù trì, lại bị mệnh trời giáng phạt; thật là một sự việc đặc biệt trong lịch sử, nên tác giả nêu ra ở đây.

Đoạn thứ mười bốn, nói về việc Chiêu vương, Mục vương, U vương, thời Tây Chu suy vi, và đặc biệt là việc Tề Hoàn công, thời ngũ bá cường thịnh.

292. Bành Khanh : tức Bành Tồ, họ Tiên, tên Khanh. Thần tiên truyện : Bành Tồ giỏi phép đạo dân, đói vua Nghiêng, được phong ở đất Đại bành, đến cuối đời An,

- đã 767 tuổi mà chưa suy yếu. Thể báu : Đời Ân, Bành Tồ làm chức thủ tang sứ, đời Chu, làm tri phủ sứ, thọ 800 tuổi. Châm tri : châm là điều hòa món ăn, châm tri là điều hòa canh thịt chim tri. Truyền thuyết ; Bành Tồ khéo nấu món ăn, từng dâng thượng để canh thịt chim tri, được thượng đế hưởng, rồi cho tuổi thọ.
293. Trường : bảo dưỡng, nói Bành Tồ bảo dưỡng cách nào mà giữ được tuổi thọ như thế. Bốn câu trên, tác giả có ý thương悯 mình tuổi đã già, mà còn bị đầy ái, chưa về đê giúp nước được.
294. Trung ương : như nói trung thò, chỉ nước Trung quốc. Mục : chấn dân, trị dân.
295. Hậu ; vua các nước (chỉ bấy nước thời chiến quốc).
296. Phong nghỉ : ong kiến.
297. Cô : bền vững. Ý nói : ong, kiến là loài vật nhả, còn có sức giữ vững tò, hang, không để vật gì xâm phạm đến, huống chi một quốc gia. Bốn câu trên, tác giả có ý đau thương về việc nước Sở thường bị thua quân, cắt đất với nước Tần.
298. Kinh nǚ : hoảng sợ về lời nói người phụ nữ. Thái vi : hái rau vị (thú rau giống rau đậu nhả, thường dùng nấu canh ăn), chỉ Bá Di, Thúc Tề.
299. Hựu : giúp đỡ, nuôi dưỡng. Sử ký : Bá Di, Thúc Tề là hai con vua nước Cô trúc (chu hầu đời Ân), khi cha chết, dặn lập Thúc Tề, nhưng Thúc Tề nhường Bá Di, Bá Di nói : Phải theo mệnh cha, rồi bỏ trốn đi, Thúc Tề cũng không lập mà trốn đi theo ; khi Vũ vương đi

đánh Chúa Trụ, Di, Tề giáng cương ngựa mà can ngăn, sau Vũ vương thắng Trụ, diệt nhà Ân, lập nên nhà Chu, Di, Tề không thèm ăn thóc lộc nhà Chu, tới ăn ở núi Thú dương, hái rau vi mà ăn, rồi chết đói ở đó. Tiêu Doãn Nam Cồ sứ khào : Bá Di, Thúc Tề hái rau vi ở núi Thú dương, có người phụ nữ bảo rằng : Các người không ăn thóc lộc nhà Chu, nhưng rau này cũng là cây cỏ của nhà Chu, hai ông liền nhịn đói mà chết. Liệt sĩ truyện và Quảng bá các vật chí : Bá Di, Thúc Tề nhịn đói ở núi Thú dương, trôi sa i con hươu trắng tới cho bú.

300. Bắc chí : phía bắc tối, núi Thú dương ở phía bắc, nên nói « bắc chí ». Trang từ có câu : « Bắc chí Thú dương chison » : bắc tối núi Thú dương. Hồi thủy : dòng nước bắt gãy khúc, tức Hà khúc, chỗ sông Hà bắt gãy khúc, khi chảy qua chân núi Thú dương. Đây nói hồi thủy, tức nói Thú dương.
301. Tụy : trú ở đáy. Hỉ : ua thích : Bốn câu trên, tác giả có ý thương minh sẽ lâm đến bước đường cùng như Bá Di, Thúc Tề.
- 302, 303. Huynh, đệ : anh em vua Cảnh công nước Tân Phệ khuyên : con chó hay cắn, chó dữ. Chương cú : Tân. Cảnh công có con chó dữ, em là công tử Châm muốn xin, không cho, muốn đòi trăm cỗ xe, cũng không nghe, rồi đuổi Châm chạy ra nước Tân, mà cướp lấy tước lộc.
304. Bách lượng : trăm cỗ xe.
305. Vô lộc : mất hết tước lộc. Bốn câu trên, tác giả có ý đau thương về việc Hoài vương bị Tân dù sang Vũ

quan, bắt phải cắt đất, không biết Tần vốn là một nước khi trá, tình anh em cốt nhục, còn không dung nhau, huống chi Sở với Tần, chỉ là nước hòn nhân, không thể tin cậy được.

306. Ngô : tên một nước đời Xuân thu, ở phía đông nam Trung quốc. Hát cõ : như nói chung cõ, hàm ý truyền đời.
307. Nam nhạc : tức Hành sơn, một trong năm núi lớn (ngũ nhạc) của Trung quốc, Hành sơn ở phương Nam, nên gọi Nam nhạc chỉ : tới đó. Ngô Việt xuân thu: Thái Bá, Trọng Ung (có sách chép là Ngu Trọng), hai con vua Cõ công, biết ý cha muốn truyền ngôi cho con út là Qui Lịch, nhân khi Cõ công bị bệnh, hai người nói thách là đi hái thuốc ở Hành sơn, rồi tới mải miền Kinh Man (gần Sở, Việt), dựng nước ở đấy, gọi là Câu Ngô (nước Ngô mới từ Thái Bá, trước chưa có). Đây nói : danh hiệu nước Ngô được truyền đời, là do cõ Thái Bá đi hái thuốc Hành sơn rồi tới đó mà lập quốc.
308. Khứ tự : bỏ nơi đó, chỉ Nam nhạc, Ý nói Thái Bá, Trọng Ung có tới Nam nhạc, nhưng rồi lại bỏ đi Kinh Man.
309. Lưỡng nam tử : hai chàng nam tử, hàm ý hai người hiền đức, chỉ Thái Bá, Trọng Ung.
310. Huân Hợp : Hợp tức Hợp Lu, vua nước Ngô, Hợp Lu có nhiều công lao, nên đặt là « huân Hợp ». Mộng : tức Thọ Mộng, ông nội Hợp Lu. Sú ký : Khi vua Ngô Thọ Mộng chết, thái tử Chu Phàn kế ngôi, rồi truyền cho

hai em là Dư Tế và Di Muội, tiếp đến con Di Muội là Liêu, khi ấy, Hẹp Lư, con Chu Phèo, là đích tôn, không được lập, bèn ngầm khiển Chuyên Chu đâm chết Liêu mà tự lập, rồi dùng Ngũ Tử Tư, đem quân phá Sở, tiến vào kinh đô Rinh, lại chinh phục các miền Ty Lư, Ba Thục, uy danh chấn động cả nước Trung quốc. Sinh : theo Tường Ký, chữ « sinh » đây có thể giải như chữ « tính » là cháu, (Kinh Thi có chữ « công tính » chỉ cháu Văn vương), « Mộng sinh » là cháu Thọ Mộng, chỉ Hẹp Lư.

311. Tân vong : như nói lưu vong, chỉ khi Hẹp Lư chưa được làm vua.
312. Tráng : tuồi trưởng thành (sóng với chữ « thiếu » là tuồi nhỏ ở trên). Vũ lê : như nói vũ dũng.
313. Nghiêm : uy nghiêm, uy phong, Tám câu trên, nói việc nước Ngô, tác giả có ý đau thương cho Hoài vương không biết tự cường, làm được công nghiệp hiền hách như Hẹp Lư.
314. Quang : tên Hẹp Lư, thường gọi công tử Quang. Tranh quốc : tranh nước, chỉ sự Hẹp Lư giết Liêu mà tự lập.
315. Hoàn xuyên : dào bới quanh khấp. Lư xã, khâu lồng : làng xã, gò núi.
316. Tú Văn : tên tự của Đấu Cầu Ô Đồ, lệnh doãn nước Sở, Tú Văn là con Đấu Bá Tì, khi mới sinh, người nhà đem vứt bỏ ngoài nôi, hổ đến cho bú, nên lại đưa về nôi, sau làm lệnh doãn (tề tướng), giúp Thành vương sửa đổi chính sự, chấn hưng uy thế nước Sở, Ý nói :

muốn đào bới khắp nước Sở, từ trong làng xã, đến ngoài gò núi, để tìm kiếm cho được người hiền tài như Tú Văn xưa. Bốn câu trên, tác giả thương cho nước Sở khi ấy, đang bị Tần áp bức, xâm lăng, có thể có cuộc đánh vào kinh đô Rinh, như Ngô phá Sở khi xưa (nhắc lại việc Ngô Quang), mà bọn chấp chính Tú Lan lại là bọn hù bại, gian tà, làm lầm lỡ việc nước, nên muốn tìm được người như Tú Văn để sửa đổi nội trị, chống giữ ngoại hoạn, làm cho nước Sở cường thịnh lên.

317. Đồ ngao : hiệu của Hùng Gian, con Văn vương Hùng Ti nước Sở, Văn vương chết, Hùng Gian lên kế ngôi được ba năm, bị em là Hùng Uân (tức Thành vương) giết chết mà tự lập. Người Sở gọi những vua bị giết, không thành vua, và không có tên thụy là « ngao », đây Hùng Gian bị giết, không đặt tên thụy, nên gọi là « Đồ ngao » (Hùng Ti, Hùng Uân đều có tên thụy là Văn vương, Thành vương, còn Hùng Gian không có, chỉ đặt cho một cái hiệu như thế thôi). Đây mượn việc Đồ ngao để ám chỉ Hoài vương.
318. Bất trưởng : không dài, không được bao lâu, nói thời gian làm vua của Đồ ngao. Hai câu trên, tác giả thương cho Hoài vương bị Tần dụ vào Vũ quan, sẽ chết ở đó.
319. Thị thượng : thị là dùng, thượng là vua, nói dùng sự can gián đối với vua Sở. Tự dụ : tự mình.
320. Trung danh : cái danh trung trực, chỉ sự can gián. Hai câu trên, tác giả thương cho Hoài vương không nghe

kết cản gián, làm cho đế nước Sở suy bại, có nguy cơ diệt vong, nên thốt ra một ý nghĩ : không muốn mình được tể danh trung trực là cái hư danh, mà quốc gia phải chịu họa diệt vong là cái thực họa, lời nói thật phẫn uất, đau thương !

321. Bạc mờ : chiều tà, lúc mặt trời sắp lặn. Bạc mờ lối điện : tả cảnh trời khi ấy đã xế chiều lại có sấm chớp.
322. Qui : đường vè. Ý nói : nếu được trả về phùng sự vua, thi dù hành trình gian truân, trời chiều, sấm chớp, cũng quyết ra về, không quẩn ngại gì.
323. Nghiêm : uy nghiêm, đây dùng chỉ vua. Phùng : phùng sự.
324. Đẽ : thương đẽ. Cầu : trách phạt. Bốn câu trên, tác giả thương minh không được trả về phùng sự nhà vua.
325. Phục nặc : náu náp. Huyệt xù : ở nơi hang hốc, chi cảnh đi đây ở Giang nam.
326. Vẫn : nói năng. Hai câu trên, tác giả thương minh bị đây đi một nơi hoang vắng, không còn nói năng, cản gián gì được nữa.
327. Kinh huân : nước Sở trước gọi là - Kinh -, huân là cầu công. Tác sư : dấy quân, như nói động binh. Ý nói nước Sở thường dấy quân mà cầu công. Sử ký : Tân sai Trương Nghi sang Sở, ước Hoài vương tuyệt giao với Tề rồi, sẽ hiến đất cho Sở, khi vương tuyệt giao với Tề rồi, Tân không cho đất, vương cả giận, đem đại binh đánh Tân ở Đan chiết, lại đánh ở Lam diền, đều bị thua lớn.

328. Hà trường : sao được lâu dài, nói sẽ bại vong. Hai câu trên, tác giả thương cho Hoài vương thường phẫn nộ mà động binh với Tần, làm cho nước Sở ngày một suy nhược, dẫn đến bại vong.
329. Hai câu trên, tác giả hy vọng vua Sở mau chóng hồi lỗi, sửa đổi chính sự, cứu vãn tình thế nguy vong của nước nhà.

Đoạn thứ mười lăm, hồi việc nước Sở và bản thân. Tác giả thương cho nước Sở khi ấy, chính sự hủ bại, đen tối, có nguy cơ diệt vong, mà mình thi tuồng đã già, lại bị đày đi nơi xa, không còn nói năng, can gián gì được nữa, chỉ mong vua Sở biết hồi quá tự tàn, mau biến nước Sở nguy vong trở thành nước Sở cường thịnh.

屈原著

桂

蘭

楚辭

良皇珥琅玕芳播散故歌倡眼堂會康
一辰上玉琳玉瓊蘭樹安浩姣滿繁樂
歌太兮兮兮兮兮兮兮兮兮兮兮兮兮
九皇日輪劍鳴席祀蒸酒挹節憇宴昇音啟
東言將長鑰瑤將青枝揚綺竽笙鼙五欣
移撫琨盍蕙莫疏疎靈芳君

明雷蛇上懷人歸
既乘委將顧娛忘
兮兮兮兮兮兮兮
岐輶旗息徊色愴
夜駕載長心羌輶

始

四

震狼降雙翻行
覽天倫桂馳東
白射反酌高以
兮兮兮兮兮兮
衣失弧斗樂冥
雲長余北余冥
青舉櫟棲撲奇

君中雲

英留共宮光 章降中餘窮息懶
若就來壽齊服 周既雲有焉太懶
分分分分分帝分分分分分分分
衣峩照爐月分游皇攀州海君心
采蓮照將日駕輞皇遠冀四夫勞
華靈爛塞與龍聊靈哉覽橫思極

湘君
夷中宜杜無安來誰北
洲修舟波流來恩征
不誰要吾汎江先參職
君賽美沛令使望吹鶯

庭綱
洞慈旌極揚極爲大
兮兮蘭兮兮未兮
道輔兮陽江兮娛
垂芳桃塲大宣嬪
遭辟旂望橫揚女
中未勞絕
涕君兮兮荔容同甚兮兮忠信
流恩耀冰祥笑不不懶龍不不
橫隨桂斂采攀心恩石飛文期
長余閒皋渚
怨告不江北上
驚節兮

中浦若女侍與
下江澧杜下再客
堂兮兮兮兮兮
兮歎佩洲遺可遙
周余余等以不適
水捐遺采將時聊

下 蘭言
清子 菓望張中上有故 深中商江
人北愁風木驛夕蟻木澧未望澑庭水分
夫兮兮秋兮兮兮兮兮兮兮兮兮兮兮兮兮兮
降眇兮波蕩期萃爲芷子兮水食爲余
湘子眇嫋庭白佳何何有公忽流何何馳
帝日嫋洞登與烏曾沅思荒觀麋蛟朝

余遊
堂
房惟張
著
庭門迎雲中滴者得與
涇
石
並如江灘杜遠驟客
濟
佳
勝
室
之
壁
芳
棟
夷
薜
蓮
玉
石
萬
之
百
芳
疑
之
余
余
汀
以
不
適
夕
闌
時
築
并
渠
桂
草
開
瓣
白
疏
立
綠
合
建
九
室
捐
遺
墓
將
時
聊

命門雲驅塵下女丹予
天門玄先灑以從九在淵
分門陰連坑
安門御齊九被離陽
分門余瑤離既愈
分門所華居極曉
分門離既愈
分門轔冲天
分門轔冲天
分門知麻遺肉近
分門折將老不乘
分門高車桂枝全
分門处停

人
既當爲
慈何無有
全康全分
是全今命合
愈人若人雖
羌愁願固孰

子美答
成辭旗離知道
自不雲別相而
命無下枝襲有慙奇筮人分出載生新夢忽郊
司虞堂烹分自分青紫美余分分分分蕙分帝
分分分分以分分分與言風悲樂分未分
少蘭生蒸維人何蘭葉堂獨不回莫莫衣而宿
秋羅綠萼夫蓀故綠滿忽入乘悲樂荷燈夕

際之池雲咸陽未浩落撫推屬民正
誰女安美風蓋九天倒宜獨蓮
君與睇望臨孔登竦

伯九水荷駢四浩帳寤龍珠水逐文魚
河揚蓋螭望蕩忘懷堂宮中
遊起車龍蕃揚幕浦星闕為龜遊分
女風水雨荒飛將按鱗貝何有女
興衝乘駕登心小惟魚紫靈乘興

下
來行浦
迎予
時東南來
予人滔鱗
交美滔鱗
子送波魚

鬼山

阿羅笑宛顏旗衡思不天
來上下晦雨歸予
之女宜密文桂杜所終見後之在畫靈忘華
山蒂又善從結蒂道分
鬼山蒂又善從結蒂道分
人萬勝余豹平蘭馨坐
有薛含慕亦夷石苦處
若被旣子乘革被折余
難立安冥飄脩晏
路表雲表東留歲
險獨容冥風靈既

問蔓歸聞若相作冥鳴前憂
山蔓忘得松疏冥夜萬離
於萬悵不芳陰然雨枝木徒
兮兮兮兮兮兮兮兮兮兮
秀姦子找人泉我填秋楓子
三茲公恩中石恩中石恩中
東石恩君山恩君雷復風恩

殤

國甲接雲先行傷馬鼓怒野反
屏兵若草余刃四鳴靈原不
殤被短敵士躍右擊擊威棄在
兮兮兮兮兮兮兮兮兮兮兮
吳戈數日墜陣墜輪袍憇盡八
英錯蔽交余驟雨玉時殺不
撃車旌矢凌左霍援天嚴出

遠弓懸武陵靈雄
起秦不以可以鬼
路扶心又不神爲
兮兮兮兮兮兮兮
忽劍離勇強死毅
原長身既剛既魄
平蕩首誠終身魄

禮 魂

與古
禮芝女蘭無
咸傳姱春長

一
眉

後讒往所
得於乃有
不障從余
年故所曰之
拂亂。鄭先生
三而知尹次第
故忠不虛生端
既盡亂。鄭先生乃
原知慮卜固子
屈竭煩太顧詹
見心見疑。

將何以教之。

曰吾寧惆悵故故朴
屈原乎。將送往聲來斯無
窮乎。

寧誅鋤草茅以力耕乎。
將道大人以成名乎。

寧正言不諱以危身乎。
將從俗富貴以媿生乎。

寧超然高舉以保真乎。
將吸粟斯嘔嗰噏完以事

婦人乎。寧廉潔正直以自清乎。

將突梯滑譎如脂如韋以潔
體乎。

寧昂若千里之駒乎。
將記如水中之鹿與波上
下偷以全吾軀乎。

寧與驥驥元輶乎。將隨
鷺乎。

寧與之迹黃鵠乎。比翼乎。將與
鵠乎。

此孰吉孰凶。何去何從。
世溷濁而不清。

蟬翼爲重。千鈞爲輕。

黃鐘委棄，張良無名。
謠人高歌，豈知音。

良曰：長不所之事。
康謝所所有君此事。
善策寸智，達心能。
誰乃所不有？誠明。
夫物有數，通不意。
君子有所有，君誠明。
不意，則能。

漁父

屈原遊於江潭，形憔悴而色慘。問之，故曰：「漁父見大夫敗，何故？」子雲曰：「三閭大夫，至於斯。」

屈原曰：「舉世皆浊我獨清，眾皆醉我獨醒。是以見放。」父曰：「聖人與世殊，不惟其泥而不

不故，沫振受魚之乎，樵水浪足，醉醕，故之者察江浩埃鼓之滄吾皆其令聞洛之乎，蓋以之而滄吾以與人敵自吾新身者流能僥覩曰灌可復來而舉曰冠以汶湘安世先歎以今不波摺高原蟬能泣赴中蒙父乃可渭去其真恩臣必安之寧腹而漁去兮，水遂揚舖深者衣，物之白，而清之。

雜記

帝賜攝惟皇舉名
高皇提皮覽錫余曰
陽考貞宣揆余曰
之曰於吾余以止
苗柏孟以於嘉則
裔庸陬降初名兮
兮兮兮兮兮兮兮

美分 分與分 分 分也分
肉能芷佩及吾蘭笄連序落暮祇度鵠路
均此脩辟爲不不木宿不代零遲幸此馳先
靈有以與以將之之其其之之而半以夫
曰既之離蘭若歲既洲忽秋木人壯改驥尊
余吾重江秋余年攀攬月與草美換不驥吾
字紛又扈緝汨愁朝夕日春惟愁不何來未

分分分分
粹在桂蕪介路
純所蘭蕙耿得
之之與夫之而
后茅椒組舜道
三象中惟堯遵
昔固難冀彼既

步樂 分
被窯偷墮殃績後武中怒 分
搘以之險憚敗先踵之齊塞爲之爲改城有丈數之百榜苦此
之授人以之以之余而塞能以脩以而余而難之蘭之與與之
討撫黨昧身輿走王案謹知不天靈昏道與造不脩淫慾裏衝葉
桀唯夫幽余皇奔前不信固而九唯黃中旣悔旣靈旣樹留杜故
何夫惟路豈忽及荃反余忍指夫曰羌初後余傷余又岐離冀

羈羈兮
兮悔兮
眉淫兮
兮時兮也
兮安
涕艱以替蠟芷
善末蕩心蛾
善以錯曲度
儻此亡態兮然周相
掩多衿夕蕙攬所猶
浩民之以工改進爲俛乎流此群圖能而
以之脩而以以之其之夫余余之而以以余固以爲不兩之道
息生好卒余之心死脩瘵嫉謂俗軒墨容邑窮死恩之世圖異
太民雖朝替中余九靈不女詠時規繩周鬱獨澁不鳥前方孰
長哀余寧既又亦雖怨終永謹固恤背競恍吾寧余驚自何夫

少子
志班
死所
以之
而白
而有
心尤
清前
固伏
恩屈

兮兮息兮厭兮兮兮
察反路遠臯止尤初衣裳已芳度離襟木目覽錫
不將復未蘭离離吾爲爲亦信岌陸離猶游四繁
之吾以之於且以脩以以其其之其其以乎其
道乎車迷馬丘八復荷蓧知情冠佩澤質顧婉紛
相停朕行余慨不將芟矣吾余余與昭反往續
悔延回及步馳進退製集不適高長芳惟惠將佩

兮常變兮
章樂爲未憊
而所以猶可
其有婚否之
並各好解心
余雖余豈

兮身野修兮
忘之好節宣服兮
中朋不中茲征詞歌縱
媛余以賄而姱盈不說之好而節歷南陳九歌
之其婢妓博有範離可察舉覺寤心湘華辭娛以自縱
嬪中雖然何獨棄獨不孟並何前憑沅重九康娛以自縱
申曰終汝紛資判采孰世夫依喟濟就啓夏

聽

卷之三
後家敗孤終家困志墮兮缺兮長歎差能頤兮輔成土兮極
國乎供封鮮厥茲恩自顧違逢醜不祇莫櫟不阿錯以下後計
而失以支其夫服不而平常而道之而而而私焉哲此顧之
難用遊射流貪被而娛用之焉之用饑道才墨無德聖用而民
顧子淫好亂又身欲康首桀遂率衆焉論噴繩天民惟將前觀
不五罪又圖滅澆繼日厥夏乃后殷湯周舉稽皇覽夫苟瞻相

用分
而可服死未
而可危
義而其其而以余之以之
非善身初鑿
孰陷覽不
余量前敵
曾哀慨
余謀
余之
浪

詞分
以驚征格固
以此以余於半此其和而其下
陳中乘上蒼靈將弭勿修而遠求
社得此風輶至留忽義
跋玉堵發吾少忽命
朝夕欲日吾望
索

桑日早驅屬歲未晴
扶拂相先齊先以飛夜
乎以以便位余余鳥日其而其其闔而其而濟而以之此
轡木遙舒康爲告風以毛寬總離帝闔峻蘭濁美將風顛丘遊
余若逍遙飛皇師今之風雲總陸令闔嗟幽澗蔽吾闔反高吾
總折聊前後驚雷吾繼飄帥紛班吾倚時結世好朝盤忽哀溢

佩落詔雲在言爲合適不盡做逆禮求極乃塞女分好分巧疑
繼未可乘所結以離難竊消驕淫無改四余偃侯媒不逝他扒
以之之隆之以脩其其於乎以以而而於天之之爲以鳴其而
枝華女豐妃纏蹇總躉次髮美娛美棄觀乎臺城鶼余之惡豫
瓊榮下令憲佩令總緯歸澠厥康信達相流璫有令告鳩猶猶
折及相吾求解吾紛忽夕朝保日雖來覽周望見吾鶼雄余心

分之合 分
尊古有之大女無女
箕余必慕博有而鮮
以為其而之其道而
茅氣美脩此是遠美
夏靈兩信尤惟勉求
索命曰孰思哉日孰

兮惡兮異兮佩未得兮
草字曜善同獨要可猶當兮
芳故茲之不其盈不其能充不之孤降兮
無乎以余其人以其本之以其氣而夕而其吉疑兮
獨懷琳察惡黨艾蘭草美壞椒靈豫將糈兮
世孰民惟此服幽察理冀申從措心兮
謂欲心兮咸懷百神兮
謂欲心兮九疑兮
謂欲心兮九皇兮
謂欲心兮告余兮
謂欲心兮曰求兮
謂欲心兮求湯兮
謂欲心兮擊禹兮
謂欲心兮蘇而能調兮

此今籩韶樂戲鄉懷行哉知都美之
委節邀舞媿赫轡馬不矣我故爲咸
之弭之而以之夫余而已其乎與彭
旗而馳歌日皇晚悲顧人懷足從
雲志高九假陞臨夫尚曰無何莫將
載却神奏聊陟忽僕躋亂圖又旣吾

九 章

兮兮兮喜兮
服國志可轉
殊南壹其眾
橘橘生更紛
樹遷徒榮棘
嘉不難素刻
皇命固葉枝
后愛深緣會

少子醜求流過分分理分像
爛道不異可無不失地友有長爲
章任而以不其而不天長其師以
文類於有豈廓橫終參與梗可置
櫟白修志遷徙立慎私謝謹少夷
難內宜幼不難獨自無井不雖伯
黃色經爾立固世心德歲離歲比
青精紛嗟擗深蘇閑東顧歲年行

惜 誦

少之正中服御直
愍情言爲折嚮備聽
致抒而以使與以使
以以忠天帝神川繇
誦憤非簷五六山咎
惜發所指令戒俾命

公分身也。公分他也。忠貪公門罰志越哈
事贊指知可不若不而所無所豫也。無道我賤賚之過所顛所
誠群媚君行貌臣證先人君兆而可君禍其身而知罪余群兆
竭忠離僕明與相以誼。衆惟衆心不親。招君忘君不何非不衆
忘待言情故所以吾羌專又壹羌疾有想忽事迷忘亦行又

今
少
子也少情而詰
離也少情而詰
達白然中然路余吾感性
以釋而莫余不而而又之之
尤可抑而邑察言志默號條督
達不沉凝鬱莫煩陳靜呼佗
紛塞情又心又固顧追進中中

分寄分可分 分 分
今杭之無異不金殆盡也天
天無吉而離而鑠逢吹志登
登而神極以思其而而此尚
夢道屬志獨可口是莫變階
余中使有危君泉若於不釋
昔魄吾曰終日故初懲何欲

猶有慕遠之心也
又同極何以而此路也
又何以生此孝子也
晉父行直而好也
父行誠功用而不就

吾聞作忠以造怒也
忽謂折臂信其然也
九善增臂其上也
至弋羅張辟君所也
顧欲恐君而失恩也
欲置君而失恩也
蓋志堅而無橫也

人言期畔志好姱信怒察敢進愬辭闈媚患耿亡寒光儀至
美成爲回他美修不造自不冀怨陳不爲之庸之可爲爲不
夫我以而此其其而而而而而之以而之我陳其斯之以以而
遺與晉道有以以言余間悼猶傷情聲人以所今樂美五咸極
鑄昔曰羌反檮覽與蓋願心悲心歷蓀固农初豈何願望指夫

勸分作報復。思正好聽。難來虛有有。抽無美不。而外以而而。之而其而。間由可施植。曰人夜以辭。南北麗此而媒。而而而而之之之。自漢佳處獨良遠。申山水夏明路。遠不不無不歌美。日吾朕曰烏集。姱獨憐無卓。自北流孟晦鄭。故善名孰孰少與。并擣故偶。有來好辟既。又道願望臨。望何惟。

魂一夕而尤逝
曲星得營兮
南顧徑路之列
魂識路與之之不
何靈心而不知吾
人理而尚不知吾
亂曰

長瀨湍流潭蛇
狂飈南轍以吾隱
軒石回輶度北涉
超輶夷音猶容兮
愁路遠心作不處
憂道憂兮

思美人兮

昭兮詔兮情達雲將辭當兮詔俗志慤化考爲兮
而薨發中莫浮不致難盛致從屈離未壽可兮
辟阻結煩不舒而於而而而靈而而而攜而之兮
而路可之而以範言隆鳥高之鳥節初年心閔易兮
涕絕不賽滯旦沉寄豈歸迅阜玄變易歷馮隱兮
肇媒言塞申志願遇因羌高遺欲媿獨羌寧何兮

知前輒此度不遂兮
未改既覆馬顛兮
賽獨懷此異路兮

今之驅時限期更操勿須西爲而我而以之以驥爲次日家黃驥父遠微端續勒造遷聊指與

悲同風

悲回風之搖蕙兮
心冤結而內傷

性偶造忘可長群苦別章故苦都既及羊惑明
微隱彭食其僞鳴此鱗隱憐幽人世志雲志詩
有有何志變虛歎且革龍茶佳統遠浮渺介竊
物聲夫暨萬孰烏草魚皎故蘭惟更眇憐介竊

還隱聞今
不不所
而而之
出恩咸
子能彭
被孰照

分 分得分解分 分 分爲量軒分娛
望然應可快可闌締娘儀感可可可悲可
遠默無不無不不自無無相不不不常不
以之之而之而而而之之而之之之之之
密眇響想鬱戚羈轉眇芒隱純漫綿悄冥
石眇景省鬱戚鞶綠眇茫有漫綿悄冥
登路入闇愁居心氣穆林聲物邈縹愁翩

今一岸頗虹
嶺標據巖之
冥晚雌高處據

天涼霽息暖霧江磕湖經紀徒止下右後期仍積下擊來策存
而之之以以以以之之之之之之之之之之之之之之之之之之
忽露霜穴窟畚山滿聲容芒洋移翻遙滿張炎煙霜潮光黃介
僵湛凝風傾崑岐涌波容芒洋委翻遙滿張炎煙霜潮光黃介
遂吸漱依忽渴隱憚體紛罔軌馳漂翼記伴覩窺悲聽借施求

冀寧公之遨海道諸迹聽益解釋
之遨入自洲抗不何不不
昔之而而之之而之而而
往者淮胥河徒君石結產
伯調著大彭曰忽來江子大中諫重鮑蹇
見心刻淺託亂吾憐浮從望悲驟任心愚

涉江

兮兮璐
服衰離嵬寶
奇不陸在佩
此而之之兮
好老鍼雲月
幼旣長切明
余年蒂冠被

分知顏蠟瑤之圓
余不白兮玉英
莫而跡遊食同齊吾知兮
而馳兮華兮玉詩光吾知兮
高此重兮地兮玉詩光吾知兮
吾駕吾與峩天日月寃莫江湘
吾與峩天日月寃莫江湘
登與峩天日月寃莫江湘
與寃莫江湘
且余濟安南

分反緒山方上擊不進湍兮
來郢諸風阜林沅汰進湍兮
欽秋冬馬車船兮余以而不凝兮
步郢余余船兮與水枉其端何傷兮
乘齊矣容兮而而渚夕直傷兮
船容兮而而渚夕直傷兮
淹回發兮其端何傷兮
朝發兮其端何傷兮
苟余僻兮遠之何傷兮
雖離兮遠之何傷兮

八激浦余僵徊兮
迷不知吾之所如

深林杳以冥冥兮
乃後狹以所蔽兮
山峻高以蔽日兮
下幽晦以多雨兮
靈紛其無垠兮
雲霏霏而永矣兮
哀吾生之無樂兮
幽獨處乎山中兮
吾不能變心而從俗兮
固將愁苦而終窮兮

接與髡首兮
桑扈羸行兮
忠不必用兮
賢不必以兮
伍子逢殃兮
叱干蕩轔兮
與前世而皆然兮
吾又何怨乎今之人兮
余將董道而不豫兮
固將重寄而終身兮

亂曰
鸞鳥鳳皇日以遠兮

鵠巢堂煙薄兮兮兮兮兮兮兮
露中卒死兮兮兮兮兮兮兮兮
膳并御兮兮兮兮兮兮兮兮兮
陰陽易位兮兮兮兮兮兮兮兮
懷信旣忽兮兮兮兮兮兮兮兮

哀郢

命懃失兮兮兮兮兮兮兮兮
純震相退兮兮兮兮兮兮兮兮
之而東流兮兮兮兮兮兮兮兮
不遙亡懷行兮兮兮兮兮兮兮
天百姓數春兮兮兮兮兮兮兮
何氏難仲兮兮兮兮兮兮兮兮
方去故都兮兮兮兮兮兮兮兮
遵出江國兮兮兮兮兮兮兮兮
甲發招兮兮兮兮兮兮兮兮兮
招哀兮兮兮兮兮兮兮兮兮兮
望涕灑兮兮兮兮兮兮兮兮兮
過顧心憐兮兮兮兮兮兮兮兮

眇不知其所蹤兮
順風波以爲客兮
禹洋洋以爲之兮
凌陽輞而之之兮
忽心懇而之之兮
思將遙而之之兮
古終遠而之之兮
今遭來東兮

羌寧忘反恩兮
何背夏而之之兮
哀登鄭而之之兮
衰薄當而之之兮
曾孰西而之之兮
東門可蓋兮

少分涉復分
久接道可分不通感
長相迷不信而不舍
之莫之之不年而而
怡愁路夏去九鬢條
不與郢與若今鬱悒
心憂惟江急至慘寒

烏飛反故鄉兮
孤死必首罪而棄兮
信非吾而忘之兮
何日夜而忘之兮

懷沙兮
淵孟夏兮
草木永哀土兮
汨汨南者兮
離愁相兮
鬱結愁兮
撫情屈兮
軫長志兮
願鞠兮
抑抑兮

國兮
曷替兮
郁墨政兮
以末本兮
度初子兮
方度前兮
常易君兮
章畫圖未改兮

少少正
正盛斷權
質所不其
厚人往察
內大巧孰

固庸質不朴知余之分
文泉才莫知余積之分
也內余積之分
態疏知委余之分
也外余積之分

少豐過從並故兮慕兮彊連像兮將兮暮
義爲可之不何遠可念自不有次其哀大故
重謹重孰古豈知固知焉而遠心愁志路昧娛以
湯邈戀抑離顧追日昧憂憂以大故
仁厚華知固知焉而遠心愁志路昧娛以
重謹重孰古豈知固知焉而遠心愁志路昧娛以
也外余積之分

告潘沅湘分流泪兮

脩路艱道遠
懷質抱情深
伯樂生民定
曾子篤志成
世間莫知其
人心不可謂
明告君子子
吾將以爲願

惜往日

惜往日之曾
受命詔以昭
奉先功以照
明法度而立
國富強而法
屬祕事而載
雖過失而弗
心純而泄之

臣否明欺實愚濶之專尤信之潮流名昭案鑑信聊隱山處
待然聰以考弗測過無見誠備亥沉絕不弗輒袖不藏無為危
而其之又以而之而之而之而之而之而之而之而之於
憇激君誤驗臣說志臣譜景隱湘恩身君度草情亡望注里東
含清晦惠參遷謙氣貞難光繼沅自沒塋無等舒死障負百戶
君不輒虛弗遠信盛何被懲身臨遂卒恐君使焉怙獨使聞伊

公分
穆分
分
分
分
分
分
分
分
分
分
公佩

歌牛桓之味憂枯求禁游身之節疑實辭穀之故或蔽得賢可佩
朝飯與知弗後立進之優親哭死不接虛雖別卑不而日嫉不可
於而武而而而而爲之之而而而文其而之而明而之其不
屠歌湯云謙死忠寤山德故素信謹察人澤旦草降聽諛世若
望盛達孰信胥子君介大夫矯忠訖省謙與申芳霜不謙前蓮
呂賓不世吳子介文封報恩因或或弗聽若孰何微諫使自謂

妙佳治之芬芳兮
慕母較而自好兮
雖有西施之美容兮
謾妬人以自代兮
願陳情以白意兮
得遇見之日明兮
如列宿之錯置兮
乘輶轔膜而馳哉兮
乘輶轔膜而自下兮
無舟楫而以下自備兮
荷蓧度而心治兮
辟與此其無異兮
亂曰
李淹死而流亡兮
恐禍殃之有再兮
不舉辭而赴淵兮
惜塵君之不識兮

問之之道考極之傳由誰何能以誰何識之
曰遂古之下冥昧翼惟曾閭儀初形初天
明明闇闇陰陽三合惟時何爲化
圓則九重惟茲何功度之始營初作
斡維爲繫八往何當天極焉加
九天之際有闊隈多所安屬安其數
天月何所安屬二星安公微
出自夜殿利維何鴻谷晦德次所元則顧
腹在範又範幾又範記于行則顧

女歧無合
夫焉取丸子
伯強何處
惠氣安在

何闔而晦
何闢而明
角宿未旦
體靈安誠

屏號起雨
何以興之
摸體齊鹿
何以膺之

鼈載山抃
何以安之
蟬舟陵行
何以遠之

九州安錯
川谷何洿
東流不溢
孰知其故

東西南北
其脩孰多
山南北順橫
其衍幾何

崑崙縣圓
其尻安在
瑣城九重
其高幾里

四方之門
其誰從焉
西北辟啓
何氣通焉

日安不到 蜀龍何照

羲和之未揚 岌华何光

何所冬煖 何所夏寒
焉有石林 何獸能言

焉有龍虬 貂熊以遊

雄虺九首 懵忽焉在
何所不死 長人何守

靡薜九衢 雉华安居
靈蛇吞象 犀大何如

黑水玄趾 三危安在
延年不死 禽何所止

鯀魚何所
羿焉蹕日 蜶雺焉處
鳥焉解羽

登立爲帝
女媧有體 訓道尚之
軌制匠之

千歲時舞
平脣豐膚

何以懷之
何以肥之

不任汨鴻
食日何憂

師何以尚之
何不謀而行之

禡危曳衡
順欲成功

雖何聽焉
帝何刑焉

阻窮西征
化爲黃熊

巖何越焉
巫何活焉

咸播秬黍
何由并授

苗蕕是營
而孰疾脩盈

永過在羽山
伯禹腹鮀

夫何三年不施
夫何以變化

纂就前緒
何績初繼業

遂咸考功
而厥謀不同

洪泉極深
地方九則

何以寘之
何以贊之

應龍何晝

河海何歷

鯀何所營

禹何所成

康回遭怒

豐何故以東南傾

品

禹之力獻功

降省下土方

禹得彼嵒山女

而通之于台渠

閨妃匹合

厥身是繼

胡爲嗜不同味

而快麗絕

啓代益作后

卒然離孽

何啓惟憂

而能拘是逮

皆歸歛箇

而無害厥躬

何后益作革

而禹攝降

啓棘賓商

九辨九歌

何勤子屠母

而死分竟地

帝降夷羿

革孽夏民

胡歛夫河伯

而妻彼雄嬪

冯珧利決

封錦是綵

何獻薰肉之膏 而后帝不若

況娶純孤
何笄之駁革

膳妻爰謀
而交春揆之

白蜋嬰弟
安得夫良藥

胡爲此堂
不能固誠

天式從橫
大鳥何鳴

陽離是死
夫焉喪厥體

惟流在戶
何少康逐大

何求于嫂
而顛隕厥首

女歧維裳
何顛易厥首

而館同爰止
而親以逢殆

湯謀易旅
覆舟斟尋

何以厚之
何道取之

禁伐蒙山
媒媾何肆

何所得焉
湯何殛焉

綠鸞飾玉王
何承謀夏桀

后帝是饗
終以滅喪

帝乃降觀
何條放致罰

下達伊摯
而黎服大說

簡狄在臺
玄鳥致貽

鬯何宜
女何喜

舜閭在家
堯不姚告

父何以餻
二女何觀

舜服厥弟
何肆犬豕

終然為害
而厥身不危敗

昧弟並淫
何變化以作詐

危害厥兄
而後嗣達長

誣東季德
胡終弊于有扈

厥父是誠
牧夫牛羊

有扈牧豎
擊牀先出

云何而達
其命何從

恒秉季德
何往營班祿
焉得夫朴牛
不但還來

昏微遵迹
何繁鳥萃棘
有狄不富
质子肆情

咸湯東巡
何乞彼小臣
有莘寃極
而吉妃是得

水濱之木
夫何惡之
得彼小子
膳有莘之婦

湯出重泉
不勝心伐帝
夫何臯尤
夫誰使挑之

初湯臣摯
何卑官湯
後茲承輔
尊食宗緒

彼玉紳之躬
何惡輔弼
孰使亂惑
讒誑是服

厥萌在初
璜臺十成
何所意焉
誰所極焉

比干何逆
雷閭何順
而柳沉之
而賜封之

何聖人之一德
梅伯受醢
辛其異方
箕子佯狂

會鼈爭盟
簮鳥群飛
何踐吾期
孰使革之

列擊紂躬
何覩揆發
叔旦不嘉
定周之命以塗嗟

授殷天下
反成乃亡
其位安施
其罪伊何

爭遺伐器
並驅擊翼
何以行之
何以將之

櫟維元子
於之於冰上
帝何空之
烏何燠之

何馮弓挾矢
旣覽帝効激
殊能將之
何逢長之

伯昌號哀東鞭作牧
何令微彼岐社命有殷國

天藏就岐何能依
殷有惠婦何所譏

受賜茲醢西伯上告
何親就上帝罰殷之命以不找

師望在肆昌何識
鼓刀揚聲后何喜

武發殷殷何所愧
載尸集戰何所急

伯林雉經維其何故
何感天抑墮夫誰畏懼

皇天集命惟何戒之
受禮天下又使至代之

昭后咸遊南土爰底
厥利維何逢彼白雉

穆王巧梅
環理天下

夫何周流
夫何索求

妖夫曳術
周幽誰誅

何號於市
焉得夫褒叔

天命反側
齊桓九合

何罰何祐
卒然身故

彭祖斟雉
壽命永多

帝何饗
夫何長

中央共牧
蟲蛇微命

后何怒
力何固

驚女米粃
北至回水

鹿何祐
革何喜

先有噬犬
易之以百兩

羣何獄
辛無祿

吳獲追古
孰期去斯

南獻是止
得兩男子

熟聞夢生少離散亡
何壯武屬能流厥嚴

吳光爭國久余是勝
何環穿自闔社丘陵爰出子文

吾告堵敵以不長
何試上自予忠名彌章

薄暮雷電歸何憂
厥嚴不奉帝何求

伏匿穴處爰何云
荆棘熟作師夫何長
悞過改更我又有何言

Mục lục

	Trang
<i>KHUẤT NGUYÊN và tác phẩm của ông</i>	5
<i>Lời người dịch</i>	20
1. CỬU CA	21
— Đông hoàng thái nhất	21
— Đông quân	22
— Văn trung quân	23
— Tương quân	24
— Tương phu nhân	28
— Đại tư mệnh	27
— Thiếu tư mệnh	29
— Hà bà	30
— Sơn quí	31
— Quốc thương	33
— Lễ hồn	34
	463

II. BỐC CỨ	61
III. NGỮ PHỦ	68
IV. LY TAO	74
V. CỦU CHƯƠNG	139
— Quất tụng	139
— Tích tụng	141
— Trùu tư	144
— Tư mỹ nhân	148
— Bí hối phong	151
— Thiệp giang	156
— Ái sinh	158
— Hoài sa	161
— Tích vãng nhật	164
VI. THIỀN VĂN	228
<i>Chú thích</i>	290
<i>Nguyên văn chữ Hán</i>	389

Số Từ của KHUẤT NGUYỄN. Nhà xuất bản Văn học
In lần thứ nhất 15.200 cuốn, tại nhà máy in Tiến bộ
Hà-nội — Khổ 13×18,8 — Số xuất bản: 31 — Số in: 755
Xong ngày 20-11-1974 — Gửi lưu chiểu tháng 11-1974.

Bìa: VĂN CAO

Giá : 2 đ. 60